

Văn hóa võ hiệp

ÔN TỬ KIẾN



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Table of Contents

[CHƯƠNG I: KHÁI QUÁT VỀ VÕ HIỆP](#)

[CHƯƠNG II: THẾ GIỚI GIANG HỒ](#)

[CHƯƠNG III: XUẤT THÂN CỦA HIỆP KHÁCH](#)

[CHƯƠNG IV: ĐẶC TRƯNG TÍNH CÁCH CỦA VÕ HIỆP](#)

[CHƯƠNG V: THẾ GIỚI QUAN VÕ HIỆP](#)

[CHƯƠNG VI: NHỮNG MỐI QUAN HỆ LỚN CỦA VÕ HIỆP](#)

[CHƯƠNG VII: Ý NGHĨA HIỆN ĐẠI CỦA VÕ HIỆP](#)

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

ÔN TỬ KIẾN
Chủ biên

VĂN HÓA VÕ HIỆP

Người dịch:
NGUYỄN THỊ BÍCH HẢI

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

VĂN HÓA VÕ HIỆP

- Ôn Tử Kiến -

**NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
& CÔNG TY VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
PHỐI HỢP THỰC HIỆN**



CHƯƠNG I: KHÁI QUÁT VỀ VÕ HIỆP

Từ “Võ hiệp” được dùng trong hai lĩnh vực: một là võ hiệp trong xã hội - lịch sử, hai là “võ hiệp” trong văn học.

1. Trong xã hội

Võ hiệp là võ sĩ tự do trong xã hội truyền thống Trung Quốc. Đặc điểm của họ là thường tế khốn phò nguy, lấy sức mạnh để diệt trừ bạo lực, không quan tâm đến chuyện sống chết.

Đoàn Ngọc Tài trong sách “Thuyết văn chú” đã giải thích: “Chữ “hiệp” vốn là chữ “giáp”, một chữ tượng hình người mang áo giáp. Có thể thấy “hiệp sĩ” tức chỉ kẻ sĩ mặc giáp, cũng tức là “võ sĩ”, Hiệp sĩ cũng là người coi thường sự sống chết, dám liều mình”.

Chữ “võ” chỉ việc can qua chinh chiến, nhưng nghĩa gốc của nó là “chỉ qua” (tức dùng chinh chiến). Có thể thấy hiệp sĩ mặc giáp cầm binh khí xông pha chiến trận để thực hiện hòa bình.

Từ “hiệp” xuất hiện đầu tiên trong sách “Hàn Phi Tử”. Thiên “Ngũ đồ” (năm loại một) trong sách “Hàn Phi tử” viết rằng: “Nho lấy văn làm loạn phép, hiệp lấy võ phạm cấm”, “những kẻ ấy mang kiếm, tập hợp đồ thuộc, lập khí tiết để được nổi tiếng, vì thế mà phạm cấm lệnh của vua quan”; “cần loại bỏ bọn dân ương bướng không kính trọng bề trên, không sợ pháp lệnh. Vậy mà có kẻ lại dung dưỡng bọn du hiệp, cứ như thế thì nước không thể yên ổn được”. Trong thiên “Lục phản” (sáu điều trái ngược) Hàn Phi Tử [\[1\]](#) lại viết: “Những kẻ cầm kiếm giết người là loại dân hung bạo, nhưng người đời lại đề cao họ, gọi họ là kẻ sĩ dũng cảm cứng rắn. Những kẻ cứu sống giặc, che giấu bọn gian - đó là dân đáng chết, vậy mà người đời lại đề cao họ, gọi là những kẻ sĩ nghĩa hiệp.”

Từ những cứ liệu trên, có thể thấy võ hiệp đều là những người giỏi võ công, vân du bốn phương, chủ yếu làm việc ám sát, dám mạo hiểm, lại lấy việc chống lại pháp lệnh quan phương làm tiêu chuẩn giá trị; loại tiêu chuẩn giá trị ấy lại được sự khẳng định và tán thưởng của nhân dân tầng lớp dưới. Hàn Phi Tử đứng trên lập trường khắt khe khắc bạc của Pháp gia, chỉ trích họ vũ dũng hiếu sát, không coi trọng kỷ cương pháp luật, là một trong năm loại sâu mọt của quốc gia, cũng là một trong “sáu loại dân gian nguy vô ích”. Rõ ràng trong con mắt của Hàn Phi Tử “hiệp” là một từ mang nghĩa xấu, có một khoảng cách khá lớn so với “hiệp” trong con mắt của người ngày nay.

Tư Mã Thiên không những là người đầu tiên viết “liệt truyện” về những người du hiệp và thích khách mà còn là người đầu tiên đánh giá một cách khách quan, công bằng về công lao và sai lầm của họ. Trong thiên “Du hiệp liệt truyện” sách “Sử ký”, ông viết rằng: “Những kẻ du hiệp ngày nay, việc làm của họ tuy không theo pháp lệnh, nhưng lời họ đã nói là chắc chắn, việc họ làm thì quả quyết, đã hứa tất giữ lời, không tiếc tính mạng để cứu người ra khỏi nguy khốn. Sau khi đã xông pha vào nơi nguy hiểm để cứu người, họ lại không khoe tài, coi việc kể ơn là đáng thẹn; như vậy thì xem ra cũng có nhiều điều đáng khen.” “Nếu xét về mặt công lao, giữ được lời đã hứa, thì có thể xem thường nghĩa khí của bọn hiệp khách được sao?”

Cách nhìn nhận về võ hiệp của người ngày nay là kế thừa “Sử ký”; như thế đã thấy nhận thức và kiến giải siêu việt của vị sử gia hơn hai ngàn năm trước.

Có người cho rằng, từ khi có sử đến nay vị hiệp khách đầu tiên là Tào Mạt, một viên tướng nước Lỗ thời Xuân Thu. Theo “Thích khách liệt truyện” trong sách “Sử ký”, Tào Mạt ba lần cầm quân nước Lỗ giao chiến với Tề đều thất bại, nước Lỗ bị ép phải cắt đất cầu hòa. Thế là tại hòa hội của hai vua Tề Lỗ “Tào Mạt cầm chủ thủ sấn tới trước Tề Hoàn Công, tả hữu của Hoàn Công không dám nhúc nhích. Hoàn Công hỏi: “Ngài muốn gì?”, Tào Mạt nói: “Tề mạnh Lỗ yếu, Tề xâm lăng Lỗ thật là quá đáng. Nay thành nước Lỗ đổ, đè xuống nước Tề, ngài hãy liệu đi”. Hoàn Công bèn hứa trả lại tất cả những đất đã chiếm của nước Lỗ. Được lời hứa ấy rồi, Tào Mạt ném chủ thủ, bước xuống đàn, ngồi vào vị trí của quần thần, mặt quay về hướng Bắc, sắc mặt không hề thay đổi, lời lẽ vẫn bình thường.”

Điều không thể giành được nơi chiến trường với thiên binh vạn mã lại nhờ vào cái dũng cảm của một người đơn độc mà giành được. Tào Mạt đúng là hiệp khí ngất trời. Nhưng, chúng ta không thể chỉ căn cứ vào một hành vi hiệp nghĩa mà xác định thân phận hiệp khách của một con người. Tào Mạt là tướng quân, chứ không phải là một hiệp sĩ theo ý nghĩa xã hội của từ này. Cũng như “Tiểu Huyền Tử” hai ngàn năm sau, tuy cũng “nghiện” hành hiệp nhưng rốt cuộc cũng không thể làm được một trang hiệp khách mà chỉ có thể làm một hoàng đế (Kim Dung - “Lộc Đỉnh ký”).

Đại để, trong thời chế độ cắt đất phong hầu của nhà Chu giải thể, giai tầng du hiệp đã hưng khởi lên. Họ là những người tự do, không chịu sự ràng buộc của kỷ cương pháp luật, không có tài sản, không có nghề nghiệp cố định, mình mang võ công chu du các nước, “lộ kiến bất bình bạt đao tương trợ” (giữa đường thấy sự bất bình thì rút đao ra giúp đỡ), cứu người qua khỏi hoạn nạn, giúp người yếu đuối trừ khử kẻ bạo cường. Học trò của Mặc Tử là những võ sĩ (cự tử), du thuyết các nước chư hầu, ngăn chặn can qua, lấy lý lẽ để thuyết phục, dùng uy phong để áp đảo, tuyên truyền cho chủ trương “phi công” (chống chiến tranh) và “kiêm ái” (yêu thương tất cả). Lại có một loại thích khách hi sinh thân mình, hành thích kẻ cừu địch để báo đáp ân tình tri ngộ. Chẳng hạn như Chuyên Chư giấu chủ thủ trong bụng cá, thừa cơ đâm chết Vương Liêu trong bữa tiệc, giúp Hạp Lư lên ngôi vua nước Ngô. Dự Nhượng sau khi chủ là Trí Bá bị Triệu Tương Tử tiêu diệt đã thề rằng: “Kẻ sĩ chết vì người tri kỷ”, rồi “sơn mình giả làm hủi, nuốt than giả làm người câm” hai phen hành thích Triệu Tương Tử đều không thành, bất đắc dĩ phải xin Triệu Tương Tử giao cho tấm áo để đâm nát rồi vung kiếm tự tử. Nhiếp Chính nhận lời Nghiêm Trọng Tử hành thích Tướng quốc nước Hàn là Hiệp Lũy, việc xong rồi chàng “tự lột da mặt, móc mắt, mổ bụng” khiến người ta không nhận ra nhân dạng để khỏi liên lụy đến người thân. Nhưng chị của chàng không then là một liệt nữ, công nhiên đến nhận thi hài của em trai, đồng dạ nói rằng: “Lẽ nào tôi sợ bị bắt giết mà để cho tên tuổi của hiền đệ tôi bị mai một.” Đến câu chuyện Kinh Kha hành thích Tần Thủy Hoàng thì nhà nhà đều biết, lời ca khảng khái “Gió hiu hiu sông Dịch lạnh tê, tráng sĩ ra đi không trở về” còn vọng mãi ngàn năm.

Ngoài những “hiệp khách áo vải” còn có những “hiệp khách khanh tướng”. Họ đều là thân thuộc của vua chúa, sống trong phú quý, mở rộng cửa để tiếp đón hiền sĩ trong thiên hạ, nổi tiếng khắp các nước chư hầu. Chẳng hạn như môn khách của Mạnh Thường Quân ở nước Tề, có kẻ chỉ biết mấy trò “gà kêu chó sủa” nhưng lúc nguy cấp lại giúp Mạnh Thường Quân thoát khỏi nước Tần. Môn khách của Bình Nguyên Quân nước Triệu là Mao Toại, tự giới thiệu mình, đem cái dũng của kẻ thất phu mà buộc vua Sở phải xuất binh cứu Triệu. Tín Lăng quân ở nước Ngụy kết giao với người ở tầng lớp dưới, nhờ người đồ tể Chu Hại “giấu cây chùy 40 cân trong tay

áo”, đập chết Tần Bỉ, đoạt lấy quyền thống lĩnh đại quân nước Ngụy đến giải vây thành Hàm Đan cứu Triệu.

Đó là thời đại hoàng kim của hiệp khách, hiệp khách được các bậc khanh tướng công hầu khảng định và kính trọng, nhiều người nổi danh trong thiên hạ. Dù họ gắng sức phục vụ vương công quý tộc nhưng họ cũng giữ được quyền tự do của mình, một lời không ưng ý có thể phui áo ra đi. Chẳng hạn như Phùng Huyền làm môn khách nhà Mạnh Thường Quân, mấy lần vỗ kiếm ca rằng “Kiếm dài ơi trở về thôi” để Mạnh Thường Quân phải biệt đãi mình. Dư Nhượng thì nói rằng: “Ta theo họ Phạm và họ Trung Hàng, họ đãi ta như người thường cho nên ta báo đáp họ như báo đáp người thường. Còn Trí Bá đãi ta như bậc quốc sĩ nên ta báo đáp Trí Bá với tư cách quốc sĩ.” Vương công quý tộc đối xử với họ như thế nào họ sẽ báo đáp như thế ấy.

Trong thời kỳ động loạn cuối Tần, hiệp khách càng có đất dụng võ. Trương Lương từng một mình hành thích Tần Thủy Hoàng. Còn đại tướng của Hạng Vũ là Quý Bố thời trẻ là một vị du hiệp nổi tiếng. Lúc bấy giờ người nước Sở có câu ngạn ngữ: “Được ngàn lạng vàng không bằng được một tiếng “ừ” của Quý Bố”.

Đầu đời Hán, phong khí du hiệp rất thịnh, “hiệp khách rất đông”. Ở quê hương của Nho giáo là nước Lỗ, có hiệp sĩ Chu Gia nổi danh thiên hạ. Ông không ngần ngại mở cửa đón tiếp và lưu kẻ thù của Hán Cao Tổ là Quý Bố trong nhà, đồng thời nhờ người đến thuyết phục Hán Cao Tổ Lưu Bang xá tội cho Quý Bố, “đến khi Quý Bố được tôn quý, Chu Gia suốt đời không gặp Quý Bố nữa.” Ở Hà Nam có Kịch Mạnh “Tể tướng được ông ta mừng như thu phục được một nước địch”. Đứa cháu của Quách Giải ở đất Chỉ ỷ thế cậu mà làm càn bị người ta giết chết. Người chị của Quách Giải để thân con bên đường để khích Quách Giải ra tay. Quách Giải rất hiểu đại nghĩa, phóng thích kẻ hung thủ đã nhận tội, nói rằng: “Con của chị có tội, thu liệm mà chôn cháu đi.” Đầu đời Hán ngoài những đại hiệp quang minh lỗi lạc, còn có không ít những tay “hiệp đạo” như họ Diêu ở phương Bắc, Chư Đồ ở phương Tây, Cừ Cảnh ở phương Nam, Triệu Tha, Vũ Công Tử ở phương Đông. Nhưng Tư Mã Thiên cho rằng nhân cách của họ không bằng được những người như Chu Gia, Quách Giải nên không nói về họ.

Theo xu thế ngày càng hoàn thiện của chính thể chuyên chế phong kiến, tập trung quyền lực đến cao độ, không gian sinh tồn của võ hiệp ngày càng bị thu hẹp. Chẳng cần biết anh có “dùng võ để phạm cấm” hay không, chỉ cần anh “có tiếng là nhậm hiệp” thì đã là một sự thách thức đối với quyền uy thần thánh của kẻ thống trị, thì đã là một nhân tố bất an của xã hội “đại nhất thống”. Chỉ cần có tiếng là nhậm hiệp thì đủ “đáng bị tru diệt” rồi. Ở các thời Hán Văn Đế, Cảnh Đế, Vũ Đế, Thành Đế và thời Vương Mãng nhiếp chính, đều đã từng ra sức “bắt giết bọn hào hiệp”. Quách Giải “có cha nhậm hiệp bị giết ở thời Hiếu Văn hoàng đế”, dù Giải rất “cung kính, không dám đi xe vào cửa huyện nha” nhưng cuối cùng Giải vẫn bị chém đầu mà không rõ tội danh gì. Vì thế một số đại hiệp buộc phải giao thiệp với các bậc công hầu, phòng khi nguy cấp còn có “bùa hộ mệnh” (lời Lỗ Tấn). Thiên “Du hiệp truyện” trong sách “Hán thư” của Ban Cố ghi chép truyện của bốn vị hiệp khách rất nổi tiếng, họ làm “Thái thú Quảng Hán”, “Thái thú Hà Nam”, “Trấn nhung đại doãn” hoặc đi lại với quan Trung thư lệnh, hoặc được gia ân phong hầu.

Dù phong khí du hiệp có bị suy giảm dưới áp lực chính trị nhưng vẫn không bị thất truyền. Ở thời kỳ chính trị ổn định, hiệp khách bị phân tán, mai danh ẩn tích, không thể tụ tập, không thể tồn tại với tư cách một giai tầng trong xã hội. Nhưng ở những thời điểm thay triều đổi đại thì

lại có “giang hồ hào khách nổi bốn phương”, đao kiếm của hiệp khách thay thế pháp lệnh quan phương. Nói cách khác, trong một xã hội mà hiệp khách và đạo phỉ tụ họp hoành hành thì phần lớn là chính quyền đang lung lay, đó là tín hiệu dự báo nguy cơ.

Thời Tam Quốc, dưới trướng Tào Tháo có viên mãnh tướng Hứa Chử “dung mạo hùng tráng kiên nghị, sức mạnh tuyệt luân” mọi người đều gọi là “Chủ hiệp khách”. Những vũ sĩ do Chủ chỉ huy “mấy chục người có công được phong hầu, hơn trăm người làm đô úy, hiệu úy, đều là kiếm khách cả.”

Cuối đời nhà Tùy, các nhà sư Chí Tháo, Huệ Dương... của chùa Thiếu Lâm đã phò tá Lý Thế Dân, bắt sống cháu của Vương Thế Sung là Vương Nhân Tắc, họ đều được phong hầu. Võ công Thiếu Lâm lừng danh thiên hạ. Bắt đầu từ thời này, việc nhiều nhà sư, đạo sĩ trở thành một bộ phận của võ hiệp là một điều khiến người ta phải chú ý.

Phong khí nhậm hiệp đời Đường lại thịnh hành, thanh thiếu niên phần nhiều cảm thấy làm du hiệp là vinh dự. Phong khí ấy có nhiều nguyên nhân xã hội. Từ Ngụy, Tấn đến Tùy, Đường, các dân tộc thiểu số từ phương Bắc không ngừng di cư đến Trung Nguyên, Hồ Hán có sự đồng hóa. Thói quen thô phác hào phóng, thượng võ hiếu dũng của người phương Bắc truyền vào nội địa khiến cho phong khí nhậm hiệp lại bùng lên. Đời Đường thương nghiệp phát đạt, đô thị phồn vinh, khiến cho các hiệp khách ở nơi hang cùng ngõ hẻm cũng có đất dụng võ. Họ, hoặc bảo vệ thương nhân, bảo vệ hàng hóa trên con đường giao thương hoặc làm đạo phỉ cướp hàng hóa của thương nhân. Ở thời Trung, Văn Đường, phiên trấn cát cứ, tranh đoạt lẫn nhau đều ra sức nuôi thích khách để khống chế và uy hiếp đối phương. Ở vào tình thế bên trong thì bị phiên trấn cát cứ, bên ngoài thì có ngoại tộc nhòm ngó, triều đình cũng có ý thức khuyến khích tinh thần thượng võ trong dân gian, lại không quá câu nệ trong việc đề bạt nhân tài văn võ vào các chức vụ thừa tướng, tướng quân.

Cuối đời Nguyên và thời Minh mạt Thanh sơ, mâu thuẫn dân tộc hai phen trở nên kịch liệt, lời kêu gọi đánh đuổi dị tộc, phục hưng Hán tộc vang dội khắp nơi. Giang hồ hào kiệt phần nhiều tham gia các cuộc khởi nghĩa chống quân xâm lược, trở thành bộ phận chủ lực của các lộ nghĩa quân.

Dưới hai thời Minh Thanh, số dân lưu vong tăng vọt, khiến cho các tổ chức bí mật phát triển. Xã hội bí mật này bao gồm hệ thống giáo môn do Bạch Liên giáo làm chủ thể và hệ thống hội đảng do Thiên Địa hội đứng đầu. Thành viên của xã hội bí mật rất hỗn tạp, mục tiêu công khai và hành động thực tế của họ nhiều khi rất xa nhau. Xã hội bí mật vừa có mặt đoàn kết hỗ trợ nhau, giúp người yếu đuối trừ khử kẻ bạo cường trong đó đôi khi cũng sáng rực lên tinh thần hiệp nghĩa như thời cổ đại; nhưng lại vừa có nhiều kẻ trộm cắp cướp bóc, hoành hành thôn xóm, loại ấy thì chẳng khác gì bọn lưu manh thổ phỉ. Nếu nói xã hội bí mật đã đem lại cho võ hiệp một không gian sinh hoạt mới thì võ hiệp lúc này cũng đã biến tướng, không những hiệp, đạo (kẻ cướp) cùng sinh tồn mà “hiệp” và “đạo” còn chuyển hóa lẫn nhau, nhiều người vừa “hiệp” vừa “đạo” [2]. Ở các thành viên của xã hội bí mật tinh thần nghĩa hiệp thường nhường chỗ cho tính hung bạo. Trình độ tổ chức của các thành viên xã hội bí mật có được nâng cao so với hiệp khách thời cổ nhưng thói quen sinh hoạt lưu lãng giang hồ vẫn không thay đổi, sự tranh đoạt tông phái trong võ lâm càng thêm ghê gớm. Dù bị triều đình nhiều phen tiêu diệt trừ, nhưng xã hội bí mật vẫn phát động nhiều cuộc khởi nghĩa, công kích mãnh liệt nền thống trị

chuyên chế và uy hiếp bọn đế quốc thực dân và giáo hội ngoại quốc.

Thời cận đại, vận nước sa cơ, lâm vào nỗi nhục “dưa chia đậu nát”. Chấn hưng võ thuật quốc gia, làm cho quốc gia giống nòi mạnh mẽ đã thành một trào lưu của thời đại. Năm 1910, hiệp khách Hoắc Nguyên Giáp đã sáng lập “Tinh võ quán” ở Thượng Hải, mở ra con đường đi vào đại chúng của võ thuật tinh anh. Từ năm 1928, lập nên một “đả lôi đài” (đài tỉ võ) có tính toàn quốc, các nhà võ thuật nổi tiếng như Hoắc Nguyên Giáp, Vương Tử Bình, Hàn Mộ Hiệp, Sái Long Vân, Tưởng Hạo Tuyền v.v... đã đánh bại các lực sĩ ngoại quốc ngạo mạn. Cuộc tỉ võ mang tính quốc tế đương thời khiến cho đến bà già con trẻ cũng vui mừng, đem lại cho con người Trung Quốc chút an ủi tinh thần trong cảnh phải chịu tủ nhục đã mấy mươi năm.

Ở thời cận đại, hiệp khách cũng tham gia phong trào cách mạng dân tộc dân chủ. Năm 1900, trong quân khởi nghĩa, hội đảng ở vùng Tương, Ngạc (Hồ Nam Hồ Bắc) là bộ phận chủ lực. Đây là cuộc thử nghiệm đầu tiên của sự liên kết giữa những trí thức tiến bộ với giang hồ hào khách để cùng mưu nghiệp lớn. Đồng Minh hội do Tôn Trung Sơn lãnh đạo cũng đã nhiều lần phát động khởi nghĩa vũ trang có sự tham gia của các hội đảng. Sau khi khởi nghĩa Vũ Xương bùng nổ, tỉnh Hồ Nam độc lập, Tiêu Đạt Phong, thủ lĩnh của Hồng Giang hội thậm chí còn làm đến đô đốc, khiến Hồ Nam một thời đã thành trung tâm của võ hiệp toàn quốc. Đảng cách mạng còn có nhiều vị “hiệp khí ngất trời chấn chín châu”, như Ngô Việt vì hành thích 5 đại thần của nhà Thanh mà xương tan thịt nát, như Từ Tính Lân và “Giám hồ nữ hiệp” Thu Cẩn thề tiếp bước Kinh Kha, giết tên Tuần vũ An Huy Ân Minh v.v... Thế nhưng sau khi đảng cách mạng (tức Quốc Dân Đảng) đã nắm được chính quyền thì lại trở mặt, trấn áp hội đảng.

Tại các căn cứ địa cách mạng ở nông thôn, đối với các hội đảng của dân nghèo, đã thực hiện phương châm “cô lập thủ lĩnh, giành lấy quần chúng, giải thể tổ chức” và biên chế lại bộ đội lục lâm, khiến họ trở thành lực lượng vũ trang của cách mạng. Mao Trạch Đông còn thân tự đến cải tạo bộ đội lục lâm của Viên Văn Tài và Vương Tá ở Tỉnh Cương Sơn, hợp hai cánh quân này thành đoàn 32 của quân đoàn 4 Hồng quân Trung Quốc đồng thời chấn chỉnh thói quen lưu manh và tư tưởng “giặc cỏ” của họ. Sau khi đường lối của Vương Minh chiếm địa vị thống trị trong Đảng Cộng sản Trung Quốc, các tổ chức hội đảng như “Đại đao hội”, “Huỳnh đệ hội” cũng bị xếp vào đối tượng bị thanh trừ, Vương Tá, Viên Văn Tài đều bị sát hại. Ở thành phố, Đảng Cộng sản phái đảng viên vào các bang hội hoạt động. Trong thời gian vận động công nhân ở Thượng Hải, Lý Lập Tam đã từng kết thân với một vị thủ lĩnh của bang hội ở gần Tân Giáp Kiều, kết quả là trong “phong trào ngũ tạp” (phong trào 30 tháng 5), những người bảo vệ Lý Lập Tam đều là đồ đệ của “bang xanh”. Trong cuộc tàn sát của Quốc dân đảng trước khi rút khỏi Thượng Hải, thủ lĩnh của bang hội là Hoàng Kim Vinh đã yểm hộ và tiếp tế cho một số đảng viên Cộng sản ở dưới hầm bí mật. Vì thế, mặc dù họ đã từng phạm trọng tội nhưng về sau vẫn được sự khoan hồng của chính phủ.

Từ sau ngày nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập, thì có chính sách rõ ràng đối với bang hội, phần lớn thành viên của các bang hội bí mật đã đến cơ quan công an tuyên bố rút khỏi tổ chức bang hội; những bang hội có vũ trang và bọn thổ phỉ thì bị đại quân tiêu trừ. Từ đó, vấn đề các bang hội và dân lưu vong đã tồn tại lâu dài trong xã hội Trung Quốc, đã căn bản được giải quyết. Võ hiệp và anh em sinh đôi của nó là thổ phỉ, vật ký sinh của nó là lưu dân đều bị tiêu vong.

Sự tiêu vong của võ hiệp có nguyên nhân lịch sử sâu sắc. Võ hiệp vốn là sản phẩm của văn minh nông nghiệp. Sự ra đời của nó trước hết là do mâu thuẫn giữa dân số và ruộng đất. Trong điều kiện kinh tế tự nhiên, dân số không được khống chế, trong thời bình dân số lại tăng nhanh, mà chế độ ruộng đất phong kiến tất nhiên dẫn đến sự tập trung ruộng đất vào tay một số ít địa chủ; dù triều đình có ban bố một số chính sách để hạn chế việc kiêm tính ruộng đất cũng không thể ngăn chặn được một thiểu số địa chủ chiếm đoạt rất nhiều ruộng đất, đa số nông dân không có ruộng cày. Dân số tăng và nạn kiêm tính ruộng đất đến một độ nhất định, tất nhiên sẽ có hàng loạt nông dân không ruộng đất trở thành những kẻ lưu vong; họ lưu lạc giang hồ tìm lối thoát. Những lưu dân ấy, có người thì bán sức lao động, có người thì buôn bán ngược xuôi, có người đi ăn mày, có người thì làm kẻ cướp; loại giỏi võ công thì giúp người yếu đuối, trừ kẻ cường bạo, hành hiệp trượng nghĩa. Dân lưu vong là nguồn gốc chủ yếu của võ hiệp. Nếu không giải quyết vấn đề lưu dân thì võ hiệp vẫn còn tồn tại. Thứ nữa, kinh tế tiểu nông ở nông thôn và thủ công nghiệp ở thành trấn đều phân tán, như đồng cát rời, khiến cho bất kỳ vương triều phong kiến nào cũng không thể xây dựng được một cơ sở chính quyền vững chắc, không có cách gì khống chế được những người tiểu sản xuất. Điều ấy khiến cho “lưới trời lồng lộng, thưa và dễ lọt” (thiên võng khôi khôi, sơ nhi hữu lậu) [3] từ đó mà khiến cho võ hiệp có thể “dùng võ lực mà phạm cấm lệnh”. Thứ ba là: trong xã hội tông pháp ở Trung Quốc, nhân luân cao hơn pháp luật, người ta quen với ân oán riêng tư không muốn hoặc không biết thủ tục tố tụng ở công đường, pháp lệnh của quốc gia thường chỉ là hình thức, chỉ có đao kiếm của hiệp khách là không từ gian khổ, dám vùng lên để dẹp bất bình.

Thời cận đại, ở Trung Quốc bắt đầu tiến trình công nghiệp hóa, cơ sở xã hội đã có những biến đổi sâu sắc, khí số võ hiệp đã tận. Trước hết, văn minh công nghiệp đã dần dần thu hút lao động dư thừa ở nông thôn vào các công xưởng, từ đó mà tạo ra một lối thoát cho dân lưu vong. Chỉ cần không còn dân lưu tán thì võ hiệp không còn cơ sở tồn tại, dần dần sẽ tự tiêu vong. Nhưng chúng ta cũng không nên vội lạc quan. Vấn đề dân lưu tán cũng có thể lại xuất hiện. Cuối thế kỷ XX, toàn Trung Quốc có khoảng 300 triệu lao động dư thừa, lìa xa ruộng đất, ở thành phố cũng có nạn thất nghiệp. Giải quyết sao cho thỏa đáng vấn đề này, không để xuất hiện dân lưu tán là một thách thức rất lớn đối với Trung Quốc. Nếu không giải quyết được vấn đề dân lưu tán và thất nghiệp thì hiệp khách và kẻ cướp sẽ chẳng phải là câu chuyện truyền kỳ làm rung động lòng người nữa mà sẽ làm rối loạn đời sống của chúng ta. Lại nữa, nền kinh tế hiện đại đã làm thay đổi tình trạng đồng cát rời của sản xuất nhỏ, sản xuất và đời sống của con người đều được xã hội hóa cao độ, chính đảng và chính trị hiện đại đã quản lý được đến tận các tế bào của xã hội. Hai nhân tố này đã khiến cho Trung Quốc xây dựng được một chính quyền đủ mạnh, có thể kịp thời dập tắt những hành vi “dùng võ lực để phạm cấm lệnh”, thậm chí có thể khiến người ta không nghĩ đến chuyện mạo hiểm nữa. Ba là việc xây dựng pháp chế dân chủ đã khiến người ta có ý thức tôn trọng pháp luật, ân oán riêng tư cũng có thể đến pháp đình, người yếu kẻ mạnh đều bình đẳng trước pháp luật, đều được pháp luật bảo vệ và chế ước. Những hành vi vùng kiếm báo oán trả ân đã dần dần không còn điều kiện.

Hơn nữa, theo đà phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật, đao kiếm đâu phải là đối thủ của vũ khí hiện đại, cái dũng của kẻ thất phu đã không còn sức mạnh như xưa nữa.

2. Trong văn học

Võ hiệp là hình tượng nhân vật trong tiểu thuyết võ hiệp, là nhân vật chính trong “thế giới giang hồ” được hư cấu nên trong tác phẩm, cũng là tượng trưng cho một loại nhân cách đặc thù.

Trong lịch sử Trung Quốc thực có một loại người gọi là “võ hiệp” đã trở thành nguyên mẫu cho những câu chuyện của sáng tác tiểu thuyết võ hiệp. Các tiểu thuyết gia ngoài những nguyên mẫu vốn có trong xã hội, lại càng hứng thú trong việc hư cấu nên những hình tượng nhân vật đối kháng với thế giới quan phủ; họ sống trong “thế giới thứ hai” - thế giới giang hồ. Đọc tiểu thuyết võ hiệp có thể thấy: hình như ở Trung Quốc luôn tồn tại một giai tầng võ hiệp (tức hiệp khách) đông đảo. Các hiệp khách này chỉ hành động theo quy luật giang hồ, là loại dân tiêu dao ngoài pháp luật “Thiên tử hô lai bất thượng thuyền” [\[4\]](#) (Vua gọi lên thuyền không nhúc nhích). Lại tựa hồ như một khi họ đã tuốt kiếm là có thể trừ bạo an lương, tha hồ báo ân báo oán, thậm chí có thể quyết định cả sự tồn vong của quốc gia dân tộc. Hiển nhiên đó chẳng qua chỉ là sự khoa trương phóng đại mức độ tự do và sức mạnh của hiệp khách.

Trong một số tiểu thuyết võ hiệp kiểu thần quái, hiệp khách còn được miêu tả thành những người giỏi pháp thuật, những siêu nhân kiểu phù thủy, “kiếm tiêu”. Trong truyện “Tỉ khâu ni” sách “Sưu thần hậu ký” kể câu chuyện rằng: Khi quan Đại tư mã của nhà Tấn là Hoàn Ôn âm mưu tiếm ngôi, Tỉ khâu ni liền phanh áo vung đao, tự mổ bụng, kéo ruột ra, rồi lại tự chắt dầu phanh thây để cảnh cáo Hoàn Ôn rằng nếu y phát động chính biến thì tất sẽ gặp đại họa. Xong việc, Tỉ khâu ni lại lành lặn như thường, khiến người ta phải lè lưỡi kinh sợ. Trong thời cận địa, bộ tiểu thuyết trường thiên “Thực trung kiếm hiệp truyện” của Hoàn Châu lâu chủ, hiệp khách có thể không ăn mà không đói, không mặc mà không lạnh, đường đi vạn dặm mà chỉ như trong gang tấc, trong khoảng nói cười đã có thể từ mặt đất lên đến thiên đình. Những nhân vật như thế chẳng còn chút bóng dáng gì của người trần thế.

Võ hiệp thực có trong lịch sử là một chuyện, võ hiệp trong tiểu thuyết lại là một chuyện khác. Một đằng là vốn có, một đằng là chuyển hóa, có giống mà có khác, thậm chí cách nhau trời vực. Đó là điều chúng ta cần phải nắm vững khi đọc tiểu thuyết võ hiệp.

Từ “Du hiệp liệt truyện” trong sách “Sử ký” của Tư Mã Thiên về sau, trải qua sự hư cấu của các tác gia văn học võ hiệp, hiệp khách đã trở thành một dạng kết tinh văn hóa truyền thống Trung Quốc và “liệt căn tính của dân tộc” bị loại bỏ.

Tính cách của hiệp sĩ trong tiểu thuyết thường có những đặc điểm cơ bản sau:

1) Có tinh thần dũng cảm, thượng võ.

Chốn giang hồ phong ba hiểm ác, chưa nói chuyện trừ bạo an lương, chỉ riêng việc hiệp khách có thể an thân lập mệnh cũng đã không dễ dàng chi. Hiệp khách biểu hiện một tinh thần đấu tranh chống định mệnh, khí phách hào hùng lắm liệt. Trong tiểu thuyết văn ngôn “Triều dã thiêm tải” đời Đường, kể chuyện Trù thiên sư lúc nhỏ xuống tóc làm chú tiểu, vì thể chất yếu đuối mà bao phen bị bắt nạt. Chú bé không cam chịu nhục, vào điện đường ôm chặt Kim Cương trong 6 ngày liền, được Kim Cương ban cho thần lực. Chú bé nói với mọi người: “Các vị cứ bắt nạt tôi. Tôi có sức mạnh, e rằng các vị không địch nổi đâu”. Mọi người đến kéo tay, quả là gân cốt mạnh vô cùng, đều kinh ngạc. Chú bé nói: “Tôi thử cho các vị xem”. Rồi vào điện đường, nhảy lên đi như bay trên tường, rồi lại húc đầu vào xà ngang mấy lần, nâng pho tượng nặng

mấy ngàn cân, quyền cước nhanh và mạnh phi thường. Những kẻ trước đây bắt nạt chú bé đều quì mọp không dám ngẩng lên nhìn.

Ở đời lắm sự bất bình. Ngay đến người ở nơi cửa Phật cũng không thể chỉ lấy tấm lòng từ bi để cảm hóa kẻ ác mà phải khổ công luyện võ, dùng sức mạnh để chống kẻ bạo tàn. Rất nhiều tiểu thuyết võ hiệp đời sau có mô típ: người tốt chịu oan, buộc phải tìm thầy học võ, cuối cùng luyện thành võ công tuyệt thế, báo thù rửa hận, lòng lầy ở đời.

“Thiên trượng đã khai nguy hiểm lộ

Giới đao sát tận bất bình nhân” [\[5\]](#)

(Thiên trượng mở thông đường nguy hiểm

Giới đao trừ hết kẻ bạo tàn)

“Biết là không thể làm được mà vẫn cứ làm”, đó là quan niệm chung của những trang hiệp khách. Họ không cam chịu làm kẻ yếu hèn, quyết chí làm kẻ mạnh, cả về võ công cả về tinh thần.

Cái dũng của hiệp khách khác với sự khát máu của kẻ vũ phu tầm thường. Trong “Lưu hâu luận”, Tô Thức nói: “Người hào kiệt ngày xưa, tất có khí tiết hơn người. Người đời có điều không thể nhẫn được, thất phu bị nhục bèn tuốt kiếm đứng lên, như thế chưa đáng gọi là dũng. Người đại dũng thì bỗng dưng lâm nguy mà không sợ, vô cớ bị ức hiếp mà không giận, người như thế có khả năng tự kiềm chế rất mạnh, chí hướng rất cao xa”. Kinh Kha là một vị đại hiệp có khí tiết hơn người như thế. Khi chàng và Cáp Nhiếp luận kiếm mà sinh tranh chấp, bèn từ biệt mà đi. Khi tranh luận với Lỗ Câu Tiễn, Lỗ Câu Tiễn mắng chàng, Kinh Kha cũng lẳng lặng bỏ đi. Sự khiêm cung nhường nhịn ở đây cũng dũng cảm cường liệt như khi đối diện với Tần Thủy Hoàng - mở hết bản đồ, hiện ra chủ tử. Có người lo lắng rằng: tiểu thuyết võ hiệp sẽ khiến thanh thiếu niên thích ẩu đả, “chẳng cần biết trắng đen xanh đỏ, đánh trước nói sau”, như thể là hiểu nhầm tinh thần hiệp khách.

2) Có niềm cảm thông sâu sắc đối với con người.

Có “võ” mà không có “hiệp” không đáng gọi là “võ hiệp”. Thượng võ mà trọng nghĩa mới là hình tượng võ hiệp chân chính. Hiệp khách vốn mang truyền thống nhiệt tình, “lộ kiến bất bình, bạt đao tương trợ” (giữa đường thấy sự bất bình liền rút đao ra giúp đỡ), chủ trương “người thiên hạ phải lo việc thiên hạ”. Trong “Tam hiệp ngũ nghĩa” có một đoạn rằng:

“Người hành hiệp trọng nghĩa, đâu cũng là nhà, tùy ngộ nhi an. Không phải họ cố tình gây sự, mà chỉ vì thấy chuyện bất bình, không nhịn được, coi như đó là việc của mình, như thế mới không thẹn với chữ “hiệp”.

Trong “Thần điêu hiệp lữ”, Quách Tĩnh đã nói: “Chúng ta luyện tập võ công để làm gì? Để hành hiệp, cứu người trong lúc khốn cùng là bốn phận của chúng ta. Chỉ mong con (Dương Quá) nhớ kỹ tám chữ này - “Vì nước vì dân, ấy là đại hiệp” sau này vang danh thiên hạ, trở thành vị đại hiệp chân chính được muôn dân ngưỡng mộ.”

La Gia Luân đã định nghĩa:

“Hiệp là niềm cảm thông vĩ đại”.

Không nhất thiết có võ công mới là “hiệp”, chỉ cần có lòng cảm thông, coi trọng nghĩa khí thì xứng đáng là hiệp, Chu Gia [\[6\]](#) chính là một vị “văn hiệp” như thế.

3) Hành vi tự do cao độ, tính cách hết sức chân thật.

Hiệp khách không chấp nhận pháp lệnh của quan phương và sự ràng buộc của lễ nghi thể tục, dám nói dám làm, dám yêu dám ghét, tha hồ báo oán báo ân [\[7\]](#). Họ đâu sợ sự chê bai của người đời, mình làm mình chịu.

Trong “Thần điêu hiệp lữ”, Tiểu Long Nữ và Dương Quá từ tình thầy trò chuyển thành tình yêu, Dương Quá ngang nhiên tuyên bố trước mọi người: “Các người có chém tôi ngàn nhất vạn nhất, tôi vẫn lấy nàng”.

“Tôi không sai!”

Trong “Tiểu ngạo giang hồ”, Lệnh Hồ Xung nhận lời trăng trối của Định Nhân sư thái, đem thân nam tử đảm đương trách nhiệm “Chưởng môn sư huynh” của phái Hằng Sơn, toàn những nữ ni, “Làm một việc chưa từng có trong võ lâm”. Những bậc trí giả trong võ lâm như Phương Chứng đại sư, Xung Hư đạo trưởng không những không coi đó là việc đại nghịch bất đạo mà còn khen ngợi Định Nhân sư thái suy nghĩ sâu xa, có tuệ nhãn biết người.

Hiệp khách đều là những con người chí tình chí tính, không che đậy khuyết điểm và sai lầm của mình, không “khẩu Phật tâm xà”. Trong “Đa tình kiếm khách vô tình kiếm”, Mai Đại tiên sinh muốn dùng thuốc giải để đổi lấy bức họa “Thanh minh thượng hà đồ” của gia đình Lý Tầm Hoan. Nghe nói Lý Tầm Hoan đã tặng bức họa ấy cho người khác rồi, bèn nói luôn mười mấy lời “đáng tiếc”, rồi đứng lên bảo bọn người hầu dẹp tiệc rượu. Mai Nhị tiên sinh chau mày nói: “Không có “Thanh minh thượng hà đồ” thì không thể uống rượu sao?” Mai Đại tiên sinh cười nhạt nói: “Rượu của ta vốn không định đãi khách”. Nghe vậy Lý Tầm Hoan không những không giận mà còn cười. Chàng cảm thấy con người này tuy tự ái, hẹp hòi nhưng chất phác thật thà, ít ra thì cũng không phải là ngụy quân tử.

Trong đám hiệp khách không hiếm kẻ dám làm “chân tiểu nhân” như Mai Đại tiên sinh. “Chân tiểu nhân” tuy chẳng hay gì nhưng còn hơn xa những kẻ “ngụy quân tử” luôn mồm nhân nghĩa đạo đức mà lòng dạ gian manh.

4) Phát huy tối đa tiềm năng của con người.

Đây là một đặc trưng của hiệp khách, rất hấp dẫn người đọc. Thông thường, hiệp khách có hai mục tiêu lớn: tuyệt đỉnh võ công và tuyệt đỉnh nhân sinh. Hai cảnh giới tuyệt đỉnh này chỉ có thể đạt được khi con người bị đẩy đến khốn cảnh bên bờ vực thẳm.

Tôn Tử nói: “Đặt vào chỗ mất rồi mới còn, hãm vào đất chết mới tìm ra đường sống.”

Khi hiệp khách bị đẩy đến bên bờ vực thẳm vạn trượng, đứng trước địch thủ có ưu thế tuyệt đối, võ công luyện được đã trở nên bất lực, nhưng nếu có thể siêu việt ranh giới sinh tử, thì trong trạng thái tuyệt lộ ấy, trí tuệ, võ công đột nhiên được phát huy đến tuyệt đỉnh.

Trong “Bình tung hiệp ảnh”, Trương Đan Phong bị khốn trong hang, không còn hi vọng sống

sốt trở về, chàng bèn mở “Huỳnh công yếu quyết” ra đọc, không nghĩ gì đến chuyện sống chết nữa. Thế là ở trong hang đá ấy chàng luyện tập theo yếu quyết trong bộ kỳ thư ấy và đạt được nội công thượng thừa. Quả nhiên chàng đã luyện được võ công cái thế trong chốn cảnh ấy.

Đồng thời với sự truy cầu tuyệt đỉnh võ công, hiệp khách cũng dần dần tham ngộ được tuyệt đỉnh của nhân sinh. Trong “Thần điêu hiệp lữ”, Dương Quá trước sau đã học võ công của các phái Toàn Chân, Cổ Mộ, cho đến bí truyền của Tây Độc, Đông Tà, Bắc Cối nhưng mãi đến khi bị chặt đứt cánh tay, được sự giúp đỡ của thần điêu chàng mới lãnh hội được chân đế kiếm thuật của Độc Cô Cầu Bại, độc sáng nên “Ảm nhiên tiêu hồn chưởng”, đạt đến tuyệt đỉnh võ học. Đồng thời cảnh giới tư tưởng của chàng cũng thăng hoa, từ chỗ vừa chính vừa tà đến chỗ từ bỏ ân oán cá nhân, cùng Tiểu Long Nữ xả thân vì nước, đạt đến đỉnh cao của đạo nghĩa hiệp sĩ.

Nietzsche [\[8\]](#) đã từng nói rằng: “Chỉ có thể tìm thấy siêu nhân ở nơi con người phải vượt qua những trở lực cực kỳ to lớn.” và “Bí quyết của thành quả lớn lao và hạnh phúc tối cao của đời sống là sống trong hiểm cảnh.” Phải trải qua sự sống chết, tai nạn, xung đột, tội nghiệt... thì người hiệp khách mới ngộ được ý vị của cuộc đời. Trong đoạn kết thúc của tác phẩm “Đào hoa truyền kỳ” (thuộc bộ “Hiệp đạo Sở Lưu Hương”) có hai cánh cửa lớn giống hệt nhau, một cánh mở thông vào cuộc sống trần thế, một cánh mở thông đến bờ vực sâu vạn tượng thăm thẳm, làm sao để chọn đúng cánh cửa mở vào sự sống?

“Sở Lưu Hương bỗng mỉm cười, mở một cánh cửa - cánh tay chàng rất quả quyết. Trong khoảnh khắc ấy, chàng đã trở lại với Sở Lưu Hương vốn có. Chàng mở rộng cánh cửa, bước ra.

Chàng đã mở cánh cửa nào vậy? Không ai biết được. Nhưng điều ấy không quan trọng, bởi vì chàng đã đến, đã sống, đã yêu. Dầu là thế nào, đối với bất kỳ ai, như thế cũng là đủ rồi.”

Chính như một câu trong “Thần điêu hiệp lữ”:

“Đời người đã đến thế, còn đòi hỏi gì nữa?”

Với tư cách là một thứ phù hiệu của văn hóa, hiệp khách là một câu đố, như một bài thơ mãi mãi không đoán nổi, nói không cùng, mà nếu nói rõ ra được thì lại trở thành tầm thường.

Từ “Thích khách liệt truyện” và “Du hiệp liệt truyện” dưới ngòi bút của Tư Mã Thiên đến truyền kỳ đời Đường, từ tiểu thuyết võ hiệp cự phái đến tiểu thuyết võ hiệp tân phái, từ Lương Vũ Sinh đến Kim Dung, Cổ Long, Ôn Thụy An, trên cơ sở những đặc điểm chung ấy, hình tượng hiệp khách lại rất khác nhau. Chẳng hạn như quan hệ giữa hiệp khách và quan phủ, ở rất nhiều triều đại tiểu thuyết võ hiệp đã nhấn mạnh sự vượt qua chính trị hiện thực của hiệp khách. Trong “Tiểu ngạo giang hồ”, Định Dật sư thái đã nói rất hay rằng:

“Người học võ chúng ta, lấy tinh thần hiệp nghĩa làm trọng, tiêu dao tự tại chốn giang hồ, nhọc lòng với việc quan làm gì?”

Nhưng trong tiểu thuyết võ hiệp công án thời Văn Thanh (cuối đời Thanh), hiệp khách phần đông lại “thấy rõ lục lâm chẳng tốt đẹp gì”, đầu hàng quan phủ, cam tâm làm chó săn chim mồi quay mũi đao trở lại trấn áp anh em kết nghĩa trên giang hồ. “Thủy hử truyện” ở vào khoảng giữa của hai loại ấy. Các hảo hán Lương Sơn Bạc trước làm hiệp đạo, về sau lại nhận chiêu an.

Lại chẳng hạn như thái độ đối với tình yêu và tình dục cũng có sự khác nhau. Triệu Khuông

Dẫn, trong “Tổng Thái Tổ thiên lý tổng Kinh Nương”, hết lần đến lần khác cự tuyệt một cách thô bạo tình yêu của Kinh Nương, chỉ sợ làm hoen ố phong độ hiệp sĩ cao khiết của mình; đó là một hình tượng “thanh tâm quả dục” tiêu biểu. Còn những nhân vật như Lục Tiểu Phượng, Sở Lưu Hương dưới ngòi bút Cổ Long thì lại là những “tình hiệp” phong lưu rất yêu nữ sắc, vung vãi tình yêu, chẳng hề chung tình với ai.

Trong tác phẩm của ba đại gia tiểu thuyết võ hiệp tân phái, tính cách của hiệp khách trong tác phẩm của mỗi nhà văn đều có đặc sắc riêng. Hiệp khách dưới ngòi bút Lương Vũ Sinh đầy tính chất lý tưởng, có phần luân lý hóa, nhân vật chính tà phân biệt rạch ròi, tính cách đơn nhất. Dưới ngòi bút Kim Dung thì hiệp khách không có ranh giới tuyệt đối giữa chính và tà, nhân vật nào cũng có tính cách phức tạp, thường là vừa chính vừa tà; chính như lời của Trương Tam Phong trong “Ỗ thiên Đồ long ký”:

“Hai chữ chính tà vốn rất khó phân biệt. Đệ tử chính phái mà tâm thuật bất chính thì chỉ là kẻ tà ác; người trong tà phái chỉ cần một lòng hướng thiện thì lại thực sự là chính nhân quân tử.”

Kim Dung và Lương Vũ Sinh đều phú cho nhân vật hiệp khách của mình một nội hàm văn hóa xã hội thâm hậu, thậm chí nhiều cao thủ võ lâm được viết thành nhân vật chính trị. Cổ Long thì hoàn toàn khác. Hình tượng hiệp khách dưới ngòi bút Cổ Long không có bối cảnh lịch sử và bối cảnh chính trị, thậm chí chẳng có mấy nội dung xã hội, chỉ chú trọng thể nghiệm sự vi diệu và phức tạp của nhân sinh, trong những xung đột gay gắt đã thể hiện nhân cách cao quý và thể giới nội tâm phong phú của hiệp khách.

Tính cách của hiệp sĩ trong tiểu thuyết võ hiệp vốn có nguồn gốc từ đời sống hiện thực, lại thêm tiếp nhận một cách sâu sắc ảnh hưởng của những câu chuyện anh hùng hiệp nữ trong sách xưa, như “Đào viên kết nghĩa”, “Ngõa Cương uy phong” (trong “Tùy Đường diễn nghĩa”), “Lương Sơn tụ nghĩa” (trong “Thủy hử”). Những câu chuyện này được truyền tụng rộng rãi trên chốn giang hồ và trong dân gian, đã trở thành những tấm gương của lòng trung nghĩa, tạo thành những tổ chức kết xã bí mật trong dân gian. Đương nhiên hình tượng hiệp khách trong tiểu thuyết võ hiệp tân phái có nhiều cách tân nhưng không phải là không ít nhiều mang bóng dáng của hiệp khách trong văn học truyền thống.

[1] Hàn Phi tử: Tên là Hàn Phi (khoảng 280-233 TCN), nhà tư tưởng nổi tiếng thời Chiến Quốc, tập đại thành của phái Pháp gia cổ đại Trung Quốc; ông là tác giả bộ sách "Hàn Phi tử".

[2] Như Mạc Ngôn nói rằng: "Tổ tiên tôi vừa là anh hùng vừa là kẻ cướp".

[3] Nguyên văn trong sách "Lão tử": "Thiên võng khô khô, sơ nhi bất lậu" (lưới trời lồng lộng thưa mà không lọt), người viết đã cố ý chữa chữ "bất" thành chữ "hữu" để diễn đạt tình trạng võ hiệp "lọt lưới" pháp lệnh phong kiến.

[4] Thơ Đỗ Phủ - “Ấm trung bát tiên ca” có một đoạn viết về Lý Bạch:

Lý Bạch một hũ thơ trăm bài,

Quán rượu Trường An cứ nằm dài.

Vua gọi xuống thuyền không nhúc nhích,

Tự xưng khách rượu chốn tiên đài.

[\[5\]](#) Hai câu thơ nói về Lỗ Trí Thâm trong “Thủy Hử”

(Thiên trượng mở thông đường nguy hiểm

Giới đạo trừ hết kẻ bạo tàn)

[\[6\]](#) Chu Gia: nhân vật trong "Du hiệp liệt truyện", sách Sử ký của Tư Mã Thiên.

[\[7\]](#) Nguyên văn: Khoái ý ân cừ

[\[8\]](#) Nietzsche, F.W. (1844-1900): Triết gia người Đức. Tác phẩm có ảnh hưởng sâu rộng nhất là những “Zarathusttra đã nói như thế (1883), đưa ra mẫu người “siêu nhân” (superman) để thay thế mẫu người đạo đức truyền thống.

CHƯƠNG II: THỂ GIỚI GIANG HỒ

Giang hồ là từ chỉ thể giới văn học mang sắc thái lý tưởng có nguồn gốc là xã hội bí mật trong lịch sử Trung Quốc diễn biến mà thành. Nó là môi trường hoạt động chủ yếu của hiệp khách. Không có thể giới giang hồ thì không có hiệp khách và càng không có tiểu thuyết võ hiệp.

“Giang hồ” vốn là một từ để chỉ sông Trường Giang và hồ Động Đình, cũng phiếm chỉ tam giang ngũ hồ. Đây là một từ địa lý bình thường, không có nghĩa gì khác. Trong “Hóa thực liệt truyện”, sách “Sử ký” của Tư Mã Thiên, có nói Phạm Lãi “cưỡi thuyền lên đênh trên giang hồ”, chữ “giang hồ” ở đây chỉ ngũ hồ. Thiên “Việt ngữ - hạ” trong “Quốc ngữ” cũng nói Phạm Lãi “cưỡi thuyền nhẹ lên đênh ngũ hồ, không biết cuối cùng ra sao.” Cảm khái về việc Phạm Lãi siêu nhiên thoát tục, người đời sau lại bàn chuyện “giang hồ”, rất có thể là đã không còn là một từ địa lý chỉ tam giang ngũ hồ nữa. Thơ Cao Thích có câu:

Thiên địa Trang Sinh mã

Giang hồ Phạm Lãi châu

(Đất trời là ngựa Trang Sinh

Giang hồ Phạm Lãi lên đênh lá thuyền)

Thơ Đỗ Phủ có câu:

Dục ký giang hồ khách,

Đề huề nhật nguyệt trường.

(Muốn làm giang hồ khách,

Rong ruổi tháng ngày chơi)

Thơ Đỗ Mục thì lại viết:

Lạc phách giang hồ tái tửu hành.

Sở yêu tiêm tế chương trung khinh.

(Chuồn choáng giang hồ lệch bước say,

Trong tay gái Sở múa như bay...)

Ở trong những trường hợp này “giang hồ” đã hàm nghĩa phân biệt với triều đình, tức là “cõi nhân gian” của ẩn sĩ và bình dân.

Trong tiểu thuyết hào hiệp đời Đường đã xuất hiện từ “giang hồ” và coi đó là nơi hoạt động của hiệp khách. Như “Tạ Tiểu Nga truyện” kể rằng: “Thân phụ của Tiểu Nga giàu có, thường chở hàng chung với người họ Đoàn, đi lại trên giang hồ”. Nữ hiệp Hồng Tuyền trong “Hồng Tuyền truyện” tự xưng rằng: “Kiếp trước ta là đàn ông, rong ruổi chốn giang hồ, đọc sách “Thần nông dục”, cứu tai nạn cho người đời.”

Chữ “giang hồ” trong tiểu thuyết đời Đường hàm nghĩa chốn dân gian, xa cách triều đình và

quan trường mà chưa được miêu tả cụ thể. Trong tiểu thuyết thoại bản thời Tống-Nguyên, chữ “giang hồ” đã gắn liền với việc cướp bóc, thuốc mê và bánh bao nhân thịt người. Trong truyện “Uông Tín Chi liều chết cứu nhà” kể “Uông Thế Hùng ẩn nấu chồn giang hồ, sống bằng nghề mài võ bán thuốc”, chữ “giang hồ” trong loại truyện này đã có mùi máu. Còn trong “Tống Tứ Công đại náo cấm hồn trương”, từ chuyện giết người cướp của cho đến việc đấu võ trên chồn “giang hồ” đã gắn với “giang hồ” trong “Thủy hử” và tiểu thuyết võ hiệp đời sau (tức sau Tống Nguyên). Tiểu thuyết viết về hiệp khách thời Minh-Thanh, khắp nơi đều gặp chữ “giang hồ”. Dưới ngòi bút của các nhà tiểu thuyết võ hiệp cự phách (cuối đời Thanh cho đến đầu thế kỷ XX) thì ngay tên sách cũng đã đề hai chữ “giang hồ”. Chỉ một mình nhà văn Bình Giang Bất Tiểu Sinh đã viết các tiểu thuyết “Giang hồ kỳ hiệp truyện”, “Giang hồ đại hiệp truyện”, “Giang hồ tiểu hiệp truyện”, “Giang hồ quái dị truyện”, “Giang hồ dị nhân truyện”. Các nhà tiểu thuyết võ hiệp tân phái cũng không thoát khỏi thói quen này, như “Giang hồ tam nữ hiệp” của Lương Vũ Sinh, “Tiểu ngạo giang hồ” của Kim Dung. Chỉ cần là tiểu thuyết võ hiệp thì không ra khỏi thế giới giang hồ. “Giang hồ” đã trở thành trời đất của “người giang hồ” theo “đạo nghĩa giang hồ” làm “việc giang hồ”.

Vậy thì, rốt cuộc “giang hồ” là gì?

Muốn hiểu một cách sâu sắc thế giới “giang hồ” trong tiểu thuyết võ hiệp, chúng ta không thể không bắt đầu xem xét từ xã hội bí mật trong đời sống hiện thực. Từ “xã hội bí mật” một người Nhật Bản tên là Bình Sơn Chu giới thiệu với Trung Quốc, còn ở nước ta (Trung Quốc) thì thường gọi là “bí mật kết xã”. “Xã hội bí mật” là chỉ những đoàn thể bí mật hoạt động tôn giáo, xã hội và chính trị đặc biệt, có tôn chỉ và lễ nghi bí mật. Nó gồm hai loại lớn là hệ thống giáo môn và hệ thống hội đảng. Từ đạo “Năm đầu gạo” thời Đông Hán đến “Bạch Liên giáo”, “Thiên địa hội” thời Minh Thanh, xã hội bí mật trải qua nhiều bước thăng trầm, nhưng chưa bao giờ dứt. Đến cuối Thanh và thời Dân Quốc (1911-1949), đã có đến 300 đoàn thể thuộc xã hội bí mật, với hàng chục triệu thành viên.

Xã hội bí mật gồm những đoàn thể của quần chúng tầng lớp dưới, những người hành tẩu chốn giang hồ trong tiểu thuyết võ hiệp cũng cơ bản là những hiệp khách áo vải. Hệ thống giáo môn chủ yếu là nông dân, họ cố thủ một góc trời, không rời quê hương, thường thường “đêm tụ ngày tán”, “tụ họp thì làm giặc, phân tán thì làm dân”. Thành viên của hệ thống hội đảng thì chủ yếu là dân lưu tán, không có nghề nghiệp. Họ hoạt động vô thường, lưu tán bất định, hoặc “tụ tập chốn sơn lâm” hoặc “tụ tập nơi bến sông”. Rõ ràng là phong cách của hội đảng rất gần với “khách giang hồ” trong tiểu thuyết. Hiệp khách giang hồ chủ yếu là dân lưu tán, hành hiệp trong lúc chu du khắp nơi.

Xã hội bí mật là loại hệ thống xã hội khác được lập nên bên cạnh xã hội vốn có. Nó đối lập với trật tự xã hội chính thống. “Giang hồ” cũng như thế. Giáo môn dùng cách truyền giáo để thu hút đồ chúng, có giáo chủ độc chiếm đại quyền, thống trị theo kiểu gia trưởng, đẳng cấp trên dưới chặt chẽ. Hội đảng thì phần nhiều là dùng cách mở hội lập đảng, kết minh tuyên thệ để chiêu mộ quần chúng, những người trong hội thì gọi nhau bằng anh em, “Trung nghĩa đường tiền vô đại tiểu” (trong trung nghĩa đường không phân biệt lớn nhỏ). Sắc thái tôn giáo của giáo môn rất đậm, tuyên truyền những quan niệm có tính chất tôn giáo để động viên quần chúng. Sắc thái tôn giáo của hội đảng mờ nhạt, lấy nghĩa khí để duy trì sự đoàn kết. Từ đó có thể thấy

những tổ chức như “Thần long giáo” (*Lộc Đỉnh ký*), “Tinh tú phái” (*Thiên Long bát bộ*) gần với giáo môn. Nhưng đa số các môn phái trong võ lâm thì dựa vào mô hình hội đảng trong thực tế lịch sử. Dù là hội đảng hay giáo môn thì cũng đều có nghi thức “nhập môn”, có những ẩn ngữ, ám hiệu, những bang quy giới luật của mình. Tiểu thuyết võ hiệp đã trực tiếp đưa những điều ấy vào thế giới “giang hồ”, khiến nó trở nên có vẻ chân thực.

Chức năng của xã hội bí mật chủ yếu là mưu cầu duy trì đời sống cho thành viên của nó, vì thế thường hoạt động trộm cướp kiểu lưu manh thổ phỉ. So ra, thế giới “giang hồ” trong tiểu thuyết võ hiệp sạch sẽ hơn nhiều, cao nhã hơn nhiều. Tác giả hầu như không hề nói gì đến thu chi kinh tế của các bang phái trong võ lâm và vấn đề cơm ăn áo mặc của hiệp khách. Hơn nữa trong phần nhiều tiểu thuyết thế giới “giang hồ” cũng được luân lý hóa cao độ. Hiệp khách tuyệt đối không giết người cướp của. Chỉ có “giang hồ” trong tiểu thuyết bạch thoại thời Minh Thanh thì mới tương đối tả thực, như đại hiệp Sử Hoảng Triệu trong truyện “Sử Hoảng Triệu long hổ quân thần hội” mời người ăn uống trong quán rượu mà không trả tiền, bị đòi tiền rất gấp bèn cho người ta “ăn một quả đấm”. Ngoài ra, xã hội bí mật thường can dự vào chính trị, tạo ra tin đồn, mưu đồ làm phản, có khi vì tranh giành ảnh hưởng mà dẫn đến cừ thù, những điều ấy đều được phản ánh trong thế giới “giang hồ” của tiểu thuyết võ hiệp. Qua các thời đại, giai cấp thống trị đều coi xã hội bí mật là lực lượng chống đối và đàn áp tàn khốc. Thành viên của xã hội bí mật đều bị vây hãm trong khốn cảnh. Tiểu thuyết võ hiệp thì lại dùng thủ pháp lãng mạn chủ nghĩa cao độ, tả thế giới giang hồ thành một xứ đào nguyên tiêu dao tự tại. Mức độ tự do của thế giới giang hồ kiểu đào nguyên hoàn toàn là hư cấu, khác xa với xã hội bí mật trong đời sống xã hội.

Nói chung, “giang hồ” mang bóng dáng của xã hội bí mật có thực trong lịch sử nhưng lại không mô tả giản đơn xã hội bí mật. Qua sự cải tạo của tiểu thuyết gia các thời đại, “thế giới giang hồ” đã dần dần bước ra khỏi lịch sử, trở thành một hình thái xã hội hoàn chỉnh, có tính chất tượng trưng, một loại ký thác tinh thần nhân văn Trung Quốc.

Nói một cách khái quát, “giang hồ” có 3 đặc trưng cơ bản:

Đối chọi ngang ngửa với thế giới quan phủ, không can thiệp vào nội bộ của nhau .

Giang hồ có phương thức sống của giang hồ, có ẩn ngữ ám hiệu, có tiêu chuẩn thị phi của giang hồ. Người ở trong “vương thổ” cần phải tuân thủ vương pháp quốc gia, còn người trong giang hồ phải theo quy tắc giang hồ, không cần phải quan tâm đến vương pháp. Dầu chốn giang hồ có xảy ra những chuyện kinh thiên động địa, triều đình cũng không can thiệp. Trong “Ỗ thiên Đồ long ký”, Tạ Tốn công nhiên coi cả võ lâm là thù địch, giết người như ngóe, cũng không thấy nha môn điều tra, phát lệnh truy nã. Bởi vì “giang hồ” và “vương thổ” vốn là hai thế giới khác nhau, “giang hồ” là một “xã hội thứ hai” nằm ngoài hệ thống xã hội thực có trong lịch sử.

Nói cách khác, người giang hồ thường cũng không muốn quan tâm đến triều chính. Họ vốn không phải là một lực lượng chính trị tự giác. Dù họ có ra tay dẹp những sự bất bình ngoài thế giới võ lâm cũng chỉ là “chống tham quan không chống hoàng đế”, trừ kẻ gian ác, không trừ bỏ kỷ cương, phần lớn không có ý lật đổ chính quyền.

Hoạt động có tính chất vô chính phủ.

Hiệp khách trong văn học võ hiệp cổ đại cơ bản là tự do không bị câu thúc (*thiên mã hành không*), một mình tự đến tự đi. Mặc dù có cả hàng ngàn thực khách tụ tập trong nhà “bốn công tử thời Chiến quốc” [1] cũng không hình thành tổ chức chính thức. Các môn khách hợp ý thì ở, không hợp thì đi, hết sức tự do. Bình Nguyên Quân “yêu nữ sắc mà khinh rẻ kẻ sĩ”, “tân khách bỏ đi quá nửa”, mãi đến sau khi Bình Nguyên quân giết ái cơ thì “họ mới dần dần trở lại”. Có thể thấy người trên chốn giang hồ sở dĩ tụ hội là vì nghĩa khí hấp nhau chứ không có kỷ luật ràng buộc. Ở thời cận đại, từ khi Bình Giang Bất Tiểu Sinh, trong tác phẩm “Giang hồ kỳ hiệp truyện”, hư cấu nên một phái Không Động, trên giang hồ mọc lên rất nhiều môn phái võ học. Nhìn bên ngoài, người giang hồ đều ở trong một tổ chức nào đó, nhưng loại tổ chức này lấy đạo nghĩa làm chuẩn tắc tối cao, bang quy giới luật là thứ yếu. Trong “Thiên Long bát bộ”, khi bang chủ mới của Cái Bang là Trang Tự Hiền giao đấu với Đinh Xuân Thu đã thi triển “hủ thi công” âm độc, liên tiếp làm chết mấy thành viên trong bang. Bang chúng cho rằng hành động của y đã “làm nhục thanh danh hiệp nghĩa mấy trăm năm của Cái Bang” bèn đường đường chính chính từ bỏ y. Đại hiệp chân chính là siêu việt tổ chức. Họ, hoặc là như Lệnh Hồ Xung sau khi bị khai trừ khỏi phái Hoa Sơn lại cự tuyệt gia nhập ma giáo, tuy phải miễn cưỡng làm chủ môn phái Hằng Sơn mấy ngày nhưng cuối cùng đã nhẹ nhàng ra đi (“Tiểu ngạo giang hồ”); hoặc như Trương Vô Kỵ làm thủ lĩnh Minh giáo nhưng rồi trao hết đại quyền cho Dương Tiêu, đem sách kinh điển binh pháp “Vũ Mục di thư” tặng cho Từ Đạt, rồi cùng Triệu Mẫn đến chùa Thiếu Lâm cứu nghĩa phụ Tạ Tốn, cuối cùng thì từ chức giáo chủ, lấy lại tự do (“Ỗ thiên Đồ long ký”). Hiệp khách dù thân có ở trong tổ chức hay không, về cơ bản là cá thể độc lập, chủ yếu là lấy ý chí và sức mạnh cá nhân mà lập thân trong chốn giang hồ đầy phong ba hiểm ác.

Tính chất luân lý hóa cao độ

Thế giới giang hồ rộng lớn, nhưng có thể quy kết vào hai trận doanh thiện-ác. Tất cả cái xã hội rối ren phức tạp ấy thường bị đơn giản hóa thành sự tranh chấp thiện-ác, chính-tà. Những cuộc xung đột ấy, tuy rất quanh co, ác liệt, nhưng cuối cùng “người thiện tất được phúc báo, kẻ ác tất gặp họa; kẻ tà tất chịu tai ương, người chính cuối cùng sẽ gặp lành” (Vấn Trúc chủ nhân - lời tựa “Trung liệt hiệp nghĩa truyện”) [2]. Kiểu luân lý hóa này được thể hiện rất rõ trong các cuộc tỉ đấu. Tỉ đấu vốn là so tài võ công, mạnh được yếu thua, chẳng có cái gọi là phân biệt chính-tà, thiện-ác. Nhưng trên giang hồ lại chỉ trích việc sử dụng những đòn hiểm độc là công phu “hạ tam lạm”. Trong “Mục Dã lưu tinh” của Lương Vũ Sinh, nhân vật chính phái sát tu luyện tâm pháp nội công chính tông, vừa có thể đánh địch vừa lợi cho việc tu tâm dưỡng tính; nhân vật tà phái phần lớn đều luyện tập “tu la âm sát chưởng”, “lôi thần chưởng”... là những công phu tà ác bá đạo, tuy hiệu quả rất nhanh nhưng dễ tẩu hỏa nhập ma.

Thế giới giang hồ dưới ngòi bút của ba bậc đại gia tiểu thuyết võ hiệp tân phái mỗi người đều có đặc sắc riêng. Thế giới “giang hồ” của Lương Vũ Sinh gắn với lịch sử, có lý tưởng chính trị, nhà văn dùng nhiều bút mực để phô trần bối cảnh lịch sử đặc định, trực tiếp biểu hiện những cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp gay gắt. Ông khẳng định mình “theo đuổi tính chân thật lịch sử, coi trọng chủ nghĩa hiện thực”. Tác phẩm của ông, nhìn tổng thể không vượt khỏi cái khung lịch sử, tuy bên trong không ít những nhân vật và võ công có tính hư cấu. Hơn nữa lịch sử được tái hiện phần lớn đều có tính chất luân lý hóa, giản đơn hóa. Ông rất ít khi xây dựng thế giới giang hồ thành một thế giới đồng thoại. Cho nên lời phê bình của La Lập Quần trong “Lịch sử tiểu thuyết võ hiệp Trung Quốc” là rất thích hợp: Tác phẩm của Lương Vũ

Sinh “tính hiện thực chưa đủ độ sâu, tính ngụ ngôn cũng mờ nhạt, thiếu sức thuyết phục về phương diện triết lý”.

Kim Dung cũng thường lấy đề tài từ lịch sử, nhưng ông chỉ lấy nhân vật và câu chuyện lịch sử làm “vật liệu xây dựng”, cấu tạo nên một thế giới giang hồ hư ảo. Thế giới giang hồ của Kim Dung rất rộng lớn, đầy sức hấp dẫn, có tính tượng trưng cao độ. Đối với việc biểu hiện hoàn cảnh lịch sử đặc định, Kim Dung không mấy hứng thú với những lý niệm chính trị. So với Lương Vũ Sinh, thế giới giang hồ của Kim Dung có tính chất siêu thoát hơn. Mặt khác “giang hồ” của Kim Dung lại có gốc rễ trong sự thể nghiệm hiện thực xã hội. Trong sóng gió giang hồ hoang đản lại thấm đẫm ý vị văn hóa và tâm lý chính trị của Trung Quốc. “Giang hồ” trong tiểu thuyết Kim Dung thường là tấm gương của hiện thực xã hội, nó vừa né tránh hiện thực xã hội lại vừa có những khiếm khuyết như trong đời sống. Trong “Tiểu ngạo giang hồ”, Lưu Chính Phong muốn “rửa tay gác kiếm”, rút khỏi chốn giang hồ mà tiểu thuyết võ hiệp hằng ca ngợi. Ở đây Kim Dung đã dùng thế giới giang hồ để phê phán hiện thực xã hội. Chẳng trách có người nói rằng: tiểu thuyết Kim Dung “viết về giang hồ mà ý ở giang sơn; vừa biểu hiện tình cừu vừa liên quan đến thời vận.”

Cổ Long lại khác với Lương, Kim. Ông không quan tâm đến bối cảnh lịch sử, biến giang hồ thành một thế giới đồng thoại thuần túy. Trong tiểu thuyết của ông, thường chỉ thấy một vùng, một đoạn hang núi, một thôn trang đủ biến thành một “sân khấu” đại bi đại hỉ cho hiệp khách xuất sinh nhập tử. Hưng Vân Trang trong “Đa tình kiếm khách vô tình kiếm” là ở đâu? Lang Sơn (trong “Thất chủng vũ khí”) tọa lạc ở nơi nào? Cổ Long không cần kể rõ. Điều Cổ Long hứng thú chỉ là nhân tính trong cảnh ngộ sinh tử tồn vong. “Giang hồ” của Cổ Long cũng giống như võ công trong tác phẩm của ông, chẳng theo khuôn mẫu nào, mà chỉ là một loại thế giới, một cảnh giới thiên với triết tâm kiến tính là tông chỉ.

Nói một cách cụ thể, giang hồ do bốn yếu tố lớn tạo thành, đó là:

- Người giang hồ,
- Việc giang hồ,
- Đạo nghĩa giang hồ
- Trời đất giang hồ.

Đã là người giang hồ thì phải giẫm trên đất giang hồ, giữ đạo nghĩa giang hồ, xử lý việc giang hồ. Người giang hồ quản việc giang hồ, người thường không can thiệp.

Người giang hồ

“Suất thổ chi tân,

Mạc phi vương thần.”

(Khấp côi bờ đất nước,

Không ai không phải là bề tôi của nhà vua)

Điều ấy đã được khẳng định trong Kinh Thi, tổng tập thơ Trung Quốc đời Chu (thế kỷ XI đến thế kỷ III TCN). Nhưng người giang hồ không ở trong giới hạn ấy. Làm người ở giang hồ tất

phải có bản lĩnh và tư tưởng của người giang hồ. Không thể thì phải làm bề tôi của nhà vua. Cho nên người giang hồ khác người thường. Người giang hồ tất phải có “võ công” và “võ đức”.

Dân tộc Trung Hoa vốn có tinh thần thượng võ. Điều ấy không có gì lạ, bởi vì sự thay triều đổi đại trong suốt mấy ngàn năm đều dựa vào sức mạnh để “giành được thiên hạ trên lưng ngựa”, những người anh hùng “vung đao tế ngựa” được người đời hâm mộ và noi theo.

Trong xã hội Trung Quốc cổ đại, chiến tranh liên miên không ngớt, vua chúa các nước chư hầu đều rất cần những người tài kiêm văn võ để bảo vệ xã tắc của mình. Bắt đầu từ thời Ân Thương, việc dạy học đã coi trọng cả văn lẫn võ. Khổng Khâu, thủy tổ của Nho gia ở thời Tiên Tần đã rất coi trọng võ bị. Ông thường dạy học trò: để giữ nước cần phải có đủ lương thực và quân đội. Ông cho rằng: “Không dạy dân võ nghệ mà bắt họ chiến đấu, như thế là bỏ dân”. Trong nội dung dạy học, Khổng Tử chủ trương dạy “lục nghệ” (lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số = lễ nghi, âm nhạc, bắn cung, đánh xe, viết chữ, tính toán), coi trọng “xạ”, “ngự”.

Làm người giang hồ, không phải chỉ thích võ công mà phải võ công cao cường, nếu không thì không thể tồn tại trên chốn giang hồ, xử lý việc giang hồ. Giang hồ tuy có đạo nghĩa giang hồ nhưng vẫn phải tuân thủ cái quy luật sắt “mạnh được yếu thua”. Là “hiệp” là “ma” (tà phái) hay “đạo” (kẻ cướp) thì cũng phải dùng sức mạnh để bảo vệ chủ trương và lợi ích của mình. Cho nên trên giang hồ nhân vật có danh tiếng tất phải là cao thủ võ lâm. Thanh danh cao thủ phải giành được bằng sức mạnh. Võ công, thoái có thể tự vệ, tiến có thể giết người, đầy tính chất thách thức, cho nên võ công là thứ rất nguy hiểm. Vì Tiểu Bảo là nhân vật ngoại lệ duy nhất. Y võ công kém cỏi (nói kém cỏi e còn vinh dự quá) cho nên thường bị người ta bắt sống một cách dễ dàng. Dù y mềm mép nịnh hót trơn như mỡ, nhưng lúc nguy cấp vẫn phải rút chủ thủ trong tay áo ra, hoặc dựa vào sức lực của Song Nhi, hoặc nhờ cao thủ của Thiên Địa hội giải cứu. Giang Tiểu Hạc ngậm oan vào tù đã thở than ai oán: “đường giang hồ quả thực khó đi”, không hiểu sao người ta cứ chà đạp y; nhưng sau khi y học được tuyệt nghệ ở Thiên Mục sơn thì đường giang hồ trở nên dễ đi hơn nhiều. Có thể thấy, không có võ công thì khó lòng đứng được trên chốn giang hồ, khó lòng làm người giang hồ.

Người giang hồ sống trên lưỡi đao, không có võ công không được. Nhưng người giang hồ học võ công là có mục đích, cho nên đạo nghĩa giang hồ chủ trương “lấy đức khống chế võ”. Giết người một cách bậy bạ thì đều làm đồng đạo trên chốn giang hồ tức giận, công phần. Một khi đã làm cho mọi người phản nộ thì cũng không có chỗ đứng trên giang hồ, kết quả là chỉ còn con đường chết hoặc tuyệt tích giang hồ.

Chu Vũ Vương từng để lại “kiếm minh” (lời khắc trên kiếm), “cung minh” (lời khắc trên cung) để dạy thần tử. Lời khắc trên kiếm nói rằng: “Mang kiếm để chế phục, rút ra là để hành đức, hành đức thì hưng thịnh, bội đức thì lu mờ.” Như vậy có nghĩa là nhấn mạnh võ công phải được điều khiển bởi nhân đức.

Cao thủ chính phái và cao thủ tà phái đều có thể thành công nhưng chỉ có võ công của cao thủ chính phái mới đạt đến tuyệt đỉnh. Vì sao? Cao thủ chính phái có giết người thì cũng để ngăn chặn kẻ giết người, còn cao thủ tà phái thì giết người vô tội vạ, không ghê tay. Bởi vì cao thủ chính phái tâm bình khí hòa, khí hòa thì không có hại; cao thủ tà phái tâm độc khí bạo, khí bạo thì tất nhiên tẩu hỏa nhập ma. Võ đức chế ngự võ công, công dụng của nó đại để là như thế.

Có tu dưỡng võ công và võ đức mới coi là “đạt đạo”. Đạt đạo rồi thì hành tẩu giang hồ. Một khi đã đặt chân lên đất giang hồ thì thành người giang hồ, muốn ra khỏi chốn giang hồ cũng khó.

Các nhà tiểu thuyết võ hiệp căn cứ trên những tiêu chuẩn mơ hồ, chia nhân vật giang hồ ra làm ba loại; chính, tà và trung gian giữa chính với tà (chính tà lẫn lộn). Sự phân biệt chính-tà này nói chung là do chủ đề quyết định. Nếu chủ đề của tác phẩm là chủ trương giang hồ bình yên thì kẻ có tham vọng “nhất thống giang hồ” như Nhậm Ngã Hành (trong “Tiếu ngạo giang hồ” của Kim Dung) tất thuộc loại tà phái, còn Lệnh Hồ Xung, Doãn Doãn... là nhân vật chính phái. Cùng là kết giao với nước khác nếu lấy Hán tộc làm trung tâm thì “Võ lâm thiên kiêu” (Bối lạc của nước Liêu trong tác phẩm “Cuồng hiệp thiên kiêu ma nữ” của Lương Vũ Sinh) là nhân vật chính phái, còn thúc phụ của Liễu Thanh Dao là nhân vật tà phái.

Người giang hồ có những nghề nghiệp, thân phận khác nhau. Người chốn giang hồ trong tiểu thuyết võ hiệp thường là: du hiệp, đại đạo (kẻ cướp), thần đầu (kẻ trộm), tiêu sư (bảo vệ hàng hóa), võ sư hộ viện, quyền sư (thầy dạy võ), đại nội thị vệ (bảo vệ hoàng cung), tăng, ni, đạo sĩ, cái (ăn mày), quan lại, hoạn quan, nhà buôn, nông phu, thầy thuốc, nghệ nhân, ẩn sĩ, lục lâm, sát thủ (kẻ đâm thuê chém mướn), bổ khoái (người làm việc bắt cướp ở công phủ) v.v...

Người giang hồ đặc biệt coi trọng thanh danh, bởi vì thanh danh là “giấy thông hành” để đi lại trên chốn giang hồ, nó còn hơn cả võ công. Để có thanh danh thì trước hết phải dựa võ công, thứ hai là dựa vào tín nghĩa. Võ công thấp kém chưa phải là nhục, đáng nhục là nói lời rồi lại ăn lời. Một tiếng “ừ” đáng giá ngàn vàng, nói chắc đúng, làm tất thành công, đó là chuẩn tắc đạo đức mà người giang hồ đều tuân thủ, đó cũng là cái đức của người học võ. Đạo nghĩa hiệp khách coi trọng tín nghĩa. Mao Thập Bát (hiệp đạo trong “Lộc Đỉnh ký” của Kim Dung) giữ lời hứa đến nơi hẹn từ mấy năm trước, y đã không sợ lộ tung tích, không quản thân đang bị thương nặng, nhất quyết phải thực hiện “lời hứa chết người”. Tín nghĩa trọng hơn sinh mệnh. Không có tín nghĩa không xứng là người giang hồ. Người giang hồ lấy tín nghĩa làm gốc, lấy võ công làm phương tiện.

Trong xã hội giang hồ đầy những cao thủ võ lâm ấy, sức mạnh của một người không đủ đối địch với cả giang hồ. Cho nên người trên chốn giang hồ thường kết thành các phái. Vì thế mà các môn phái mọc lên như rừng. Danh tiếng lẫy lừng nhất trên giang hồ là Thiếu Lâm và Võ Đang (Vũ Đương). Quang vinh của môn phái được quyết định bởi tình hình hưng thịnh của nhân tài trong môn phái. Địa vị tông sư của võ lâm có thể khiến cho bản phái danh chấn giang hồ. Các phái Thiên Sơn, Mân Sơn, Không Động, Hoa Sơn, Hoàng Sơn, Cái Bang, Tiên Thiên Vô Cực v.v... đều từng đứng đầu một thời.

Có người cho rằng người giang hồ là loại người tiêu dao tự tại, không chấp nhận pháp luật quan phương, không chịu sự ràng buộc của lễ giáo thế tục. Họ là những “siêu nhân” khác hẳn với phàm phu tục tử. Đúng là loại tiểu thuyết hạng hai hạng ba (hạng xoàng) thường đem đến cho người ta ấn tượng ấy. Thế nhưng, những tiểu thuyết gia cao minh thông qua những cảnh giới hư ảo lại biểu hiện nhân tính chân thực của con người. Cổ Long có một câu danh ngôn rằng: “Người ở chốn giang hồ, thân không còn là của mình” (Nhân tại giang hồ, thân bất do kỷ). Câu danh ngôn ấy đã trở thành chủ đề trong các tác phẩm thời kỳ sau của ông. Cổ Long không những cũng như Kim Dung đã vạch ra những khiếm khuyết của thế giới giang hồ mà còn suy

ngầm sâu sắc về nhân tính. Nỗi niềm cảm khái trong nhiều tác phẩm của ông mang ý vị triết lý, chẳng hạn:

“Có những việc đầu anh biết rõ rằng có làm cũng vô ích nhưng lại không làm không được”.

“Sau khi thắng lợi, con người thường cảm thấy rất mệt mỏi, rất hiu quạnh.

Bởi vì anh ta đã hoàn toàn thắng lợi, hoàn toàn thành công, không có điều gì để anh ta phấn đấu nữa; còn một người thất bại thì tinh thần lại còn có phần hăng hái.

Người bạn đáng tin cậy nhất có khi lại là kẻ cừ địch đáng sợ nhất. Nhưng một đối thủ đáng sợ nhất cũng có khi là người bạn tri âm.

Bởi vì người đủ tư cách làm đối thủ của anh mới đủ tư cách là tri kỷ của anh.

Có lẽ nàng mãi mãi yêu chàng, nhưng chỉ vì yêu quá sâu sắc nên không sao nói được thành lời.

Đó chính là nhược điểm và mâu thuẫn của nhân tính.”

Người giang hồ chính ở trong cảnh ngộ không sao tưởng tượng nổi. Với sự khoa trương khác thường, với hình thức đặc biệt, các tác gia tiểu thuyết võ hiệp này đã biểu hiện “nhược điểm và mâu thuẫn của nhân tính” của con người chúng ta, từ đó mà có thể trở thành bằng hữu của chúng ta.

Trời đất giang hồ

Muốn làm người giang hồ, phải giẫm chân lên đất giang hồ. Giang hồ, ấy là trời đất của người giang hồ.

Nhưng

“Phổ thiên chi hạ,

Mạc phi vương thổ”

(Khắp dưới gầm trời

Không đâu không phải là đất của nhà vua)

Tìm đâu ra một “lãnh địa” siêu thoát khỏi vương quyền để tạo dựng nên thế giới giang hồ cho người giang hồ?

Giang hồ vẫn ở trên lãnh thổ của thế giới quan phương. Về mặt địa vực mà nói, ngoại diên của thế giới giang hồ bằng, thậm chí còn rộng hơn thế giới quan phương. Trời đất giang hồ có thể mở rộng đến nước ngoài, thí dụ như băng hỏa đảo ở Bắc cực có khi cũng trở thành một bộ phận của trời đất giang hồ (“Ỗ thiên Đồ long ký”). Tuy có sự co giãn như vậy nhưng cơ bản là ở trong giới hạn của một nước, vượt ra ngoài giới hạn đất nước chỉ là ngoại lệ.

Xã hội giang hồ ở trong xã hội quan phương. Điều cơ bản này cho thấy người giang hồ xử lý việc giang hồ thực tế cũng là việc phát sinh trong đời sống của trăm họ.

Thế nhưng, thế giới giang hồ thường mang màu sắc thần bí, dân chúng bình thường chưa hề thấy. Làm sao khiến cho người thường tin rằng thế giới giang hồ là một tồn tại khách quan, chỉ

có điều ta chưa hề thấy tận mắt mà thôi? Đây chính là chỗ khó của việc xây dựng thế giới giang hồ.

Thế giới giang hồ là một thế giới ước lệ, hình thái ý thức xã hội cơ bản của nó là miệt thị sự thống trị quan phương và coi trọng tín nghĩa, hành vi cơ bản là đánh nhau, giết người. Căn cứ khách quan của việc xây dựng thế giới giang hồ là: sự thống trị trong thế giới quan phương có lúc có nơi yếu kém vì thế mới có khả năng tồn tại một thế giới giang hồ. Vấn đề là làm sao tránh được tai mắt của người ta. Tác gia tiểu thuyết võ hiệp đã chọn nơi mà người thường ít đến và lúc mà người thường ít xuất hiện. Người giang hồ thường đi đêm, họ thích ngày nghỉ đêm đi, đêm tối là thiên hạ của giang hồ. Nơi ít dấu chân người là thiên hạ của người giang hồ.

Người giang hồ cần tránh quan phủ. Người giang hồ giết người, người ngoài không biết nhưng họ phải tránh sự truy sát của người giang hồ cho nên phải chọn nơi ẩn tránh có thể phòng thủ. Núi cao rừng rậm sa mạc hoang đảo... là bình phong thiên nhiên của người giang hồ, chùa chiền đạo quán cách xa trần thế là những trời đất giang hồ khá lý tưởng.

Trời đất giang hồ trước hết phải kể đến núi rừng, thứ hai là chùa chiền đạo quán rồi đến sơn trang, sa mạc, hoang đảo, sông biển, quán trà tiệm rượu, sòng bạc, kỹ viện (lầu xanh) và cả... cung đình.

Núi rừng (sơn lâm)

“Thiên hạ danh sơn tăng chiếm đa”

(Thầy chùa chiếm nhiều danh sơn trong thiên hạ)

Vì sao? Núi cao rừng rậm ám hợp với chữ “ẩn”. Phàm những người muốn xa cách hồng trần đều chọn núi mà ở. Đại trung thần “không chịu ăn thóc nhà Chu” cuối cùng chết đói ở trong núi. Người xưa hành quân đánh trận, thích dựa vào thế núi để an dinh hạ trại, tiến có thể đánh lui có thể giữ, hàm một chữ “cố” (vững chắc). Binh pháp nói “Phùng lâm mạc nhập” (gặp rừng chớ vào) vì ở đó hàm một chữ “hiểm”.

“Bất thức Lư Sơn chân diện mục

Chỉ duyên thân tại thử sơn trung” [\[3\]](#)

(Không biết gương mặt thật của Lư Sơn

Chỉ vì thân ở trong núi này)

Ở đó hàm chứa chữ “bí”. Vì những nhân tố ấy, núi rừng trở thành trời đất giang hồ lý tưởng.

Kẻ lục lâm thích “chiếm núi làm đại vương”. Cuối thời Vương Mãng triều Tân [\[4\]](#), Vương Khuông Vương Phượng tụ tập quần chúng khởi nghĩa, chiếm cứ núi Lục Lâm (nay ở huyện Dương Dương tỉnh Hồ Bắc), gọi quân đội của mình là “lục lâm quân”. Vì thế đời sau thường dùng hai chữ “lục lâm” để chỉ những đội quân tụ tập ở rừng núi chống lại triều đình phong kiến, trừng trị bọn cường hào ác bá. Chữ “lục lâm” cũng được dùng để chỉ bọn cường đạo, thổ phỉ.

Võ lâm là hợp thể của người giang hồ. Sách “Tứ hải” giải thích từ “võ lâm” như sau: một là địa danh cổ; hai là tên núi cổ - nay là núi Thiên Trúc Chủ, ở Linh Ẩn, phía tây thành phố Hàng Châu,

tỉnh Chiết Giang.

“Võ lâm” tuy không giống lục lâm nhưng cũng rất có duyên nợ với rừng núi.

Người giang hồ thích núi rừng, những môn phái lớn của võ lâm giang hồ phần nhiều phát tích từ núi, như phái Thiên Sơn, phái Hoa Sơn, phái Vũ Đang... Núi lớn có phái lớn, núi nhỏ có phái nhỏ như phái Câu Lậu ở núi Câu Lậu.

Người giang hồ luyện võ công thường thích ở một mình trong núi sâu vì ở trong núi yên tĩnh, ít bị quấy rầy.

Người tránh kẻ thù cũng thích ẩn cư nơi hang núi, hang núi không những dễ dàng ẩn nấp mà thường có phong cảnh thích hợp với con người.

Chỗ cao nhất là đỉnh núi, chỗ sâu nhất là khe, hiểm nhất là bờ vực, âm u nhất là hang, tối nhất là động. Ở những nơi ấy thường có di tích của bậc tiền bối giang hồ, hoặc có chuông kinh kiếm phổ khắc trên vách đá, hoặc giấu bí cấp võ công trong động. Sơn lâm có sức quyến rũ rất mạnh đối với người giang hồ.

Chuyện giang hồ xưa nay quá nửa là viết về chốn sơn lâm. Người thường chỉ nghe tác gia tiểu thuyết nói thao thao về chốn ấy, mà chưa có duyên may được thấy bao giờ.

Chùa chiền đạo quán (tự miếu đạo quán)

Chữ “Tự” nguyên là tên quan thự thời cổ đại, như Đại Lý tự, Thái Thường tự, Hồng Lô tự... Khi Phật giáo truyền vào Trung Quốc, sớm nhất là Bạch mã chở kinh và tượng Phật đến Lạc Dương, đầu tiên là ở Hồng Lô tự, cơ quan chuông quản về ngoại giao, năm sau xây dựng tự (chùa), mệnh danh là “Bạch mã”, gọi là “Bạch mã tự”, đó là chùa thờ Phật đầu tiên ở Trung Quốc. Chùa cũng gọi là “miếu” hoặc gọi ghép là “tự miếu”. “Miếu” vốn là nơi thờ phụng tổ tông và hiền triết đời trước, cũng dùng để gọi nơi thờ phụng thần Phật. Nhà tranh, nơi người lánh đời tu hành ở, gọi là “am”. Về sau chùa thờ Phật mà ni cô ở cũng được gọi là “ni cô am” hoặc “ni am”. Chùa thờ Phật từ đời Hán ở Trung Quốc, trải qua quá trình diễn biến lâu dài, trở nên phổ biến ở thời Lục triều, hưng thịnh ở thời Tùy-Đường, sa sút ở thời Minh Thanh. Kiến trúc chùa Phật ở Trung Quốc đại khái chia làm hai loại lớn là kiểu y sơn và kiểu bình xuyên, tương ứng với hai kiểu ấy, bố cục của tự viện cũng có hai loại là thạch quật tự và tháp miếu.

Đến cuối Đường, nơi tín đồ Phật giáo tập trung triều bái có 4 xứ: Ngũ Đài Sơn (thánh địa của Văn Thù Bồ Tát); Phổ Quang Vương Tự ở Tứ Xuyên (Thánh địa của Tăng già Đại thánh); Chung Nam sơn (Thánh địa Tam giai giáo) và Pháp Môn Tự ở Phụng Tường (Thánh địa Phật cốt).

Phật giáo Trung Quốc thời Tùy Đường đã hình thành nên 8 Tông phái lớn. Nhưng tự viện (chùa chiền) mà tổ sư các phái khai sáng hoặc trụ trì được gọi là “Tổ đình”. Các tổ đình này là: Thiên Thai sơn, Thê Hà Tự, Từ Ân Tự, Hưng Giáo Tự, Hoa Nghiêm Tự, Thảo Đường Tự, Đại Minh Tự, Đại Hưng Thiện Tự, Thanh Long Tự, Huyền Trung Tự, Hương Tích Tự, Đông Lâm Tự. Tổ đình của Thiền Tông gồm Thiếu Lâm Tự, Sơn Cốc Tự, Tứ Tổ Tự v.v...

Chùa chiền của Phật giáo Lạt Ma ở Trung Quốc, ngoài Bồ Đạt Lạp cung ra phần nhiều chùa chiền là ở Tây Tạng và Thanh Hải. Tám miếu ở quanh thị trấn sơn trang Thừa Đức ở Hà Bắc, Ung Hòa Cung ở Bắc Kinh cũng rất nổi tiếng.

Trong thế giới võ hiệp, thánh địa của Đạo giáo là núi Vũ Dương (hay Võ Đang). Thánh cảnh ở Vũ Dương có tám cung, hai quán, 36 am, 39 cầu, 12 đình. Tám cung ở núi Vũ Dương là Tĩnh Lạc, Nghênh Ân, Ngũ Hổ, Ngũ Chân, Nam Nham, Tử Tiêu, Ngọc Hư, Thái Hòa. Ngoài ra các núi Thanh Thành, Hoa Sơn, Hoàng Sơn đều là những thánh địa của Đạo gia và Đạo giáo nổi tiếng trên thế giới giang hồ.

Đạo giải thoát của Phật giáo là dựa vào giới, định, tuệ mà đạt tới cảnh giới Niết bàn; đạo giải thoát của Đạo giáo là dựa vào sự tu dưỡng thân tâm mà thành tiên. Đạo và Phật, một trọng tu thân một trọng tu tâm cho nên đều cần yên tĩnh, tránh tức giận. Chùa chiền và đạo quán được coi là tịnh thổ, là nơi thanh khiết. Nhưng chùa chiền đạo quán trong giang hồ thì khó lòng tránh được đả đấu lưu huyết. 72 tuyệt nghệ của Thiếu Lâm uy chấn giang hồ; Liên Hoàn Đoạt Mệnh Kiếm và Thái Cực Kiếm của Vũ Dương lừng danh thiên hạ, những tiếng tăm ấy đều đầm máu. Nhưng tăng và đạo không tùy tiện giết người như những hán tử lỗ mãng trên chốn giang hồ. Họ rất thận trọng, trước hết là khuyên kẻ địch “phóng hạ đồ đao”, khuyên không được thì dùng đến phép “nhẫn” (nhường nhịn), đến mức không thể nhẫn được mới “đại khai sát giới”. Cho nên việc chém giết xảy ra nơi chùa chiền đạo quán rất có cách điệu, võ công đã cao cường, lễ nghi cũng nhiều, tiếng niệm “A di đà Phật”, “Vô lượng thọ phật” lẫn trong tiếng đao thương chất chúa.

Quán trà tiệm rượu (trà lâu tửu tứ)

Người Trung Quốc thích uống trà và cũng thích uống rượu, quán trà tiệm rượu mọc khắp nơi. Người vào quán trà, có người “quanh năm vất vả, tình cờ có được ngày nhàn, cùng với vài ba người tri kỷ nhâm nhi tách trà tán chuyện”, cũng có người “ngồi lê la vui vẻ quên về”. Ở vùng Giang Nam mãi đến cuối thời Càn Long, “Giang Ninh mới có quán trà. Vườn Hồng Phúc, vườn Xuân Hòa đều có văn tinh các, mỗi vườn chiếm một khoảng bờ sông, luôn đầy khách”. Đồi Thanh, dầu là nơi biên viễn xa xôi hay xóm thôn vắng vẻ cũng nhiều quán trà tiệm rượu, làm nơi giải khát cho khách qua đường. Những quán trà như thế phần nhiều do tăng đạo xuất gia hoặc thiện nam tín nữ làm việc từ thiện, gọi là “thí trà sở”, đều không lấy tiền.

Xuôi ngược giang hồ không thể không vào quán trà. Quán trà là nơi tam giáo cửu lưu tụ hội, có thể nghe ngóng được nhiều tin tức, có thể nghỉ ngơi trên dặm đường bôn ba.

Tính chất của trà ôn hòa, người xuất gia kiêng rượu chứ không kiêng trà. Người giang hồ đưa đón khách đều thích dùng trà. Đặc biệt là ở trong chùa chiền đạo quán, trà rất được quý trọng. Nhưng người uống trà rất cẩn thận, bởi vì họ phải chú ý xem trong trà có thuốc độc không, hiệp khách trẻ tuổi ngại nhất là bị các cô gái bỏ “xuân dược”. Dù thế, trà vẫn đem lại ý vị bình yên cho chốn giang hồ vốn tanh mùi máu.

Nếu bảo giang hồ còn có chỗ an toàn thì nơi an toàn nhất là quán trà, có lẽ bởi vì trà vốn là dành cho văn nhân.

Nhưng rượu thì lại khác. Rượu tính mãnh liệt, uống nhiều dễ sinh chuyện. Người ta lúc vui uống rượu, lúc buồn cũng uống rượu, gặp việc gì cũng uống rượu. Người giang hồ càng khoái uống rượu, hòa thượng cũng uống rượu cũng tìm được cách lấp liếm.

Đến tiệm rượu có rất nhiều người không vui. Người không vui thường thích kiếm chuyện. Đến tiệm rượu rất nhiều người rồi rồi, người rồi hơi thích sinh sự, gây gổ. Tiệm rượu cũng có

hiều người vui vẻ, người đang cao hứng ghét nhất là bị người ta làm cụt hứng. Cho nên tiệm rượu là nơi lăm chuyen, vài câu không vừa ý là có thể thượng cẳng chân hạ cẳng tay. Quán rượu chốn giang hồ càng nguy hiểm. Người giang hồ thích mở “hắc điểm”, bỏ thuốc mê vào rượu, hại người cướp của. Không chỉ ở “hắc điểm” mà ở bất kỳ nơi nào người giang hồ uống rượu cũng đề phòng trong rượu có thuốc độc. Dù người chết vì rượu rất nhiều nhưng người giang hồ vẫn quý rượu hơn tính mạng, có lẽ vì người giang hồ quá ư hieu quạnh. Có lẽ không có vị độc giả nào không muốn Lý Tầm Hoan ho đến đứt hơi kia kiêng rượu nhưng Lý Tầm Hoan vẫn uống rượu không thôi. Trong thế giới giang hồ, rượu chẳng những gắn liền với phong độ hiệp khách mà còn gắn liền với võ công. Uống rượu, đấu rượu, truyền cốc, những ngón nghề ấy thường được dùng để đánh giá võ công, một tay nâng ly rượu một tay lấy mạng người - thật là “tiêu sái đáng nể”.

Nếu nói bình phẩm danh trà thể hiện sự cao nhã của hiệp khách thì uống rượu tì tì càng biểu hiện rõ khí độ hùng tráng của hiệp khách. Những anh hùng hảo hán dưới ngòi bút Cổ Long như Sở Lưu Hương, Lục Tiểu Phượng, Lý Tầm Hoan, Diệp Khai, Tiêu Thập Nhất Lang... Không ai là không bầm sinh hải lượng [\[5\]](#). Nhân vật Hồ Thiết Hoa trong tác phẩm “Hiệp đạo Sở Lưu Hương” hễ thấy rượu là mắt sáng lên, mặt ửng đỏ, 3 ngày 3 đêm không ngủ cũng được, một ngày không rượu không xong. Nhân vật “đệ nhất kỳ nam tử” Kiều Phong trong “Thiên Long bát bộ” của Kim Dung đã biểu hiện hùng khí trong hào ẩm. Trước cuộc đại chiến ở Tụ Hiền Trang, chàng cùng anh hùng thiên hạ uống bữa rượu tuyệt giao, hơi rượu bốc men say khiến độc giả cũng cảm thấy sảng khoái. Người trong làng say có thể có nhiều nhược điểm nhưng hoàn toàn không có giả dối kiểu cách. Trong đấu rượu thấy rõ nhất chân tính của con người. Đoàn Dự và Kiều Phong trong cuộc cuồng ẩm ngàn chén trong quán rượu đã phơi gan trải mật mà kết thành huynh đệ. Còn loại người âm hiểm nguy quân tử như Nhạc Bất Quần trong “Tiểu ngạo giang hồ” thì không bao giờ dám uống rượu thoải mái vì sợ lộ chân tướng.

Làng say thường là muốn trốn tránh thế giới hiện thực. Lý Tầm Hoan trong mối xung đột giữa tình và nghĩa, vì muốn trọn tình bằng hữu mà hy sinh tình yêu, nhưng mối tình ấy đã khắc cốt ghi xương, dù bao năm xa cách ngàn dặm vẫn không cách gì khuây nguôi được. Chàng chỉ còn biết chìm nổi thống khổ trong ly rượu.

Có khi uống rượu lại là một cách để che giấu bộ mặt thật của mình. Đối với người hay xin, người khác không biết khi nào anh ta say thật khi nào anh ta giả đồ. Người say có khi tâm trí rất tỉnh táo. Trong “Thất chủng vũ khí” của Cổ Long, Tiêu Thiểu Anh, đệ tử của Song Hoàn môn ham rượu như mạng sống, biết rượu có thuốc độc vẫn uống, nằm trong quan tài còn kêu: “Rượu chưa uống hết sao có thể chết được?” Người nghiện rượu thường bị coi là ý chí bạc nhược, tự vứt bỏ mình, chẳng khác gì cái xác không hồn. Cho nên, Cát Đình Hương sau khi tiêu diệt Song Hoàn môn, chẳng thềm đếm xỉa gì đến Tiêu Thiểu Anh. Thế nhưng chàng Tiêu Thiểu Anh kia nhờ sự yểm hộ của rượu đã thừa cơ hành động, cuối cùng đã trả được mối thù của môn phái.

Trong tiểu thuyết võ hiệp, không thể thiếu trà và rượu, nhất là rượu càng là một thứ “đạo cụ” rất thuận tay vừa ý để cho tác giả khắc họa tính cách nhân vật. Cổ Long là một đại gia về rượu, bản thân Cổ Long cũng là cư dân làng rượu, ông chết sớm cũng là vì rượu. Bản thân ông có thể nói là tìm được chân ý vị của nhân sinh trong ly rượu. Bản thân của ông là Yến Thanh đã từng

nói “Cổ Long chẳng những nghiện rượu mà còn có tri thức rất phong phú về rượu. Nếu ông hứng thú viết một bộ “tửu kinh” thì chắc chắn cũng đắt khách như tiểu thuyết võ hiệp.”

Sa mạc hải đảo (đại mạc cô đảo)

Sa mạc rộng lớn, hải đảo cô quạnh. Cái rộng lớn của sa mạc có thể ẩn thân; cái cô quạnh của hải đảo thích hợp với người phiêu lưu lạc. Người giang hồ không tự nhiên đi vào sa mạc, người vào sa mạc phần lớn là để chạy trốn sự truy nã; người giang hồ cũng không vô cớ mà ra hải đảo, người cư trú trên hải đảo phần nhiều là vì thất ý trên chốn giang hồ.

Sa mạc hải đảo vắng dấu chân người, ngọn roi của quan phủ cũng ít với tới, cho nên cũng là một đất trời lý tưởng của khách giang hồ.

Sa mạc chẳng khác gì tử địa, cho nên người chạy vào sa mạc thực tế là đánh một canh bạc lớn: đánh bạc sống chết với sa mạc, đánh bạc can đảm với kẻ truy nã. Canh bạc lớn này càng tăng thêm sức mạnh sinh tồn của người bị truy nã. Kẻ truy nã chỉ khoảng 50% dám vào sa mạc, khả năng bắt được người cũng chỉ 50%, cũng đáng một canh bạc đấy chứ.

Người giang hồ vào sa mạc còn có hai động lực, một là tìm người, một nữa là tìm báu vật. Chính vì sa mạc rất nguy hiểm, rất rộng lớn cho nên đầy tính chất thần bí. Khi tìm khắp nơi chẳng được thì sa mạc bí ẩn trở thành hy vọng cuối cùng.

Hải đảo là lục địa giữa biển khơi. Đảo đem đến cho con người cảm giác phiêu lưu, cho nên người thất ý trên chốn giang hồ thích nương thân nơi hải đảo. Hải đảo cũng thường là nơi bọn cướp biển chiếm cứ, bởi vì hải đảo cách xa sự thống trị của quan phủ, ở trên hải đảo người ta có thể làm những việc mình muốn làm.

Trong con mắt của người thường, hoang đảo rất đáng sợ. Trước hết, biển là rất đáng sợ, nơi vắng bóng người đã đáng sợ, huống chi trên hoang đảo còn có thể có bọn cướp biển hoặc yêu quái. Nhưng trong con mắt của người ở trên đảo, đảo rất nhỏ cho nên rất dễ bị tiêu diệt. Đó là nguyên nhân vì sao người ở trên đảo rất coi trọng việc phòng thủ. Đảo Bất Lạc mà Bất Lạc Bang chiếm cứ (Tiêu Dật - “Vô Ưu công chúa”) không những có doanh trại ven bờ mà trên đảo còn bố trí kỳ trận khắp nơi. Trước khi Hải Vô Nhan hủy diệt Bất Lạc Bang tương truyền chưa có ai rời khỏi đảo mà còn sống sót. Ham chơi và sáng ý như Lão Ngoan Đồng Chu Bá Thông mà cũng chỉ có thể nương náu trên đảo Đào Hoa bởi vì lão không biết trận thế trên đảo. (Kim Dung - “Xạ điêu anh hùng truyện”). Có những hải đảo lại được sự phòng vệ thiên nhiên như “Thần Long đảo” (Kim Dung - “Lộc Đỉnh ký”), trên đảo đầy rẫy độc, người thường không cách gì lên được đảo.

Người ở trên đảo tất nhiên võ công cao cường, bởi vì sau khi suy ngẫm về quá khứ thì miệt mài luyện võ. Sau khi đã luyện đạt đến hỏa hầu khá cao thì vì tĩnh quá lại muốn động, muốn trở lại Trung Nguyên rửa hận. Cho nên đối với Trung Nguyên thì hải đảo là một mối đe dọa tầm xa.

Sòng bạc lầu xanh (đổ trường kỹ viện)

Sòng bạc lầu xanh đều chẳng phải đất lành, nhưng người giang hồ lại riêng thích đến những nơi bất hảo như thế, thậm chí hiệp khách chính phái trong giang hồ cũng trà trộn ở đó.

Người giang hồ vốn thích đánh bạc, thích nhất là “cá độ” đầu người, còn bạc vàng châu báu

chỉ là canh bạc nhỏ, là chuyện vặt. Đánh bạc là một cõi “triết học nhân sinh”. Vi Tiểu Bảo (Kim Dung - “Lộc Đỉnh ký”) thích đánh bạc, ngay cả khi y bị khốn trong thôn quả phụ, trong tình hình y không biết Ngao Bái là kẻ thù hay là đồng bọn thì cái tính cách con bạc vẫn phát tác, nghĩ bụng: “Bố mày thua thì thua sạch sành sanh mà được thì được tất cả.”

Đối với hiệp khách mà nói, đối thủ lớn nhất trong canh bạc không phải là người mà là số phận. Cuộc sống giang hồ đầy sóng gió bất trắc, ở giữa khoảng sống chết cách nhau trong đường tơ kẽ tóc, bao nhiêu điều khó lường, họ phải có được thái độ sống ung dung, an nhiên tự tại. Họ không cam chịu sống tầm thường, sống tầm thường thì chết quách. Há chẳng thấy Lý Tầm Hoan sau khi giết Thượng Quan Kim Hồng, phá tan hắc bang Kim Tiền bỗng cảm thấy hiu quạnh giống như kẻ thất bại lại là chính mình. Không có cái vị lai khó đoán, không có canh bạc nhân sinh thì thật là vô vị.

Cách đánh bạc của khách giang hồ khác với người thường. Người thường đánh bạc hay bày trò gian lận hoặc dùng xảo thuật, còn khách giang hồ thích lấy khí thế chế ngự cuộc đỏ đen, dùng võ công điều khiển “con bài”. Vi Tiểu Bảo tự cho là cao thủ trên chiếu bạc, nhưng khi y đi qua một sòng bạc nào đó ở Quảng Tây, nhìn thấy công lực của đám con bạc ở đó thì y cũng chỉ lác mắt ngó. Có người biểu lộ công lực giành phần thắng trong canh bạc, có người không phục, thế là “đổ trường” (sòng bạc) biến thành “đồ trường” (nơi chém giết). Người không có quả đấm mạnh mà vào sòng bạc thì cũng như con bò đi vào lò mổ.

Còn kỹ viện (lầu xanh)? Hiệp khách chính phái nói chung là không đến lầu xanh, nhưng nhiều khi vì tình thế bắt buộc thì cũng phải liều. Lệnh Hồ Xung đã từng có lúc phải cùng Nghi Lâm và Khúc Phi Yên lánh nạn trong kỹ viện (Kim Dung - “Tiểu ngạo giang hồ”). Khách giang hồ đến lầu xanh là chuyện thường, bởi giang hồ quanh quẽ. Cao thủ giang hồ thường bao kỹ nữ, đặc biệt là danh kỹ. Cho nên kẻ thù thường đến kỹ viện quấy rối họ. Thế là phồn hoa biến thành rừng kiếm. Ở chốn lầu xanh cũng có người thực nữ, như Đồng Tiểu Uyển, đến hoàng đế cũng thất điên bát đảo vì nàng hưởng chi là khách giang hồ? Danh kỹ và danh hiệp thường tìm được tiếng nói chung, bởi vì họ đều không quan tâm đến sự sống chết thì còn kể gì đến danh dự thế tục. Khách giang hồ thích chơi với kỹ nữ mà kỹ nữ cũng thích chơi với khách giang hồ, đặc biệt là thích chơi với danh sĩ giang hồ. Lâm Tiên Nhi (Cổ Long - “Đa tình kiếm khách vô tình kiếm”) từng chơi cho một loạt cao thủ võ lâm xoay như chong chóng, người chết vì ả nhiều không kể xiết.

Nhiều sòng bạc lầu xanh là tài sản của giang hồ hắc đạo, vì thế khách giang hồ trà trộn trong đó cũng là chuyện đương nhiên.

Cung đình - Sơn trang

Cung đình và sơn trang - một tại triều, một tại dã (thôn dã), vừa có cung đình vừa có sơn trang, thế là thành thiên hạ.

Kẻ thống trị ở cung đình, kẻ bị trị ở sơn trang thôn dã. Ở điểm này mà nói, cung đình và sơn trang có tính đối kháng rõ rệt. Sơn trang bị cuốn vào thế giới giang hồ vì gốc rễ của người giang hồ là ở sơn trang. Cho nên vô luận người của quan nha truy nã khách giang hồ hay là người giang hồ tìm kẻ thù đều đến sơn trang. Dù vậy, sơn trang thuộc thế giới giang hồ cũng không nhiều. Sơn trang bị cuốn vào giang hồ vì trong trang có người giang hồ. Trong giang hồ,

sơn trang nổi tiếng không nhiều. Sơn trang sở dĩ lừng lẫy giang hồ một là vì trong trang có nhân vật kiệt xuất, hai là vì trong trang có bí kíp võ công gia truyền tuyệt thế. Phái Thục Trung Đường danh động giang hồ vì ở đó có ám khí và độc công đệ nhất thiên hạ; Nam Cung thế gia nổi tiếng vì có phép đánh roi tổ truyền; Mộ Dung thế gia ở Cô Tô nổi tiếng vì có môn võ gia truyền “lấy gậy ông đập lưng ông”. Động Đình sơn trang một thời uy phong trấn tám phương vì nó đã từng là cơ nghiệp của Trương Đan Phong. Sơn trang là nơi quyền thống trị của quan phương khá mạnh cho nên người giang hồ ở trong sơn trang thường có hai bộ mặt, bên ngoài là dân lành thần phục triều đình mà trong bóng tối lại là khách giang hồ. Làm việc phi pháp thì tốt nhất là không để quan phủ biết được, nếu không thì khó lòng ở được trong trang. Người giang hồ đến sơn trang tìm kẻ thù thường vào ban đêm. Cho nên sơn trang bị làm cỏ trong một đêm là chuyện thường. Đương nhiên giữa ban ngày ban mặt trong sơn trang cũng có thể đổ máu, kẻ giết người tất phải có đảm lược và võ công cao cường.

Cung đình bị cuốn vào vòng giang hồ trước hết là vì người trong cung không cho phép xã hội giang hồ tồn tại; thứ nữa là những vị khách giang hồ to gan thích quấy nhiễu vua. Trong cung có quân cấm vệ, tiến ra thì đánh giang hồ, lui vào thì bảo vệ hoàng thân quốc thích, cho nên nếu không phải là kẻ đã ăn mật cọp thì chẳng dám vào cung vượt râu cọp. Người giang hồ vào cung hoặc là để hành thích (ám sát) hoặc là để cứu người. Đôi khi có vị cuồng khách giang hồ vào cung để tỏ rõ bản lĩnh của mình, như Hồng Thất Công (Bắc Cái trong “Xạ điêu anh hùng truyện”) thường vào ngự thiện phòng (nhà bếp hoàng cung) trộm thức ăn. Động cơ vào cung của Trương Đan Phong rất đặc biệt - chàng vào cung để khuyên hoàng đế cải tà quy chính. Rất ít người vào cung mà đạt được mục đích, ngoài Lữ Tứ Nương (ám sát Ung Chính) ra thì không có người thứ hai. Người lên vào cung nhọc xác mà quay trở về được là may mắn rồi; còn thông thường là máu dẫm cung đình. “Bạch phát ma nữ” mười phần tài giỏi nhưng nằng vào cung cũng chỉ phí công toi. Còn có loại bị người ta bắt vào cung như Vi Tiểu Bảo và Mao Thập Bát. Nhưng hai người này được phúc tinh chiếu, may không mất mạng. Có lẽ chính vì thế một khi có người vào cung thì chỉ trong vài ngày tiếng đồn đã vang động chốn giang hồ. Nếu khách giang hồ có một vùng cấm địa, thì cấm địa đó chính là cung đình.

Việc giang hồ (giang hồ sự)

Người giang hồ quản việc giang hồ không liên quan gì đến người thường.

Giang hồ có một việc chủ yếu: giết. Lấy giết người để chặn đứng việc giết người, giết người để cứu người. Mũi kiếm không hề dính máu, lấy đạo nghĩa và uy danh để chinh phục người ta như Sở Lưu Hương là rất hiếm.

Giang hồ là tử địa. Khách giang hồ đều biết chốn giang hồ phong ba hiểm ác. Thơ Nguyên Chấn có câu:

Hiệp khách bất phạ tử,

Phạ tử sự bất thành.

(Hiệp khách không sợ chết

Sợ chết việc chẳng thành).

Người giang hồ liều mạng, quên chết mục đích vẫn là vì cuộc sống, “đặt vào chỗ chết mới tìm

ra đường sống”.

Người mới bước chân vào chốn giang hồ thường sợ phải trở thành kẻ cướp. Họ sợ dĩ giẫm chân vào gió bụi giang hồ là vì trong xã hội quan phương họ không có chỗ đứng nên phải rơi vào chốn giang hồ tìm đất sống. Hiệp khách bước vào cõi giang hồ cũng vì sự sinh tồn, vì cũng không có chỗ đứng trong xã hội quan phương. Hiệp khách và đạo tặc tuy bản chất khác nhau nhưng có một điểm chung là không có chỗ dung thân trong xã hội quan phương.

Trong nội bộ thế giới giang hồ, cường đạo muốn sinh tồn phải dựa vào việc “giết người”, mà hiệp khách muốn ngăn chặn sự giết chóc cũng phải dựa vào sự “giết”. Cùng là “giết” nhưng xuất phát điểm và mục đích lại khác nhau. Hiệp khách và cường đạo cùng rong ruổi giang hồ, giang hồ vì thế mà không thể bình lặng, giang hồ nhiều chuyện lắm thay.

Việc giang hồ có thể chia làm hai loại lớn, một là cuộc đấu tranh giữa giang hồ và quan phủ, một nữa là việc trong nội bộ giang hồ. Đấu tranh giữa giang hồ với quan phủ là tuyệt đối, tranh đoạt trong nội bộ giang hồ là tương đối.

Giang hồ và quan phủ [\[6\]](#)

Người giang hồ đều có tư tưởng vô chính phủ, theo đuổi tự do cá tính không bị ràng buộc, cho nên việc họ phản kháng quan phủ là tất nhiên. Quan phương quyết không chấp nhận sự tồn tại của “xã hội thứ hai” không tuân vương pháp, thì việc họ quyết tiêu trừ người giang hồ cũng là điều tất nhiên.

Lục lâm là trận tuyến hàng đầu trong cuộc đấu tranh giữa giang hồ và quan phương. Người lục lâm lấy núi hoặc sông làm căn cứ địa và thường liên kết với nhau để đối phó với sự công kích của quan phủ. Tất nhiên phía quan binh cũng coi các căn cứ địa của lục lâm là mục tiêu công kích. Lương Sơn Bạc (trong “Thủy hử”) mấy phen bị đại quân vây quét, cuối cùng thì bị “chiêu an”. Đại bản doanh của minh chủ lục lâm Thiết Ma Lặc (“Đại Đường du hiệp truyện”, “Tuệ tâm ma” của Lương Vũ Sinh) mấy phen bị thiêu trụi. Lục lâm cũng thường chủ động xuất kích, đặc biệt hay cướp quân lương, cống phẩm. Lục lâm cũng có khi liên hợp với quan phủ, chủ yếu là cùng chiến đấu chống quân xâm lược. Chẳng hạn như Liễu Thanh Dao (trong “Cuồng hiệp, thiên kiều, ma nữ” của Lương Vũ Sinh) từng thống lĩnh lục lâm 5 tỉnh phương Bắc hiệp đồng với quan binh chiến đấu với quân Liêu ở Thái Thạch Cơ khiến cho lời nói huênh hoang “Gò ngựa đỉnh non Ngô” của Hoàn Nhan Lượng chỉ là chuyện hão.

Chùa chiền và sơn trang là chiến tuyến thứ hai trong cuộc đấu tranh giữa giang hồ và quan phủ. Thiếu Lâm tự từng mấy lần bị thiêu hủy, còn sơn trang của các cao thủ giang hồ bị quan binh bao vây và sưu tra là chuyện thường thấy trong tiểu thuyết võ hiệp.

Đối với những tay du hiệp giang hồ và đạo tặc đơn độc, quan phủ thường dùng cách bắt giết. Những cuộc tụ họp của võ lâm là thời cơ thuận lợi nhất để quan binh bắt giết người giang hồ. Hoàng đế Khang Hy đã từng lợi dụng lúc các hiệp sĩ trong “Thiên Địa hội” và “Mộc Vương phủ” tụ tập ở phủ tử tước Vi Tiểu Bảo phái binh đến vây đánh, toan bắt giết thủ lĩnh của Thiên Địa Hội và các hiệp sĩ Mộc Vương phủ (“Lộc Đỉnh ký” của Kim Dung).

Cuộc đấu tranh giữa giang hồ và quan phủ chỉ đáng gọi là “chuẩn giang hồ sự” hoặc “tiền giang hồ sự”. Người giang hồ mơ tưởng một “thế giới giang hồ” siêu thoát khỏi thế giới quan

phủ. Đây là sứ mệnh cơ bản nhất. Bởi vậy, giang hồ vượt thoát khỏi trói buộc của quan phủ cũng chỉ đáng gọi là “tiền giang hồ sự”. Nếu thực hiện được sự “vượt qua” này cũng chưa chiếm “một chiều” trong “việc giang hồ”. Nhưng trên thực tế, sự siêu việt (vượt qua) này rất ít khả năng thực hiện được. Đã làm người giang hồ thì luôn luôn đấu tranh với quan phủ; vì thế mà đấu tranh giữa giang hồ và quan phủ là tuyệt đối.

Nội bộ thế giới giang hồ

Thế giới giang hồ là không gian sinh tồn của người giang hồ. Bất kỳ xã hội nào cũng có mâu thuẫn xã hội cơ bản của mình. Thế giới giang hồ cũng có mâu thuẫn cơ bản trong lòng nó. Có mâu thuẫn tất có đấu tranh, có đấu tranh tất có lăm chuyện. Việc giang hồ tất nhiều.

Đấu tranh chính - tà

Xưa nay chính với tà, hiệp sĩ với đạo tặc luôn không đội trời chung. Cuộc đấu tranh giữa chính với tà khiến thế giới giang hồ dậy sóng.

Ai là đạo tặc? Ai là hiệp khách? thật khó phân biệt. Trong con mắt quan phương, đạo tặc là đạo tặc, hiệp khách cũng là đạo tặc. Minh chủ lục lâm Thiết Ma Lặc là đại đạo, đồng thời lại được tôn là đại hiệp. Nhạc Bất Quần là chủ môn phái Hoa Sơn, hiệu là “Quân tử kiếm”, danh tiếng hiệp khách lẫy lừng thiên hạ nhưng ai có thể nói rằng y không phải là “đạo”. Sự phân biệt chính tà cũng hỗn mang như thế. “Hoàng Lão Tà” (Đông Tà Hoàng Dược Sư) lại không tà... Chính những điều này khiến cho ranh giới chính tà trở nên khó xác định rạch ròi.

Từ xuất thân, địa vị, tiếng tăm, lời nói và hành động của người trên chốn giang hồ đều không đủ để phân biệt chính tà. Vì vậy việc phân biệt chính tà chỉ có thể dựa trên tiêu chuẩn đạo nghĩa [7]. Các tác giả khác nhau xuất phát từ tiêu chuẩn đạo nghĩa khác nhau, phân chia nhân vật trong tác phẩm thành hai phía chính-tà. Sự phân chia chỉ là trên nguyên tắc. Nói chung, tác gia tiểu thuyết võ hiệp theo ý chí chủ quan của mình mà xác định tính chất của nhân vật giang hồ một cách thiếu công bằng. Kiều Bắc Minh (trong “Tán hoa nữ hiệp” của Lương Vũ Sinh) là con người rất ích kỷ, nhưng khi ông ta tranh chấp với người vẫn mang phong độ của một vị tông sư, tinh thần truy cầu võ học và cống hiến của ông ta không hề thua kém Trương Đan Phong, vậy mà Lương Vũ Sinh cho rằng ông ta đứng đầu bọn tà ma thì e rằng định kiến thiên lệch. Một hiện tượng rất thú vị là cái gọi là “nhân vật chính phái” cũng thường làm những việc bất chính với thủ đoạn thấp hèn chẳng kém gì “nhân vật tà phái”. Càng đê tiện hơn là “nhân vật chính phái” khi làm việc xấu lại thường tìm cách nấp dưới những chiêu bài tốt đẹp, như thế thì thực sự là không quang minh bằng “nhân vật tà phái”. Cách lấp liếm của họ thường là “Gặp Văn vương thì dùng lễ nhạc, gặp Kiệt Trụ thì dùng đao binh”, để đối phó với kẻ xấu thì thủ đoạn nào cũng có thể sử dụng. Vậy thì những “thủ đoạn thấp hèn” thường bị chỉ trích của nhân vật tà phái có gì là xấu xa? Tiêu Phong (trong “Thiên Long bát bộ” của Kim Dung) từng bị võ lâm chính phái Trung Nguyên vây đánh. Cái đạo nghĩa đáng tự hào của nhân vật chính phái Trung nguyên ở đâu? Nguyên tắc đạo nghĩa chính phái được biểu hiện ở đâu? Nói tóm lại: sự phân biệt giữa chính và tà cũng chả có nguyên tắc gì cả.

Trung Quốc xưa nay rất coi trọng việc “ra binh có danh nghĩa” (“Xuất sư hữu danh”), không có “danh” thì phải tìm “danh”. Chó sói muốn ăn thịt cừu thì cứ việc ăn, thế mà lại còn lấy lý do là vì cừu làm bẩn nước sông. Người trong chốn giang hồ cứ thích nêu chiêu bài “đấu tranh

chính tà” khi họ tranh giành lợi ích với nhau.

Chân lý là tương đối. Thuyết “địa tâm “ (trái đất là trung tâm) của giáo hội là sai lầm, thuyết “nhật tâm” (mặt trời là trung tâm) cũng sai lầm nốt. Côpecnic cho rằng mình chết vì chân lý, thực ra cũng là một sự sai lầm. Đó là bi kịch của lịch sử. Người giang hồ cũng mang màu sắc bi kịch của lịch sử. Nhậm Ngã Hành (trong “Tiểu ngạo giang hồ” của Kim Dung) ôm mộng tưởng nhất thống giang hồ; Tần Thủy Hoàng thống nhất sáu nước, ai đúng ai sai? Các cao tăng chùa Thiếu Lâm dù thông suốt tất cả nhưng vẫn bị cuốn vào bi kịch lịch sử một cách không tự giác.

Người giang hồ chẳng biết thế nào là chính thế nào là tà mà lại “đấu tranh chính tà” đời này sang đời khác. Có lẽ vì không biết đâu chính đâu tà cho nên mới “đấu tranh chính tà” chẳng? Xưa nay “tà không thể thắng chính”, vậy thì kẻ thắng lợi tất nhiên là chính ư?

Nhân vật chính phái kết thành “chính giáo”, nhân vật tà phái kết thành “ma giáo”. Chính tà chẳng đội trời chung, thế là trên chốn giang hồ các cuộc đấu tranh không bao giờ ngừng nghỉ. Chốn giang hồ như thế không thể tồn tại tự do cá tính. Hồng Thất Công nói rằng làm ăn mày vì muốn tự do tự tại, thảo nào Lệnh Hồ Xung, Vi Tiểu Bảo đều muốn rút thân ra khỏi chốn giang hồ.

Trong xã hội quan phương, có thể nói (một cách tương đối) rằng các hiệp khách là đại biểu cho chính nghĩa. Phẩm đức hành hiệp trượng nghĩa, tế khốn phò nguy của họ được người đời ca ngợi. Nhưng sau khi hiệp khách không chốn dung thân trong xã hội quan phương mà luân lạc giang hồ, từ chỗ chiến đấu vì người khác chuyển thành chiến đấu vì sự sinh tồn của mình, thì lúc đó rất khó nói rằng họ đại biểu cho “chính nghĩa”.

Thế nhưng, đã là một xã hội thì cần có chính nghĩa. Chiến đấu vì chính nghĩa là đúng đắn. Nếu nói rằng những người như Lệnh Hồ Xung chống sự nhất thống giang hồ của Nhậm Ngã Hành là đúng, Nhậm Ngã Hành cũng không sai, vậy thì sự phân biệt chính nghĩa với tà ác trong chốn giang hồ là cái gì? Là ở đâu? Đó là bài toán khó giải trong thế giới giang hồ.

Tranh chấp môn phái

Quan niệm môn phái rất mạnh trong xã hội giang hồ bắt nguồn từ quan niệm tông tộc bền vững trong xã hội Trung Quốc. Rất nhiều môn phái trong giang hồ kỳ thực là được kiến lập trên cơ sở tông tộc. Các thế gia võ lâm đủ sức ngang hàng với các danh môn đại phái, có địa vị quan trọng trên giang hồ, như “Mộ Dung thế gia”, “Nam Cung thế gia”, “Thục Trung đường môn” v.v... Rất nhiều sơn trang tiếng tăm hiển hách trong giang hồ như “Chúc gia trang”, “Tụ hiền trang”, “Sát nhân sơn trang”.

“Thầy trò như cha con, đồng môn là huynh đệ”. Quan niệm như thế về môn phái khiến các môn phái trên giang hồ được kiến lập trên cơ sở quan hệ “chuẩn huyết duyên”. Đồng môn vinh nhục, sống chết có nhau. Một người gặp nạn đồng môn đều có trách nhiệm cứu ứng; trong môn phái có người bị giết, đồng môn tất phải báo thù. Thế là, mỗi môn phái trên giang hồ đều có môn quy của bản phái. Môn quy này có giá trị như pháp luật, kẻ vi phạm tất phải xử phạt, nặng thì bị trục xuất khỏi bản phái, thậm chí bị “thanh lý môn hộ” (giết chết). Người giang hồ một khi bị trục xuất khỏi môn phái thì như chó nhà đấm, không còn mặt mũi nào để nhìn giang hồ đồng đạo. Khi Lệnh Hồ Xung bị Nhạc Bất Quần đuổi khỏi phái Hoa Sơn cũng là khi chàng lưu lạc giang hồ. Mai Siêu Phong được Hoàng Dược Sư cho trở lại môn phái đã cho rằng mình là

người may mắn nhất. Sự thịnh suy của môn phái liên quan đến vinh nhục của người trên chốn giang hồ. Khi Tiêu Phong làm bang chủ Cái bang, Cái bang là bang lớn đứng đầu thiên hạ, được người giang hồ càng thêm kính trọng. Khi Tiêu Phong bị đuổi khỏi Cái bang, Cái bang mất đi ánh sáng, đệ tử Cái bang chỉ còn là những kẻ ăn mày thực sự, khắp nơi bị người khinh rẻ. Thảo nào bang chúng Cái bang thiết tha yêu cầu Tiêu Phong trở lại địa vị bang chủ. Tai họa diệt bang cũng như tai họa mất nước, cho nên các môn phái trên giang hồ đều cố gắng làm rạng rỡ môn phái, vì sự vinh nhục hưng suy của môn phái mà sẵn sàng hiến dâng sinh mệnh.

“Tranh chấp môn phái” là tranh chấp gì đây? Thứ nhất là “danh”, thứ hai là “lợi”, vì danh dự mà chiến đấu. Thái Sơn, Bắc Đẩu của các danh môn đại phái trên giang hồ - một là Thiếu Lâm, một là Vũ Đang (Võ Đang). Thiếu Lâm, Vũ Đang, để duy trì sự tôn quý của bản môn, ngàn năm nay đã tiến hành đấu tranh không hề ngừng nghỉ. Các môn các phái muốn có chút tiếng tăm, đều muốn một phen so tài với Thiếu Lâm, Vũ Đang. Thế là cao tăng chùa Thiếu Lâm, đạo sĩ núi Vũ Đang phải rời Phật kinh Đạo tạng mở ra những cuộc sát lục tàn nhẫn ở trong và ngoài chốn tĩnh thổ. “Khoái Lạc Bang” (trong “Tịch mịch cao thủ” của Ôn Thụy An) để đoạt được danh hiệu “lớn nhất” đã phải trả giá quá đắt, rồi để giữ gìn danh hiệu ấy lại phải không ngừng “minh tranh ám đấu” với các đại môn phái khác, cuộc đấu tranh quyết liệt chẳng khác gì tranh bá của các chư hầu thời Xuân Thu. “Ngũ Nhạc kiếm phái” “đồng khí liên chi” muốn tranh một chiếu trên chốn giang hồ (trong “Tiểu ngạo giang hồ” của Kim Dung), nhưng trong nội bộ Ngũ Nhạc kiếm phái lại vì tranh đoạt quyền lãnh đạo mà phái nào cũng giở những thủ đoạn xảo trá, tranh giành nhau đến kinh tâm động phách. Để tranh đoạt địa vị bá chủ khu vực, cuộc đấu tranh của các môn các phái cũng thảm khốc phi thường. Như “Ngư nhân bang” và “Động Đình bang” (trong “Vũ Đang nhất kiếm” của Lương Vũ Sinh) vì tranh đoạt địa bàn mà đánh nhau hết năm này sang năm khác. Kết thúc cuộc đấu tranh thường xuất hiện bá chủ của một vùng, thế là lại diễn ra cuộc đấu tranh chống bá quyền. Các cuộc đấu tranh môn phái trên chốn giang hồ liên miên chẳng bao giờ dứt.

Tranh chấp võ công

Giang hồ không chuộng hư danh. Tiếng tăm của người giang hồ gắn liền với võ công cao cường. Hai tay của vị “cao thủ võ lâm” nào cũng đầm máu. Điều này cũng như vị tướng quân trong xã hội quan phương, tiếng tăm của một vị danh tướng cũng được xây dựng trên xương máu. Người giang hồ là nhà võ, luyện võ giết người là việc thường ngày của người giang hồ. Người võ công tầm thường không những không thể giết người mà cũng khó lòng tự bảo vệ mình. Cho nên quyến rũ người giang hồ không gì bằng bí cấp võ công. Người giang hồ có thể không coi tiền bạc ra gì, coi sinh mạng như trò đùa nhưng coi trọng võ công cũng như tín nghĩa. Người giang hồ coi tín nghĩa là gốc, võ công là phương tiện. Không có võ công thì cũng không thể bảo vệ tín nghĩa.

Người giang hồ thích nhất là ấn chứng võ công. Một cường hiệp có thể chạy đến chùa Thiếu Lâm hoặc núi Vũ Đang gọi đích danh chuông môn ra tỉ võ. Lão tăng Giác Viễn ở Tàng Kinh Các chùa Thiếu Lâm trong tình hình chúng tăng trong chùa bị mất hết sức lực đã ra tay đánh bại tổ sư phái Linh Thụ vì thế mà danh động giang hồ. Mấy phen “Hoa Sơn luận kiếm”, lần nào cũng là để tranh đoạt danh hiệu “Võ lâm đệ nhất cao thủ”.

Tranh đoạt võ nghệ chính tông cũng là việc mà người giang hồ thích làm. Hai họ Hoắc và

Triệu ở Thiên Tân năm này qua năm khác tranh giành nhau để chứng minh ai là chính tông “mê tung nghệ”. Phái Thiếu Lâm và phái Vũ Đang là hai đại phái trong võ lâm, nhưng ngay cả đến họ cũng thích tranh đoạt danh hiệu “võ lâm chính tông”.

Người giang hồ một phen thất bại bởi một môn võ công nào đó, tất dốc toàn tinh lực một đời để nghiên cứu cách phá giải. Hải Vô Nhan (trong “Vô Ưu công chủ” của Tiêu Dật) thất bại bởi “Túy Kim Ô”, thân bị trọng thương, không chữa thì chết. Nhưng Hải Vô Nhan bằng nghị lực ngoan cường đã chịu đựng vết thương trí mạng, ra sức nghiên cứu cách phá giải, cuối cùng đã đánh bại cao thủ “Túy Kim Ô” ở đảo Bất Lạc.

Để bảo vệ sự tôn nghiêm của võ công bản môn, chương môn thường nghiêm cấm đệ tử học võ công của môn phái khác. Học trộm võ công của môn phái khác thường bị coi là điều đại kỵ trong võ lâm. Các môn các phái đều giữ bí truyền võ công của môn phái mình. Công Tôn Kỳ (trong “Cuồng hiệp thiên kiều ma nữ” của Lương Vũ Sinh) để học võ công của Tang Kiến Điền mà lấy con gái nhà họ Tang nhưng rốt cuộc anh ta vẫn là người khác họ, tuy học được võ vẽ đôi chút nhưng bị tẩu hỏa nhập ma.

Dù học lén võ công của môn phái khác bị coi là điều đại kỵ trong võ lâm nhưng trong giang hồ vẫn thỉnh thoảng có việc ăn trộm bí cấp võ học. Các “thần thâu” (kẻ trộm như thần) thường “chiếu cố” Tàng Kinh Các của chùa Thiếu Lâm. Một khi đã vớ được thì người trong giang hồ lại một phen tranh đoạt. Không có điều gì làm các cao tăng chùa Thiếu Lâm tức giận bằng việc tàng kinh các bị mất trộm. Một khi bị mất trộm, trước khi tìm lại được thì giang hồ không thể bình yên. Xoay quanh việc tranh đoạt bí cấp võ học là một trong những sóng gió lớn nhất trên chốn giang hồ, cho nên kẻ võ công tầm thường tốt nhất là không nên nhúng tay vào, nhúng tay vào tất chết. Chưa nói đến “Dịch cân kinh” của Thiếu Lâm tự, chỉ làng nhàn như “Vô sắc kiếm phổ” (trong “Hoàng Kim Khách” của Thu Mộng Ngân) cũng đủ khiến bao kẻ giang hồ mất mạng.

Tranh giành tiền tài

Có câu ngạn ngữ rằng “Người chết vì tiền, chim chết vì mồi”. Người giang hồ tuy trọng nghĩa khinh tài, nhưng họ cũng không phải là thần tiên không cần ăn uống. Họ vẫn cần cơm áo cho nên người giang hồ còn phải tranh giành tiền tài.

Có người bảo tiêu (bảo vệ hàng hóa) thì có kẻ cướp tiêu. Tranh đoạt tiêu ngân (hàng hóa và kho tiền) là khu vực nhạy cảm của việc tranh đoạt tiền tài. Mà tiêu ngân lại vừa khéo gắn với uy tín của tiêu cục, một khi bị mất thì tất phải nghĩ mọi cách để đoạt về. “Bạch phát ma nữ” (trong “Bạch phát ma nữ truyện” của Lương Vũ Sinh) còn có hiệu là “Ngọc La Sát”, nàng thích nhất là cướp tiêu cục, đặc biệt là thích cướp tiền tài bất nghĩa. Kẻ bị mất tất phải tìm cao thủ khắp nơi để tìm hàng hóa tiền tài về, thế là chỉ một tiêu cục cũng dẫn đến sóng gió giang hồ.

Cướp cống phẩm, tiền lương là việc mà các hào khách trong giang hồ đặc biệt thích thú. Trương Tiểu Hồ trong “Liên kiếm phong vân lục” của Lương Vũ Sinh) từng suất lĩnh võ công cao thủ cướp cống phẩm của triều đình, chỉ để cho hai đường Vân Nam và Chiết Giang đến được kinh đô. Ngô Dụng (trong “Thủy hử truyện” của Thi Nại Am) cùng nhóm Tiều Cái cướp cống phẩm của Lương Trung Thư do Dương Chí bảo vệ, khiến Dương Chí không thể không làm nghề lạc thảo. Vợ chồng Hoàng Kim Khách (trong “Hoàng Kim Khách” của Thu Mộng Ngân)

tuy làm nghề bảo tiêu nhưng họ cũng là những tay cướp tiêu đáng sợ, chẳng khác gì bọn đòi tiền mãi lộ.

Các hiệp khách giang hồ thích cướp của nhà giàu để giúp người nghèo. Lục lâm cường đạo thích đánh các gia trang, đều là việc tranh đoạt tiền tài. Các nhà giàu đau đầu nhất là bị các “kẻ đi đêm” “chiếu cố đến thăm”, bởi vì chỉ cần trong một đêm có thể mất sạch tài sản. Ngoài ra còn có của báu gia truyền, tuyệt đối không được lộ ra, nếu không cả người và của đều mất. Cho nên người có kinh nghiệm thường khuyên kẻ mới vào chốn giang hồ chớ có lộ của cải kéo nguy hiểm.

Tuyệt nhất trong việc “trấn” tiền là “bất lạc quyền” của “Bất Lạc bang”. Người bị “bất lạc quyền” trưng thu tuy không vui vẻ gì nhưng còn “được” giao nộp như số. “Trấn” tiền kiểu “thủ tài nô” cũng rất tuyệt. “Thủ tài nô” (trong “Vô Ưu công chủ” của Thu Mộng Ngân) thích trưng thu thuế đầu người, giá chuộc căn cứ theo tiếng tăm, địa vị của kẻ bị bắt. Kẻ bị trưng thu nghĩ đủ mọi cách rồi cũng phải nộp “thuế đầu người”, cho nên người nổi tiếng tốt nhất là không nên gặp “thủ tài nô”.

Tranh chấp bởi ân cừu

Cái dụng của võ công là giết người. Giết người tất kết oán. Có kẻ giết người thì cũng có kẻ cứu người, kẻ cứu người tất người được cứu mang ơn. Người giang hồ rất coi trọng có ơn trả ơn, có thù báo thù, ân oán phân minh.

Đối với đoàn thể mà nói, thù lớn nhất là thù kẻ cướp nước, thứ đến là diệt môn phái; đối với cá nhân mà nói, mối thù lớn nhất là thù giết cha mẹ.

Quần hùng trong Thiên Địa Hội (“Lộc Đỉnh ký” của Kim Dung) giương cao ngọn cờ “phản Thanh phục Minh”, đấu tranh với nhà Thanh, nguyên nhân là vì mối thù mất nước. Bi kịch của Tiêu Phong (trong “Thiên Long bát bộ” của Kim Dung) bắt nguồn từ chỗ chàng rơi vào giữa mối thù của hai nước Tống-Liêu. Người giang hồ tuy chống quan phủ nhưng vẫn yêu nước, cho nên bọn người tư thông với nước địch như Công Tôn Kỳ bị coi là bại hoại, không có chỗ dung thân trên giang hồ.

Diệt môn cũng như vong quốc hận. Đối với người giang hồ, môn phái tức là quốc gia. Cho nên một môn phái nếu bị tiêu diệt, bị thôn tính thì thành viên của môn phái tất phải suốt đời cố gắng khôi phục bản môn và báo mối thù diệt môn. “Tinh Vũ môn” bị võ sĩ Nhật Bản mượn tay quan phủ đóng cửa, các đệ tử của Hoắc Nguyên Giáp nếm mật nằm gai, quyết chí xây dựng lại Tinh Vũ môn, phát huy “mê tung nghệ”. Nguyện vọng này cuối cùng được Hoắc Đông Các thực hiện.

Mối thù của cha mẹ là mối thù không đội trời chung. Cái gọi là “hữu thù bất báo phi quân tử”, căn thâm đế cố của quan niệm này tạo thành sát kiếp không bao giờ thôi trên chốn giang hồ. Các bậc trí giả nói rằng: “oán thù nên giải không nên kết”, than thở rằng “oan oan tương báo hà thời liễu”, nhưng xưa nay siêu thoát được mấy người? Lâm Bình Chi vì báo thù cho cha mẹ, đã không tiếc thân mình, tự cung luyện võ. Đối với chàng trên thế giới chỉ có cừu hận, ngoài báo thù ra, sự sống trên đời này chẳng có ý nghĩa gì (Kim Dung - “Tiểu ngạo giang hồ”) “Sư kiếm khách” tìm mọi cách diệt “Kim kiếm minh” bởi vì “Kim kiếm minh” với chàng có mối thù không đội trời chung (Trần Thanh Vân - “Sư kiếm khách”).

Cừu hận trở thành ý nghĩa sinh tồn của người giang hồ. Một khi đã báo được thù, hoặc hết hy vọng báo thù, thì tinh thần rệu rã, “Di Hoa Cung Chủ” xúi Tiểu Ngư Nhi quyết đấu một mất một còn với Hoa Vô Khuyết bởi vì giữa họ có mối thù không đội trời chung. Mối cừu hận này đã chiếm hết tinh lực tuổi thanh xuân của Di Hoa Cung Chủ. Khi Tiểu Ngư Nhi và Hoa Vô Khuyết biết được mối quan hệ huyết thống giữa hai người và nhận ra âm mưu hiểm ác của Di Hoa Cung Chủ, hai người bèn liên kết với nhau chống lại Di Hoa Cung Chủ. Di Hoa Cung Chủ tuy có thuật trụ nhan (giữ nhan sắc như trẻ) nhưng chỉ trong một đêm đã già đi mấy chục năm. Người báo được đại cừu chỉ trong khoảnh khắc trở thành người tinh thần trống rỗng. Loại người này từ khi mới sinh ra đã mang định mệnh làm khách giang hồ bởi vì họ mang mối thù sâu tựa bể, họ không thể không đi khắp nơi cầu danh sư, thậm chí có kẻ đến trước cửa những danh môn đại phái như Thiếu Lâm tự, quỳ suốt 7 ngày 7 đêm, có lẽ đến khi chết đói hoặc chết công cũng không có người nhận họ làm đồ đệ. Vì sao họ khắc khổ đến như vậy? Vì khi còn sống song thân của họ là kẻ địch chung của võ lâm hoặc do một nguyên nhân nào đó mà để lại mối đại cừu khiến họ phải dốc lòng báo phục. Kẻ may mắn trải qua thiên nan vạn hiểm, học được võ công cao cường rồi bắt đầu báo thù. Sau khi báo được đại thù, mục đích cuộc đời đã đạt, tinh thần họ không còn nơi ký thác. Chỉ đến lúc ấy họ mới nhận ra tất cả những việc đã làm vốn chẳng có ý nghĩa gì lớn lao.

Trên giang hồ có hai bi kịch lớn, một là đại thù đã báo, một là chưa báo được đại thù. Điều này cũng giống như lời của một nhà văn Mỹ nói: đời người có hai bi kịch lớn - một là chưa đạt được điều sở nguyện, một là đã thỏa nguyện rồi. Người lão luyện giang hồ có lẽ cũng hiểu rõ rằng: tất cả những cuộc tranh đoạt trên chốn giang hồ rốt cuộc cũng chẳng có ý nghĩa gì. Có lẽ chính vì như thế nên người giang hồ thích nương mình cửa Phật hoặc rửa tay gác kiếm rút khỏi chốn giang hồ.

“Mang ơn một giọt nước, đem cả dòng suối báo đáp” (“Trích thủy chi ân, đương dũng tuyền tương báo”), “có ơn phải báo” là một trong những tín điều mà người giang hồ luôn ghi lòng tạc dạ. Vì trả ơn mà người ta có thể làm bao nhiêu việc vô nguyên tắc làm dậy sóng giang hồ. Vì báo ân mà gây nên cừu hận mới; báo ân, phục cừu là vòng tuần hoàn ác tính trong thế giới giang hồ. Lịch sử giang hồ là một lịch sử ân cừu.

Đạo nghĩa giang hồ

Giang hồ là một xã hội. Đã là một xã hội thì tất nhiên có những chuẩn tắc hành vi và những quy phạm đạo đức mà mọi người đều phải tuân thủ. Những tiêu chuẩn hành vi và quy phạm đạo đức mà người giang hồ cùng tuân thủ ấy là “đạo nghĩa giang hồ”.

Đạo nghĩa giang hồ chia thành hắc đạo và bạch đạo. Mục tiêu lợi ích, hoàn cảnh sinh tồn và thủ đoạn mưu sinh của hắc đạo và bạch đạo khác nhau cho nên cái “đạo” mà họ coi trọng cũng khác nhau. Núi có “sơn quy”, chùa có “tự quy”, môn có “môn quy”. Nhân vật hắc đạo và nhân vật bạch đạo theo những đạo nghĩa khác nhau. Trong phạm vi thể lực của bạch đạo phải theo bạch đạo; người của bạch đạo bước vào phạm vi thể lực của hắc đạo cũng phải theo hắc đạo. Người giang hồ đến núi Vũ Dương phải nộp vũ khí ở “giải kiếm trì” (hồ tháo kiếm), nữ hiệp giang hồ đến chùa Thiếu Lâm cũng được phương trượng chùa Thiếu Lâm tiếp; đó đều là “giang hồ đạo”. Hắc đạo, bạch đạo đều sống trong thế giới giang hồ cho nên đều phải tuân thủ đạo nghĩa giang hồ.

Người giang hồ lấy tín nghĩa làm gốc, không thủ tín không thể lập thân, không trọng nghĩa không thể lập thân. “Tín nghĩa” là quy phạm đạo đức chí cao vô thượng trong xã hội giang hồ. “Tín” tức là biết giữ lời, phải thành thật, “một tiếng ừ đáng giá ngàn vàng” (“nhất nặc thiên kim”). Người ở địa vị càng cao càng phải giữ chữ tín, nếu không thì sẽ mất tôn nghiêm trước đám tiểu bối thuộc hạ, mất uy tín trong giang hồ. Trong “Hiệp khách hành” của Kim Dung, Tạ Yên Khách từng hứa một lời rằng: ai tìm được “huyền thiết lệnh” về cho ông ta, ông ta sẽ làm cho người ấy một việc, bất kỳ đó là việc gì. Chú ăn mày “Cẩu Tạp Chủng” tình cờ nhặt được “huyền thiết lệnh” và tự tay đưa lại cho Tạ Yên Khách. Ông ta liền tìm mọi cách để “Cẩu Tạp Chủng” yêu cầu mình làm một việc gì đó cho chú bé; nhưng “Cẩu Tạp Chủng” lại chẳng hề yêu cầu gì cả. Ông ta sốt ruột quá bèn dẫn “Cẩu Tạp Chủng” đi ăn bánh bao, muốn để chú bé phải nhờ ông ta trả tiền, rồi ông ta lại tìm cách khiến chú bé nhờ ông ta hái táo, nhưng kết quả là chú bé lại trả tiền bánh bao và hái táo cho ông ta. Thế là Tạ Yên Khách ghi lòng tạc dạ rằng mình vẫn còn chưa thực hiện lời hứa với chú ăn mày “Cẩu Tạp Chủng”. Tạ Yên Khách vốn là nhân vật vừa chính vừa tà, thường vẫn hoành hành bá đạo trên chốn giang hồ nhưng lại cực kỳ trọng chữ tín, lời đã nói ra thì vững chắc như núi. Thế là một cao thủ võ lâm bị một chú bé ăn mày xoay như chong chóng.

Thế nhưng “người thiên hạ theo những “nghĩa” khác nhau, một người một “nghĩa”, mười người mười nghĩa, trăm người trăm nghĩa, người thiên hạ thật đông, cái gọi là “nghĩa” của họ cũng thật nhiều” (Mặc Tử - “Thượng đồng”), người giang hồ đều trọng tín nghĩa nhưng cách lý giải về chữ “nghĩa” lại khác nhau. Điều mà hắc đạo cho là “nghĩa”, bạch đạo lại có thể cho là “bất nghĩa”, thế là lại có sự phân tranh vô cùng vô tận.

Nói một cách đại thể, chữ “nghĩa” hàng đầu trong thế giới giang hồ là “nghĩa khí giang hồ”, thứ hai là “lộ kiến bất bình bạt đao tương trợ” (giữa đường thấy sự bất bình, rút đao ra giúp đỡ), thứ ba là trừ kẻ cường bạo giúp người yếu đuối. Hạt nhân trung tâm của “nghĩa khí giang hồ” là “vì bạn bè hai sườn dắt đao” (“vị bằng hữu lưỡng lặc sáp đao” - ý nói: xả thân vì bạn bè).

Người giang hồ sử dụng võ công, thích đấu võ để phân cao thấp, cho nên “Võ lực quyết thắng” trở thành quy phạm hành vi cơ bản nhất của người giang hồ. Là ơn, là thù, là công lý - tất cả đều phải được luận chứng bằng võ công. Bầu bang chủ cũng vậy, bầu lục lâm minh chủ, thậm chí bầu võ lâm minh chủ cũng vậy, nếu không trải qua ấn chứng võ công thì không được mọi người khẩu phục tâm phục. “Kẻ mạnh thì thắng”, thắng đáng để cho mọi người tâm phục. Dùng mưu mẹo thì dù có thắng cũng không tránh bị đồng đạo giang hồ dị nghị.

Coi trọng tín nghĩa và dựa vào võ công là “hiến pháp” của đạo nghĩa giang hồ. “Đạo nghĩa giang hồ” trên thực tế là “pháp luật giang hồ”. Đây là một điều rất thú vị. Nguồn gốc của giang hồ vốn là từ sự miệt thị pháp luật, nhưng từ khi hình thành thế giới giang hồ, bản thân nó cũng cần “pháp trị”. Đây là tất yếu lịch sử chăng? Hay là do hạn chế của tác gia tiểu thuyết võ hiệp tạo nên? Người giang hồ không thể tìm ra đáp án. Dưới “hiến pháp” giang hồ có hắc đạo và bạch đạo, cũng có quy củ của các môn các phái... Những thứ “đạo nghĩa giang hồ” ấy rất phức tạp, trong đó có một số điểm tương đối giống nhau, như: “cấm tư thông với quan phủ”, “cấm ỷ mạnh hiếp yếu”, “cấm ỷ lớn hiếp nhỏ”, “cấm dối thầy diệt tổ”, “cấm học lén võ công phái khác”, “cấm dâm dục cường bạo” v.v...

Không giữ gìn đạo nghĩa giang hồ khó làm người giang hồ, khó làm việc giang hồ. Vi phạm

đạo nghĩa giang hồ tất phải bị xét xử.

[1] "Chiến quốc tứ công tử": Mạnh Thường quân, Bình Nguyên quân, Tín Lãng quân, Xuân Thân quân.

[2] Chính đặc điểm này khiến cho giáo sư Hoa La Canh gọi tiểu thuyết võ hiệp là "đồng thoại cho người lớn."

[3] Thơ Tô Đông Pha - "Đề Tây Lâm bích"

[4] Vương Mãng cướp ngôi nhà Tây Hán, làm vua 15 năm, đặt quốc hiệu là "Tân".

[5] Tưu lượng cao gọi là hải lượng.

[6] Chữ "quan phủ" ở đây được dùng với nghĩa hệ thống quan lại các cấp.

[7] Chữ "Đạo trong "đạo nghĩa" và "đạo tặc" tuy đồng âm nhưng là 2 chữ được viết khác nhau.

CHƯƠNG III: XUẤT THÂN CỦA HIỆP KHÁCH

1. Sĩ

Trong tiểu thuyết võ hiệp, người đọc sách cũng thường có võ công. Trong tác phẩm “Hạc Kinh Côn Luân”. Vương Độ Lư đã viết: “Đi lại trên giang hồ có hai loại người không thể coi thường, thứ nhất là người xuất gia, thứ hai là văn nhân tú sĩ. Bởi vì hai loại người này phần nhiều là có chân truyền đặc biệt.” “Người xuất gia” được chân truyền đặc biệt thì khỏi phải nói cũng rõ, một Thiếu Lâm một Vũ Đang vốn là “hai ngôi sao” hùng quán võ lâm. Còn “văn nhân tú sĩ” xem ra văn chất *bân bản*, có vẻ như không chịu nổi một cú đấm thì có gì là đáng sợ? Trong “Lộc Đỉnh ký” của Kim Dung, chàng thư sinh nho nhã Lý Tây Hoa xông vào cứ điểm bí mật của Thiên Địa Hội, đến cả bốn cao thủ của Thiên Địa Hội và Mộc Vương phủ cũng không ngăn cản được, họ Lý trong lòng thầm đắc ý. Nào ngờ một vị thư sinh khác là Trần Cận Nam, chỉ qua hai chiêu đã khiến họ Lý bị trúng “ngưng huyết thần thảo”, Lý Tây Hoa phải chôn mình trong huyết 7 ngày mới hóa giải được, nếu không “máu trong người sẽ dần dần ngưng kết, đặc sệt lại, không có thuốc nào chữa nổi”. Lý Tây Hoa bấy giờ “mới biết ngoài trời lại có trời, hơn người lại có người hơn”, lặng lẽ ra đi. Hình tượng nho sinh hiệp khách (nho hiệp) trong tiểu thuyết là nơi ký thác ước vọng khí phách dương cương hào sảng của những người trí thức. Lý Bạch từng cảm khái:

Nho sĩ đâu bằng người hiệp sĩ,

Bạc đầu đọc sách có ích gì.

Văn minh càng phát triển người trí thức càng xót xa cảm thấy cả thể chất lẫn tinh thần của mình đều yếu đuối.

Theo khảo chứng của Cố Hiệt Cương tiên sinh trong bài “Sự thoái hóa [\[1\]](#) của võ sĩ và văn sĩ” thì ở thời viễn cổ “kẻ sĩ đều vũ dũng, nước có việc binh nhung thì đứng lên cầm vũ khí, không nề nguy hiểm, nhân tài văn võ chưa chia làm hai.” Thời ấy chiến tranh liên miên không ngớt, kẻ thống trị rất cần người văn võ toàn tài để bảo vệ xã tắc. Vì thế, từ thời Ân Thương trong giáo dục coi trọng cả văn lẫn võ. Thầy giáo thời cổ được tôn xưng là “phu tử”, chữ “phu tử” này vốn có nguồn gốc từ tên gọi chức quan võ: “Bách phu trưởng” (chỉ huy đội quân trăm lính) “Thiên phu trưởng” (chỉ huy đội quân ngàn lính). Khổng Tử xuất thân nhà võ tướng, bản thân ông cũng là người cường tráng, nếu không thế thì sao đủ sức chu du liệt quốc. Điều thú vị là con người khang kiện cường tráng như Khổng Tử lại “không chịu nghe chuyện sức mạnh”, không hề bàn đến những chuyện quái dị, vũ lực, làm loạn, quỷ thần (quái, lực, loạn, thần). Sách “Tả truyện” có ghi: Năm thứ 11 thời vua Lỗ Ai Công, Khổng Văn Tử sắp đánh Đại Thúc, tìm Khổng tử để hỏi. Khổng Tử nói: “Việc giáp binh, tôi chưa từng nghe.” Điều này cho thấy một dấu hiệu quan trọng: Có một bộ phận trong giai tầng “sĩ” đã dần dần rút vào tu dưỡng nội tâm mà xao lãng việc võ. Từ thời Chiến Quốc về sau đã hình thành hai loại văn sĩ và võ sĩ. Đời Hán đã đàn áp tàn khốc những người du hiệp mà coi trọng “hiền lương” (tức nho sĩ có tài), lập hàm “bác sĩ” (về sau gọi là “tiến sĩ”, ngày nay ở Trung Quốc lại gọi là “bác sĩ”), khiến cho võ đạo ngày một suy tàn, nho phong đại thịnh. Từ đó (từ đời Hán) chữ “Sĩ” chỉ được dùng để gọi loại “văn nhược thư sinh” mà không dính dáng gì đến những võ nhân múa thương đánh kiếm nữa.

Từ đời Hán về sau, tuy thịnh thoảng cũng có thư sinh hâm mộ lối sống du hiệp nhưng rất ít người thật sự sống đời sống giang hồ. Lý Bạch từng khoe “Mười năm giỏi kiếm thuật” “Một tay địch mấy người”, e rằng nói cho oai vậy, chẳng qua cũng chỉ là “Bên hông đeo bảo kiếm” để tăng thêm hào khí mà thôi. Lý Bạch say mê “Kiếm thuật”, có lẽ ông cũng đã từng đeo bảo kiếm đi du lịch khắp danh sơn thắng địa; nhưng nếu thực sự vào chốn giang hồ thì chẳng biết cơ sự sẽ ra sao. Trong tiểu thuyết võ hiệp người thi đỗ Thám hoa rồi mới luyện phi đao như Lý Tầm Hoan thì chỉ có trong tưởng tượng kỳ diệu của Cổ Long mà thôi chứ khó có thể là sự thực. Mười năm đọc sách bên song lạnh, không cận thị đã là may, làm sao có thể “bách bộ xuyên dương” được nữa?

Tiểu thuyết võ hiệp tả võ công của nho hiệp chỉ có tính chất tượng trưng ước lệ, nó chỉ giúp cho văn nhân tú sĩ đã cơn nghiện hành hiệp mà thôi (thì tác giả tiểu thuyết võ hiệp cũng là “văn nhân tú sĩ”).

Thế nhưng, trong khí chất và hoài bão nội tại thì không ít thư sinh có hào khí cho nên tả nho hiệp không phải chỉ có ý nghĩa tượng trưng mà còn có phần chân thực. Kẻ sĩ Trung Quốc qua các thời đại đều đầy tinh thần trách nhiệm đối với xã hội. Tinh thần trách nhiệm ấy đã được thể hiện qua những lời bất tử: “Điều nhân là trách nhiệm của mình”, “Đối với việc hưng vong của thiên hạ, kẻ thất phu cũng có trách nhiệm” (Thiên hạ hưng vong thất phu hữu trách); “Lo trước nỗi lo của thiên hạ, vui sau niềm vui của thiên hạ” (Tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc).

Đời người sau trước ai không chết

Để tấm lòng son rạng sử xanh

(Nhân sinh tự cổ thùy vô tử,

Lưu thủ đan tâm chiếu hân thanh)

Phẩm cách vô tư và tinh thần hiến thân ấy của nho sĩ là nhất trí với nhân cách của hiệp khách.

Ở những thời điểm quan trọng có nguy cơ chính trị hoặc thay triều đổi đại có những thư sinh không cam tâm ẩn mình mà bước vào võ lâm. Nhưng giữa họ và những vũ phu đầu óc giản đơn tứ chi phát triển kia có sự khác biệt quan trọng, đó là ở họ có lý tưởng xã hội và hoài bão chính trị rõ ràng. Chẳng hạn như, trong Thiên Địa Hội, không thiếu những người như Vi Tiểu Bảo, chỉ biết cái nghĩa khí anh em mơ hồ, nhưng thư sinh Trần Cận Nam thì có thể vạch ra phương hướng chính trị cho các hiệp khách - lật đổ nền thống trị của Mãn Thanh, giúp đỡ họ Trịnh ở Đài Loan. Hiệp khách là một loại năng lượng lớn nhưng thường cũng là năng lượng mù quáng chỉ có người đọc sách (trí thức) mới có thể hướng năng lượng ấy vào sự nghiệp cải cách xã hội và cải cách chính trị. Đêm trước của cách mạng Tân Hợi, một số lưu học sinh đã chủ động liên lạc với “Hồng Môn”, phát động giang hồ hào khách lao vào cuộc đấu tranh chống nhà Thanh.

Sĩ tử có tố chất văn hóa rất cao, vì thế dưới ngòi bút của các tác gia võ hiệp, nho hiệp đủ khả năng kết hợp võ công với phong hoa tuyết nguyệt, cầm kỳ thư họa một cách hữu cơ. Chẳng hạn như trong “Tiểu ngạo giang hồ”, bút vẽ, bàn cờ cho đến âm nhạc của “Giang Nam tứ hữu” đều là vũ khí giết người. Dưới đao quang kiếm ảnh, trong quyết đấu tử sinh vẫn hiện ra vẻ hào hoa

phong nhã, đem lại cho võ lâm cả thi ý lẫn mạn.

Giang hồ vốn là thiên hạ của những kẻ thô hào, Nho hiệp thường quá ư văn minh, quá ư viễn vông, quá ư nhu nhược. Trong “Xạ điêu anh hùng truyện”, Hoàng Dung tinh quái đã đùa giỡn các vị thư sinh “Ngư, Tiều, Canh, Độc”. Âu Dương Phong có một lần đi qua thư viện nghe thấy một thư sinh đang dạy học trò, nói những là cần phải làm trung thần hiếu tử. Âu Dương Phong nghe đến phát ngấy, bèn giết quách chàng thư sinh nọ. Hành động ấy cố nhiên có quan hệ với bản tính của “Tây Độc” nhưng cũng phản ánh tâm lý “chương tai gai mắt” của hiệp khách đối với sự tuân thủ lễ giáo, rập khuôn quy củ của thư sinh. Còn trong “Lộc Đỉnh ký”, Trần Cận Nam vì ngu trung với họ Trịnh ở Đài Loan mà chết dưới tay Trịnh Khắc Sảng nhỏ mọn, làm mất đứt sự nghiệp chống Thanh của Thiên Địa hội, khiến người ta phải than thở. Trong “Thủy hử truyện”, thư sinh Tống Giang cũng tìm mọi cách để kiềm chế tính cách thô dã của hảo hán Lương Sơn, đem “Tụ nghĩa sảnh” hoằng dương nghĩa khí đổi thành “Trung nghĩa đường” ủng hộ chính thống triều đình lại còn mong mỗi hoàng đế anh minh xuống chiếu “chiêu an”. Có thể thấy, thư sinh dù có bị “bức lên Lương Sơn”, gửi thân giang hồ ngoài pháp luật nhưng vẫn không quên cương thường luân lý, không thoát khỏi tính chất nô lệ mà họ tiếp nhận từ văn hóa truyền thống.

Sự mềm yếu do dự trong tình yêu cũng thể hiện sâu sắc nhược điểm trong tính cách của trí thức. Trong “Thư kiếm ân cừ lục”, Trần Gia Lạc, thủ lĩnh của “Hồng Hoa hội” vốn xuất thân thư sinh, chàng cùng công chúa của Hồi tộc là Hoắc Thanh Đồng quyến luyến nhau nhưng chưa tỏ tâm ý. Chính ở thời điểm quan trọng ấy chàng tình cờ nhìn thấy Lý Nguyên Chỉ, vốn là gái giả trai, thân thiết với Hoắc Thanh Đồng, chàng ta hiểu nhầm rằng trái tim của Hoắc Thanh Đồng đã thuộc về người khác, Trần Gia Lạc vừa không đủ bộc trực tỏ bày tình cảm vừa không đủ dũng khí vùng đao đoạt tình, rốt cuộc đành để mối tình đẹp dễ trôi theo dòng nước. Ở đây còn có nhân tố tâm lý vi diệu: Hoắc Thanh Đồng võ nghệ cao cường, trước nàng Trần Gia Lạc thiếu tự tin. Về sau chàng lại yêu Kha Tư Lệ, em gái Hoắc Thanh Đồng, điều này rõ ràng là có quan hệ với thiên tính nhu nhược, không biết võ công của Kha Tư Lệ. Quan niệm truyền thống nam tôn nữ ti, nam mạnh nữ yếu đã tạo nên tâm lý thẩm mỹ của chàng thư sinh Trần Gia Lạc. Thế nhưng ngay cả đối với Kha Tư Lệ chàng cũng chẳng dám yêu hết mình. Khi hoàng đế Càn Long đề nghị đem Kha Tư Lệ làm điều kiện ép Trần Gia Lạc từ bỏ chí “phản Thanh phục Minh” Trần Gia Lạc lại dao động: “Nàng đối với ta tình sâu như thế, vì ta mà liều chết để giữ gìn trinh bạch, nàng tin rằng ta sẽ cứu nàng. Lẽ nào ta lại nhẫn tâm bỏ rơi nàng, phản bội nàng? Nhưng nếu bảo toàn được ta và Kha Tư Lệ thì nhất định phải đoạn tuyệt với đại ca [\[2\]](#). Đây là cơ hội tốt nhất để phục quốc, nếu để mất thì há chẳng phải hai ta trở thành kẻ có tội sao?” Đầu óc chàng hỗn loạn, không biết làm thế nào cho phải.

Như thế, Trần Gia Lạc tự tay đánh mất tình yêu của hai người con gái cũng đồng thời đánh mất hạnh phúc của mình. Biểu hiện tình yêu phản ánh rõ nhất tính cách của con người. Trần Gia Lạc quá ư do dự trong tình yêu, “Hồng Hoa hội” cuối cùng thất bại cũng chẳng có gì lạ. Các hào kiệt “Hồng Hoa hội” đã trả giá đắt mới bắt được Càn Long. Lúc bấy giờ Trần Gia Lạc lại dao động, cuối cùng lại không giết Càn Long.

Có lẽ vì giang hồ vốn là đất trời của những anh hùng thảo mãng, có cố đưa đẩy thư sinh xông vào thì e cũng không tránh khỏi làm tổn thất bản tính của cội giang hồ, chỉ có thể tạo thành bi

kịch.

2. Nghĩa quân

Một bộ “Thủy hử truyện” toàn kể chuyện nông dân khởi nghĩa. Trước khi lên Lương Sơn làm nghề lạc thảo, những người như Lỗ Trí Thâm, Võ Tòng, Dương Chí, Lý Quỳ lưu lạc khắp nơi, bốn bề là nhà, thực sự là du hiệp. Sau khi lên Lương Sơn, họ “chiếm sơn vi vương” (chiếm núi làm vua), xếp vị trí ở Trung nghĩa đường, nghe lệnh điều khiển, tổ chức thành nghĩa quân có kỷ luật nghiêm minh. Có tổ chức là đặc trưng cơ bản để phân biệt nghĩa quân với du hiệp.

Du hiệp cơ bản là cá thể độc lập, đem cái dũng của kẻ thất phu mà đối kháng với sóng gió hiểm ác chốn giang hồ. Ở hồi thứ hai của “Thủy hử truyện” có câu thơ:

“Thiên trượng mở thông đường nguy hiểm

Giới đao giết hết bọn bất bình.”

Ở đây, thiên trượng và giới đao đều mở ra trường chiến đấu của mình, có con đường riêng. Dù có kết nghĩa kim lan cũng chỉ là “thần giao” chứ không có mối liên hệ có tính tổ chức, khi nguy nan có thể giúp đỡ nhau nhưng xong việc lại ra đi, mỗi người riêng một góc trời. Nghĩa quân thì khác. Họ xuất hiện với tư cách một chính thể tập đoàn quân sự, có căn cứ địa, có tổ chức chặt chẽ, kỷ cương nghiêm minh, không trọng cái dũng của kẻ thất phu mà cần sự đồng tâm hiệp lực.

Trong “Ỗ thiên Đồ long ký”, Minh Giáo bầu giáo chủ, đặt tả hữu sứ, có trật tự rõ ràng với tông chỉ đuổi giặc Nguyên phục hưng Hán tộc. Các lộ hiệp khách, theo sở trường của mình mà biên chế thành “Hồng thủy kỳ”, “Liệt hỏa kỳ”, “Cự mộc kỳ”, “Hậu thổ kỳ”, “Nhuệ kim kỳ”. Ưu thế của đoàn thể là lớn mạnh. Tại hội quần hùng ở Thiếu Lâm tự, ngọn cờ nhỏ của Quang minh hữu sứ Dương Tiêu phất lên, 500 mũi thương của “Nhuệ kim kỳ”, 500 mũi tên dài nhất bay vào giữa quảng trường. Lại có 500 lưỡi búa sắc nghiêm trện chờ lệnh, hiệp khách đơn thương độc mã dù bản lĩnh cao cường e cũng khó lòng thoát khỏi thiên la địa võng. Tiếp theo, “Cự mộc kỳ”, “Hồng thủy kỳ”, “Liệt hỏa kỳ” đều hiển thần thông. Cuối cùng, giáo chúng của “Hậu thổ kỳ” từ dưới chân quần hùng đội đất chui lên, và chỉ trong khoảnh khắc lấp bằng cái hố mỗi bề ba bốn trượng. “Quần hùng đứng xem không ai không kinh hãi thất sắc. Mọi người đều biết mấy năm gần đây Minh giáo đã nổi dậy chống Nguyên ở các vùng Hoài, Tứ, Dự, Ngạc, đánh thành chiếm đất, liên tục đánh bại quân Nguyên, nay họ đem hiểu biết về binh pháp dùng vào cuộc tử đấu với võ lâm, số người đã đông, kỷ luật lại nghiêm, lại thêm tập luyện có phép, môn phái nào trên chốn giang hồ cũng không thể đối địch.”

Đúng vậy, vô luận là phái Thiếu Lâm đầy cao thủ hay là phái Vũ Dương dưới trướng Trương Tam Phong đều không đủ sức hoàn thành sứ mệnh thay triều đổi đại. Nhưng Minh giáo đã làm được điều ấy. Chu Nguyên Chương, một vị tướng của Minh giáo cuối cùng đã lên ngôi hoàng đế.

Kỳ thực, các cao nhân tăng đạo của Thiếu Lâm, Vũ Dương căn bản là không có ý nhúng tay vào việc chính trị. Trương Tam Phong tuy đau lòng nhức óc trước nỗi đau khổ lầm than của trăm họ dưới ách thống trị ngoại tộc, thỉnh thoảng cũng tình cờ ra tay giết mấy tên Mông Cổ nhưng rốt cuộc ông cũng không dựa vào danh tiếng lẫy lừng của mình để kêu gọi phái Vũ Dương và liên lạc với võ sĩ thiên hạ để chống lại quân Nguyên, làm nên sự nghiệp oanh liệt. Nói

thăng ra là ông sợ bắn tay. Là một đại sư võ học ông đã siêu việt vượt lên trên tiến trình chính trị hiện thực mà đặt tâm trí vào bí ẩn của võ học và những vấn đề hình nhi thượng vạn vật tiêu trưởng... Các hiệp khách bình thường thì vị tất đạt đến trình độ như Trương Tam Phong, nhưng họ cũng không nhiệt tâm với chính trị xã hội, không màng đến những công việc thế tục như kiến công lập nghiệp, ở họ tồn tại phổ biến khuynh hướng “võ thuật vị võ thuật”. Nếu nói lý tưởng giá trị của hiệp khách là làm “thế ngoại cao nhân” thì mục tiêu phấn đấu của nghĩa quân là chiến thắng trong cuộc đấu tranh chính trị. Minh Giáo là một loại lực lượng chính trị tương đối tự giác.

Trong “Minh đích phong vân lục” của Lương Vũ Sinh, mục tiêu chính trị của nghĩa quân ở Kim Kê lĩnh cũng rất rõ ràng, tức là - đối ngoại thì chống quân Kim, đối nội thì khống chế bọn quan lại thuộc phái đầu hàng. Chính trị hóa cũng là một đặc trưng để phân biệt nghĩa quân với hiệp khách bình thường. Do nghĩa quân có tính chất chính trị hóa, tổ chức hóa cao, nhấn mạnh lợi ích chung của tập thể nên thiên tính tự do của hiệp khách bị hạn chế. Trong cuốn sách “Trung Quốc cổ điển tiểu thuyết đạo luận”, Hạ Chí Thanh có chỉ ra rằng: trong “Thủy hử truyện”, “những kinh lịch của đại bộ phận hảo hán khiến người ta khó quên nhất đều là trước lúc họ lên Lương Sơn”, “một khi đã lên Lương Sơn tụ nghĩa, mọi người đều trở thành đầu lĩnh cầm quân không khác nhau bao nhiêu, hình tượng của họ không còn nổi bật như trước nữa.” Ở trên Lương Sơn “Hắc Toàn Phong” Lý Quỳ rất không thoải mái đối với sự quản thúc của Tống Giang, thường tìm chỗ sơ hở để tự do thoải mái một chút. Cuối cùng, với tư cách thủ lĩnh, để giữ trọn chữ “trung” cho quần hào Lương Sơn, Tống Giang đành phải nhẫn tâm lừa Lý Quỳ cùng với mình uống rượu độc, cùng xuống hoàng tuyền. Ở đây sự áp chế của tổ chức đối với cá tính thực khiến người ta rợn gáy.

Trong tiểu thuyết võ hiệp, số tác phẩm đơn thuần miêu tả nghĩa quân không nhiều. Mãi đến trong tiểu thuyết thoại bản thời Tống-Nguyên, hiệp khách đều xuất hiện với tư cách cá thể. Tiểu thuyết võ hiệp cận đại cũng phần lớn để cho hiệp khách hoạt động phi tổ chức, nguyên nhân là tiểu thuyết viết về nghĩa quân không thuận lợi cho việc miêu tả cá tính của hiệp khách. Cho nên trong “Minh đích phong vân lục”, đối với các loại bàn mưu tính kế, vạch sách lược trên Kim Kê lĩnh, Lương Vũ Sinh đều chỉ hư tả mà dành nhiều bút mực để miêu tả những cảnh ngộ cá biệt của Cốc Khiếu Phong và các hiệp khách khác. Còn Kim Dung, trong “Ý thiên Đồ long ký” thì cuối cùng đã để Trương Vô Kỵ từ chức Giáo chủ Minh giáo, để cho vị đại hiệp này được thực hiện tự do tâm linh của mình. Có vị học giả thậm chí còn cho rằng: “Thủy hử truyện” đưa các vị hiệp khách lên tham gia tập đoàn quân sự Lương Sơn Bạc, khiến cho bộ sách này nhiều lắm là chỉ có phân nửa tiểu thuyết võ hiệp, sau khi lên Lương Sơn Lỗ Trí Thâm, Võ Tòng... chỉ còn là “anh hùng” mà không còn là hiệp khách nữa.

3. Ăn mày (Cái)

Trong tiểu thuyết võ hiệp tân phái, cái bang thường được miêu tả thành đại môn phái đệ nhất trong giang hồ. Đó là vì trong lịch sử, ăn mày rất đông, có mặt khắp nơi trong toàn quốc. Văn minh nông nghiệp của Trung Quốc phát triển sớm, khiến cho ruộng đất khai khẩn được nhanh chóng đạt tới cực hạn, mà sự bùng nổ dân số và nạn kiêm tính ruộng đất khiến cho mâu thuẫn người nhiều ruộng ít càng ngày càng nổi cộm lên. Nông dân phần nhiều không có ruộng đất, buộc phải rời bỏ xóm làng lên các thành thị để tìm đường sống, trong đó có một bộ phận

rất lớn trở thành hành khất. Ăn mày và đoàn nhóm của họ là một bộ phận tổ thành quan trọng của xã hội bí mật ở Trung Quốc.

Hình tượng hiệp cái (hiệp khách ăn mày) trong tiểu thuyết võ hiệp để lại trong người đọc ấn tượng khó quên, như Hồng Thất Công trong “Xạ điêu anh hùng truyện”, Kiều Phong “Thiên Long bát bộ”. Ăn mày chuộng hành hiệp trượng nghĩa, có thể phát huy tinh thần nghĩa hiệp đến cao độ.

Trong “Vân gian tạp chí” của một tác giả vô danh đời Minh có truyện “Trương Nhị Lang”, viết về một người ăn mày lặn cực giỏi tên là Trương Nhị Lang. Anh ta tham gia chống quân Nụy Khấu [3]. Trương Nhị Lang nhiều lần lặn xuống biển, thâm nhập vào trại giặc, thám thính tình hình, giết giặc lập công.

Trương Nhị Lang “được thưởng vàng bạc đều không nhận, xin trả lại kho công, thưởng cho thịt bò thì nhận. Sau khi đuổi được giặc, luận công, cho thế tập trăm hộ, biểu dương ở quận huyện, đem kỹ nữ gả cho làm vợ, Trương từ chối, chỉ muốn tiếp tục đi ăn mày. Đêm thì ngủ ở trong Nhạc miếu, vui vẻ vô lo. Về sau có quan khai phủ ở Giang Nam đến thăm Trương, thấy Trương nằm dưới chân tượng Kim Cương, ra lệnh lĩnh vàng ban thưởng vẫn cười mà không nhận, tặng rượu thịt thì cảm ơn rồi đi.”

Đại khái, Trương Nhị Lang là hình tượng hiệp cái đầu tiên trong lịch sử tiểu thuyết võ hiệp. Tinh thần hiến thân vì việc nước, coi thường danh lợi cho đến tính thích rượu thịt của anh ta đã ảnh hưởng phong cách Cái bang trong tiểu thuyết võ hiệp đời sau.

Du hiệp, hiệp cái thể hiện rõ nhất chữ “du” [4] này. So ra, tăng đạo phần lớn tu hành ở chùa chiền đạo quán; người ở chốn quan trường thì thân chẳng tự do; kẻ sĩ tuy có truyền thống du học nhưng cũng hy vọng một mai được triều đình bổ dụng có thể “giúp vua vượt Nghiêu Thuấn, lại khiến phong tục thuần” [5], lại còn bị ràng buộc bởi gia thất; thích khách và hiệp y thì phần lớn là mai danh ẩn tích, nghĩa quân chiếm núi làm vua; hình như chỉ có ăn mày không nhà không cửa, không buộc không ràng, vân du bốn phương, tự do hành động.

Ăn mày không có nghề nghiệp, không chịu sự ràng buộc của bất kỳ quyền lợi và nghĩa vụ nào; địa vị của họ thấp kém hèn mọn, không được sự tôn trọng và đếm xỉa của các quần thể xã hội khác. Họ cách biệt với văn hóa chủ lưu của xã hội, thuộc “loại người ngoài rìa”. Vị trí “người ngoài rìa” khiến họ dám đấu tranh, không sợ trời, không sợ đất. Trong tiểu thuyết võ hiệp, Thiếu Lâm Võ Đang thường chín chắn thận trọng không dễ dàng bị cuốn vào sóng gió giang hồ, còn Cái Bang thì dám nói dám làm, thích gây sự. Trong “Xạ điêu anh hùng truyện”, bang chủ Cái bang Hồng Thất Công có câu diệu ngữ: “Chúng ta sở dĩ làm ăn mày là vì muốn không bị ràng buộc, thích tự do tự tại, nếu như cái này không nên, cái kia không được thì mắc gì mà không đi làm quan, làm tài chủ quách cho rồi?”

Thế nhưng, dã tính vẫn sống chung với lỗ mãng, cứ ư gì làm nấy mãi thì cũng có chỗ sơ hở. Với tư cách là “người ngoài rìa”, dám ăn mày nếu không được quản thúc thì có thể thành lực lượng phá hoại mù quáng, thành ít bại nhiều. Ngay đến bang chủ Hồng Thất Công cũng đã từng vì ham chén rượu mà để một người bạn mất mạng, khi tỉnh rượu hối hận không kịp, đã tự chặt đứt một ngón tay, trở thành “Cửu chỉ thần cái” (thần ăn mày chín ngón).

Người có gia thất đề huề thường thông cảm và quan tâm đến kẻ ăn mày với tư cách của kẻ trên cao nhìn xuống, nào hay đối với hiệp cái mà nói, họ coi lòng thương hại là kẻ thù. Họ tuy chẳng có gì nhưng lại ngạo mạn ở đời, cự tuyệt thái độ hống hách của kẻ giàu sang, hoàn toàn không bị cám dỗ bởi phú quý và áp lực của cường quyền. Trong “Xạ điêu anh hùng truyện”, Dương Khang trá xưng nhận di mệnh của Hồng Thất Công tiếp nhiệm bang chủ Cái Bang và lấy “đả cầu bổng” (gậy đánh chó) làm chứng, bang chúng Cái Bang vốn tin là thật, về sau thấy Dương Khang uốn lưng quỳ gối trước Cừu Thiên Nhận, có ý bảo vệ người Kim thì họ sinh nghi. Bởi vì họ nhận thấy nhân cách Dương Khang trái ngược với phẩm tính của hiệp cái, Hồng Thất Công nhất định không phó thác đại bang đệ nhất giang hồ cho con người như vậy.

Những người ăn mày đều luân lạc nơi chân trời góc bể; không có sự bảo hộ của gia tộc nên cần nhất là sự giúp đỡ của bạn bè. Vì thế kẻ ăn mày tôn sùng nhất chữ “nghĩa”, có phúc cùng hưởng, có nạn cùng chịu. Hiệp cái phần nhiều là những con người hào sảng, chân thành, tình sâu nghĩa nặng như Hồng Thất Công, Kiều Phong. Họ không nhục vì nghèo mà nhục vì vô tình bạc nghĩa. Kiều Phong với địa vị tôn quý của bang chủ vẫn yêu cô thị nữ A Châu, tương tư nhập cốt, tình sâu tựa biển, vì lời gửi gắm của A Châu lúc lâm chung chàng đã hết lần này đến lần khác quan tâm chăm sóc cô bé A Tử điều toa độc ác, dù có vì thế mà phải nếm trải bao nỗi vất vả khổ sở cũng chẳng hề oán hận thở than. Còn Mộ Dung Phục phong lưu tài mạo, gia tài ức vạn lại là một kẻ khinh bạc; trên giang hồ “Bắc Kiều Phong, Nam Mộ Dung” cùng nổi tiếng như nhau nhưng họ trở thành một cặp chiếu ứng đối lập rất rõ. Kiều Phong mang dòng máu Khiết Đan, lớn lên ở Trung nguyên, đối với dân tộc Khiết Đan và dân tộc Hán chàng đều tận trung tận nghĩa. Khi vua Khiết Đan dẫn quân xâm lăng đất Tống, chàng trước hết bắt ép vua Khiết Đan để cứu tính mệnh hiệp khách Hán và trăm họ Trung nguyên rồi sau đó tự sát để chuộc tội vì đã xúc phạm quốc vương của dân tộc mình. Cái chết của Kiều Phong là do xung đột của trách nhiệm đạo nghĩa đối với hai dân tộc đang đối địch nhau đưa lại. Đây là một sự chứng minh - tinh thần hiệp nghĩa cao hơn sinh mệnh. Kiều Phong không then là bang chủ anh minh của Cái Bang.

Chính vì dựa trên nghĩa khí anh em sâu nặng ấy mà những người ăn mày vốn sống phân tán khắp nơi mới có thể có sức ngưng tụ, khắc phục được sự phân liệt và chia rẽ nội bộ. Trong tiểu thuyết võ hiệp, Cái bang đông đúc lại có trình độ tổ chức hóa cao, thường là toàn bang nhất trí, đồng tâm hiệp lực. Điều này mang sắc thái lý tưởng. Bởi vì trong lịch sử, sự phân liệt chia rẽ là cố tật của xã hội bí mật.

Ở đời Thanh có một bài “Vịnh cái thi” (Thơ vịnh kẻ ăn mày) của một tác giả là “Thông Châu thi cái” (nhà thơ ăn mày ở Thông Châu). Thơ rằng:

Phú tính sinh lai thị dĩ lưu,

Thủ trì trúc trượng quá Thông Châu.

Phạm lam hướng hiếu nghêh tàn nguyệt,

Ca bản lâm phong xướng văn thu.

Lưỡng cước đạp phiên trần thế lộ,

Nhất kiên đảm tận cổ kim sầu.

*Nhi kim bất thụ ta lai thực,
Thôn khuyển hà tu phệ vị hư.*

Tạm dịch:

Sinh ra gặp phải vận cơ cầu,
Tay cầm gậy trúc vượt Thông Châu.
Giở côm mỗi sáng chờ trăng lặn,
Bài ca trong gió hát chiều thu.
Hai gót giẫm nghiêng đường trần thế,
Một vai gánh hết cổ kim sầu.
Mà nay chẳng chịu “ê, tới đóp”, [\[6\]](#)
Chó thôn cứ sủa mãi, vì sao?

Bài thơ này nói về dã tính và ngạo khí của hiệp cái, có thể nói là rất đúng với tính cách của họ.

4. Thầy thuốc (Y)

Võ lâm thường đẫm máu. Một lời không hợp là chĩa đao vào nhau, hoa rơi lá rụng cũng có thể hại người. Nếu như chỉ có sát phạt, võ lâm chắc sẽ điêu linh vắng vẻ cũng chẳng viết nổi một bộ tiểu thuyết võ hiệp. Thế nhưng, mệnh mạch của võ vẫn không bị đứt bởi vì may mắn còn có hai loại người - một loại là tăng đạo (nhà sư và đạo sĩ) đầy lòng từ bi chủ trương cần giỏi võ nhưng phản đối say máu, làm trong sạch tâm linh hiệp khách; một loại người nữa chính là thầy thuốc, cứu người, chữa bệnh, giải độc, giữ gìn tính mệnh và võ công của hiệp khách.

Trong võ lâm, thầy thuốc được sự tôn sùng đặc biệt. Vô luận là nhân vật bạch đạo hay hắc đạo, thông thường đều không làm khó thầy thuốc. Đạo lý rất giản đơn: người trong võ lâm luôn luôn bị ám ảnh bởi cái chết, càng lo võ công của mình bị mất hết, giống như người tàn phế, sống không bằng chết. Mà thầy thuốc trong tiểu thuyết võ hiệp phần lớn là “danh y”, “thần y”, “y tiên”, y đạo tuyệt vời, chính là vị thiên sứ bảo vệ sinh mệnh của người tập võ và vị thần gìn giữ võ công.

Y học Trung Quốc tất tinh thông kinh lạc, huyết vị trên cơ thể người. Trong tiểu thuyết võ hiệp, kinh lạc huyết vị không phải chỉ quan trọng đối với việc chữa bệnh, cứu thương mà còn rất quan trọng đối với việc luyện võ. Danh y Vương Duy Nhất thời Bắc Tống từng đề nghị triều đình đúc hai pho tượng người bằng đồng làm mô hình huyết vị châm cứu; ông còn tự tay biên soạn ba quyển “Đồng nhân du huyết châm cứu đồ kinh” (Sơ đồ huyết vị châm cứu trên người đồng). Người đồng và sơ đồ huyết vị vốn chỉ có giá trị y học, qua tưởng tượng của tiểu thuyết gia đã trở thành bí tịch võ học khiến cả cõi đời kính nể khâm phục. Người đồng bị mất rất nhiều năm rồi lại xuất hiện trên giang hồ, gây nên gió to sóng dữ. Hắc bạch đều nóng mặt, thầy trò chẳng nhìn nhau, ngọc đá đều bị thiêu hủy. Câu chuyện ấy cơ hồ đã thành một mô típ thông dụng trong một số tiểu thuyết võ hiệp. Trong đó hiệp y (thầy thuốc hiệp khách) thường được miêu tả thành cao nhân có võ công thâm hậu, chỉ đường cho người ta ra khỏi bến mê.

Nói một cách khái quát, truyền thống sùng y trên giang hồ một là vì mạng sống, hai là vì muốn học võ công bí truyền.

Hiệp y thường không màng danh lợi, ẩn thân nơi vắng vẻ, không tham gia những cuộc tranh giành môn phái trên chốn giang hồ, có phong cốt ẩn sĩ. Điều này có căn cứ lịch sử. Đầu thời Đông Hán, có một vị thần y ở gần sông Bồi Thủy vui với việc câu cá, xưa nay không muốn để lộ tính danh, người ta chỉ gọi ông là Bồi ông. Cuối đời Hán, Hoa Đà tiếng tăm lừng lẫy, từng cự tuyệt việc làm quan. Đào Hoảng Cảnh thời Nam triều từ quan, ẩn cư ở Mao Sơn, được gọi là “Sơn trung tể tướng”. Ông ở nơi sơn dã tìm hái thuốc, viết nên bộ sách “Bản thảo kinh tập chú”. Từ đó có thể thấy, hiệp khách ở chốn giang hồ tanh mùi máu, còn sơn lâm nơi mà thầy thuốc say mê lại vắng vẻ tịch mịch, hai loại không gian sinh tồn khác nhau ấy mang ý vị của hai hệ thống giá trị khác hẳn nhau.

Thầy thuốc phần lớn không biết võ công. Họ có tri thức phong phú về giữ gìn sức khỏe, như Hoa Đà từng phát minh “ngũ cầm chi hí” (trò chơi năm loài chim), nhưng chỉ có thể kéo dài tuổi thọ chứ không thể cự địch, thắng hoặc gặp kẻ cường bạo, phần nhiều họ như Mai Nhị tiên sinh trong “Đa tình kiếm khách vô tình kiếm”, bị đặt trên thớt đá mặc người ta mổ sả. Nhưng, có lẽ vì nghiên cứu y lý thâm sâu nên tất hiểu rõ lẽ sống chết, thầy thuốc thường có khí phách “phú quý bất năng dâm, uy vũ bất năng khuất”. Mai Nhị tiên sinh thà bị đánh vỡ đầu cũng không chịu để cho kẻ bất tài chữa bệnh. Do đó có thể thấy thầy thuốc và hiệp khách thực sự có chỗ tương thông.

Thầy thuốc có tinh thần hiến thân cho y đạo, như hiệp khách hiến thân cho võ đạo. Tương truyền vị tổ của y dược là Thần Nông “nếm trăm vị cây cỏ trong một ngày bị ngộ độc bảy mươi lần”, cuối cùng nếm phải một thứ kịch độc là “đoạn trường thảo” không có thuốc giải cứu mà chết. Thần Nông là linh hồn bất tử của y đạo. Trong “Tiểu ngạo giang hồ”, Bình Nhất Chỉ không chữa được bệnh cho Lệnh Hồ Xung bèn tự sát để tạ tội. Trong “Ỗ thiên Đồ long ký”, thầy thuốc sợ vợ là Hồ Thanh Ngưu dù đã thề không cứu người ngoài Minh Giáo nhưng một khi phát hiện ra Trương Vô Kỵ bị trúng hàn độc Huyền Minh Thần Chưởng mà sau mấy năm vẫn không chết, liền “như tửu đồ thấy rượu ngon làm sao mà làm ngơ được?” thế là lại ra tay trực độc cho Trương Vô Kỵ. Niềm say mê y thuật ấy có thể khiến cho thầy thuốc vượt lên trên những tín điều luân lý thông thường, không quản gì đến tính mệnh của mình. Họ cũng như hiệp khách là những người chí tình.

Y thuật có thể cứu người cũng có thể giết người, thầy thuốc trong võ lâm cũng vì thế mà phân cao thấp. Loại linh đan diệu dược như tiểu hoàn đan mọi người đều ca ngợi, mà “hắc huyết thần châm”, “hóa thi phấn” là những loại độc dược mà người chính phái phải nhổ. Trong tiểu thuyết võ hiệp chỉ có bọn hạ lưu mới thích đầu độc, như “Cực Lạc đồng tử” độc thuật cái thế trong “Đa tình kiếm khách vô tình kiếm” thì tiếng xấu đồn xa, tựa như chỉ Tứ Xuyên Đường môn mới không thua kém. Trong “Phi hoa trục nguyệt” của Ngọa Long Sinh, con gái của danh y Triệu Bách Niên là Triệu U Lan phải uống thuốc độc để tự bảo vệ rồi khống chế cả tổ chức xã hội đen, nhưng vì thế mà ma tính dấy lên, không còn là một cô bé đáng yêu nữa. Có thể thấy: người có thể đầu độc dễ thành cái tật thích đầu độc đến mức: “nghiện” thì cũng có thể thay đổi tính tình. Thầy thuốc mà lại là hiệp khách há chẳng đáng sợ sao?

5. Thích khách

Nhà sử học Tư Mã Thiên (145-90? TCN), tị tở của văn học võ hiệp đã là người đầu tiên viết về thích khách trong bộ “Sử ký” của mình. Đó là những người như Chuyên Chư ở nước Ngô thời Xuân Thu, Nhiếp Chính ở nước Hàn thời Chiến Quốc cho đến tráng sĩ Kinh Kha đem tính mạng đánh cuộc với bạo chúa Tần Thủy Hoàng thì nhà nhà đều biết, tiếng lưu muôn thuở. Trong lịch sử Trung Quốc, thích khách luôn xuất hiện, không bao giờ dứt, đã cung cấp cho văn học võ hiệp những nguyên mẫu nhân vật và những nguồn tư liệu phong phú. Có nhà biên soạn và nghiên cứu tiểu thuyết võ hiệp đời Minh trong lời tựa “Cổ kim dật sử” thậm chí còn quả quyết rằng: “Kiếm hiệp thực chất là kế thừa thích khách”. Cách nói ấy có phần thiên lệch. Kiếm hiệp không chỉ là thích khách mà còn bao gồm du hiệp, đạo hiệp v.v... Nhưng nếu nói rằng thích khách là một trong những lưu phái võ hiệp sớm nhất thì hoàn toàn có căn cứ lịch sử.

Thích khách thường thường đều có thân thủ phi phạm. Cuối Tần, giữa rừng vệ sĩ của hoàng đế, Trương Lương có thể xông đến hành thích Tần Thủy Hoàng, sau khi đập nhằm vào xe phụ, lại có thể thoát ra. Từ đó có thể tưởng tượng võ công cao siêu đến đâu. Đằng sau võ công cái thể là dũng khí và mưu lược kinh người. Trong khoảnh khắc sinh tử, thích khách hoàn toàn không sợ chết mà còn sẵn sàng chấp nhận bị ngũ mã phân thân, loạn tiễn bắn chết, lấy đó làm nơi trở về của cuộc đời. Đối với họ, điều khó chịu đựng nhất có lẽ là sự hiu quạnh sau khi “thoái hưu”.

Nhân phẩm của thích khách có cao thấp khác nhau, có khi còn cách biệt như trời vực. Trang Tử từng chia kiếm làm 3 loại: “có Thiên Tử kiếm, có Chư Hầu kiếm, có Thứ Nhân kiếm.” Những người như Kinh Kha, Trương Lương lấy đức chế ngự kiếm, thể thiên hành đạo, xả thân vì thương sinh, thuộc loại tuấn kiệt trong thích khách. Họ khác với những kẻ làm nghề “sát thủ” Tây phương hiện đại. Phần lớn họ không phải là kẻ say máu, chỉ vì một lý tưởng xã hội nào đó, một nghĩa vụ đạo đức hoặc một cảnh ngộ đặc biệt nào đó trong cuộc đời mà họ không thể không ra tay, tìm ý nghĩa cuộc đời trước mũi đao lưỡi kiếm. Chính vì họ không làm nghề giết người cho nên có lúc võ nghệ chưa tinh, chí lớn không thỏa. Trong tập tiểu thuyết “Phách án kinh kỳ” đời Minh có viết: “Những người như Chuyên Chư, Nhiếp Chính, chẳng qua do nghĩa khí xui khiến họ trở thành những hảo hán dũng cảm chứ không phải vốn có võ nghệ cao cường.” Đàm Tự Đồng đọc “Kinh Kha truyện” cũng tiếc cho Kinh Kha: “chỉ biết nuôi dưỡng chí khí, chưa biết rèn luyện võ thuật.”

Nếu không biết lấy đức chế ngự kiếm, chỉ biết trung thành mù quáng với một người nào đó hoặc vì kẻ nào đó thuê với giá tiền cao mà làm “sát thủ”, diệt kẻ thù riêng thì đó chỉ là “thứ nhân kiếm” theo lời Trang Tử. Loại người ấy chỉ là cái máy giết người, chẳng đếm xỉa gì đến nhân luân đạo đức. Dù có sai khiến họ đi giết người thân họ cũng giết không cần chớp mắt. Họ không có cái “hỉ nộ ai lạc” của cá nhân. Trong “Đa tình kiếm khách vô tình kiếm”, Cổ Long đã miêu tả tay “sát thủ chuyên nghiệp” Kinh Vô Mệnh như sau:

“Đó căn bản không phải là đôi mắt của con người, cũng không phải là mắt dã thú.

Vô luận mắt người hay mắt dã thú chỉ ít cũng có sự sống, đều có tình cảm, dù đó là sự tham lam, tàn bạo, độc ác... thì chỉ ít cũng là thứ “tình cảm”.

Đôi mắt này lại là chết.

Nó không có một chút tình cảm, một chút sự sống nào - thậm chí đến cả sinh mệnh của chính

nó.”

Khi Lý Tầm Hoan xuống đao còn chút lưu tình, lưỡi đao nhẹ nhàng đâm trúng bả vai Kinh Vô Mệnh. Kinh Vô Mệnh không muốn nhận sự ban ơn của người khác, liền vỗ mạnh một chưởng, mũi đao đâm thẳng vào, phé luôn cánh tay phải. Cái kiểu người cắt đứt mọi sợi dây tình cảm, lòng như giếng lạnh ấy thật là đáng sợ. Nhưng, sau khi chủ của y là Thượng Quan Kim Hồng đã chết, cái “sát khí vô hình” ấy bỗng mất đi, y trở nên chậm chạp. Bởi vì không còn ai sai y đi giết người nữa, y mất luôn ý nghĩa của sự tồn tại, dù còn sống thì cũng chỉ còn là một cái xác trống rỗng mà thôi.

Loại thích khách như Kinh Vô Mệnh, về cá nhân mà nói, chỉ là sức mạnh mù quáng, dã man; thế nhưng trong xã hội phong kiến họ thường bị lợi dụng, trở thành công cụ của những âm mưu chính trị.

Từ xưa đến nay, những kẻ có quyền có thế thường mua thích khách để ám sát đối thủ chính trị. Chẳng hạn như Lương Hiếu Vương đòi Hán muốn kế thừa ngôi vua, nhờ Viên Áng nói tốt cho mình. Không ngờ Viên Áng ở thời khắc quan trọng lại im lặng chẳng nói gì, Lương Hiếu Vương then quá hóa giận bèn sai người đến cửa An Lăng để ám sát Áng. Việc ám sát trên chính đàn đến thời Văn Đường rất thịnh. Năm Nguyên Hòa thứ 10 đòi Đường Hiến Tông, tể tướng Vũ Nguyên Hành chủ trương thảo phạt các xứ Hoài, Sái, đại thần Bùi Độ tán đồng, vì thế mà kết oán với quan các trấn là Lý Sư Đạo, Vương Thừa Tông, Ngô Nguyên Tế. Thế là Vũ Nguyên Hành bị hại ở Tĩnh An, Bùi Độ cũng bị đâm ở Thông Hóa, thủ phạm là các võ sĩ tay sai của Lý Sư Đạo, Vương Thừa Tông.

Bọn sát thủ chuyên nghiệp là bọn vô đạo đức, vô chính trị nhưng lại thường trở thành công cụ của đấu tranh chính trị, điều đó rất đáng để cho người ta suy nghĩ. Luyện võ mà không tu tâm tất chỉ thành công cụ mù quáng. Người trên chốn giang hồ có thể không thận trọng được sao?

6. Quan

Thế giới của hiệp khách là giang hồ, thế giới của quan lại là quan trường, hai nơi đối lập nhau. Riêng có loại “Khanh tướng chi hiệp” (hiệp khách khanh tướng) lại “lưỡng thế”, ở cả hai thế giới, thân nơi cửa khuyết mà lòng ở trên sông trên biển. Tư Mã Thiên là người đầu tiên đã xây dựng nên một loạt hình tượng “Khanh tướng chi hiệp”, mà thành công nhất là hình tượng “tứ công tử” thời Chiến Quốc [7]. Họ mở rộng cửa nuôi dưỡng môn khách, lễ hiền hạ sĩ, lúc nguy nan thì đứng ra gánh vác, phò vua giúp nước tỏa sáng cả chốn quan trường hắc ám. Họ là những “công tử đẹp thông dong giữa cõi đời ô trọc” (phiên phiên trọc thế chi giai công tử dã).

Đặc trưng tính cách nổi bật của họ là dựa vào cái tôn nghiêm của dòng dõi quý tộc, phá vỡ sự trói buộc của vương pháp, lễ giáo. Tín Lăng Quân để các vị khanh tướng tông thất ngồi đợi ở nhà khách, bản thân mình thì lặng lẽ đến mời người gác cổng đông môn là Hầu Doanh đến dự tiệc. Mạnh Thường Quân thì hậu đãi cả những người chỉ biết nhại tiếng gà kêu chó sủa. Những việc làm ấy nếu như diễn ra ở chốn giang hồ thì chẳng có chi là lạ. Giang hồ vốn chỉ trọng nhiệt tình, nghĩa khí, không phân biệt giàu nghèo sang hèn. Điều hiếm có và đáng quý là ở chỗ bốn công tử đều xuất thân ở tầng lớp trên của xã hội đẳng cấp nghiêm ngặt mà lại thích xử sự theo qui tắc của thế giới giang hồ, thật khiến cho thế tục kinh ngạc.

Công năng xã hội của “Khanh tướng chi hiệp” là “phụ pháp”, “gỡ những chỗ bế tắc của vương pháp”. Họ có điều kiện để hành động khi quan trường tầm thường kém cỏi, hiệu suất thấp. Khi quân Tần bao vây kinh đô Hàm Đan của nước Triệu, vua nước Ngụy tầm mắt thiển cận hẹp hòi, ngoảnh mặt làm ngơ. Còn Tín Lãng Quân (em của vua Ngụy) thì ý thức được mối quan hệ “môi hở răng lạnh” của Triệu với Ngụy, chống Tần cứu Triệu là phù hợp với lợi ích của nước Ngụy, nhưng khuyên mãi mà vua Ngụy không nghe, ông bèn nhờ sủng cơ (thiếp yêu) của vua Ngụy lấy trộm binh phù, dẫn đại quân nước Ngụy đi đánh Tần cứu Triệu. Những người như Tín Lãng Quân nhờ khách quan nên sáng suốt, trên lĩnh vực chính trị có thể bổ khuyết cho kẻ cầm quyền, có ý nghĩa tiến bộ nhất định.

Họ uy tín cao hơn chủ, khó tránh khỏi bị nghi ngờ. Tín Lãng Quân cứu Triệu có công nhưng từ đó về sau buộc phải ở lại làm khách nước Triệu. Nếu như không phải về sau nước Ngụy có nạn, vua Ngụy thay đổi thái độ mời ông về nước thì Tín Lãng Quân đành phải chết nơi đất khách quê người. Nội tâm của những hiệp khách khanh tướng ấy không thoải mái như bên ngoài của họ mà mang đậm sắc thái bi kịch.

Trong tiểu thuyết võ hiệp cận đại, ở những nhân vật có thân phận song trùng, vừa là quan vừa là hiệp khách, phần nhiều đều có bóng dáng của bốn công tử thời Chiến Quốc. Trong “Thất kiếm hạ Thiên Sơn” của Lương Vũ Sinh, công tử con quan tể tướng nhà Thanh là Nạp Lan Dung Nhược “gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”. Chàng nói: “Hai dân tộc Mãn, Hán đều máu đỏ. Họ vốn là anh em.” Chàng tuy không rành võ công, nhưng để cứu những người hiệp khách như Phó Thanh Chủ, chàng đã giả cách sa cơ bị bắt, buộc phía nhà Thanh phải thả những người hiệp khách để chuộc mạng công tử. Hành vi ấy biểu hiện rõ tinh thần hiệp khách. Trong “Lộc Đỉnh ký” của Kim Dung, thậm chí đến hoàng đế Khang Hy cũng thích hành hiệp. Trong hoàng cung, nửa đêm cùng Vi Tiểu Bảo lên đến cung Thái hậu, lại còn tự xưng là sư phụ, thu Vi Tiểu Bảo làm đồ đệ. Khang Hy rất có khí phách đại hiệp, thời niên thiếu đã từng mạo hiểm lừa bắt Ngao Bái. Khi đã trưởng thành, gặp lúc Ngô Tam Quế làm phản, quân triều đình bại trận, ông đã dứt khoát không nghe sự ngăn trở của triều thần, giết ngay con Ngô Tam Quế. Ông nghĩ rằng: “Trong triều không có đại tướng, tự ta là đại tướng”. Đúng vậy, chỉ Khang Hy mới là người có thể “tuy bại bất loạn” (tuy thất bại vẫn không hoang mang).

Trong tiểu thuyết võ hiệp, các tác giả đã chú ý khắc họa tính cách song trùng của “hiệp - quan”. Họ băng khuâng giữa vương pháp và luật giang hồ. Linh hồn họ chịu sức ép từ hai phía quan phủ và hiệp khách, khó giữ được sự thanh thản trong tâm hồn. Trong “Xạ điêu anh hùng truyện” của Kim Dung, Dương Khang là một dạng của mâu thuẫn ấy. Là con trai của người Hán Dương Thiết Tâm, với người Kim y có mối thù sâu tựa bể, các hiệp khách người Hán lôi kéo y, hy vọng y gắng sức vì dân tộc; là công tử Hoàn Nhan quý phái của người Kim, mộng khanh tướng lại hấp dẫn y. Cuối cùng y tuy báo thù cha nhưng vẫn ngã vào vòng tay của người Kim. Từ đó y thoát khỏi thân phận song trùng, không còn là hiệp khách, nhưng cũng vì thế mà thân bại danh liệt.

Càng có ý nghĩa là hình tượng Vi Tiểu Bảo trong “Lộc Đỉnh ký”. Đứa con hoang được sinh ra trong lầu xanh ở Dương Châu này vừa là người tâm phúc của hoàng đế lại vừa là hương chủ trong “Thiên Địa Hội”. Hãy khoan nói đến chuyện y có thực sự xứng đáng với hai danh phận này không, trớ trêu thế nào y lại khoác lên mình cả hai danh phận, nhưng rõ ràng là y bị sự trói

buộc của cả vương pháp và luật giang hồ. Khang Hy buộc y tiêu diệt Thiên Địa Hội, Thiên Địa Hội lại yêu cầu y ám sát Khang Hy. Y bối rối như gà mắc tóc. Chính thể phong kiến không cho phép bề tôi hai lòng, dù Khang Hy lòng dạ có khoan dung nhưng rốt cuộc cũng không cho phép y hai chân đứng trên hai con thuyền. Qui tắc giang hồ cũng rất nghiêm khắc, ai phản bội bằng hữu, vi phạm chữ “nghĩa” thì “thiên hạ cùng giết nó” (“Thiên hạ cộng tru chi”). Quan trường hay giang hồ cũng đều nhấn mạnh tính hợp lý và tính thần thánh của những qui tắc của mình, tuyệt không cho phép người đã bước vào thế giới của nó lại lá mặt lá trái. Vì Tiểu Bảo ban đầu còn muốn được lòng cả hai bên: “Tốt nhất là vừa làm cho hoàng thượng vui vẻ, vừa giữ được nghĩa khí với bằng hữu”. Y dùng cái thuật ma lanh của đứa con hoang diễn kịch giữa hoàng đế và Thiên Địa Hội, mới đầu thì tạm lấp liếm được, về sau thì khó bề xoay sở. “Đối với hoàng thượng phải có “lòng trung”, đối với bằng hữu phải giữ gìn “nghĩa khí”, nô tài chỉ còn cách co đầu rút cổ, câu cá ở trên đảo Thông Ngật này”. Cuối cùng, thái độ của Khang Hy càng ngày càng khe khắt mà tàn quân của Thiên Địa Hội cũng lấy cái chết để bức bách, y đành “không làm quan, cũng không tạo phản”, “cáo lão hoàn hương”. Vì Tiểu Bảo không giống Dương Khang “cầm lòng không đậu”, “lỡ một bước thành thiên cổ hận” nhưng rốt cuộc không thể tiếp tục “hành hiệp”, cũng không thể “làm quan”. Cửa khuyết và giang hồ là hai thế giới chẳng thể nào dung được nhau. Cái gọi là “khanh tướng chi hiệp” trong hoàn cảnh nền thống trị chuyên chế còn chưa kiến lập (tức thời Tiên Tần) thì còn có thể tồn tại. Từ khi chính thể chuyên chế đã được thiết lập và phát triển (Tần, Hán về sau) thì cái gọi là “hiệp quan” không còn đất sống, có chăng chỉ là như bông hoa lạ nở ra đầu ngọn bút của nhà tiểu thuyết mà thôi.

7. Người săn bắt tội phạm (bổ khoái)

Trong tiểu thuyết võ hiệp hiện đại có những nhân vật “bổ khoái” (săn bắt tội phạm) vốn là người ở công môn, nhưng hành sự, xử thế, tình nghĩa, tiết tháo lại không khác gì hiệp khách giang hồ. Với nghề nghiệp đặc thù, với không gian hoạt động độc đáo, với phong cách hành hiệp khác thường, loại nhân vật này đã cấu thành một loại hình quan trọng trong giai tầng võ hiệp.

Bổ khoái là một loại sai dịch đảm nhiệm việc bắt tội phạm ở nha môn thời cổ (thời phong kiến), họ cũng được gọi là “bổ dịch”. Đại khái là từ khi có pháp luật để duy trì trật tự xã hội thì bắt đầu có nghề này.

Trong quan niệm thông thường của người ngày nay, loại địa vị thấp kém, loại sai dịch không có phẩm cấp như bổ khoái có lẽ cũng chẳng đáng kể vào đâu. Nhưng trên thực tế, trong xã hội phong kiến dài đằng đẵng, nó là công cụ quan trọng bảo vệ sự thống trị của kẻ cầm quyền. Không những thế, với tư cách kẻ chấp pháp cụ thể, với tư cách kẻ thừa hành, bản chất của bổ khoái là trợ thủ và là chó săn cho kẻ thống trị phong kiến. Đọc “Khốc lại liệt truyện” trong “Sử ký” của Tư Mã Thiên, có thể hiểu được sự hắc ám, hủ bại, đẫm máu của cơ quan tư pháp thời phong kiến; và từ “thành tích” xử án của bọn “khốc lại” như Đỗ Chu thời Tây Hán ta có thể hình dung được bọn làm nghề bổ khoái xưa nay chẳng hề đếm xỉa đến thị phi thiện ác, công lý nhân quyền.

Sự dã man tàn bạo của chế độ “lại trị” dưới thời phong kiến, sự khắc nghiệt khắt khe của luật pháp khiến cho người ta ghê tởm; thế là người ta bèn gửi gắm hy vọng vào những ông quan thanh liêm “chấp pháp công bằng”. Trong tiểu thuyết lịch sử công án thời Minh Thanh, quanh

những câu chuyện về các ông quan xử án sáng suốt như Bao Chửng, Hải Thụy... không những đã phản ánh một cách trực tiếp và khá hệ thống cuộc đời của các bồ khoái mà còn tạo nên một loạt hình tượng bồ khoái như Hoàng Thiên Bá trong “Thi công án”, Bạch Ngọc Đường, Triển Chiêu trong “Tam Hiệp ngũ nghĩa” [\[8\]](#) v.v... Một mặt, là tay sai của kẻ thống trị phong kiến, ở những nhân vật như Hoàng Thiên Bá, Triển Chiêu, Bạch Ngọc Đường đã biểu hiện đầy đủ “nô tính” (tính chất nô bộc), họ dựa vào thân phận “đặc nhiệm” của mình, mặc sức hoành hành, điều này phản ánh bản tính của bồ khoái; mặt khác do họ xuất thân thảo mãng giang hồ lại ở dưới trướng ông quan thanh liêm nên họ lại có ít nhiều khí phách hiệp nghĩa, cũng làm được nhiều việc tốt trừ bạo an lương, hành thiện giúp đời, điều này lại phản ánh nguyện vọng và yêu cầu của nhân dân Trung Quốc. Lỗ Tấn tiên sinh cho rằng tiểu thuyết công án đã đi trước mở đường cho tiểu thuyết hiệp nghĩa (“Trung Quốc tiểu thuyết sử lược”).

Thế nhưng, có sự khác biệt về chất giữa tiểu thuyết võ hiệp tân phái hiện đại với tiểu thuyết công án lịch sử thời Minh Thanh. Hình tượng nhân vật bồ khoái trong tiểu thuyết võ hiệp hiện đại chẳng những nhiều sắc thái đa dạng mà đồng thời còn có gương mặt tinh thần và tư tưởng hoàn toàn mới. Trong tác phẩm của các danh gia tiểu thuyết võ hiệp như Cổ Long, Ôn Thụy An, Tư Mã Linh... một loạt nhân vật bồ khoái sinh động hấp dẫn, vô luận là ở bên ngoài hay trong nội tâm đều khác với những kẻ sẵn bắt tội phạm nơi nha môn trong đời sống hiện thực lịch sử cam tâm làm nô bộc.

Vậy thì, điều gì khiến cho nhân vật bồ khoái một khi bước vào tiểu thuyết võ hiệp lại tỏ ra sắc thái khác lạ? Trước hết, so với những hiệp khách phóng túng, những “nghĩa đạo” (kẻ cướp có nghĩa) thông dong chốn giang hồ cho đến các tăng ni nương nấu chốn cửa Phật... thì bồ khoái lại đóng một vai trò quan trọng trong đời sống xã hội cổ đại và không thể coi thường sự tồn tại và ảnh hưởng của họ. Thứ hai, bồ khoái tuy thuộc lớp người bình thường trong quần thể xã hội, nhưng công việc thường xuyên của họ - điều tra, phá án, tróc nã tội phạm - lại là công việc không bình thường; một người bình thường lại luôn phải làm công việc không bình thường, những việc siêu phàm tuyệt tục, câu chuyện của họ hẳn phải ly kỳ hấp dẫn.

Lại nữa, các tác giả võ hiệp hiện đại “kết nạp” bồ khoái vào gia tộc võ hiệp một mặt là do nó có cơ sở chân thực: những tay bồ khoái không cam lòng đánh mất nhân tính, bản ngã, trong phạm vi khả năng và điều kiện của mình họ có thể trừ kẻ cường bạo, giúp người yếu đuối, làm điều thiện, trừng trị kẻ ác. Một mặt khác bồ khoái lại là người thể tục bình thường, biểu hiện nhân tính của họ càng khiến người ta phải suy nghĩ. Đây cũng là một kho tư liệu phong phú để tác giả khám phá. Đồng thời, chức nghiệp và không gian hoạt động của bồ khoái tuy khác với tính cách và không gian của hiệp khách giang hồ nhưng cũng rất đặc biệt, độc đáo, do đó viết chuyện về họ cũng mở ra những nẻo đường mới, có hiệu quả nghệ thuật mới mẻ, đặc thù.

Cho đến nay trong tiểu thuyết võ hiệp hiện đại, hình tượng bồ khoái có tính đại biểu và có ảnh hưởng nhất phải kể đến bốn đại danh bồ Thiết Thủ, Lãnh Huyết, Truy Mệnh, Vô Tình trong “Loạt tác phẩm Tứ đại danh bồ” của Ôn Thụy An. Những việc làm của bốn người này đều theo qui tắc giang hồ, tuân thủ đạo nghĩa giang hồ, mà khí phách hiệp nghĩa của họ còn cao hơn cả hiệp khách giang hồ. Điều ấy có nghĩa là, họ trước hết là hiệp khách giang hồ rồi mới đến là bồ đầu ở quan trường. Một khi nảy sinh mâu thuẫn thì điều mà họ lựa chọn là cái trước chứ không phải là cái sau.

Sự thực, người trên giang hồ và kẻ thống trị phong kiến vốn đối lập. Hơn nữa, do thời đại ấy quá hắc ám, là bổ khoái ở nha môn, dựa dẫm vào tập đoàn thống trị, muốn làm việc gì theo ý mình cũng khó, thực chất là hầu như họ không thể niêm khí vị hiệp khách giang hồ. Nhưng tứ đại danh bổ không những kết bạn thân thiết với nhau theo đạo nghĩa giang hồ mà khi hành sự, phá án đều theo những phép tắc giang hồ. Điều ấy rõ ràng là rất nguy hiểm cũng tất nhiên là gặp phải thách thức và mâu thuẫn từ cả ba phía quan trường, hiệp khách và dân chúng. Họ ở giữa quan trường và giang hồ, làm sao có thể “làm theo ý mình mà không ra khỏi quy củ”? Đây không những là “trung tâm hứng thú” của tác giả mà cũng là tiêu điểm chú ý của độc giả.

Thế nhưng, mâu thuẫn sẽ đến lúc không thể điều hòa được, bởi vì không thể kiêm nhiệm giang hồ và quan trường, cho nên Thiết Thủ, một trong “tứ đại danh bổ”, cuối cùng đã từ bỏ công việc bổ khoái, mà dứt khoát bước vào giang hồ. (Xem: Ôn Thụy An - “Tứ đại danh bổ hội kinh sư”. “Nghịch thủy hàn”)

- Thiết Thủ không có cách lựa chọn nào khác ư?

Kỳ thực, Thiết Thủ cũng có thể “an phận thủ thường”, làm một “bổ khoái” thực thụ, làm thuê cho tập đoàn thống trị phong kiến, nhưng Thiết Thủ và những người anh em của chàng chưa bao giờ là những bổ khoái thực thụ và cũng chưa hề coi mình là bổ khoái. Bởi vì họ căn bản là không “hạp” với nghề bổ khoái - bổ khoái là chó săn, là nanh vuốt của kẻ thống trị mà họ lại là hào kiệt giang hồ.

8. Thái giám

Hiệp không ở đâu là không có. Có nam hiệp nữ hiệp, đại hiệp thiếu hiệp, thậm chí đến cả ở giống thứ ba - hoạn quan, cũng có khi không thiếu cốt cách hiệp nghĩa. “Cái đẹp tàn khuyết” (“tàn khuyết chi mỹ”) vốn là một phạm trù cơ bản của mỹ học tiểu thuyết võ hiệp. Cao thủ tuyệt đỉnh võ lâm có khi lại là một người mù, thọt chân, gù lưng, mà người có bộ mặt xấu xí lại thường dịu dàng như nước. Tư cách của người hiệp nghĩa, cái chủ yếu không phải là ở sức mạnh thể chất mà là ở sự tự do và mạnh mẽ tâm linh, ở chỗ có năng lực tự vượt qua giới hạn của chính mình. Thân là hoạn quan đôi khi lại từ thân thể tàn tật, địa vị thấp kém của mình mà theo đuổi sự viên mãn của tinh thần và sự cao thượng của nhân cách, như thế họ cũng xứng đáng với chữ “hiệp”.

Chữ “hoạn” trong điển tịch cổ đại còn gọi là “tự nhân”, “yêm nhân”, “trung quan”, “nội quan”, “nội thị”, hoặc thường gọi là “thái giám”. Đó là những người đàn ông làm việc trong cung nhưng lại bị loại bỏ cơ năng giới tính. Thiên “Xa Lân” thuộc “Tần phong” trong “Kinh Thi” viết “Vị kiến thiên tử, tự nhân chi lệnh” (chưa gặp vua, theo lệnh tự nhân). Người phụ trách công việc truyền lệnh này là “tự nhân” không có tên họ, là thái giám của vua Tần. Hoạn quan có ba nguồn gốc: một là tội nhân bị xử cung hình, phạt vào cung làm thái giám; hai là bắt con em của dân chúng, phẫu thuật rồi huấn luyện đưa vào cung làm thái giám; ba là có kẻ tự cung (tự thiến mình) vào cung làm thái giám để thực hiện mục đích riêng.

Thời Tây Chu, hoạn quan ở trong cung vua chỉ phụ trách những việc lặt vặt, như đóng mở cửa cung, quét dọn cung điện, truyền đạt lời vua... Từ Xuân Thu Chiến Quốc về sau họ mới can dự vào việc chính trị, có quan chức bổng lộc khá cao, trở thành một lực lượng khá quan trọng trong chính trị truyền thống. Thái giám đời Đường có thể nắm giữ “đại quyền” như đi sứ, chinh

chiến, giám quân, phiên trấn, phán xét về án kiện, thậm chí còn chi phối cả hoàng đế và hậu phi. Đường Hiến tông, Đường Kính tông bị thái giám giết chết. Đường Mục tông, Đường Văn tông, Đường Vũ tông, Đường Định tông, Đường Ý tông, Đường Hy tông, Đường Chiêu tông thì lại được hoạn quan lập làm vua. Thời vua Minh Hiến tông, thái giám Uông Trục làm “Đề đốc Tây xưởng” không coi các đại thần trong triều ra gì, dùng thủ đoạn đặc vụ để bức hại những người khác ý mình, làm lòng người khắp kinh đô sợ hãi. Thái giám can dự vào chính trị gây họa ghê gớm không sao kể xiết. Thế nhưng, những người có công với nước tuy ít lại có thể lưu danh sử sách. Hoạn quan trong tiểu thuyết võ hiệp phần nhiều đều có sức mạnh rất lớn, điều này là có căn cứ lịch sử.

Hoạn quan trong tiểu thuyết Kim Dung thường am hiểu võ học một cách sâu sắc, như Hải Đại Phú trong “Lộc Đỉnh ký” có võ công kinh người, còn tác giả của “Quì hoa bảo điển” trong “Tiểu ngạo giang hồ” cũng là một hoạn quan nghiêm nhiên trở thành tông sư võ học. Những điều này chỉ thuần túy là “lời của nhà tiểu thuyết” (ý nói hư cấu). Thái giám trong lịch sử tuy có thể được chỉ huy cấm quân, điều khiển thiên quân vạn mã nhưng về võ thuật thì mù tịt. Thời vua Đường Đại tông, thống suất đội quân bảo vệ kinh đô là thái giám Ngự Triều Ân, tuy tự khoe là “văn võ toàn tài”, kỳ thực thì người mập ú, ngồi trên chiếc xe nhỏ, còn cách xa hàng dặm người ta đã nghe tiếng xe kêu cót két. Con người mà thân thể chậm chạp vụng về như thế há phải là người luyện võ đi lại nhanh nhẹn như gió, nói gì đến chuyện vung đao sử kiếm. Sự thực thì, sau khi bị “phẫu thuật”, hoạn quan dần dần phát phì, thịt mềm nhẽo, sức trối gà không chặt, yếu đuối như đàn bà con nít.

Xưa nay, nhục nhã không gì bằng bị tội cung hình. Làm thân nam nhi, sống chết là việc nhỏ, có giữ được vẹn toàn thân thể để sống trọn cuộc nhân sinh thì mới là điều quan trọng. Kẻ bị dao cưa còn sống sót, mất hết cả tôn nghiêm của con người, bị người đời coi là vật gở. Vệ Linh Công xuất du, để hoạn quan Ung Cừ ngồi cùng xe, mà mời Khổng Tử ngồi cỗ xe thứ hai. Khổng Tử cảm thấy bị sỉ nhục, bèn phát tay áo rời nước Vệ. Cho nên Tư Mã Thiên sau khi bị “cung hình” [\[9\]](#), “Mỗi khi nghĩ đến điều sỉ nhục ấy, mồ hôi lại ướt đầm lưng áo.”

Hoạn quan vẫn cố gắng tiếp tục sống có thể có ba trạng thái: một là nghe trời theo mệnh, đành cam chịu, khuất phục quyền uy tuyệt đối của vua, đem tấm thân hèn mọn mà lấy lòng bề trên, đa số thái giám là như thế; hai là biến thái tâm lý, hết sức tham lam, tàn nhẫn, ngông cuồng, để thỏa mãn lòng tham của mình mà sẵn sàng làm mọi việc xấu xa, mất hết cả nhân tính, loại người này là thiếu số. Ba là tận trung với vua, tận nghĩa với bằng hữu hoặc vì một lý tưởng nào đó mà sống một cách ngoan cường, có nhiều cống hiến, không sợ sự chê bai của người đời, dám nhảy vào nước sôi lửa bỏng, dầu chết cũng không sờn lòng. Loại người này cũng rất hiếm. Loại thứ nhất là đánh mất nhân tính, loại thứ hai là nhân tính bị biến thái méo mó, đầy thú tính; loại người thứ ba là sự thăng hoa của nhân tính, trở nên siêu phàm, thành hóa thân của “trung”, “nghĩa”, “đạo”, rất gần với nhân cách của hiệp khách.

Trong “Lộc Đỉnh ký”, để hoàn thành trọng trách mà tiên đế Thuận Trị ủy thác, Hải Đại Phú đã dốc hết tâm trí, đến nỗi mù cả đôi mắt, mất cả tính mạng vẫn không mảy may hối tiếc. Tư Mã Thiên trong “thư trả lời Nhâm An” đã nói: “... Tôi chỉ vì chưa thỏa được chí nguyện của mình nên phải gắng sống”. Chí nguyện ông nói đây là hoàn thành bộ “Sử ký”. Những người như Tư Mã Thiên, Hải Đại Phú đã coi thường vinh nhục, coi thường sống chết mà còn dũng cảm tự

vượt mình. Họ đem giá trị của sự sinh tồn gửi gắm vào sự nghiệp. Tiểu thái giám Khấu Liên Tài cuối đời nhà Thanh vì lo nghĩ đến sự an nguy của xã tắc, không quản mình địa vị thấp hèn đã dũng cảm dâng bản điều trần yêu cầu Từ Hy thái hậu trả lại quyền bính cho hoàng đế Quang Tự, dừng ngay việc tu tạo vườn Viên Minh; Khấu Liên Tài đã bị giết hại một cách thảm khốc lúc mới 18 tuổi. Hoạn quan vốn chỉ là “trò chơi của chúa thượng, được nuôi như đám nhà trò con hát, và người đời thì vẫn khinh rẻ”, vậy mà Khấu Liên Tài không bị bùn nhơ ô nhiễm, cương trực ngoan cường, hào khí凛冽, có thể sánh với những bậc anh hùng như Đàm Tự Đồng, Trâu Dung. Những vị thái giám ấy tuy thân thể bị tàn tật nhưng về mặt tinh thần lại rất mạnh mẽ. Tư Mã Thiên trở thành sử gia đầu tiên viết truyện về hiệp khách, đưa họ vào sử sách, chẳng phải là điều ngẫu nhiên, mà bởi vì từ sự trải nghiệm đau đớn của mình ông đã ngộ được yếu quyết của hiệp khách.

Những hiệp khách xuất thân từ hoạn quan có một số đặc điểm: - to gan làm liều, không sợ gì hết, bởi vì họ sống nhưng đã không còn quan tâm đến vinh nhục, buồn vui, sống chết (coi như đời đã bỏ đi); - nhẫn nhục gánh vác trách nhiệm nặng nề, kiên trì nhẫn nại, khéo giấu chí mình, như Hải Đại Phú tuy biết rõ Vi Tiểu Bảo là kẻ đã làm mù đôi mắt của mình nhưng vẫn sống hòa thuận với y, sức nhẫn này thật quá sức tưởng tượng; - hiểu rõ thế thái nhân tình, hiểu rõ nội tình trong cung như lòng bàn tay, đối với những vấn đề, những tệ đoan triều chính họ am hiểu kỹ càng hơn cả hoàng đế, có thể suy nghĩ sâu xa; - rất mực trung thành với chủ, rất ít khi thay đổi khí tiết.

Đương nhiên, sinh lý bị tàn khuyết nên tâm lý cũng bất bình thường, tính khí thất thường, đôi khi làm cả những việc bất cận nhân tình. Chẳng hạn như nhân vật Hải Đại Phú trong “Lộc Đình ký” cơ bản là thuộc nhân vật chính phái nhưng ra tay cũng rất độc ác, bảo bối tùy thân là “hóa thi phấn” (bột tan thân), thủ đoạn ấy người thuộc danh môn chính phái không bao giờ làm.

9. Kẻ trộm (thâu)

Trong tiểu thuyết võ hiệp, hiệp khách là một giai tầng xã hội rất đông đảo và hỗn tạp, có đủ “tam giáo cửu lưu”, “thần thâu” cũng không ngoại lệ, nhưng kẻ trộm (thâu) là địa vị thấp nhất. Trong thiên “Mạnh Thường Quân liệt truyện” sách “Sử ký”, khi Mạnh Thường Quân sang thăm nước Tần, bị giam lỏng, định đem áo cầu đứt lót cho ái thiếp của Tần Chiêu Vương để tìm cách thoát thân; nhưng áo cầu bằng lông hồ ly trắng đã tặng cho Chiêu Vương mất rồi. Thế là, “kẻ thấp hèn nhất, có khả năng giả làm chó để ăn trộm” bèn đứng ra, trong đêm khuya lén vào cung điện nước Tần lấy trộm áo cầu. Vậy mà, trước đây, khi Mạnh Thường Quân tiếp nhận người ấy làm khách “tân khách đều thấy xấu hổ”. Thảo nào trong một số tiểu thuyết võ hiệp, các “thần thâu” tự xưng là “chuột trong hang”. Điều này một mặt là do kẻ trộm bị khinh rẻ, mặt khác cũng phản ánh địa vị xã hội thấp hèn và tâm lý tự ti của họ.

Thiên “Khư kiếp” (cấp hòm) trong sách Trang Tử có viết rằng: “Biết được trong nhà có gì, thế là thánh; vào trước, là dũng; ra sau, là nghĩa; biết được hay không, là trí; chia đều, là nhân. Không có đủ năm đức ấy thì không thể thành được kẻ trộm lớn”. Có được năm đức ấy gọi là: “đạo (kẻ trộm) cũng có đạo”. Ở đây Trang tử không dành để chỉ bọn ăn trộm vặt nơi đường phố mà chủ yếu là nói về cường đạo chốn lục lâm. Nhưng lời đánh giá “đạo cũng có đạo” của Trang Tử cũng phù hợp với “thần thâu”.

“Thần châu” “nghĩa tặc” đều to gan làm xằng, đầy lòng tự tin, chẳng sợ gì thiên la địa võng, thông thường lúc ra tay cũng không hề khiếp sợ.

Trong “Xa trung nữ tử” (Cô gái trong xe) của truyền kỳ đời Đường, có một đám “hiệp đạo” do một cô gái cầm đầu ngang nhiên vào lấy trộm bảo vật của hoàng cung, khiêu khích cả nhà vua. Trong tiểu thuyết đời Minh có câu chuyện kể về “thần châu” Lại Long mỗi khi gặp tham quan ô lại là quyết không bỏ qua, nhất định phải trở tài lấy trộm để cảnh cáo. Có một lần, y lấy trộm 200 lạng vàng của tri huyện huyện Vô Tích, để lại ký hiệu “Nhất chi mai”. Tri huyện điên đầu, hạ lệnh cho bổ khoái mau tróc nã tội phạm. Đã làm thì làm cho tới tay, đang đêm Lại Long lại vào huyện nha, cạo đầu vợ bé quan huyện, đem tóc nhét vào hộp đựng ấn, lại vẽ lên tường ký hiệu “nhất chi mai”. Sáng sớm hôm sau, cả huyện nha kinh ngạc: Tri huyện sợ lú cả lưỡi, nói rằng: “Hóa ra lại là người đến hôm trước, thấy ta ra lệnh truy nã gấp, y lại trở tài thần thông, báo tin cho ta. Cắt cả đầu tóc, rõ ràng muốn nói là có thể cắt đầu; đặt vào trong hộp ấn rõ ràng muốn nói là có thể lấy được cả ấn vua ban. Tên giặc này thật là lợi hại! Hôm trước sai dịch khuyên ta không nên đụng đến người này hóa ra là vì thế. Nếu không dừng tay tất gặp đại họa. Vàng là việc nhỏ, khảo mấy nhà giàu là lại có. Thôi, không truy cứu nữa!” Bèn vội vàng thu hồi lệnh truy nã.

Đến thế thì cả mệnh quan của triều đình cũng phải cúi đầu trước đạo tặc, khiến người ta không nhìn được cười. Vị quan huyện này có thể nói là “thức thời”, mà Lại Long tài cao mật lớn cũng đáng gọi là “nhất tuyệt”.

“Thần châu” “nghĩa tặc” phần nhiều đều dám làm dám chịu, có phong độ “đại tướng”. Lại Long mỗi lần gây án đều cảnh cáo trước, xong việc đều để lại ký hiệu của mình. Đồng thời, kẻ trộm đều mưu trí, nhanh nhẹn hơn người và cũng có phần xảo trá. Trong tiểu thuyết “Ngã Lai Dã” đời Tống kể rằng: ở kinh đô có một tên kẻ trộm sau khi gây án đều để lại ba chữ “Ngã Lai Dã” (ta đến đây). Một hôm, bổ khoái bắt được cả người lẫn tang vật, cho rằng kẻ bị bắt chính là “Ngã Lai Dã”, nhưng y có chết cũng không chịu nhận. Vụ án cứ nhùng nhằng không xử được. Tên trộm ấy bèn dứt lút cho ngục tốt, nửa đêm ra khỏi tù “trở tài” và lại đề lên cửa nhà bị mất trộm ba chữ “Ngã Lai Dã”. Cai ngục mắc mưu, cho rằng “Ngã Lai Dã” là một người khác bèn thả tên trộm này ra.

Trong tác phẩm “Minh đích phong vân lục” của Lương Vũ Sinh, một hôm phủ họ Hàn bỗng dựng đầy máu, thi thể ngổn ngang, lão anh hùng họ Hàn không biết đã đi đâu. Trên hiện trường chỉ còn một tên trộm nhãi nhép đang ngất xỉu. Đợi y tỉnh lại, y liền liến thoắng kể lão tướng họ Hàn cấu kết với dị tộc, tàn hại võ lâm đồng đạo. Y lừa được khối người khiến thanh danh của Hàn lão anh hùng bị bôi nhọ một cách oan uổng.

Nghiêm khắc mà nói, võ hiệp chủ trương tử võ, đấu sức một cách trực diện, quang minh, thậm chí coi thường cả việc dùng ám khí hay đầu độc. Dù mục tiêu của “thần châu” “hiệp đạo” có cao quý đi nữa thì cái thuật trộm cắp cũng khiến người ta cảm thấy thiếu quang minh chính đại. Lại nữa, những kẻ giở ngón khéo tay lấy trộm dù là để cảnh cáo tham quan ô lại nhưng vẫn có động cơ tham tiền của. Mà trong thế giới giang hồ tượng trưng của tiểu thuyết võ hiệp, hiệp khách không nên phí tâm sức cho vấn đề của cải mưu sinh, nếu không thì còn đâu là anh phong hiệp cốt? Cho nên trong người giang hồ thuộc tam giáo cửu lưu, hình tượng “thần châu” “nghĩa tặc” kém xa những hình tượng như tăng đạo, hiệp cái, thích khách. Nên hiểu rằng hiệp khách

tượng trưng cho nhân cách siêu phàm, “tuồng trộm cắp” rõ ràng là rất phàm tục.

Dùng quan điểm lịch sử hiện đại mà phân tích, thì “thần thâu nghĩa tặc” là sự phản kháng đối với nền chính trị hủ bại, là dấu hiệu cho thấy hiện thực xã hội đã vô phương cứu chữa, cho nên việc đả kích nhằm vào tham quan ô lại của “thần thâu” cũng có ý nghĩa tích cực nhất định.

10. Kẻ cướp (đạo)

“Đạo” là một khái niệm rất khó xác định. Trong mắt của Hàn Phi Tử, tất cả các loại du hiệp “dùng võ mà phạm cấm” đều là kẻ cướp, đều thuộc vào loại “bọn dân đáng chết”, nhưng không ít đạo phỉ tụ tập ở sơn lâm lại nêu cao tinh thần hiệp nghĩa.

Trương Hoa (đời Tấn) trong bài thơ “Bác Lãng vương cung hiệp khúc” nói:

“Thê trì hùng bi huyết,

Dung dữ hổ báo lâm.

Thân tại pháp lệnh ngoại,

Túng dật thường bất cấm”.

(Náu mình trong hang gấu,

Chung rừng với cọp beo.

Thân ngoài vòng pháp luật,

Ai cấm đoán được nào).

Đối tượng ngâm vịnh ở đây là hiệp khách hay là đạo tặc? Không rõ. Hiệp và đạo đều không chịu sự ràng buộc của pháp lệnh quốc gia, đều sống trong dân gian, đều tự do phóng túng, vào sinh ra tử, dám chung đàn với hổ báo.

Nhà thơ Bảo Chiếu từng viết bài “Đại kết khách thiếu niên trường hành”:

“Thất ý hoài tửu gian,

Bạch nhận khởi tương cừ.

Truy binh nhất đán chí,

Phụ kiếm viễn hành du”.

(Bực mình say cuộc rượu,

Mũi kiếm chẳng dung tha.

Quan quân mà đuổi đến,

Đeo kiếm ruổi đường xa).

Trong cuộc rượu tình cờ có lời không vừa ý, liền tuốt kiếm, trừng mắt báo thù, biểu hiện kiểu ấy quá tầm thường, còn như “gây rối” rồi bỏ chạy thì lại quá kém cỏi, chẳng “dám làm dám chịu”. Xem ra anh chàng “áo gấm đeo gươm ngô” này nếu coi là hiệp thì chẳng thà gọi là “đạo”. Phương thức hành vi và khí chất tính cách của hiệp và đạo na ná giống nhau, chỉ có một điểm

khác duy nhất là: tiêu chuẩn giá trị của hành vi khác nhau. Những võ sĩ “vì nước vì dân”, “thể thiên hành đạo”, “trừ kẻ cường bạo giúp người yếu đuối”, “tế khốn phò nguy” là hiệp khách; mà những võ sĩ bắt nạt người cô đơn yếu đuối, ngang tàng làm bậy lại là kẻ cướp. Hiệp và đạo không phải là không liên quan gì với nhau. Nhân tính là phức tạp. Một người làm một việc tốt không khó, khó là ở chỗ suốt đời chỉ làm việc tốt không làm việc xấu; những người thường chỉ làm những việc đúng đắn cũng khó tránh khỏi nhất thời “lầm lỡ”; kẻ quen làm việc xấu cũng có thể “cải tà qui chính”. Hiệp và đạo có thể chuyển hóa lẫn nhau, mà hiệp khí và đạo khí lại thường đồng thời tồn tại ở một con người [\[10\]](#). Nếu dùng thuật ngữ của Freud mà nói thì “đạo khí” là “bản ngã”, nó là tính động vật nguyên thủy của con người, làm việc theo nhu cầu khoái lạc của mình, không phục tùng lý tính và nguyên tắc đạo đức, là dục vọng mù quáng. Dùng con mắt tâm lý học hiện đại mà phân tích, độc giả say mê với những cảnh đả đấu trong tiểu thuyết võ hiệp, phản ánh tâm lý hiếu chiến trong tiềm thức nhân loại, huống nữa hiệp khách luôn sống trước lưỡi kiếm mũi đao, thì sao lại không có tiềm thức hiếu dũng hiếu chiến? Còn hiệp khí thì tương đương với cái “siêu ngã”, nó yêu cầu hành động của con người phải tuân theo quy phạm đạo đức xã hội, đạt đến cảnh giới tinh thần cao thượng, siêu việt đời sống thế tục. “Bản ngã” và “siêu ngã” về căn bản là đối lập, xung đột lẫn nhau, còn “tự ngã” là trung gian, điều tiết quan hệ giữa “siêu ngã” và “bản ngã”. Con người hiện thực vừa là con người bản năng, vừa là con người lý trí và con người xã hội, là hợp thể của con người “bản ngã”, “tự ngã” và “siêu ngã”. Một con người, khi cái “siêu ngã” chiếm địa vị chủ đạo thì anh ta là “đại hiệp sĩ”, khi “bản ngã” diệu vũ dương oai thì anh ta là đạo tặc, còn “tự ngã” là trạng thái bình thường của con người, cho nên rất nhiều võ sĩ vừa là đạo tặc vừa là hiệp khách, có màu sắc vừa chính vừa tà.

Trong “Thủy hử truyện”, hảo hán Lương Sơn Bạc cơ bản là những hiệp khách “thể thiên hành đạo” nhưng đồng thời cũng có nhiều hơi hướng của đạo phỉ. Hơi hướng đạo phỉ ấy trước hết biểu hiện ở sự hung hãn bá đạo, lạm sát người vô tội. Lỗ Trí Thâm khi xuất gia trên núi Ngũ Đài, ép hòa thượng ăn thịt chó, có người khuyên can, anh ta “ném miếng thịt chó, vung quyền đả vào cái đầu trọc” của người ta. Võ Tòng ở Khổng gia trang đòi rượu thịt, không vừa ý bèn “đứng phắt dậy xòe năm ngón tay đánh vào mặt chủ quán một chưởng khiến chủ quán văng sang một bên”. Võ Tòng xông vào lầu Uyên Ương, giết một hơi 12 người. Vợ chồng Trương Thanh Tôn Nhị Nương mở “hắc điểm” giết người ở Thập tự pha, bao nhiêu khách qua đường đã trở thành oan hồn nơi hoang dã. Đạo khí còn biểu hiện ở nghĩa khí anh em không phân phải trái. Võ Tòng say đánh Trương Môn Thần, thật khoái chá hả hê, người đời đều truyền tụng. Kỳ thực đằng sau “hành vi hiệp nghĩa” này lại có phần chẳng quang minh gì. Bởi vì Thi Ân đã từng nói: anh ta (Thi Ân) đã dặn các sòng bạc ở Khoái hoạt lâm “khi có bọn kỹ nữ đi qua thì trước hết phải đến “thăm” tiểu đệ sau đó mới cho phép chúng được gỡ gạc”. Từ đó có thể thấy, Thi Ân và Trương Môn Thần cũng như nhau, đều là ác bá một vùng, chẳng qua Trương Môn Thần bá đạo mạnh hơn nên Thi Ân phải lép vế. Tranh chấp giữa Thi Ân và Trương Môn Thần nói trắng ra chỉ là sự tranh chấp địa bàn làm ăn của xã hội đen, chẳng có chính nghĩa gì đáng nói. Võ Tòng đã kết nghĩa anh em với Thi Ân bèn đứng về phía Thi Ân một cách vô điều kiện, chẳng hỏi nguyên do gì cả, thật khác xa phong độ hiệp khách vì dân vì nước. Người ta thường nói: “ấu bất độc Thủy hử” (trẻ em không đọc “Thủy hử”) vì “Thủy hử” dạy đánh bậy; quá khứ quan phủ chê trách “Thủy hử” là “hối đạo chi thư” (sách dạy kẻ cướp) cũng có cái lý nhất định. Đương nhiên,

nguyên nhân chủ yếu khiến quan phủ phủ định “Thủy hử” là do nó ca tụng nghĩa quân chống lại triều đình, thì sự ca tụng đó lại là điểm sáng của “Thủy hử truyện”.

“Thủy hử truyện” không né tránh hơi hướng đạo tặc của các hảo hán Lương Sơn chính là sự biểu hiện trung thực với đời sống khách quan, trung thực với nhân tính hiện thực của Thi Nại Am. Hiệp khách mà không có một chút hơi hướng đạo tặc là điều khó tin được. Trong “Đại đạo “Yến tử”, Lý Tam truyền kỳ” (chuyện truyền kỳ về đại đạo “Yến tử” Lý Tam) của Liễu Khê kể về tay “đại đạo” khét tiếng ở kinh thành là Lý Tam phiêu bạt giang hồ phường phố, ra vào lầu xanh quán trà, giao thiệp với tam giáo cửu lưu nhưng hầu như không có hành vi xấu, điều ấy có phần siêu phàm thoát tục. Kim Dung trong “hậu ký” của tác phẩm “Lộc Đỉnh ký” đã nói rất đúng rằng:

“Nhân vật trong tiểu thuyết nếu như mười phần toàn mỹ thì khó tránh khỏi thiếu chân thực. Tiểu thuyết phản ánh xã hội, trong xã hội hiện thực không có con người tuyệt đối hoàn mỹ. Tiểu thuyết không phải là sách giáo khoa.”

Có lẽ chúng ta có thể mạnh dạn nói rằng: Những tiểu thuyết mà trong đạo có hiệp, trong hiệp có đạo là những tiểu thuyết chân thực và sâu sắc.

Vô luận là trong tiểu thuyết võ hiệp hay trong sự thực lịch sử đều để lại những ví dụ nổi danh về sự chuyển hóa lẫn nhau giữa “hiệp” và “đạo”. Theo truyện “Chu Xử” trong “Thế thuyết tân ngữ” của Lưu Nghĩa Khánh thì: “Chu Xử thời niên thiếu hung dữ cường bạo, có hiệp khí”, “làm hại bách tính”, người trong làng ghét anh ta với mãnh hổ và giao long mà gọi là “tam ác”. Chu Xử giết chết cọp, đánh nhau với giao long ba ngày ba đêm, người trong làng nghĩ rằng thế là ba kẻ ác đều chết, cùng nhau ăn mừng. Chu Xử “giết chết giao long rồi lên khỏi mặt nước về làng, thấy người trong làng đang ăn mừng, mới biết hóa ra mình vốn là tai họa của dân làng, có ý hối cải”. Từ đó Chu Xử lập chí làm việc tốt, trở thành hiệp khách được người đời tôn kính.

Lại như, Thanh bang và Hồng bang vốn là hai tổ chức bí mật vừa hiệp vừa đạo trong dân gian. Nhưng sau khi hai bang này hợp nhất, nhất là sau khi Thanh Hồng bang tiến vào thành phố thì chúng đã hoành hành bá đạo, buôn bán thuốc phiện, mở sòng bạc và lầu xanh, bắt cóc tống tiền, làm đủ mọi việc ác, biến thành hắc bang tàn hại nhân dân. Chúng còn cấu kết với bọn quân phiệt, chính phủ Quốc Dân đảng và thế lực ngoại quốc, đàn áp những người Cộng Sản, phá hoại phong trào công nhân, hoàn toàn biến thành một lực lượng chính trị phản động. Xã hội bí mật có tính chất hai mặt. Nó vừa có thể làm dịu bớt nỗi đau khổ của nhân dân vừa có sức phá hoại lớn đối với sự ổn định của xã hội và diễn tiến của văn minh. Vì vậy không nên một mực tán dương cũng không nên hoàn toàn phủ định, sự chuyển hóa lẫn nhau giữa hiệp và đạo là một chứng minh.

11. Ẩn sĩ

Hiệp khách phần lớn là ẩn sĩ, lìa công danh, xa triều đình, ở ẩn chốn giang hồ. Chữ “ẩn sĩ” ở đây còn có thêm một hàm nghĩa nữa tức là không chỉ thoát ra khỏi “thế giới quan phủ” mà còn muốn thoát khỏi cả “thế giới giang hồ”, không muốn đụng đến đao kiếm nữa. Họ không những là ẩn sĩ trong con mắt của người thường mà còn là ẩn sĩ trong mắt của hiệp khách.

Có tư cách rút khỏi võ lâm, tắt bóng chốn sơn lâm thường thường là những cao thủ giang hồ, hiệp khách nổi tiếng một thời. Nếu không vậy, một võ sĩ mà võ công và nhân cách đều tầm

thường, vốn chẳng có tiếng tăm, thì có gì mà gọi là “ẩn”?

Hiệp khách rút khỏi giang hồ có nhiều nguyên nhân. Một loại là “công thành thân thoái” để tránh cái lụy của tiếng tăm, ẩn cư để yên ổn phần còn lại của cuộc đời, hoặc giả muốn chú tâm tham ngộ những điều bí ẩn của võ học và nhân sinh. Những người như Thẩm Lăng, Vương Lâm Hoa trong “Đa tình kiếm khách vô tình kiếm” là thuộc loại này. Một loại là trải qua những biến cố lớn trong đời, đau lòng nhận rõ phong ba hiểm ác chốn giang hồ, từ sự phẫn nộ, đồng thời cũng vì sự an toàn của mình mà cương quyết rút lui. Ẩn sĩ loại này thường thấy dưới ngòi bút của Kim Dung. Như cao thủ kiếm tông của phái Hoa Sơn trong “Tiểu ngạo giang hồ”, bị trùng gian kế của khí tông phái Hoa Sơn, rời Hoa Sơn thành thân với một kỹ nữ giả trang thực nữ, lúc trở về mới biết thầy và bạn thuộc kiếm tông đã bị khí tông giết hết ở Ngọc Nữ Phong. Khí tông đã đoạt được ngôi vị chưởng môn trong võng máu còn chỉ trích kiếm tông là tà môn ngoại đạo, đuổi khỏi môn phái. Trải qua nỗi thống khổ sâu sắc ấy, Phong Thanh Dương chán nản, lại không thềm báo thù kẻ “ngụy quân tử” Nhạc Bất Quần của khí tông, ông thề suốt đời không so kiếm với bất kỳ ai nữa, sợ bẩn tay mình, lặng lẽ ẩn cư sau ngọn Ngọc Nữ Phong núi Hoa Sơn. Bốn anh em Hoàng Chung Công, Hắc Bạch Tử, Đồi Bút Ông, Đan Thanh Sinh của Nhật Nguyệt thần giáo quá thất vọng vì sự sùng bái cá nhân Đông Phương Bất Bại và sự chuyên quyền của Dương Liên Đình, bèn nhận công việc nhàn hạ là canh gác giáo chủ tiền nhiệm Nhậm Ngã Hành, rời Hắc Mộc nhai, ẩn cư tại Mai trang tại Tô Châu, suốt ngày chìm đắm trong cầm kỳ thư họa. Nhân vật thứ hai của phái Hành Sơn là Lưu Chính Phong kết bạn tri âm với Khúc Dương, u trưởng lão của Nhật Nguyệt thần giáo, không muốn bị lôi cuốn vào cuộc xung đột giữa chính giáo và ma giáo, có ý “rửa tay chầu vàng”, đưa gia đình đi xa sang Tây Vực, rốt cuộc bị người trong chính giáo không cho phép, thân bại danh liệt, gia đình tan nát.

Những tao ngộ của ẩn sĩ loại thứ hai này khiến người ta phải suy nghĩ sâu xa. Xưa nay, tiểu thuyết võ hiệp đều mỹ hóa tự do và nghĩa khí của thế giới giang hồ, lấy đó để phủ định cái xấu xa tàn ác của thế giới quan phủ. Thế nhưng, bi kịch của những người như Phong Thanh Dương, Lưu Chính Phong và bốn anh em Mai trang lại thuyết minh rằng: thế giới giang hồ cũng chẳng trong sạch gì, trên nhiều phương diện nó cũng cùng kết cấu với thế giới quan phủ. Sự xuất hiện của ẩn sĩ võ lâm khiến tiểu thuyết võ hiệp được nâng cao thêm một tầng: nó không dừng ở chỗ hư cấu nên một xứ “đào nguyên” của tinh thần nhân văn Trung Quốc mà còn tiến thêm một bước, chỉ ra rằng xứ đào nguyên tận thiện tận mỹ kia không hề tồn tại. Những tác phẩm võ hiệp ấy không chỉ thuộc chủ nghĩa lý tưởng mà còn thuộc chủ nghĩa hiện thực phê phán.

Cổ thi nói rằng:

Lan diệp xuân uy nhụy,

Quế hoa thu hạo khiết.

... Thùy tri lâm thê giả,

Văn phong tọa tương duyệt.

(Lan mùa xuân tươi xinh,

Hoa quế thu trong sạch.

... Ai biết ở rừng xanh,

Gió thoảng hương thanh khiết)

Ẩn sĩ nổi tiếng bởi tính tình cao khiết. Trong lời “Hậu ký” sách “Tiểu ngạo giang hồ”, Kim Dung viết:

“Lệnh Hồ Xung là “ẩn sĩ” bẩm sinh, không thích thú gì quyền lực. Doanh Doanh cũng là “ẩn sĩ”, nàng có quyền sinh sát đối với giang hồ hào sĩ nhưng nàng thà ẩn cư trong ngõ hẻm ở Lạc Dương, đánh đàn thổi sáo làm vui.” Cuối cùng Doanh Doanh và Lệnh Hồ Xung cùng từ chức, trong hôn lễ họ đã hợp tấu khúc “Tiểu ngạo giang hồ” nhả nhủ cùng thiên hạ. Khúc nhạc ấy ý tượng rất cao siêu, kẻ phàm phu tục tử không thể diễn tấu, đủ thấy hai người có tấm lòng trong sáng như nhật nguyệt.

Sự tình nào cũng có hai mặt của nó, ẩn sĩ “cao thượng kỳ chí” “độc thiện kỳ thân”, không chịu hòa theo bọn tà ác hư ngụy, đáng được khâm phục. Nhưng nếu quá ư giữ mình trong sạch, không quan tâm gì đến những nỗi vui buồn của thế gian, thờ ơ trước những sóng gió giang hồ thì cũng gần với tâm thái của kẻ khuyến nho. Mạc Đại tiên sinh là chủ trương môn phái Hành Sơn tôn quý, nhưng coi thường địa vị của mình, như ẩn như hiện, tuy có lần ra tay giết Phỉ Bân là kẻ đã sát hại cả nhà Lưu Chính Phong nhưng cũng không muốn ra mặt đối kháng với những kẻ như Nhạc Bất Quần, Tả Lãnh Thiền. Với sự thông tuệ của mình, hẳn là ông ta đã dự cảm được sát khí của buổi lễ “rửa tay chậu vàng” của Lưu Chính Phong nhưng trước đó ông đã cố ý tránh đi. Ông biết rõ Lệnh Hồ Xung bị đuổi khỏi môn phái là oan uổng nhưng cũng không đứng ra biện minh cho chàng. Tại thời điểm quan trọng, khi Tả Lãnh Thiền, Nhạc Bất Quần âm mưu thôn tính Ngũ nhạc phái, ông hầu như chẳng làm gì cả. Âm thanh mà người ta có thể nghe thấy chỉ là khúc “Tiêu Tương dạ vũ” như khóc như than của ông. Thảo nào Lưu Chính Phong nói: Mặc dù Mạc Đại tiên sinh là người tốt nhưng cứ nghe thấy tiếng tì bà của ông là khó chịu. Ông cứ đi trên con đường ai oán ấy. Văn hóa Trung Quốc rất chú trọng “ai nhi bất thương, oán nhi bất nộ” (buồn mà không thảm, oán mà không giận - lời Khổng Tử đánh giá “Kinh thi”).

Ẩn sĩ nổi tiếng Đào Uyên Minh tuy một mặt nhàn thính vô vi “Thái cực đông ly hạ, du nhiên kiến Nam Sơn” (Dưới rào đông hái cúc, xa trông thấy Nam Sơn) nhưng vẫn có mặt phần nộ

“Hình Thiên vũ can thích

Mãnh chí cố thường tại”

(Hình Thiên múa can thích

Chí mạnh mãi còn đây)

So ra thái độ xử thế của Phong Thanh Dương tích cực hơn Mạc Đại tiên sinh nhiều. Tại giờ phút quan trọng, khi ma giáo chuẩn bị tấn công Hằng Sơn ông không ngại nguy hiểm, ra lệnh cho Đào Cốc lục tiên báo tin cho phái Thiếu Lâm, nhờ Thiếu Lâm lấy tinh thần nghĩa hiệp ngăn chặn ma giáo. Tuy ông thanh thản như hồ nước lặng nhưng vẫn đầy nhiệt huyết, vẫn mang một tấm lòng hiệp nghĩa quan tâm đến võ lâm đồng đạo.

12. Nhà sư và đạo sĩ (tăng - đạo)

Trong tiểu thuyết võ hiệp, Đạo giáo và Phật giáo xuất hiện nhiều kỳ nhân dị sĩ, vô luận là hòa thượng ni cô, đạo sĩ đạo cô đều có võ công và nhân phẩm cao siêu, thường trở thành nhân vật

quan trọng chỉ đường cho người ta ra khỏi bến mê, phán xét thị phi, hóa giải oan cừu.

Hòa thượng đạo sĩ là người thoát tục, vốn chẳng nên oán giận, coi ân oán hồng trần như mây khói thoáng. Nhưng trong tiểu thuyết võ hiệp họ lại bị cuốn vào vòng tranh đoạt đả đấu của thế giới giang hồ. Nơi hiệp tăng (nhà sư hiệp khách) hiệp đạo (đạo sĩ hiệp khách) thể hiện sự quan tâm sâu sắc đối với những đau khổ nhân gian, một loại tinh thần nhập thế tích cực. Lão Trí Thâm trong “Thủy hử truyện” là một vị hiệp tăng quen thuộc với mọi nhà. Ông ta giữa đường thấy sự bất bình tất vung quyền vào trận, đâm chết Trấn Quan Tây, đại náo rừng dã trư, đêm náo thôn Đào Hoa, lửa thiêu chùa Ngõa Quan. Lý Trác Ngô khen rằng: “Nếu không có nắm đấm của Đề hạt, thì hóa ra lưới trời quá thừa.” Tế Công lại là một vị tăng hiệp mang màu sắc hài hước mà mọi người quen biết. Hồi thứ nhất trong tác phẩm “Tế Công toàn truyện” đời Thanh kể: Tế Công “vốn là người phụng thờ Phật pháp, đến để độ thế, tự mình tế khốn phò nguy, khuyến hóa chúng sinh”. Lời thiền đầu miệng của ông là: “Việc này ta há chẳng quan tâm!”

Đáng ra, niệm kinh, tham thiền, tu đạo mới là chính nghiệp của tăng đạo. Thế nhưng trong tiểu thuyết những vị tăng, đạo dám bước chân vào chốn giang hồ phần nhiều đều có thân thủ phi phạm. Điều này có căn cứ lịch sử nhất định.

Đạo giáo và Phật giáo trong lịch sử Trung Quốc đều có truyền thống thượng võ. Trước hết, tăng đạo đều coi trọng việc cường thân kiện thể, phòng bệnh kéo dài tuổi thọ, để cầu thông linh mà thành Phật, nhẹ nhàng mà lên tiên. Nhân vật quan trọng trong lịch sử Đạo giáo Trung Quốc là Cát Hồng. Trong cuốn “Bảo phác tử” ông viết: “Người biết được cái huyền diệu, thanh sạch thì nói phòng trung chi thuật có thể độ thế. Người biết được cái đạo của sự thở ra hít vào thì có thể kéo dài tuổi thọ. Người biết được yếu quyết của sự co duỗi thì có thể trẻ mãi. Người biết dùng các phương thuốc thảo mộc thì nhờ đó mà có thể vô cùng”.

Tuy sách của Cát Hồng có nói đến “trường sinh bất lão”, “đắc đạo thành tiên” một cách hoang đường nhưng thông qua sự nghiên cứu về lý luận và phương pháp đạo dẫn, hành khí thì trên khách quan cũng có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của khí công. Thứ nữa, trong cái thế giới hiện thực mà công lý không địch nổi cường quyền thì Phật và Đạo muốn siêu độ chúng sinh, bảo vệ giáo pháp, hàng phục yêu ma, có khi không thể không ra tay lấy sức mạnh chính nghĩa để diệt trừ sự tàn bạo. Trong bộ phim “Thiếu Lâm tự” có câu nói rất đúng rằng: “Đức Phật của chúng ta từ bi và diệt ác”. Trong “Tế Công toàn truyện”, Tế Công cũng có quan niệm: “Diệt kẻ ác tức là làm việc thiện”. Để trừ ác, tru diệt kẻ ác thì phải luyện tập võ công.

Luận về võ công của tăng đạo thì trước hết phải kể đến chùa Thiếu Lâm ở núi Tung Sơn và cung Tử Tiêu núi Vũ Đương. Quyền pháp Thiếu Lâm sở trường về chiến đấu, đứng đầu công phu ngoại gia; Thái cực quyền và Bát quái quyền của Vũ Đương lấy tĩnh chế động là tột đỉnh của nội công. Nhất là võ công Thiếu Lâm, luôn được tôn là nguồn gốc của võ thuật Trung Quốc. Tăng đạo gửi thân võ lâm, không chỉ mang theo võ công cái thế mà điều quan trọng hơn là đem đến cho võ lâm một loại quy phạm đạo đức. Người luyện võ luôn sống trước mũi đao lưới kiếm, ra tay là có thể làm bị thương hoặc lấy mạng người, rất dễ trượt xuống khuynh hướng tàn nhẫn. Phật, Đạo phản đối sự hiếu sát đem tiếng mõ chiều chuông sớm giải độc cho chốn võ lâm chát chúa tiếng gươm đao. Trong “Thiên Long bát bộ”, vị sư già ở tàng kinh các đã thuyết pháp cho các cao thủ võ lâm: “Đệ tử nhà Phật học võ là để cường thân kiện thể, bảo vệ Phật pháp hàng phục yêu ma. Khi luyện tập bất cứ võ công nào lòng vẫn giữ niệm từ bi nhân thiện.

Nếu không lấy Phật học làm cơ sở thì tất làm thương tổn đến thân thể... Phật pháp để độ thể, võ công để sát sinh, hai thứ nếu đi ngược đường nhau thì sẽ khắc chế lẫn nhau. Chỉ có Phật pháp càng cao, lòng từ bi càng thịnh thì mới luyện được võ công tuyệt kỹ. Nhưng những cao tăng đã đạt đến trình độ ấy vẫn không luyện những loại võ công giết người ghê gớm”.

Trong “Ỗ thiên Đồ long ký”, để báo mối thù giết cả nhà, Tạ Tốn đã ra tay tàn sát để ép hung thủ Thành Côn lộ mặt. Cao tăng chùa Thiếu Lâm là Không Kiến mang lòng nhân hậu, có ý hóa giải oan nghiệt ấy. Ngày ấy, Tạ Tốn lại định đi giết đại hiệp Tống Viễn Kiều của Vũ Dương, Không Kiến liền xuất hiện ngăn cản. Theo hồi ức của Tạ Tốn:

“Ta nháy ra ngoài tường, chân chưa chạm đất, bỗng cảm thấy bên vai có người vỗ nhẹ. Ta giật mình kinh hãi. Với võ công lúc ấy của ta mà có người đưa tay vỗ được vào người ta mà ta không kịp ngăn chặn là điều không thể tưởng tượng được. Vô Kỵ, con nghĩ xem, cái vỗ ấy tuy nhẹ, nhưng nếu người ấy vận kinh lực vào bàn tay thì ta há chẳng bị trọng thương sao? Ta lập tức trở tay ngăn lại, thì chỉ chạm vào khoảng không; ta đánh lại một quyền thì quyền tự nhiên cũng không đánh trúng ai cả. Chân trái vừa chạm đất, ta lập tức quay mình thì lúc ấy vai ta lại bị vỗ nhẹ một chưởng, đồng thời sau lưng có người than: “Biển khổ vô biên, quay đầu lại là bờ.” (Khổ hải vô biên, hồi đầu thị ngạn)

Không Kiến nếu muốn đưa Tạ Tốn vào chỗ chết thì dễ như trở bàn tay. Nhưng ông chỉ một lòng muốn cảm hóa Tạ Tốn, thế là ông đánh cuộc với Tạ Tốn: Tạ Tốn đánh ông 13 quyền, ông hoàn toàn không chống trả. Nếu Tạ Tốn không đánh bị thương được ông thì mối oan cừ này (với Thành Côn) phải xóa bỏ. Tạ Tốn dùng quỷ kế, đánh ông bị thương trí mạng ở quyền thứ 13. Trước lúc lâm chung, Không Kiến mỉm cười nói rằng:

“Chỉ mong thí chủ từ nay về sau mỗi khi định giết người thì hãy nhớ đến lão nạp.”

Nghĩa cử của Không Kiến chính là thực tiễn của niềm tin của vị lão tăng ở tàng kinh các chùa Thiếu Lâm. Người hiệp khách chân chính cần phải giỏi võ mà không hiếu sát. Ẩn hiện dưới ánh đao bóng kiếm vẫn còn mãi một tấm lòng bi thiên mẫn nhân. [\[11\]](#)

[\[1\]](#) "Thoái hóa", có nghĩa là thay đổi, biến chất, lột xác.

[\[2\]](#) Tức vua Càn Long. Trong tác phẩm này, Trần Gia Lạc và Càn Long là anh em ruột.

[\[3\]](#) Nụy khấu: giặc lùn, đây chỉ bọn cướp biển người Nhật Bản.

[\[4\]](#) Chữ "du" có nghĩa là thường xuyên di động, đi lang thang không có nơi cố định.

[\[5\]](#) Thơ Đỗ Phủ.

[\[6\]](#) "Ê, tới đóp" (ta lai thực): xưa, có người ăn mày đói lả. Có kẻ định cho ăn, gọi: "ê, tới đóp". Người ăn mày không chịu tới, đành chết đói.

[\[7\]](#) Thời Xuân Thu, Chiến Quốc, con vua chư hầu gọi là công tử. "Tứ công tử", tức bốn vị công tử thời Chiến quốc: Mạnh Thường Quân ở nước Tề, Bình Nguyên Quân ở nước Triệu, Tín Lăng

Quân ở nước Ngụy và Xuân Thân Quân ở nước Sở. (Xem "Sử ký" của Tư Mã Thiên)

[\[8\]](#) "Tam hiệp ngũ nghĩa" đã được chuyển thể thành phim "Bao Thanh Thiên"

[\[9\]](#) Tư Mã Thiên vì nói sự thực, bênh vực Lý Lăng, nên bị Hán Vũ đế tức giận, xử tội "cung hình". Ông đau khổ định tự tử nhưng vì bộ "Sử ký" chưa viết xong nên ông nhẫn nhục sống để hoàn thành tác phẩm của mình. Sau khi bộ "Sử ký" hoàn thành, Tư Mã Thiên qua đời.

[\[10\]](#) Nhà văn đương đại Mạc Ngôn trong "Dòng họ Cao lương" có viết: "Ông tôi vừa là anh hùng vừa là thổ phỉ. Ông giết người cướp của lại tận trung báo quốc, đánh bọn giặc Nhật trời bời..."

[\[11\]](#) Mẫn nhân: thương người.

CHƯƠNG IV: ĐẶC TRƯNG TÍNH CÁCH CỦA VÕ HIỆP

1. Nghĩa

Lý Đức Dự đời Đường trong thiên “Hào hiệp luận” nói rằng: “Hiệp là người phi thường. Đã hứa với người một lời, tất lấy tiết nghĩa làm gốc. Nghĩa không có hiệp thì không lập được, hiệp không có nghĩa thì không thành”. “Nghĩa” là hạt nhân tinh thần để cho hiệp đúng là hiệp.

Vậy thì “Nghĩa” là gì?

Sách “Trung dung” dẫn lời Khổng Tử nói rằng: “Nghĩa, là phù hợp” (nghĩa giả, nghi dã). Trong “Tứ thư tập chú”, Chu Hy giải thích: “Nghi, là phân biệt sự lý, mỗi thứ đều có cái phù hợp, xác đúng của nó”. Làm cái nên làm, là nghĩa. Thiên “Ly lâu” trong sách “Mạnh Tử” cũng nói: “Nghĩa là con đường đúng đắn của người” (nghĩa, nhân chi chính lộ dã). Có thể thấy nội hàm cơ bản của “nghĩa” là “chính nghĩa”, “hợp lý”, “nên”, “cần phải”, “đương nhiên”.

Nhưng tính co giãn của khái niệm này rất lớn, mỗi người có tiêu chuẩn, quan niệm riêng của mình, cho nên sự giải thích về “nghĩa” xưa nay rất khác nhau, chính như Mặc Tử đã nói trong thiên “Thượng đồng”: “Người thiên hạ quan niệm về nghĩa khác nhau, một người một “nghĩa”, mười người mười “nghĩa”, trăm người trăm “nghĩa”, số người càng đông thì cái gọi là “nghĩa” càng nhiều”. Từ lời nói việc làm của những hiệp sĩ nổi tiếng được ghi lại trong lịch sử, như “Bốn công tử thời Chiến Quốc”, Chu Hối, Đường Thư, Phùng Huyền, Chu Gia, Quách Giải... có thể thấy cách hiểu của hiệp sĩ đối với “nghĩa” chủ yếu là coi trọng sự “giúp đỡ người”, “trọng lời hứa”.

Nhân vật Lục Tiểu Phượng dưới ngòi bút Cổ Long thì cho rằng “có điều không làm, có điều tất phải làm” đó là nghĩa. Tiểu Phượng giải thích rằng: “Có những việc nếu anh cho rằng không nên làm, thì vô luận người khác ép buộc hay dụ dỗ cách nào, thậm chí kềm dao vào cổ anh, anh cũng tuyệt đối không làm, nếu là việc anh nhận thấy cần làm thì dầu có phải rơi đầu anh cũng không thể không làm”. Chỉ cần thực hiện được hai câu ấy thì đã không phụ hai chữ “hiệp nghĩa”.

“Nghĩa” đã trở thành trụ cột tinh thần của hiệp khách và là chuẩn tắc cơ bản của thế giới giang hồ. Thế giới giang hồ sở dĩ vượt ra ngoài xã hội bình thường mà trở thành môi trường hoạt động của các hiệp khách là do nó có cả một hệ thống quan niệm giá trị và chuẩn tắc hành vi độc đáo, trong đó bao gồm “nghĩa”. Lưu Chính Phong của phái Hành Sơn trong “Tiểu ngạo giang hồ” nói rằng: “Hành sự trên giang hồ coi trọng nghĩa khí, làm việc quốc gia thì phải theo công giữ pháp để báo ơn vua”. Trên giang hồ, “nghĩa” là điều không thể thiếu. Trên giang hồ có rất nhiều môn phái, mỗi môn phái có thanh quy giới luật riêng của mình nhưng đều có một điểm chung là “sùng thượng nghĩa khí”. “Nghĩa khí giang hồ” đã trở thành “vương pháp” của thế giới giang hồ, là một thứ nguyên tắc tối cao.

Trên giang hồ, hiệp khách đơn độc tuy nhiều, nhưng phần lớn đều liên kết thành môn phái. Cái then chốt để duy trì tổ chức môn phái, ngoài lợi ích chung của các thành viên, còn có một nhân tố quan trọng: “nghĩa”. Cái “nghĩa” này chính là một loại tình thân như ruột thịt. Thông

qua biện pháp kết nghĩa khiến người xa lạ trở thành anh em, quan hệ với nhau gần như cùng huyết thống. Theo cách nói của giang hồ thì “Từ khi kết nghĩa, anh em tình như cốt nhục, lành dữ thì giúp đỡ lẫn nhau, sang hèn đều cùng đồng kham cộng khổ”.

Giữa anh em đồng môn là “nghĩa khí”, trên giang hồ thì là “đạo nghĩa”, cái trước chú trọng “vì bằng hữu hai sườn dắt đao” cái sau thì “Giữa đường thấy sự bất bình rút đao ra giúp đỡ” (lộ kiến bất bình bạt đao tương trợ). Giữa “nghĩa khí” và “đạo nghĩa” có khi nảy sinh xung đột, lúc ấy “nghĩa khí” lại thường áp đảo “công nghĩa”.

Lỗ Trí Thâm đâm chết Trấn Quan Tây, đại náo thôn Đào Hoa, đại náo rừng Dã Trư; Võ Tòng giết Tây Môn Khánh, huyết đầm lầy Uyên Ương đều là bảo vệ công nghĩa; nhưng họ lại kết nghĩa anh em với vợ chồng Trương Thanh, Tôn Nhị Nương là những kẻ mở hắc điếm, bán bánh bao nhân thịt người ở Thập tự pha, quên mất bao oan hồn vô tội.

Hiện tượng nghĩa khí áp đảo chính nghĩa là vi phạm đạo nghĩa hiệp khách nhưng trên giang hồ lại không hiếm, một mặt là do “các hảo hán” bao bọc nhau, do yêu cầu cùng làm một việc chung, mặt khác cũng là do các tiêu chuẩn khác nhau của chữ “nghĩa” gây nên.

2. Nhân

“Nhân” là trung tâm tư tưởng của Nho gia. Sách “Trung dung” dẫn lời Khổng Tử: “Nhân, là người, thân với người thân là lớn hơn cả”. (Nhân giả, nhân dã, thân thân vi đại). Thiên “Cáo tử” trong sách “Mạnh Tử” cũng nói “Nhân, ấy là lòng người” (Nhân, nhân tâm dã); ở thiên “Ly Lâu” lại nói: “Nhân, là ngôi nhà yên ổn của người” (Nhân, nhân chi an trạch dã). Đồng Trọng Thư giải thích “Phép tắc của điều nhân là ở yêu người, không phải ở yêu mình” (Nhân chi pháp tại ái nhân, bất tại ái ngã). Có thể thấy ý nghĩa cơ bản của “nhân” là: “người nhân yêu người” (nhân giả ái nhân). Khác với sát thủ chuyên nghiệp phương Tây, hiệp khách Trung Quốc ôm một niềm cảm thông sâu sắc đối với con người, coi việc giúp đỡ người yếu đuối nghèo khổ là trách nhiệm của mình. “Nhân” là đặc trưng cơ bản của những người nhậm hiệp.

Lý Trạch Hậu trong cuốn “Lịch sử tư tưởng cổ đại Trung Quốc” đã nêu ra: “Nhân” bao gồm bốn tầng bậc: cơ sở huyết thống, nguyên tắc tâm lý, chủ nghĩa nhân đạo, nhân cách cá thể. Bốn tầng bậc này cấu thành một chỉnh thể hữu cơ, tạo nên kết cấu tâm lý văn hóa của dân tộc Hán. Ở hiệp khách chúng ta cũng nhận thấy dấu ấn của kết cấu tâm lý văn hóa này.

Chú trọng quan hệ huyết thống là hàm nghĩa quan trọng của chữ “Nhân”. Ở tầng này, “hiếu”, “đễ” là hạt nhân, “thân với người thân, tôn kính bậc tôn trưởng” là tiêu chuẩn. Đối với hiệp khách giang hồ mà nói thì tiêu chuẩn này thể hiện ở sự tận hiếu đối với sư phụ và các bậc tiền bối, coi trọng quan niệm “một ngày là thầy suốt đời là cha” (*nhất nhật vi sư, chung thân vi phụ*) “mệnh lệnh của thầy không thể vi phạm”, lời thầy còn quan trọng hơn thánh chỉ của hoàng đế. Điều này được thể hiện rất nổi bật ở nhân vật Lệnh Hồ Xung trong “Tiếu ngạo giang hồ”. Có thể nói Lệnh Hồ Xung xứng đáng là một “kỳ nam tử” cuồng phóng, không chịu sự ràng buộc, chàng có thể gọi tay “thái hoa tặc” Điền Bá Quang là anh em, giao thiệp với các nhân vật ma giáo khét tiếng giang hồ nhưng mãi mãi không thoát khỏi được quan niệm phải tận hiếu với sư phụ. Dẫu biết rõ rằng sư phụ là một kẻ tiểu nhân âm hiểm độc địa nhưng không cho phép người khác đàm luận chê bai sư phụ. Ở đại hội Tung Sơn, dã tâm độc bá võ lâm của sư phụ đã bộc lộ rõ, Lệnh Hồ Xung vẫn hết sức giúp đỡ sư phụ đoạt được ngôi vị chủ môn “ngũ nhạc

phải”; sự phụ hại chết sự nương người mà chàng coi như mẹ ruột, lại còn muốn đưa chàng đến chỗ chết nhưng Lệnh Hồ Xung vẫn không dám chống lại sự phụ. Có thể thấy quan niệm “hiếu” thâm căn cố đế trong lòng Lệnh Hồ Xung. “Đễ”, thể hiện trên giang hồ là yêu cầu giữ gìn mối quan hệ gần như huyết thống (*chuẩn huyết duyên*) giữa huynh đệ đồng môn; trên chốn giang hồ, việc tàn hại đồng môn là một đại tội không thể dung tha.

Tầng bậc thứ hai của “nhân”, tức nguyên tắc tâm lý, là biến quan niệm và nghi thức thành tình cảm bên trong trong mọi luân lý đời sống và hành động của con người. Do chuyển hóa những ràng buộc quy phạm bên ngoài thành nhu cầu bên trong của nội tâm, thành lý tưởng tự giác nên khiến cho quy phạm luân lý và nhu cầu nội tâm kết hợp làm một. Trong tư tưởng Nho gia, tầng bậc này biểu hiện ở chỗ dùng bản chất huyết thống của “lễ” quy định thành “hiếu, đễ” và “hiếu, đễ” chi phối mọi hành động của con người. Trong thế giới giang hồ, nguyên tắc tâm lý này biểu hiện ở tính tất nhiên của “đạo thầy tôn nghiêm” và không được xâm phạm những qui tắc của võ lâm. Ở Lệnh Hồ Xung, sự tôn kính và “tận hiến” đối với sự phụ là hoàn toàn tự giác, không vì thái độ của sự phụ đối với mình và sự chê bai của người đời đối với sự phụ mà thay đổi. Sự phụ giết đệ tử có thể giải thích rằng đó là vì đại nghĩa mà diệt tình thân, còn đệ tử mà giết sự phụ (dù sự phụ có đáng giết hay không) thì là tội “khi sư diệt tổ” không thể dung tha. Cho nên trong “Ỗ thiên Đồ long ký”, Kim Mao sư vương Tạ Tốn đã khống chế được kẻ đại thù giết cả nhà mình là Thành Côn, Tạ Tốn cũng chỉ phớt vô công của Thành Côn mà thôi. Điều này cố nhiên là vì Tạ Tốn đã được ba vị cao tăng chùa Thiếu Lâm cảm hóa nhưng e rằng cũng còn vì Tạ Tốn không muốn mang tiếng là kẻ giết thầy.

Do nhu cầu tâm lý biến “thân thân” “hiếu đễ” thành tình cảm bên trong, cho nên ở phương diện bên ngoài, chữ nhân được biểu hiện đột xuất ở tinh thần nhân đạo chủ nghĩa. Mạnh Tử nói rằng: “Từ kính trọng cha mẹ của mình mà kính trọng cha mẹ của người khác; từ thương yêu con cháu mình mà thương yêu con cháu người khác”. Từ người thân đến người ngoài, từ “lòng yêu có khác biệt” mà “yêu cả mọi người” (*phiếm ái chúng*); Khổng Tử gọi đó là “đối với người già thì làm cho họ được yên, đối với bằng hữu thì thành tín, đối với người nhỏ thì quan tâm chăm sóc” (*Lão giả an chi, bằng hữu tín chi, thiếu giả hoài chi*). Tinh thần nhân đạo chủ nghĩa nổi bật của chữ “nhân” hoàn toàn là do tình cảm, không phải là do ảnh hưởng bên ngoài hay danh lợi. Mạnh Tử giải thích rằng: “Sở dĩ nói rằng con người đều có lòng bất nhẫn là vì, chẳng hạn bỗng dưng thấy đứa trẻ sắp rơi xuống giếng ai cũng nảy lòng trắc ẩn (thương xót) và muốn cứu nó. Lòng trắc ẩn nảy sinh chẳng phải vì thâm tình với cha mẹ đứa trẻ, chẳng phải vì muốn được hàng xóm khen ngợi, cũng chẳng phải vì khó chịu vì tiếng kêu của nó... Lòng trắc ẩn là đầu mối của nhân”. Trong “Thiên Long bát bộ”, A Châu bị thương bởi thần công của cao tăng chùa Thiếu Lâm, Kiều Phong không quen cô ta lắm nhưng để nhờ Tiết thần y chữa vết thương cho cô ta, Kiều Phong đã không quản nguy hiểm, đến Tụ Hiền trang, lọt vào vòng vây của anh hùng thiên hạ. Tinh thần xả thân ấy xuất phát từ “bất nhẫn chi tâm”.

Đối ứng và có quan hệ chế ước với chủ nghĩa nhân đạo ngoại tại là tính chủ động và tính độc lập của nhân cách cá thể. Khổng Tử đã từng nhấn mạnh: “Làm điều nhân là do mình chứ đâu phải do người”. “Điều nhân là xa ư? Ta muốn điều nhân thì điều nhân đến”, “Điều nhân, có nghĩa là mình muốn lập thân thì cũng làm cho người khác được lập thân, mình muốn thành đạt thì cũng giúp cho người được thành đạt” (*Phù nhân giả, kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ dục đạt chi đạt nhân*). Điểm cao nhất của đức nhân biểu hiện ở nhân cách cá thể là “Kẻ chí sĩ, người nhân

không cầu sống mà hại đến đức nhân, có khi phải sát thân để thành nhân”; “Người nhân tất có dũng, người dũng chưa chắc đã có nhân”. Như vậy, “nhân” đã trở thành một loại lý tưởng nhân cách cao quý.

Quách Tĩnh trong “Xạ điêu anh hùng truyện” là một đại hiệp sĩ suốt đời truy cầu nhân cách lý tưởng ấy. Trong cuộc đại chiến ở thành Tương Dương giữa Tống và Nguyên, với thân phận một người áo vải (dân thường), Quách Tĩnh đã chỉ huy quân và dân Tương Dương cùng chống cự quân Nguyên, đối địch với người anh em kết nghĩa của mình. Với võ công của Quách Tĩnh, Hoàng Dung và con trai của họ là Quách Phá Lỗ, khi thành bị phá việc thoát thân chẳng có gì là khó, nhưng cuối cùng cả gia đình Quách Tĩnh đều hy sinh vì nạn nước (tuần quốc), họ đã “sát thân thành nhân” [\[1\]](#). Việc truy cầu nhân cách lý tưởng đã trở thành động lực căn bản và mục tiêu suốt đời của tuyệt đại đa số hiệp sĩ giang hồ.

Sức hấp dẫn và giá trị tinh thần của hiệp khách là ở tấm lòng hiệp nghĩa cứu dân trong nước lửa và ở sự truy cầu nhân cách lý tưởng - đó chính là “nhân”.

3. Chấp [\[2\]](#)

Khi mới đọc “Ỗ thiên Đồ long ký”, không ít độc giả thanh niên cho rằng cái chết của Kỷ Hiểu Phù là thái quá. Kỷ Hiểu Phù bị Dương Tiêu bắt đi, bị cưỡng gian mà có thai, sinh hạ một đứa con gái, nào ngờ Kỷ Hiểu Phù lại yêu kẻ ma đầu Dương Tiêu và đặt tên cho con gái là Dương Bất Hối. Sư phụ của Kỷ Hiểu Phù là Diệt Tuyệt sư thái bắt buộc cô phải nhận lời giết chết Dương Tiêu, nhưng Kỷ Hiểu Phù im lặng, thà chết cũng không nhận lời. Diệt Tuyệt sư thái đã giết cô ngay. Kỷ Hiểu Phù làm như vậy phải chăng là quá ư cố chấp? Nếu lúc bấy giờ cô giả vờ nhận lời thì không đến nỗi mất mạng dưới bàn tay của ác ni Diệt Tuyệt sư thái, sau này biết đâu còn có cơ hội gặp lại được Dương Tiêu. Hiểu Phù chịu chết như vậy phải chăng là không đáng?

Thế nhưng, cùng với sự từng trải, mắt thấy bao điều điên đảo thị phi trong các phong trào chính trị, chứng kiến bao cảnh tượng chà đạp con người, bóp méo nhân tính người ta mới dần dần hiểu được và kính trọng sự cố chấp của nữ hiệp họ Kỷ. Về sau đọc “Tiểu ngạo giang hồ”, trước việc con trai của Lưu Chính Phong là Lưu Cần xin tha chết người ta cũng cảm thấy xót xa và nhục nhĩ như Lưu Chính Phong.

Thế nào là “hiệp”? Câu hỏi này cũng như những vấn đề “tình yêu là gì?” “chủ nghĩa hiện sinh là gì?”, ngàn người thì có ngàn đáp án. Có người nói “hiệp” tức là “nghĩa”; có người nói “hiệp” là tấm lòng cảm thông vĩ đại; người viết (Ôn Tử Kiến) cho rằng: “Hiệp” là “chấp”, là kiên trì giữ vững chính nghĩa, giữ vững tình yêu, giữ vững lý tưởng, giữ vững tất cả những gì phù hợp với nhân tính.

Đã từng có người khái quát văn hóa Trung Quốc bằng hai chữ - “khứ chấp” (rời bỏ sự chấp trước). Người Trung Quốc không thích chui vào sừng trâu. Với phương pháp tư duy như vậy, việc truy cứu đến cùng những bí ẩn của đại tự nhiên như trong “Thiên vấn” [\[3\]](#) của Khuất Nguyên là không phù hợp với tính cách dân tộc Trung Hoa. Chỉ cần cái mô hình “âm dương ngũ hành”, “thiên nhân hợp nhất” là đủ để giải thích tất cả. Trong thái độ sống cũng vậy, chúng ta coi trọng việc lấy lý để chế ngự tình, “hàm súc là đẹp”; những “Trương Công trăm lần nhẫn nhịn”, những “lạc nhi bất dâm, ai nhi bất thương, oán nhi bất nộ”... đều là những nguyên tắc

sống không ai dạy chúng ta cũng rành. Lâu dần chúng ta trở nên khôn ngoan như các cụ già và ngây thơ như trẻ con, chỉ thiếu cái bản lĩnh nhiệt tình của người trẻ tuổi.

Với tư cách là “siêu nhân” Đông phương, hiệp khách có những điều mà chúng ta thiếu. Họ đã theo đuổi cái gì thì dẫu có trăm cay ngàn đắng, lên trời xuống đất cũng phải đạt bằng được. Chỉ nói về học võ, họ có thể ngồi ngoảnh mặt vào tường 9 năm liền, đoạn tuyệt cả thất tình lục dục, lòng không mảy bụi, bạn với ngọn đèn xanh để rồi lãnh hội được bí ẩn của võ học và của tạo hóa, người thường sao có thể làm được như vậy? Lại chẳng hạn như quan niệm về ân oán, tuy rằng ai cũng có ân oán, nhưng “mang ơn một ngum nước đem cả dòng sông báo đáp” hay “quân tử báo thù, mười năm chưa muộn”... kiểu như hiệp khách thì phạm nhân cũng cách gì mà theo được.

Trong “Tiểu ngạo giang hồ”, để báo mối thù cả nhà bị hủy diệt, Lâm Bình Chi đã vứt bỏ cả cuộc hôn nhân mỹ mãn, tự cung để luyện tập “tịch tà kiếm pháp”. Phương pháp báo thù của Lâm Bình Chi tuy là không nên nhưng ý chí phục thù nung nấu trong lòng chàng trai tuần tú ấy có một sức mạnh khiến linh hồn người ta phải run sợ.

Ở phương diện tình cảm, hiệp khách tương tự tận xương tủy, tâm tình gắn bó sống chết của hiệp khách khiến người ta xúc động sâu sắc. Trong “Thần điêu hiệp nữ”, Tiểu Long Nữ và Dương Quá kẻ trước người sau lao mình xuống vực thẳm, nếu không yêu bạn tình hơn chính bản thân mình thì không thể làm được như vậy. Còn Vũ Tam Thông vì tình mà phát điên, Lý Mạc Sầu vì tình mà mê loạn cũng khiến người ta phải xót xa than thở.

“Trung Quốc dưới khe núi” đang phải công gánh nặng lịch sử mà khó nhọc bò lên con đường dốc hiện đại hóa. Hơn lúc nào hết, ngày nay người Trung Quốc cần phải có tính kiên nhẫn “đã vót thì vót cho nhọn”, “giọt nước xuyên thủng đá” thì mới mong đạt được mục tiêu. Trước những khó khăn hiện nay, có lẽ tính cách kiên chấp (kiên trì giữ vững) của hiệp khách có thể đem lại cho chúng ta một thứ sức mạnh tinh thần.

4. Phác [\[4\]](#)

Nghe nói người Trung Quốc là một trong những dân tộc thông minh của thế giới, nhưng tự người Trung Quốc lại coi trọng sự bớt phức tạp để trở về đơn giản, trở về với sự chất phác, chân thật. Thường nghe nói “Rất khéo léo thì như vụng về” (*đại xảo nhược chuyết*), “vụng có thể hơn khéo” (*chuyết năng thắng xảo*), “Rất khéo chẳng bằng rất vụng” (*chí xảo bất nhược chí chuyết*).

Trong những người hiệp khách, điển hình của “phác” trước hết phải kể đến Quách Tĩnh trong “Xạ điêu anh hùng truyện”. Quách Tĩnh sinh trưởng ở thảo nguyên Mông Cổ, thật thà, đôn hậu, ưu điểm và khuyết điểm của chàng dễ dàng thấy rõ khi so sánh với Dương Khang và Hoàng Dung. Khuru Xử Cơ và “Giang Nam thất quái” đánh cuộc lấy cuộc tỉ võ giữa Quách Tĩnh và Dương Khang để phân thắng bại. Nhìn bên ngoài, Quách Tĩnh đâu phải là đối thủ của “Hoàn Nhan công tử” Dương Khang thông minh khéo léo. Nhưng kết quả lại ngoài sức tưởng tượng của người ta: Võ công của Quách Tĩnh “hậu lai cư thượng”, cuối cùng có thể sánh vai với các cao thủ hàng đầu; mà nhân phẩm của chàng so với Dương Khang cũng một trời một vực. Hoàng Dung tình quái lại yêu chàng trai Quách Tĩnh gốc nghèo vụng về, đó cũng là một hiện tượng khiến người ta phải sửng sốt.

Trong tập võ, chữ “phác” có ý chỉ sự “chậm hiểu”, “tối dạ” nhưng cũng ngụ ý con người có tâm tính thành thực. Vô luận là “Giang Nam thất quái” hay “Cửu chỉ thần cái” Hồng Thất Công truyền thụ võ nghệ cho Quách Tĩnh, mới đầu chàng thường “ngơ ngác không hiểu”, nhưng chàng vẫn ghi nhớ kỹ những điều đã nghe được, sau đó tiếp tục dần dần suy nghĩ. Cách học võ của chàng là “người ta luyện một buổi, tôi luyện mười ngày”; vì luyện “hàng long thập bát chưởng” mà hai bàn tay chàng sưng tấy lên nhưng vẫn không ngừng khổ luyện. Kết quả là “vụng lại hơn khéo”, nào sợ đối phương võ nghệ cao cường, chiêu thức phức tạp, chàng chỉ có một chiêu xoàng xoàng “kháng long hữu hối” là có thể chế ngự được.

Vụng về chất phác và thông minh khôn khéo là hai thái cực; hai cực đối lập nhau lại có thể chuyển hóa lẫn nhau.

Trong “Tiểu ngạo giang hồ” khi Lệnh Hồ Xung dẫn một nhóm giang hồ hào khách đến chùa Thiếu Lâm để đón Nhậm tiểu thư, đường đi qua dưới chân núi Vũ Dương, phát hiện thấy hai người có vẻ như nông phu đang qua chiêu vớ nhau. Tư thế xuất quyền động cước của họ rất vụng về, giống như không biết võ công nhưng trong đó lại tàng ẩn võ nghệ thâm áo, chỉ có cao thủ như Lệnh Hồ Xung mới nhận ra được.

Trong “Hiệp khách hành”, mấy trăm bậc thầy võ lâm như chưởng môn Thiếu Lâm, chưởng môn Vũ Dương, bang chủ Cái bang, dành công sức 40 năm vẫn không đoán nổi tuyệt học võ công trong bài thơ của Lý Bạch khắc trên vách động đá ở đảo Hiệp Khách, cuối cùng lại để cho một chú ăn mày vượt lên. Ở đây có thiền ý rất vi diệu. Phật học có nói về cái gọi là “sở tri chướng”, quá nhiều tri thức dễ biến thành “định kiến” ngăn cản sự nhận thức chân lý. Nhà triết học phương Tây Nietzsche đã nguyện rửa lý tính, Bawcon thì nhấn mạnh tác dụng của trực giác thần bí đối với nhận thức, cũng là theo lẽ ấy.

Người thật thà chất phác trong những việc nhỏ hàng ngày thường vụng về lúng túng. Quách Tĩnh hết lần này đến lượt khác phải dựa vào sự thông minh linh lợi của Hoàng Dung tháo gỡ giúp. Nhưng trong việc lớn an thân lập mệnh, Hoàng Dung lại phải dựa vào sự dù dặt của Quách Tĩnh. Trong đêm trước cuộc đại chiến ở Tương Dương, Quách Tĩnh quyết chí xả thân vì nước. Hoàng Dung vốn có ý định cưới bạch mã chạy trốn, thấy chí khí của chồng nàng rất cảm động quyết tâm cùng sống cùng chết với Quách Tĩnh, không hề có ý gì khác nữa. Từ đó có thể thấy người thật thà chất phác mới nhìn chẳng có gì hấp dẫn, nhưng gần gũi lâu ngày, hiểu sâu sắc rồi thì nhân cách của họ lại có sức cuốn hút rất mạnh. Quách Tĩnh đã từng nói: Đều là công thần giúp Câu Tiễn phục quốc, Phạm Lãi công thành thân thoái dương nhiên là thông minh, nhưng tận trung với nước như Ngũ Tử Tư và Văn Chủng thì càng không dễ. Sự thật thà chất phác đáng quý và sự thông minh rẻ tiền có thể xác định rõ ở đây.

Đương nhiên, chúng ta đề cao sự thật thà chất phác không có nghĩa là phủ định lý tính, trí tuệ. Không có sự tích lũy tri thức, thiếu lý tính thì cũng chẳng thể bàn đến “trực giác”, “đốn ngộ”. Cho nên, “phác” thực ra là một trình độ cao của tinh thần.

5. Cuồng

Trong quan niệm của mọi người, “cuồng” là một từ hàm ý chê bai, đối lập với “khiêm tốn”. Nếu nói một người nào đó rất cuồng vọng hoặc có thái độ cuồng ngạo thì đại khái là nhiều người không thích anh ta.

Nhưng trong tiểu thuyết võ hiệp, “cuồng” đã trở thành một phần quan trọng trong tính cách của không ít hiệp khách. “Sát khí đằng đằng, như vào chỗ không người, ngó nhìn thiên hạ, chỉ một mình ta!” (lời Cổ Long). “Cuồng” chẳng những không làm tổn hại hình tượng của họ mà còn khiến cho họ càng có sức hấp dẫn.

Kim Dung tiên sinh đã sáng tạo nên những bậc anh hùng hào kiệt khiến bao người kính phục như Quách Tĩnh, Kiều Phong. Nhưng nếu nói là thích thì e rằng phần nhiều độc giả chọn Dương Quá.

Dương Quá là hóa thân của lãng mạn. Vì yêu Tiểu Long Nữ, chàng không ngại phải đối lập với mọi người, không hề quan tâm đến chuyện sống chết. Một người tình như thế các thiếu nữ đều ái mộ. Các chàng trai thì đều tưởng tượng mình là một vị đại anh hùng có bản lĩnh như thế, có một giai nhân một lòng một dạ yêu mình, sống chết có nhau.

Đạt được hiệu quả như vậy không phải chỉ là do tình yêu trắc trở của đôi bạn tình Dương Quá và Tiểu Long Nữ. Sức hấp dẫn của hình tượng Dương Quá còn do tính cách cuồng ngạo phóng túng, quyết không thay đổi của mình. Sự cuồng ngạo của Dương Quá liên quan mật thiết với những cảnh ngộ của chàng thời niên thiếu. Còn bé tí cha mẹ đều qua đời, chỉ có thể nương mình trong hang vắng, trà trộn nơi phố phường làng mạc, đâu đâu cũng bị khinh rẻ, cảm thấy cha mẹ đều chẳng thương mình, không ai hiểu cậu bé, người đời đều vô can, đều phụ mình. Trong tình cảnh ấy, không ít người đã chìm đắm, long đong suốt đời. Nhưng Dương Quá bản tính quật cường, quyết không cúi đầu trước hoàn cảnh, thà chết không khuất phục. Người khác càng coi rẻ chàng, chàng càng cảm thấy mình cao quý, mạnh hơn họ trăm lần. Mặc cảm tự ti nơi sâu thẳm tâm hồn được hiện ra ở sự kiêu hãnh, tự tôn, cuồng ngạo.

Nếu nói rằng tính “cuồng” của Dương Quá là một loại phản kháng đối với hoàn cảnh, “coi quy phạm thế tục như không có”, thì tính “cuồng” của “Kim Mao Sư Vương” Tạ Tốn lại có ý vị bi kịch nhân sinh nồng đậm. Tạ Tốn là nhân vật nổi bật nhất, uy mãnh nhất, khiến người ta thán phục nhất trong “Ỗ thiên Đồ long ký”. Tạ Tốn mới xuất hiện đã đem lại cho người ta cảm giác ghê tởm bởi một khí phách coi khinh hết anh hùng thiên hạ. Trên đảo Ngọc Bàn Sơn, ông ta giao hẹn rằng mọi người trên đảo chỉ cần có một khả năng nào đó hơn được ông ta thì sẽ được tha mạng, có thể nói là cuồng vọng hết sức. Nhưng ngoài Trương Thúy Sơn dùng thiết câu khắc lên vách đá dựng đứng 16 chữ “*Võ lâm chí tôn, bảo đao Đồ long, hiệu lệnh thiên hạ, mạc cảm bất tùng*” là thắng được ông ta ra, tất cả mọi người đều không thoát chết. Tạ Tốn gầm lên một tiếng khiến cho giang hồ hào sĩ đều mất trí; võ công cao cường và sự ra tay độc ác khiến người ta phải le lưỡi.

Cảnh ngộ của Tạ Tốn cực kỳ thâm trầm, chỉ trong một đêm vợ yếu con thơ đều bị người thầy mình hằng tôn kính giết hại. Sự thực quá sức chịu đựng ấy đã đập nát mọi quan niệm giá trị trong lòng Tạ Tốn, chỉ lưu lại nỗi bi phẫn và oán hận ngút trời. Tại băng hỏa đảo ở Bắc cực, bệnh điên của Tạ Tốn lại phát tác:

“Nhưng nghe được tiếng chửi mắng liên hồi của Tạ Tốn - chửi từ ông trời đến Phật tổ, Nam hải Quan âm, Ngọc hoàng trên trời, Diêm vương dưới đất; lại bắt đầu chửi từ Tam hoàng ngũ đế, Nghiêu Thuấn Vũ Thang, Tần hoàng, Đường tông; văn thì chửi Khổng Mạnh, võ thì chửi Nhạc Phi, bất luận đại thánh hiền, đại anh hùng nào cũng bị chửi như dội máu chó lên đầu...”

“Bổng dung, Tạ Tốn lại chửi đến các nhân vật trong võ lâm, từ Hoa Đà phát minh ra “ngũ cầm chi hí” đến Đạt Ma lão tổ của phái Thiếu Lâm, thần quyền tán thủ của Nhạc Vũ Mục (Nhạc Phi), tất cả đều bị Tạ Tốn chửi cho đến mức không đáng giá một xu. Nhưng ông ta chửi cũng không phải là vô lý, khuyết điểm của mỗi gia mỗi phái đều có căn cứ, lời chửi đôi khi cũng rất đích đáng. Chỉ nghe thấy ông ta chửi từ Đường đến Tống, dần dần chửi đến Đông Tà, Tây Độc, Nam Đế, Bắc Cối, Trung Thần Thông ở cuối thời Nam Tống, chửi cả đến Quách Tĩnh, Dương Quá, chửi đến cả Trương Tam Phong, khai sơn tổ sư của phái Vũ Đang”.

Tạ Tốn đầy lòng căm thù đối với người đời, đối với tất cả trong khoảng trời đất và chủ tử của nó, mà lòng căm thù ấy đã sớm vượt xa bi kịch cá nhân, biến thành sự đối lập giữa người và trời. Khi Tạ Tốn cuồng nộ, đối tượng ông ta nguyện rửa không dừng ở Thành Côn, kẻ đã giết cả nhà ông ta mà chửi đến cả “Lão giặc trời”. Ông ta miệt thị quy tắc đạo đức luân thường của thế gian và các bậc “thánh hiền” đã nặn ra các quy tắc ấy. Cái “cuồng” của Tạ Tốn đã không còn là một đặc trưng tính cách mà đã thăng hoa thành sự phản kháng đối với số phận. Cho nên, dù Tạ Tốn hung dữ độc ác nhưng vẫn có thể được sự cảm thông và khâm phục của độc giả.

Đương nhiên, cũng không phải mọi “cuồng nhân” trong tiểu thuyết võ hiệp đều có sự hấp dẫn. Mộ Dung Phục trong “Thiên Long bát bộ” có thể coi là một “cuồng nhân”. Chỉ dựa vào sức lực của một gia đình mà y dám mơ tưởng đến sự khôi phục vương triều Đại Yên của họ Mộ Dung, và ngẫm tự coi mình là hậu duệ của bậc đế vương. Bản lĩnh của y tuy cao cường nhưng mãi mãi không đủ khiến y đạt được mục tiêu phục quốc. Sự cuồng vọng của y cuối cùng chỉ khiến cho “chúng bạn thân ly” (mọi người chống lại, người thân lìa xa), tâm trí mê loạn, thực hiện giấc mộng đế vương giữa một bầy con nít.

6. Độc

Là đặc trưng tính cách của hiệp sĩ, “độc” (cô độc) bao gồm hai phương diện: sự cô độc của tâm linh và sự độc đáo của hành vi.

Cô độc là một nỗi niềm không sao thoát khỏi của nhân loại. “Biển đời mệnh mang, ai biết người biết ta?” (*Nhân hải mang mang, tri ngã giả thù?*). Cảm giác ấy mỗi người đều có, nhưng hiệp khách thì càng khó lòng thoát được. Cổ Long tiên sinh đã từng cảm khái: “Đêm đã sâu, người đi hết, mưa bay lất phất, mộng chưa tàn, trước mắt chỉ thấy một chén rượu, ai người cạn chén cùng ta?”

Sự cô độc của hiệp khách trước hết là do cách biệt với xã hội. Tung hoành giang hồ, tha hồ báo ân báo oán, cố nhiên là một thứ cảnh giới lãng mạn, nhưng cũng phải trả một giá rất đắt, đó là sự xa cách gia đình và xã hội. Cuộc sống dầm máu chốn giang hồ, đã tạo nên phương thức sống khác người thường của hiệp khách, họ phải không vướng bận, sống chết chỉ trong khoảnh khắc.

Sự cách biệt giữa hiệp khách với xã hội chủ yếu còn do sự khác nhau về lý tưởng tinh thần của hiệp khách với quan niệm giá trị của người đời. Hoặc giả nói rằng hiệp khách chú trọng tinh thần, truy cầu một đời sống thẩm mỹ, mà mọi người lại theo đuổi vật chất, thuận tòng xã hội hiện thực. Những kẻ an phận thủ thường không thể hiểu được lý tưởng của hiệp khách.

Truyện “Trần Loan Phượng”, một truyện truyền kỳ đời Đường có kể: Hải Khang bị đại nạn, bách tính cầu đảo lời công cho mưa xuống, mãi không có kết quả. Trần Loan Phượng nổi giận,

nổ lửa đốt miếu lòi công. Theo phong tục xứ ấy thì không được ăn cá chép với thịt lợn, nếu không, tất sẽ bị thiên lôi đánh chết. Loan Phượng bất chấp nguy hiểm, ra giữa đồng đem hai thứ kỵ ấy ra ăn, quả nhiên sấm sét đùng đùng, Loan Phượng vung đao, chém đứt chân thiên lôi rơi xuống đất, thế là mưa xuống đầm đìa, cây cối ruộng đồng đều tươi tỉnh lại. Thế nhưng, người hiệp sĩ “tình nguyện hy sinh để cứu trăm họ” lại bị dân chúng lên án.

“Mọi người cùng trách mắng, rằng: sấm sét là linh vật trên trời, ngươi chỉ là một người thường ở hạ giới, lại dám hại lòi công, tất cả làng ta phải chịu tai họa”. Người già, trẻ con đều mắng mỏ chàng, không cho chàng về nhà. Thế là Loan Phượng vác đao đi hai mươi dặm, đến nhà người anh con cậu. Đến đêm lại có sấm sét, lửa trời đốt cháy ngôi nhà. Bèn cầm đao ra đứng giữa sân, Lôi công không hại được. Có người kể với người anh, Loan Phượng lại bị đuổi... biết là không có chỗ dung thân bèn cầm bó đuốc, ban đêm chui vào một cái hang, thiên lôi không thể đánh được nữa.

Có thể tưởng tượng được nỗi buồn của Trần Loan Phượng khi ở một mình trong hang. Nỗi lòng ấy có lẽ chỉ ngòi bút của Nietzsche mới biểu hiện được:

Ai thét lên chấn động nhân gian,

Tất mãi mãi ở trong cô độc,

Ai đốt lên ngọn lửa bùng bùng,

Tất mãi mãi như mây trôi dạt.

Cho nên, hiệp khách đều có một thứ ký thác tinh thần, hoặc là hiến thân cho sự nghiệp chống lại hiện thực xã hội, hoặc là hiến thân cho “đạo” của mình: “Kiếm đạo”, “võ đạo”.

Nhân vật “Kiếm thần” Tây Môn Xuy Tuyết dưới ngòi bút Cổ Long, hầu như không có bạn bè, anh ta chỉ sinh tồn trong kiếm đạo của mình. Sự cô độc của anh ta tựa như có từ vạn cổ, bởi vì “kiếm đạo” của anh ta đã nhất thể với đất trời. Sự cô độc ấy không phải là một cảm giác, nó tràn ngập khắp đất trời, đã trở thành bản thân vũ trụ. Cho nên Tây Môn Xuy Tuyết không cảm nhận được sự cô độc.

Thế nhưng, hiệp khách rốt cuộc vẫn là người, họ cũng có những *hỷ nộ ai lạc* như người thường, nhu cầu tình cảm có khi còn cao hơn người thường, có điều tình quá sâu lại như thể vô tình. “Đành để tình sâu nhạt như nước”, không tự mình giải thoát được sợi dây oan nghiệt của tình, đành ngậm ngùi cô độc.

Lý Tầm Hoan là cô độc. Bởi vì giá trị sinh mệnh của chàng đặt ở mối thân tình với Lâm Thi Âm. Nhưng chàng chỉ có thể đem mối tình của mình với pho tượng người yêu mà mình đã tạc nên cùng chôn xuống đất. Chàng uống rượu quên chết, lưu lạc nơi góc bể chân trời là để chạy trốn nỗi cô độc do mối tình oan nghiệt ấy đưa lại.

Chữ “độc” của hiệp khách còn mang một hàm nghĩa nữa là sự độc đáo trong hành vi và tính cách của họ, lời đồn đại của người đời càng tăng thêm sắc thái thần bí của họ. “Giang hồ dị nhân” là một từ khái quát rất đúng về họ. Trong “Xạ điêu anh hùng truyện”, Chu Bá Thông tuổi lớn dần nhưng vẫn ham chơi, được đặt biệt hiệu là “Lão ngoan đồng”. Trong “Đa tình kiếm khách vô tình kiếm”, Mai Đại tiên sinh chỉ huy đám gia nhân lấy nước rửa hết tuyết đọng trên

thân mai, mà không biết rằng tuyết tan băng kết thì vẫn làm mai rét cứng, thật là vô dụng, si đến thế khiến người ta phải sửng sốt. Trong “Ý thiên Đồ long ký”, “Côn Luân tam thánh” việc gì mà phải bỏ suốt một đời để thực hiện một câu di ngôn của Doãn Khắc Tây, bốn ba ngàn dặm từ Tây vực đến Thiếu Lâm tự báo tin “nhận một lời người gửi gắm, phải hết lòng vì việc của người”, nghĩa cử ấy thật là cảm động. Những hành vi đặc biệt độc đáo của người trong chốn giang hồ phần lớn không thể lấy lẽ thường tình ra để bình luận.

Sự độc đáo của hành vi, ngoài chỉ phương thức sống khác người của họ ra còn bao gồm cả việc họ có thể “dương danh lập nghiệp” trên chốn giang hồ, khiến người đời truyền tụng như huyền thoại. Chốn giang hồ phong ba hiểm ác, một đao một thương vùng vẫy mà danh tiếng lẫy lừng, nhất định chẳng phải là chuyện dễ. Thế là những kẻ nghĩ điều người thường không nghĩ, làm điều người thường không làm tạo thành một hiệu ứng đặc biệt, khiến danh tiếng của họ càng vang dội. Lúc ấy chữ “độc” (độc đáo) đã trở thành một thủ đoạn để nổi tiếng và một thứ vũ khí tốt nhất để bảo vệ mình.

7. Tín

Võ công, hiệp cốt, nhu tình là ba yếu tố quan trọng mà bất kỳ bộ tiểu thuyết tương đối thành công nào cũng phải có. Mà tín là yếu tố có ý nghĩa quyết định trong cốt cách của người hiệp sĩ. Có “tín” chưa chắc đã là đại hiệp, nhưng hiệp khách nhất định phải có “tín”, phải thủ tín. Lý do rất đơn giản, người không có tín không thể đứng vững (*nhân vô tín bất lập*) huống nữa hiệp khách là người cao hơn người. Ý nghĩa cơ bản nhất của chữ “tín” là thành thực. Tiểu thuyết võ hiệp tân phái còn tăng thêm cho chữ “tín” hàm nghĩa rộng lớn và sâu sắc hơn.

Trong tiểu thuyết võ hiệp, “tín” có ba loại hàm nghĩa. Một là trong quan hệ bạn bè dù ở bất kỳ tình huống nào cũng tin tưởng nhau; hai là dù đối với bạn bè hay đối với kẻ địch cũng phải giữa lời hứa, một tiếng “ừ” đáng giá ngàn vàng (*nhất nặc thiên kim*); ba là đem sự tồn tại hay không của chữ “tín” thăng hoa đến từng độ cao, xem con người có đáng gửi gắm hay không, có thể hy vọng được ở con người hay không. Nếu tiểu thuyết võ hiệp truyền thống ra sức khắc họa “trung”, “nghĩa” thì các đại gia tiểu thuyết võ hiệp đương đại như Cổ Long, Kim Dung, Ôn Thụy An lại đặc biệt đề cao chữ “tín” - tin ở con người, tin ở nhân tính, tin ở nhân loại.

Trong “Đa tình kiếm khách vô tình kiếm” con trai của “Thiên hạ đệ nhất võ công” Thiên Cơ Lão Nhân là Tôn Đà Tử nhận lời ủy thác của Vương Liên Hoa bảo hộ bí tịch võ công đang được giữ trong nhà Lý Tầm Hoan; anh ta đã ở trong cái quán nhỏ trước nhà họ Lý làm người sai vặt, rót rượu cho khách 14 năm ròng. Con người mang trong mình tuyệt kỹ võ công “Đại lực ung trào” nổi tiếng giang hồ ấy ngày ngày lau bàn ghế, làm việc vặt. Khi Tôn Tiểu Hồng hỏi anh ta vì sao 14 năm trời không xin nghỉ một ngày về thăm nhà, anh ta nghiêm nghị nói với đứa cháu gái rằng: “Ta đã nhận lời ở đây bảo vệ 15 năm, không thể thiếu một ngày. Ta đã nói một lời là như đinh đóng cột.” Lời nói chân thật, nhân cách ngời sáng. Lúc ấy bất kỳ ai cũng phải kính trọng chàng gù trong quán nhỏ này. Một hảo hán giang hồ vì một lời hứa mà phải trả giá đắt như vậy, bỏ 15 năm ở nơi quán nhỏ đã là việc không dễ, huống nữa lại giấu kín võ công của mình làm người sai vặt giữ nhà, trở thành một con người trầm lặng. Chính như lời Cổ Long đã nói: một con người khi lau những vết dầu hoen ố trên mặt bàn cũng là lau ánh sáng của mình.

Chỉ thủ tín đã rất không dễ. Nhưng có khi thủ tín lại mâu thuẫn với đạo nghĩa giang hồ khiến

cho sự thủ tín mang sắc thái bi kịch. “Thần kiếm” Tiêu Lượng trước khi tinh thông võ nghệ nghèo đến nỗi không đất cắm dùi, toàn nhờ vào sự chu cấp của Triệu Đại Thiện Nhân, cha của Triệu Vô Kỵ. Nhờ sự giúp đỡ ấy mà mẹ của anh ta mới qua được những ngày đói khổ bệnh tật, bản thân Tiêu Lượng cũng học được kiếm pháp tuyệt thế. Triệu Đại Thiện Nhân không cần báo đáp, chỉ yêu cầu Tiêu Lượng ba lần ra tay bảo vệ con trai ông ta là Triệu Vô Kỵ. Về sau, tuy biết rõ Triệu Vô Kỵ làm những điều bất nghĩa, nhưng đại trượng phu đã hứa là làm, vì một chữ tín ấy mà Tiêu Lượng phải dẫn lòng giúp Triệu Vô Kỵ khi y làm việc ác, đánh lại sư đệ Đại Mông Phương Giác Hiểu. Đồng thời Tiêu Lượng cũng nói với Triệu Vô Kỵ rằng: “Sau cuộc chiến đấu này, nếu ta không chết, thì ở cuộc chiến đấu sau kẻ ta phải đánh là ngươi!”.

Đối với bạn bè giữ gìn chữ tín, còn đối với kẻ địch thì sao? Có phải thủ tín hay không? Trong “Thần Châu vô địch” của Ôn Thụy An, Tiêu Thu Thủy nhiều lần phải thực hiện một sự ủy thác của Khuất Hàn Sơn, thật khiến người ta phải thở than hoài. “Kiếm vương” của Quyền lực bang là Khuất Hàn Sơn mấy lần muốn đưa Tiêu Thu Thủy vào chỗ chết, lại là tay đắc lực trong việc hủy diệt Cán Hoa kiếm phái nhà họ Tiêu. Khi Khuất Hàn Sơn bị trọng thương, y nhờ Tiêu Thu Thủy đem “vô cực tiên đan” đến cho bang chủ Quyền lực bang là Lý Trầm Chu. Lúc bấy giờ, kẻ bắt giữ người yêu của Tiêu Thu Thủy cũng ép chàng phải đưa “vô cực tiên đan” đến thì mới thả con tin, nếu chậm trễ thì người yêu sẽ chết. Một kẻ ác có mối thù sâu với gia tộc họ Tiêu, dùng thủ đoạn đê tiện với chàng mà lại nhờ chàng đem bảo vật đến cho Lý Trầm Chu là kẻ hung thủ sát hại gia tộc họ Tiêu và là kẻ thù lớn của cả bạch đạo võ lâm, như thế xem ra về lý, về tình, về nghĩa Tiêu Thu Thủy đều không việc gì phải bao phen cố gắng thực hiện lời hứa với y. Nhưng Tiêu Thu Thủy vẫn không hề dao động, quyết giữ lời hứa của mình. Khuất Hàn Sơn là kẻ không hề may mắn chút nào, nhưng kẻ đê tiện ấy cũng tin cậy Tiêu Thu Thủy, cũng biết rằng trên thế gian còn có một chữ “tín”, còn có người đáng tin. Nếu Tiêu Thu Thủy không giữ lời hứa thì còn giá trị gì?

Thực ra, không phải chỉ nhân vật chính phái thủ tín với kẻ địch, ngay cả nhân vật tà phái nào đó không mất phong độ đại gia thì cũng coi trọng chữ tín. Trong “Thiên long địa hổ” của Tiêu Dật, kẻ đại ác Thạch Tú Lang đấu võ với Lôi Hỏa Đạo Nhân không thắng, bèn không nói hai lời sẵn sàng chặt đứt hai chân mình như đã giao ước. Trong “Thần điêu hiệp lữ”, nữ ma đầu Lý Mạc Sầu tuy lạm sát người vô tội ở vùng sông Nguyên, nhưng cũng giữ lời hứa, trong khoảng 10 năm không đến quấy nhiễu vợ chồng Lục Vô Song.

Nếu nói rằng có người bạn lúc nào cũng có thể tin cậy, có những con người “một tiếng ừ đáng giá ngàn vàng”, khiến cho con người còn cảm thấy sự vĩ đại của nhân tính, sự đáng yêu của nhân loại, vậy thì sự tồn tại của những kẻ bội tín, bất nghĩa thì lại khiến người ta nhận thấy cái đê tiện của nhân tính và thất vọng đối với nhân loại. Trong “Cô lầu họa” (bức tranh đầu lâu), nhân vật “Lão Hồ Khiếu Nguyệt” Nhiếp Thiên Sầu thời trẻ thường giúp người yếu đuối, chuyên chống cường quyền, trừ bạo an lương. Anh ta nói: “Thuở ấy ta chẳng có gì, chỉ có bằng hữu, đáng tự hào nhất là bằng hữu!”

Thật kiêu hãnh! Thật cuồng ngạo! Thế nhưng anh ta lại bị người bạn tin cậy nhất bán đứng. Từ đó, Nhiếp Thiên Sầu mất hết lòng tin và hy vọng đối với tình bạn; cảm thấy tuyệt vọng đối với nhân tính và nhân loại, hung hãn giết người, tàn sát cả người vô tội để phát tiết nỗi thất vọng và căm hận đối với con người. Khi có người nói với Nhiếp Thiên Sầu rằng: đối với kẻ bội

tín bất nghĩa thì ai cũng muốn giết, Nhiếp Thiên Sầu cười nhạt, nói rằng: “Nếu thế, anh cứ đi ra ngoài phố, tùy ý giết mười người, cam đoan là có 8 đứa đáng giết.” Lãnh Huyết, một trong “tứ đại danh bổ” chân thành thỉnh cầu anh ta: “Không nên vì sự gian trá hiểm độc của một số người mà mất hết niềm tin với tất cả bạn bè.” Nhiếp Thiên Sầu đã nói ra từng chữ một như lời thề: “Tôi thà tin kẻ thù chứ không thể tin bạn bè được nữa”.

Trong một ấp mười nhà, tất có người trung tín. Các đại gia tiểu thuyết võ hiệp đã xây dựng nên hết đại hiệp này đến đại hiệp khác thành những con người thủ tín, trọng tín nghĩa, tin cậy bằng hữu, khiến người ta say mê. Khi chúng ta gấp sách lại, trầm tư, từ thế giới giang hồ hư ảo trở về với thế giới hiện thực mới cảm thấy rằng: làm người khó, làm con người trung tín càng khó. Dù muốn dù không vẫn có những sự việc, những con người giả trá. Dưới ngòi bút của các nhà tiểu thuyết, “tín” không phải là lời nói suông mà phải dùng cả máu, cả sinh mệnh để thực hiện. Đó là chữ “tín” đã được xác lập và thăng hoa.

[\[1\]](#) Chuyện gia đình Quách Tĩnh hy sinh được kể trong "Thần điêu hiệp lữ".

[\[2\]](#) Chữ "chấp" có nghĩa là "nắm giữ", "giữ vững" "giữ chặt".

[\[3\]](#) "Thiên vấn" là "ngưỡng thiên nhi vấn" ngẩng lên trời mà hỏi, tức là "hỏi trời".

[\[4\]](#) Phác: chất phác, thô sơ, vụng về...

CHƯƠNG V: THẾ GIỚI QUAN VÕ HIỆP

1. Quan niệm về phái nữ

Tiểu thuyết võ hiệp là đồng thoại của đàn ông. Giang hồ chủ yếu là thế giới của đàn ông, hình tượng nhân vật phái nữ vô luận là về số lượng hay chất lượng mà nói đều không để lại được những ấn tượng sâu sắc như các hình tượng nam nhi.

Tiểu thuyết võ hiệp của Cổ Long phần lớn đều coi thường, thậm chí coi nữ giới như kẻ thù. Đọc “Thủy Hử truyện”, bộ tiểu thuyết được coi như “truyện anh hùng nam nhi” chúng ta hầu như có thể rút ra kết luận này: đàn bà là cạm bẫy, sắc đẹp là tai họa. Võ Đại Lang chết dưới bàn tay Phan Kim Liên; Lôi Hoành vì Bạch Tú Anh mà vào tù; Lư Tuấn Nghĩa bị Giả Thị hãm hại; Dương Hùng và Thạch Tú trở mặt với nhau chỉ vì sự xảo trá của Phan Xảo Vân; Sử Tiến bị kỹ nữ bán đứng mà phải vào tù; Tống Giang thì hai lần vì đàn bà mà rơi vào tai họa.

Đàn bà mà luyện võ, đi lại chốn giang hồ, ra tay báo ân báo oán thì cũng đáng khâm phục nhưng khó lòng trở thành đáng yêu. Trong các hảo hán Lương Sơn, các bậc “cân quắc anh hùng” đều khiếm khuyết sức mạnh nữ nhi. Tôn Nhị Nương mở hắc điểm, tâm độc tay ác; Cổ Đại tẩu thường vẫn là “sư tử Hà Đông”, đánh cả chồng, người ta vẫn gọi là “mẫu đại trùng” (cọp cái). Trong truyện “Thôi Thân Tư” đời Đường, có một người đàn bà tuyệt sắc lấy thư sinh Thôi Thân Tư làm thiếp, âm thầm chờ đợi thời cơ báo mối thù giết cha, báo thù xong rồi bèn giết luôn cả đứa con của mình đã sinh với Thôi Thân Tư, tuyệt tình bỏ đi. Đàn bà mà lòng dạ ác độc như thế, rõ ràng khiến đàn ông phải sợ hãi xa lánh.

Thiên kiến đối với phái nữ được tiếp tục mãi đến tiểu thuyết võ hiệp của Cổ Long thời đương đại. Dưới ngòi bút Cổ Long, đàn bà càng đẹp càng dối trá, hại người. Nhân vật Lâm Tiên Nhi trong “Đa tình kiếm khách vô tình kiếm” “nhìn thì đẹp như tiên nhưng chuyên môn đưa đàn ông xuống địa ngục”. Con gái của Lâm Tiên Nhi là Thượng Quan Tiểu Tiên giết 86 vị cao thủ võ lâm cũng là một cô gái đẹp như tiên (“Cửu nguyệt ưng phi”). Trong “Lục Tiểu Phượng”, đàn bà xấu xa thật là nhiều: “Lãnh La sát” Tiết Băng ý tình giả dối, Thượng Quan Phi Yến sắc đẹp khuynh thành mà lòng như rắn rết, Trần Tĩnh Tĩnh giết người mà mặt không hề biến sắc v.v... Đến như Tuyết Nhi còn trẻ con mà cũng bịa ra câu chuyện bị cưỡng gian để hại người, về sau cô ả thừa nhận là nói láo, khiến Lục Tiểu Phượng phải đau đầu bỏ đi. Những nghị luận của Cổ Long về nữ giới trong tác phẩm của ông e rằng làm cho những người bảo vệ nữ quyền phẫn nộ, chẳng hạn như: “Khi một người đàn bà chết, chỗ cuối cùng trên người cô ta còn cứng chính là cái lưỡi”. “Nếu anh muốn đàn bà giữ gìn bí mật cho anh thì chỉ có một cách là đừng bao giờ kể cho cô ta, một chữ cũng không”. “Nếu anh là một người thông minh thì đừng bao giờ vạch ra sự nói dối của đàn bà, bởi vì nếu anh vạch ra, thế nào cô ta cũng có cách giải thích rất hay, cô ta chẳng bao giờ thừa nhận là mình đã nói dối”. “Kỳ thực đàn bà sinh ra để cho người ta yêu, chứ không phải để cho người ta kính trọng. Đàn ông nếu kính trọng một người đàn bà thì thế nào cũng phải đau khổ và phiền não”.

Đương nhiên, không phải tất cả các tác gia đều thù hằn phụ nữ, dù là người có lòng tự ái đàn ông quá mạnh như Cổ Long đôi khi cũng tình cờ miêu tả một vài hình tượng nữ hiệp đáng kính. Trong “Đăng Khẩu Chỉ” của Du Vạn Xuân, hiệp nữ Trần Lệ Khanh chung đúc ở trong mình cả sự

hào sảng và sự xinh đẹp dịu dàng, ai gặp cũng mến yêu. Nàng đánh Cao Nha Nội, giao đấu với chủ soái hùng khí không thua kém khách tu mi, nhưng lại rất hồn nhiên, ngây thơ, dịu dàng đáng yêu. Trong tác phẩm của Kim Dung, hình tượng nhân vật nữ đáng yêu càng nhiều. Như Nhậm Doanh Doanh trong “Tiểu ngạo giang hồ” là hình tượng nổi bật nhất trong các hiệp nữ. Vì cứu tính mạng của Lệnh Hồ Xung, nàng không quản nguy hiểm, dấn thân vào chùa Thiếu Lâm, việc này nhiều cô gái cũng có thể làm; nhưng lúc nào nàng cũng tôn trọng chuyện tình của chàng trai Lệnh Hồ Xung, tấm lòng rộng rãi như thế thật là hiếm có. Chính sau khi nghe Lệnh Hồ Xung bày tỏ tình yêu đau khổ với sư muội Nhạc Linh San, Doanh Doanh mới bắt đầu “sinh lòng kính trọng đối với chàng”. Nhạc Linh San bị vây đánh, Lệnh Hồ Xung bị thương nặng không ra thể ra tay cứu giúp, Doanh Doanh liền ra tay giúp Nhạc Linh San. Nhạc Linh San tự sát, Lệnh Hồ Xung đau đớn ngã gục, một mình Doanh Doanh tắm liệm, an táng cho nàng. Tình yêu của Doanh Doanh đã vượt lên trên tâm lý chiếm hữu hẹp hòi, mà đó là do tình cảm chân thành tôn trọng người yêu tạo nên. Trong “Đa tình kiếm khách vô tình kiếm”, Cổ Long tả Tôn Tiểu Hồng không những nương tay, không khắc bạc, mà còn có thể nói là một hành vi đáng khen. Lý Tầm Hoan, ý trung nhân của Tôn Tiểu Hồng quyết đấu với Thượng Quan Kim Hồng, trong giờ phút có tính quyết định này, biểu hiện mềm yếu tuyệt vọng nào của nàng cũng trở thành gánh nặng tinh thần của Lý Tầm Hoan, mà sự bận lòng trong giờ phút quyết liệt này chỉ có thể dẫn đến cái chết. Lý Tầm Hoan sẵn sàng quyết đấu, ngoảnh đầu lại nhìn nàng, chỉ thấy:

“Thần sắc nàng tuy bị thương nhưng ánh mắt thật dịu dàng, kiên định. Miệng nàng tuy không nói nhưng đôi mắt nàng lại nói với Lý Tầm Hoan rằng: “Đã là việc chàng không thể không làm thì cứ yên tâm làm đi, em tuyệt đối không ngăn cản chàng, cũng không làm phiền chàng. Vô luận chàng làm gì em cũng biết rằng chàng sẽ làm rất tốt, làm rất đúng”.

Tuy chỉ thoáng nhìn, tâm tình Lý Tầm Hoan đã không còn nặng nề nữa... chàng bỗng cảm thấy mình gặp được một người con gái như vậy thật là may mắn. Lý Tầm Hoan vào cuộc chiến một cách điềm tĩnh, xuất kỳ bất ý, một đao đâm chết Thượng Quan Kim Hồng”.

Thế nhưng, các tác gia tiểu thuyết võ hiệp dù có thái độ tán thưởng đối với phái nữ, cũng thường không thoát khỏi định kiến của “đại nam tử”, vẫn nhấn mạnh tính chất phụ thuộc dựa dẫm vào nam giới của các nhân vật phái nữ. Điển hình nhất là trong tác phẩm “Nhi nữ anh hùng truyện” của Văn Khang. Hiệp nữ Hà Ngọc Phượng ban đầu quảng giao với các hào kiệt, tung hoành nơi phố phường làng mạc, ngăn chặn kẻ cường bạo, giúp đỡ người yếu đuối, giết người, vung tiền, thật là “lãnh tụ trong đám hào kiệt”, nhưng một khi đã lấy An Công tử nàng trở nên mờ nhạt, cam lòng phụ thuộc phu quân, một lòng nuôi dạy con cái. Văn Khang đã mở ra tiền lệ ấy, các tác gia đời sau như Kim Dung cũng lần lượt khắc họa những hình tượng hiệp nữ lấy đàn ông làm trung tâm, làm nơi nương tựa. Nói cho cùng, hiệp nữ dưới ngòi bút của các tác gia nam giới phần nhiều không phải là những nhân vật hoàn chỉnh, mặc dù ban đầu có lẽ họ cũng muốn một phen xông pha chốn giang hồ, nhưng về sau cuộc sống của họ chỉ còn một tiêu điểm - tình yêu, hình tượng đa dạng sinh động ban đầu đã biến thành đơn điệu, nghèo nàn. Nhân vật A Phi trong “Đa tình kiếm khách vô tình kiếm” dù yêu Lâm Tâm Nhi đến quên cả chết cũng vẫn tin rằng: “Tình yêu không thể chiếm hết toàn bộ sinh mệnh của một trang nam tử”. Nhưng rất nhiều hiệp nữ không làm được như vậy, họ hoặc sớm hoặc muộn đều lấy tình yêu làm toàn bộ sự nghiệp, tình nguyện nấp sau cái bóng hiên ngang lẫm liệt của đàn ông. Đối với điều này, độc giả nam giới chắc cũng rất hài lòng, nhưng nữ giới hiện đại thì không hài lòng

như thế. Nữ sĩ Ngô Ái Nghi ở Hồng Kông trong cuốn “Nữ tử trong tiểu thuyết Kim Dung” đã nói: “Kim Dung không biết tả phụ nữ, bởi vì ông chưa hiểu phụ nữ, toàn xuất phát từ chủ quan của nam giới, quá chú trọng xây dựng nữ tính lý tưởng theo con mắt của nam giới, dẫn đến sự phát triển của nhân vật thiếu chiều sâu, có lúc thiếu sức thuyết phục”. “Không ít nhân vật nữ của Kim Dung có tiềm lực, nhưng thường thường vì Kim Dung không hứng thú, kết quả là họ chỉ là một tư thái, một luồng tình cảm, một phiến đoạn”.

2. Quan niệm về tình bạn

Hiệp khách sống trong một thế giới luôn biến động, bất an, phần nhiều không có gia đình, cũng không có người thân. Họ mang kiếm viễn du, không ở nơi nào cố định. Trong cuộc sống lưu du hoàn toàn khác với người thường, họ đặc biệt khát vọng và trân trọng tình bạn. Gia đình và bè bạn là hai chỗ dựa của đời người, trong cuộc lưu hành đâu cũng không nhà đâu cũng là nhà ấy, hiệp khách tất nhiên phải đặt tình bạn ở vị trí nổi bật, từ đó mà tìm được sự ấm áp và niềm an ủi, tìm được dũng khí và lòng tự tin. Trong tiểu thuyết võ hiệp sự nồng hậu mãnh liệt của tình bạn thậm chí còn hơn cả tình yêu. Như Phí Hiếu Thông trong cuốn “Trung Quốc đất làng” (Hương thổ Trung Quốc) đã chỉ ra: “Giới hạn do quan niệm “nam nữ hữu biệt” khiến cho tình cảm truyền thống của người Trung Quốc thiên về với người cùng giới tính... Sự kết hợp thân mật giữa những người kết nghĩa cùng giới tính phần nhiều biểu thị khuynh hướng quan hệ tình cảm đồng tính”.

Hiệp khách vốn tính hào sảng, khoáng đạt cởi mở, coi việc kết giao bằng hữu trong thiên hạ là việc tốt đẹp. Có lúc không cần phải trải qua sinh tử hoạn nạn cũng có thể “ngiên ô chào nhau đã coi nhau như bạn cũ” (*khuynh cái như cố*). Trong xã hội hiện thực, những sự khác biệt giữa người với người về giai cấp, địa vị, hoàn cảnh, lợi ích không cản trở được tình bạn; những ví dụ loại này trong tiểu thuyết võ hiệp thật sự là nhiều không kể xiết.

Đoàn Dự và Kiều Phong trong “Thiên Long bát bộ”, một người là vương tử nước Đại Lý, một người là anh hùng thảo dã, địa vị xã hội cách nhau thật là lớn, nhưng, đấu rượu trước lầu một lúc đã lập tức trở thành anh em, đến lúc lâm nguy liền hết sức tương trợ, thà cùng chết chứ không chịu sống một mình. Lệnh Hồ Xung và Điền Bá Quang trong “Tiếu ngạo giang hồ” một người là đại đệ tử của phái Hoa Sơn, một người là “kẻ cướp hái hoa”, nguyên tắc sống hoàn toàn khác nhau nhưng lại kính trọng nhau. Điều mà Điền Bá Quang khâm phục là khí phách và lòng can đảm của Lệnh Hồ Xung; Lệnh Hồ Xung cũng kính trọng Điền Bá Quang là một hảo hán, tuy gian dân bất chính, nhưng không đánh lén người, việc làm rõ ràng minh bạch. Hai người đều khinh miệt những kẻ tiểu nhân lòng dạ hẹp hòi, những kẻ hèn nhát tham sống sợ chết. Chỉ một điểm phù hợp này đã đủ cho họ thành bè bạn. Khang Hy và Vi Tiểu Bảo trong “Lộc Đỉnh ký”, một người ở ngôi cử ngũ chí tôn một người là tên lưu manh nhãi nhép, địa vị, xuất thân, tài sản, học thức, cá tính cách xa nhau mười vạn tám ngàn dặm đã trở thành đôi bạn thân mật, thật là không thể tưởng tượng được. Nhìn bên ngoài thì đại khái là vì hoàng đế sống qua những tháng ngày hiu quạnh, quốc sự rối ren, giấy tờ chất đống, tả hữu đại thần thì cung cung kính kính, chẳng có chút thú vị nào, vị thiếu niên thiên tử này cũng muốn có bằng hữu tâm giao như hiệp khách; mà Vi Tiểu Bảo quả là dễ khiến người ta thích thú, tuy bất học vô thuật nhưng biết đùa giỡn vui cười, có thể giúp Khang Hy bớt nỗi hiu quạnh trong thâm cung. Vi Tiểu Bảo không phải chỉ là một lòng thần bé con, y đối với Khang Hy một dạ trung thành, đó là tình cảm thật.

Chẳng hạn như y lần này lượt khác đứng ra phía trước hoàng thượng ngăn cản gươm đao của thích khách. Trước mặt Vi Tiểu Bảo, Khang Hy cũng bỏ quách bộ dạng của Hoàng đế, nói chuyện thành thật với y, có những gì bí mật và khó khăn đều bàn bạc với y. Quan hệ vua tôi như thế thật khiến người ta phải hâm mộ.

Hiệp khách vì cùng học võ một thầy, sống chung với nhau lâu dài, cùng chung hoạn nạn, sự hiểu biết và tin cậy đủ bồi đắp nên tình bằng hữu chân thực và cảm động. Bảy hiệp sĩ núi Vũ Dương trong “Ỗ thiên Đồ long ký” cùng nhau học võ, cùng nhau hành hiệp, thông hiểu tâm ý của nhau, tình thân như ruột thịt. Một người bị thương, sáu người khác cùng đau đớn; một người có điều gì tâm niệm các anh em khác lập tức hiểu rõ. Khi vào trận đánh địch, họ tự nhiên nghĩ cách lãnh phần nguy hiểm về mình để cho anh em được an toàn. Vì thế tình anh em, có thể thay đổi ý kiến và thói quen của mình vẫn vui lòng. Thất hiệp chỉ mong sánh vai nhau xông xáo chốn giang hồ, hành hiệp trượng nghĩa, chỉ cần được như thế là cảm thấy không còn gì đáng tiếc. Mười bốn hiệp khách Hồng Hoa Hội trong “Thư kiếm ân cừ lục” đến từ những miền quê khác nhau, có nam có nữ, cá tính khác nhau, tuổi tác khác nhau đều vì sự nghiệp khôi phục giang sơn mà đồng tâm hiệp lực, thân thiết như anh em một nhà, đồng cam cộng khổ. Trong sa mạc hay ở vùng băng tuyết, quân Thanh bao vây trùng trùng họ vẫn vui vẻ bàn với nhau giết quân Thanh rồi mới cam lòng chết, không những coi chết như về mà còn rất nhẹ nhàng thoải mái, hình như làm bất cứ việc gì, trừ gian hay cảm tử, chỉ cần có mọi người với nhau, tin cậy lẫn nhau thì chẳng có gì phải nuối tiếc.

Tiểu thuyết võ hiệp tân phái bắt đầu sôi nổi văn đàn từ những năm 50, 60, đến nay ảnh hưởng vẫn không suy giảm, trong đó một trong những nguyên nhân quan trọng là vì trong tiểu thuyết đã miêu tả sự kết giao giữa các anh hùng hào kiệt, vào sinh ra tử, cùng mưu đại nghiệp. Tình bằng hữu ấy đã đáp ứng được nhu cầu và khát vọng của độc giả. Người Hoa trong mấy chục năm qua, vì đất nước nội loạn bị buộc phải phiêu lưu bốn biển, gửi thân đất khách quê người. Sinh sống trong xã hội xa lạ do người nước ngoài thống trị đã chịu nỗi sỉ nhục bị người khinh rẻ, lại cảm thấy nỗi cô quạnh cách biệt của người khách trên đất nước xa lạ nên càng khát vọng có được nơi nương tựa và sự an ủi của tình bằng hữu, cùng đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, tin tưởng và yêu mến nhau để thêm dũng cảm và lòng tin. Đối với những người Hoa lưu tán hải ngoại là như thế, đối với đồng bào đại lục sau 10 năm cách mạng văn hóa càng là như vậy. Lòng tin và sự hiểu biết lẫn nhau giữa người bị hủy hoại cần được xây dựng lại trong thời đại mới. Tiểu thuyết võ hiệp đã đáp ứng được khát vọng và nhu cầu của quảng đại độc giả về mối chân tình giữa nhân gian.

3. Quan niệm về lịch sử

Có người nói: “Lộc Đỉnh ký” giống như một bộ tiểu thuyết lịch sử, lại có người nói nó “ba phần lịch sử bảy phần hư cấu”. Kỳ thực, thời đại Khang Hy mà “Lộc Đỉnh ký” biểu hiện có sự khác biệt về bản chất so với sử học thực thụ. Sử học chính tông của nước Trung Quốc mới giải thích tất cả các sự kiện lịch sử bằng quan điểm lịch sử duy vật, coi sự hưng thịnh đầu đời Thanh là kết quả tất nhiên do sự vận động của những mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, xác định những quy luật khách quan không theo bất kỳ ý chí chủ quan nào. Còn “Lộc Đỉnh ký” chỉ là “câu chuyện của nhà tiểu thuyết”. Tác giả đã miêu tả nhân của quá trình bình định cuộc phản loạn của Ngô Tam Quế, việc thu phục lacuts, thất bại của “Thiên Địa

hội” là do tài năng và sự lựa chọn của một thiểu số cá nhân anh hùng hoặc gian hùng. Kim Dung tiên sinh đem đến cho người ta một thứ ấn tượng rằng: nếu như không có người anh hùng thảo dã Mao Thập Bát đại náo kỹ viện ở Dương Châu, từ đó mà đưa tên lưu manh nhãi nhép Vi Tiểu Bảo lên Bắc Kinh; nếu như Hải Đại Phú không bị làm mù mắt để cho Vi Tiểu Bảo thừa cơ mạo danh Tiểu Quế tử mà ở lại trong hoàng cung; nếu như không có một Vi Tiểu Bảo ham chơi từ đó mà quên biết vị hoàng đế “Tiểu Huyền Tử” cũng ham chơi; nếu như không có “thái hậu giả” và Hải lão công dạy cho “Tiểu Huyền Tử” và “Tiểu Quế Tử” vài ba chiêu võ mèo què, lại thêm sự trầm tĩnh của tiểu hoàng đế và sự vô lại của tên tiểu lưu manh thắng lực sĩ Ngao Bái v.v... nếu như thiếu đi một vài nhân tố vụn vặt nào đó thì e rằng phải viết lại lịch sử (tức là lịch sử có sự biến đổi). “Lộc Đỉnh ký” đã biểu hiện một quan điểm lịch sử khác hẳn quan điểm lịch sử kinh điển, đó là “anh hùng sử quan”.

Thiên hạ hưng vong vốn là do sự quyết định của nhiều nhân tố kinh tế, chính trị, văn hóa. Thế nhưng tiểu thuyết phần nhiều lại đem giang sơn xã tắc gởi gắm vào phẩm chất cá nhân của thánh quân hiền tướng và một thứ thiên mệnh thần bí nào đó. Trong “Cầu Nhiệm Khách truyện”, Cầu Nhiệm Khách khí vũ phi phạm, dáng đi như rồng hổ, có chí lớn “kiến công lập nghiệp”, có sức lôi cuốn và có năng lực tổ chức, có thể huy động “hải thuyền ngàn chiếc, giáp binh mười vạn” để tranh giành thiên hạ với họ Lý ở Thái Nguyên. Thế nhưng ông ta và bằng hữu lại tin ở “số trời” về một vị “chân anh chủ”:

“Chốc lát, Văn hoàng từ phía Đông tới, thần thái kinh người, vái dài rồi ngồi, thần khí sáng ngời, chỗ ngồi như nổi gió, cái nhìn đầy uy lực. Đạo sĩ mới nhìn đã thềm kinh hãi, đi một quân cờ, nói: “Nước này thua rồi! Cả ván cũng sẽ thua! Không còn đường cứu gỡ, còn nói làm gì!” Rồi xóa ván cờ mà mời ra. Khi đã ra ngoài, đạo sĩ nói với Cầu Nhiệm Khách: “Thế giới này không phải là thế giới của ngài nữa, đi nơi khác thì có thể được...!”

Cầu Nhiệm Khách rốt cuộc đã rút lui, đến nước Phù Dư mưu đồ bá nghiệp. Ở đây, sự hưng khởi của nhà Đường chỉ là do “thần thái kinh người” của Văn hoàng Lý Thế Dân. Đây là một thứ quan niệm lịch sử anh hùng mang màu sắc thần bí.

Cũng vậy, khi lật đổ một chính quyền chuyên chế, các hiệp khách cũng thường gửi gắm hy vọng “một chùy ở Bắc Lãng Sa” [\[1\]](#) của một dũng sĩ cá biệt. Mấy câu khẩu quyết trong “Ỗ thiên Đồ long ký” rất có ý nghĩa: “Võ lâm chí tôn, bảo đao Đồ long, hiệu lệnh thiên hạ, mạc cảm bất tùng, Ỗ thiên bất xuất, thùy dữ tranh phong”. Nói vậy có nghĩa là nếu người được binh thư trong Đồ long đao một khi đã thống lĩnh nghĩa quân trong thiên hạ đánh đuổi giặc Thát (Mông Cổ) lên ngôi báu, tác uy tác phúc làm hại bách tính, thế là lại có một vị đại anh hùng cầm Ỗ thiên kiếm chém đầu bạo quân. Chế ước Đồ long đao không phải là lực lượng chính trị, kinh tế, thậm chí cũng không phải là lực lượng quân sự với thiên binh vạn mã mà chỉ cần là một dũng sĩ cầm Ỗ thiên kiếm. Đây cũng là một quan điểm lịch sử - anh hùng.

Sự sùng bái đối với cái dũng của kẻ thất phu đã có từ thời cổ. Trong “Thích khách liệt truyện” sách “Sử ký”, tướng nước Lỗ là Tào Mạt thống lĩnh thiên binh vạn mã giao chiến với quân Tề ba trận đều thất bại, nước Lỗ bị ép cắt đất cầu hòa. Về sau trong cuộc hội diện của Tề Hoàn Công và Lỗ Trang Công, Tào Mạt cầm một thanh chủ tử uy hiếp Hoàn Công, bức ông ta phải trả lại phần đất đã chiếm. Tào Mạt ép được vua Tề càng khiến cho hiệp khách tin rằng: sự tồn vong của một quốc gia phụ thuộc vào một thanh kiếm. Tiền đồ của Trung Quốc được quyết định bởi

mấy trăm người, mấy chục người, mấy người, mấy ngày, thậm chí trong khoảng mấy giờ. Điều này đã trở thành ảo mộng mấy ngàn năm không tỉnh của hiệp khách.

Rõ ràng là quan niệm lịch sử anh hùng ra sức đề cao tính chủ thể của con người. Tính chủ thể cá nhân là một tiền đề của tinh thần hiệp nghĩa. Chính như Mạnh Tử đã nói: “Nếu muốn bình trị thiên hạ, ở đời này bỏ ta thì còn ai.” (*Như dục bình trị thiên hạ, đương kim chi thế, xả ngã kỳ thù dĩ dã*). Cổ ngữ lại nói: “Biết không thể làm mà vẫn làm” (*Tri kỳ bất khả vi nhi vi chi*). Lương Khải Siêu thậm chí còn nói rằng: “Kẻ sĩ có chí, phải tạo ra thời thế chứ không phải là đợi thời thế”. Những quan niệm như vậy có thể cứu con người ra khỏi tâm trạng bi quan tự vứt bỏ mình khi gặp phải những điều bất đắc chí. Đối với điều ấy, chúng ta không nên chỉ đơn giản coi là “duy tâm chủ nghĩa” mà phủ định hoàn toàn.

Quan điểm lịch sử của hiệp khách là nhiều phương diện, nhiều tầng bậc. Chẳng hạn như về võ công, võ lâm sùng bái võ học bí tịch, chú trọng nguồn gốc của võ công như vậy, có thể nhận thấy đằng sau sự sùng bái ấy là một quan niệm lịch sử thoái hóa (tức cho rằng đời sau không bằng đời trước). Trong “Xạ điêu anh hùng truyện” của Kim Dung, bao nhiêu câu chuyện đã xảy ra quanh một bộ “Cửu âm chân kinh”. Kẻ hậu sinh chỉ cần học được một đôi điều trong “chân kinh” ấy là có thể trở thành một cao thủ. Chu Bá Thông được tôn làm đệ nhất trong cuộc Hoa Sơn luận kiếm lần thứ ba chẳng qua là vì ông đã tình cờ học được “Cửu âm chân kinh”. Mai Siêu Phong chỉ học lỏm được một chút trong bản sao “Cửu âm chân kinh” của Hoàng Dược Sư mà đã khiến cho người giang hồ nghe tên mà mất mật. Lại như trong “Tiểu ngạo giang hồ”, Lệnh Hồ Xung chỉ học được một chút võ ngoài của Độc Cô cửu kiếm mà đã liên tiếp thắng các cao thủ tuyệt đỉnh của võ lâm như Nhậm Ngã Hành, Xung Hư đạo trưởng. Sự sùng bái quá khứ ấy trong võ học có liên quan với tâm lý trọng xưa khinh nay (*hậu cổ bạc kim*), lấy người đã chết áp bức người đang sống trong văn hóa Trung Quốc.

4. Quan niệm về sống chết

Sống chết là “đốt” quan trọng của đời người.

Trong “Lộc Đỉnh ký” của Kim Dung, Lưu Nhất Chu của Mộc Vương phủ vào hoàng cung hành thích, khi mới bị bắt thì còn dũng cảm, về sau bỗng dưng nghe nói ăn xong bữa cơm thì sẽ chém đầu thì không thể kiềm chế được nỗi sợ hãi, phải khai ra thân phận của mình, chỉ mong giữ được tính mạng trong tình thế ngàn cân treo sợi tóc. Ở ranh giới của sự sống và cái chết, những cái thấp kém đê hèn nhất của nhân tính đều bộc lộ rõ ràng. Lưu Nhất Chu vì vậy mà mất sự tôn trọng của ý trung nhân là Phương Di, đồng thời cũng thể hiện rõ anh ta không xứng với tư cách của hiệp khách.

Một hiệp khách chân chính phải hiểu rõ lẽ sống chết, không co vòi trước tử thần, mỉm cười mà ra đi. Trong “Thiên Long bát bộ” của Kim Dung, quần hùng ở Tụ Hiền trang đã sẵn sàng “lò mố”, chuẩn bị “khai đao” giết “tên giặc Khiết Đan” Kiều Phong. Kiều Phong “đơn đao phó hội”, sẵn sàng quyết đấu với quần hùng. Chàng nói rằng: “Kiều Phong sẽ đổ máu ở Tụ Hiền Trang, để cho loạn đao phân thân, còn tính toán gì nữa?” “Đại trượng phu cần gì phải ham sống, chết thì có gì đáng sợ!”. Những lời đồng dạ ấy đã khắc họa rõ tinh thần “đại vô úy” của hiệp khách. Hiệp khách tìm sự sống giữa rừng đao thương kiếm kích, chuyện đổ máu tử vong là khó tránh khỏi, nếu không chịu nổi sự thảm khốc ấy thì không thể đứng vững trên chốn giang hồ, nói gì

đến chuyện trừ bạo an lương, hành hiệp trượng nghĩa.

Không ít hiệp khách chịu ảnh hưởng của nhà Phật, coi cái chết là nơi trở về, an tĩnh tự nhiên, không còn oán hận âu lo. Nhất là các hiệp tăng Thiếu Lâm, hiệp đạo Vũ Đang, Nga My thần ni đều có thể bình tĩnh bước đến cái chết. Trong “Ỗ thiên Đồ long ký”, Không Kiến đại sư vì muốn hóa giải oan cừu đã để cho con người điên cuồng Tạ Tốn đánh chết tươi, lúc lâm chung ông còn ôn tồn an ủi con người hối hận không kịp ấy rằng: “Ai mà không chết, cư sĩ hà tất phải buồn”.

Rất nhiều hiệp khách đã chọn cái chết vì họ không muốn sống một cuộc sống vô nghĩa. Trong “Ỗ thiên Đồ long ký”, Thường Ngô Xuân đã nói rất đúng: “Đại trượng phu giúp đời cứu nước, nếu có thể kiến lập sự nghiệp thì 30 tuổi cũng đủ, hà tất phải 40? Còn như sống một cách tầm thường thì dầu hơn trăm tuổi cũng chỉ là uống cơm mà thôi”.

Đúng vậy, Thường Ngô Xuân phò tá Chu Nguyên Chương dựng nên nhà Minh, tuy chẳng sống trọn tuổi trời nhưng lưu danh sử sách, có thể chết mà không hối tiếc. Trong “Thích khách liệt truyện” sách “Sử ký”, Trí Bá bị Triệu Tương Tử diệt, sọ của ông ta bị dùng làm cái bô. Môn khách của Trí Bá là Dự Nhượng trốn vào trong núi, thề sẽ trả thù cho Trí Bá. Dự Nhượng vốn có thể mai danh ẩn tích sống bình an qua ngày, nhưng Dự Nhượng cảm thấy sống như thế thì không xứng với người đã hậu đãi mình, lương tâm không thể nào yên ổn. Dự Nhượng hai phen liều chết hành thích, cuối cùng tuốt kiếm tự vẫn. Trong cách nhìn của Dự Nhượng, chỉ có lấy cái chết để báo đáp tri kỷ thì “hồn phách mới không hổ thẹn”. Đối với hiệp khách mà nói, tình nghĩa bạn bè, chính nghĩa ở đời, công danh sự nghiệp, tình yêu nam nữ v.v... đều quý hơn sinh mệnh; khi không thể toàn vẹn cả hai họ thà vẹn nghĩa mà chết, tận trung mà chết, tuân tình mà chết. Câu chuyện Kinh Kha mượn cái đầu của Phàn Ư Kỳ sở dĩ được truyền tụng bởi vì cả hai người coi việc hành thích Tần Thủy Hoàng và báo đáp ơn tri ngộ của thái tử Đan là trọng, tính mệnh của cá nhân là thường. Cùng nhận thức về sống chết như thế mới làm nên tấn bi kịch tráng liệt như thế.

Cũng có lúc hiệp khách chọn cái chết lại xuất phát từ nguyên nhân tiêu cực, hoặc để trốn tránh hiện thực hoặc để chấm dứt oan cừu. Trong “Thiên Long bát bộ”, A Châu tưởng rằng kẻ thù giết cha mẹ Kiều Phong là Đoàn Chính Thuần, cha ruột của mình, A Châu không còn cách chọn lựa nào khác đành giả hóa trang thành phụ thân, để cho người yêu đánh một chưởng chết tươi. Trong “Tiểu ngạo giang hồ”, Nhạc Bất Quần dùng mọi thủ đoạn để thôn tính Ngũ Nhạc kiếm phái mà từ một “quân tử kiếm” lừng danh trên chốn giang hồ biến thành “ngụy quân tử” mọi người đều khinh ghét; để luyện “Tịch tà kiếm pháp” lại “tự cung”, dứt tình vợ chồng. Nhạc phu nhân tuyệt vọng, không còn muốn sống nữa, đành chọn cái chết. Đối với một số người mà nói, khi còn sống đầy tội nghiệt, một khi hối hận, không còn chuộc tội được nữa thì cái chết là con đường giải thoát tốt nhất. Trong “Thiên Long bát bộ”, Phương trượng chùa Thiếu Lâm là Huyền Từ sư thông với Diệp Nhị Nương sinh ra Hư Trúc, phạm vào giới luật; hai mươi năm sau câu chuyện bị bộc lộ, liền cam nhận hình phạt 200 trượng mà không vận nội công để hộ thân, cuối cùng đứt hơi mà chết. Trong “Ỗ thiên Đồ long ký”, Tạ Tốn suốt đời giết bao người vô tội, cuối cùng hối hận những tội lỗi đã qua, tự phế bỏ võ công, để mặc người ta giết mình. Thừa nhận tội lỗi, lấy cái chết để chuộc tội cũng cần lòng dũng cảm rất lớn. Con người có thể làm được như vậy thì không mất phong độ của bậc đại gia và cũng được người trong chốn giang hồ tha thứ. Chẳng hạn như các đại môn phái hện nhau đến núi Vũ Đang để ép hỏi vợ chồng

Trương Thúy Sơn phải nói ra nơi Tạ Tốn đang ở, Trương Thúy Sơn thà chết không nói, Ân Tố Tố cũng tự sát theo chồng phu. Chương môn chùa Thiếu Lâm là Không Văn đành thay mặt mọi người nói rằng: “Vợ chồng Trương ngũ hiệp đã tự tận, những chuyện đã qua không cứu xét nữa, chúng tôi xin cáo từ”.

Hiệp khách không sợ chết nhưng sợ nhất là chết không có giá trị gì. Đã lâm vào tình cảnh không thể thoát chết, các hiệp khách chỉ muốn được chết dưới kiếm cao thủ, như thế mới “dầu chết xương vẫn còn thơm”. Cho nên trong “Tuyết sơn phi hồ”, phu nhân của Hồ Nhất Dao mới nói với Miêu Nhân Phượng rằng: “Miêu đại hiệp, ngài là nam tử hán đại trượng phu, quả là danh bất hư truyền. Nếu bị ngài giết thì tiếng tăm chồng thì cũng không vì thế mà tổn”.

Hiệp khách sở dĩ sợ chết một cách vô nghĩa còn bởi vì họ hy vọng lấy cái chết để khẳng định giá trị sinh mệnh. Điều này chứng tỏ sau cái bề ngoài coi thường cái chết ấy tiềm ẩn một sự khẳng định và một tình yêu vô hạn đối với sự sống.

Hào sĩ võ lâm rất coi thường sự sống chết nhưng không bao giờ chịu nhục, đó gọi là “kẻ sĩ có thể giết nhưng không thể làm nhục”. Đối với hiệp khách mà nói, rơi đầu là chuyện nhỏ, nhục nhã mới là chuyện lớn. Trong “Đa tình kiếm khách vô tình kiếm”, thiếu trang chủ họ Du bị “Đại hoan hỉ bồ tát” cướp, bị buộc phải đóng vai thay mặt, tuy về sau thừa cơ báo thù, cùng chết với “Đại hoan hỉ bồ tát” nhưng vẫn cảm thấy nhục nhã vì người khách biết được đoạn kinh lịch khuất nhục trước đây, trong lúc hấp hối còn nói với Lý Tầm Hoan rằng mình không phải là Du Long Sinh. Lý Tầm Hoan hiểu nỗi đau khổ của chàng nên đã trả lời rằng: “Tôi chỉ biết anh là bạn của tôi, những cái khác tôi đều không biết”. Bấy giờ Du thiếu trang chủ mới như trút được gánh nặng, thở hơi cuối cùng.

Trong “Ỗ thiên Đồ long ký”, ở trên núi Thiếu Thất, kẻ thù của Tạ Tốn cứ từng người từng người đến nhổ vào mặt nhưng Tạ Tốn vẫn im lặng chịu đựng nỗi nhục nhã lớn nhất đối với người học võ, có thể thấy Tạ Tốn đang hối hận đến cực điểm về những tội lỗi đã qua của mình.

Hiệp khách đều là những hán tử nóng nảy. Sự hào sảng ung dung trước ranh giới sống chết là một trong những đặc trưng tính cách rất hấp dẫn khiến người đọc khâm phục.

5. Quan niệm về dân tộc

Tiểu thuyết võ hiệp cổ đại thông thường chỉ biểu hiện những câu chuyện hiệp nghĩa của người Hán ở vùng dân tộc Hán, ít người đề cập đến vấn đề dân tộc. Từ thời cận đại về sau, miêu tả những câu chuyện về Di - Hạ, đề cao chính khí dân tộc trở thành điểm nóng của nhiều tiểu thuyết võ hiệp cự phái và tân phái.

Những tiểu thuyết võ hiệp này chủ yếu biểu hiện cuộc đấu tranh dân tộc ở ba thời đại: một là cuộc đấu tranh chống Kim và chống Mông Cổ ở hai thời Tống - Nguyên, như những tác phẩm “Cuồng hiệp thiên kiêu ma nữ”, “Minh đích phong vân lục”, “Hãn hải hùng phong”, “Phong vân lôi điện” của Lương Vũ Sinh; “Xạ điêu anh hùng truyện”, “Thần điêu hiệp lữ” của Kim Dung. Hai là cuộc đấu tranh chống Mãn Châu ở cuối Minh đầu Thanh như “Hổ khiếu long ngâm” của Chu Trinh Mộc; “Tái ngoại kỳ hiệp truyện”, “Thất kiếm hạ Thiên sơn”, “Giang hồ tam nữ hiệp”, “Mục dã lưu tinh” của Lương Vũ Sinh; “Thư kiếm ân cừ lục”, “Lộc đỉnh ký” của Kim Dung. Ba là cuộc đọ sức với các nước tư bản phương Tây của nhân dân Trung Quốc cuối Thanh và đầu thời Dân quốc, như “Cận đại hiệp nghĩa anh hùng truyện” của Bình Giang Bất Tiểu Sinh; “Thảo

mãng kỳ nhân truyện” của Cổ Minh Đạo, “Tân môn đại hiệp Hoắc Nguyên Giáp” của Phùng Dục Nam; “Thần tiên” của Phùng Ký Tài.

Thời kỳ mãnh liệt nhất của tình cảm dân tộc là thời kỳ dân tộc ở vào cảnh bị áp bức đau khổ. Ở thời kỳ cận đại, khí số của chế độ phong kiến đại nhất thống đã tận, các nước đế quốc không mời mà đến; sự áp bức về chính trị, sự tước đoạt về kinh tế, sự thẩm thấu về văn hóa, sự xâm lược về quân sự tràn ngập khắp nơi, thảm họa đưa chia khẻ đã đến trước mắt “đất nước ở trung tâm”. Những kẻ sĩ có tri thức đau lòng trước thời thế lớn tiếng kêu gọi tinh thần dân tộc. Sau thất bại của biến pháp Mậu Tuất, Lương Khải Siêu lưu vong sang Nhật Bản, vọng về tổ quốc, nơi trăm họ mê muội coi việc “lục quân tử” bị chém đầu là vui, ông đã cảm khái và viết “Tân dân thuyết”, quả quyết rằng cần phải xây dựng “chế độ mới”, “chính phủ mới” “đất nước mới” kêu gọi nhân dân tự trọng, tự cường. Muốn tái tạo linh hồn dân tộc, có người chủ trương dựa vào giáo dục như Thái Nguyên Bồi, Đào Hành Tri; tác gia tiểu thuyết võ hiệp thì gửi gắm hy vọng vào những câu chuyện hiệp nghĩa. Văn Công Trực đã từng nói rằng ông sáng tác “Bích huyết đan tâm” là để biểu dương những hiệp khách trung nghĩa, cổ xúy “Quốc dân tính anh hùng cương nghị của chúng ta” từ đó mà “cứu nguy cho dân tộc”.

Trong tiểu thuyết võ hiệp cổ đại, ý thức dân tộc của hiệp khách thường khá mờ nhạt. Họ hăng hái với việc trừ kẻ cường bạo, giúp người yếu đuối, mặc sức báo ân báo oán; xét đến cùng, động cơ của họ chủ yếu là xuất phát từ tình cảm riêng tư mà không phải là nghĩa chung. Dự Nhượng trong “Thích khách liệt truyện” sách “Sử ký” hành thích Triệu Tương Tử chỉ là việc báo ân cá nhân, tức thực hiện cái gọi là “kẻ sĩ chết vì người tri kỷ”. Có một số hiệp khách thậm chí không có ý thức quan tâm đến chính nghĩa trong xã hội như Chu Bá Thông trong “Xạ điêu anh hùng truyện”, coi việc luyện võ là trò chơi, chỉ chơi cho thỏa thích, căn bản không để ý gì đến sóng gió giang hồ và sự hưng vong của thiên hạ.

Nhưng đến khi các dân tộc du mục phương Bắc xâm nhập trung nguyên, văn minh Hán tộc đứng trước nguy cơ, nhất là ở thời cận đại khi chiến hạm ngoại quốc ập đến, “con cháu Viêm hoàng” [\[2\]](#) bị chế giễu là “chàng còi Đông Á” (Đông Á bệnh phu), các trang hiệp khách vốn ít quan tâm đến trần thế không khỏi giật mình khi nghe lời chế giễu ấy. Ý thức dân tộc của họ đột nhiên trở nên mãnh liệt, nghĩ đến “thần châu” (tức Trung Quốc) bị trầm luân mà lòng như lửa đốt. Thế là, “vì nước vì dân, đó là việc lớn của người hiệp khách” trở thành trách nhiệm cuộc đời của những người dân mất nước thế hệ Quách Tĩnh. Nhân vật Hoắc Nguyên Giáp trong “Hiệp nghĩa anh hùng truyện” thời cận đại vốn tính thận trọng, kiêng việc gây gổ. Nhưng thấy lực sĩ ngoại quốc quảng cáo biểu diễn võ nghệ ở Trung Quốc thì bưng bưng nổi giận, không còn kể ba bảy hăm một gì nữa, đứng ra thách thức quyết đấu. Hiển nhiên mục tiêu quyết đấu của Hoắc Nguyên Giáp là người ngoại quốc chứ không phải là võ công của họ; ông hy vọng rằng thắng lợi này là thắng lợi của lòng tự tôn dân tộc chứ không phải là thắng lợi của tuyệt kỹ “mê tung nghệ” tổ truyền. Vốn cao thủ tỉ võ chỉ cần phân thắng bại là được, việc giết người chỉ là hành vi của loại hai loại ba (hạ đẳng). Nhưng Hoắc Nguyên Giáp đâu có để cho bọn ngoại quốc được ung dung, đâu có bình thản để tỉ võ. Ông ta cự tuyệt lời mời thi đấu hữu nghị của đại lực sĩ người Nga, mới nhảy lên võ đài đã nói rõ: “Giao đấu với ta, ai bị tử thương thì đó là mệnh trời”.

Ông đã từng bày tỏ lòng mình với bạn bè: “Nói tóm lại, bọn quý Tây chẳng tốt lành gì. Chẳng

có đưa nào là không khinh rẻ người Trung Quốc. Ta hận người ngoại quốc, dẫu có chết cũng phải liều một phen với người ngoại quốc”.

Lời nói ấy thật là xúc động, thật là trầm thống. Sôi sục trong lòng Hoắc Nguyên Giáp là “quốc hồn” chứ không phải là “võ hồn”.

Ở những người như Quách Tĩnh, Hoắc Nguyên Giáp, sự mất còn của 5000 năm văn minh tựa hồ gắn với thanh kiếm. Càng bị sự khinh rẻ và lăng nhục của dân du mục hoặc bọn quý Tây di tộc trên các lĩnh vực quân sự, chính trị, kinh tế thì càng muốn qua cái dũng của hiệp khách để cứu vãn tình thế, chí ít là cũng thông qua thi đấu võ thuật để lấy lại thể diện của người Trung Quốc, làm cho bọn “dị giáo” cũng phải mất mặt. Điều này thực chất là “võ thuật cứu quốc luận”.

Đương nhiên, nói một cách nghiêm khắc thì những người như Quách Tĩnh, Hoắc Nguyên Giáp không phải là bao gồm toàn bộ hiệp khách, họ chỉ là những người “tích cực nhập thế” trong võ lâm. Trong hiệp khách còn có những con người “xuất thế” như Nhất Đăng Đại Sư, Tiểu Long Nữ và có cả những kẻ “du thế” (đùa giỡn với đời) như Chu Bá Thông, Vi Tiểu Bảo. Nhưng ở thời điểm nguy vong của dân tộc, sự lựa chọn kiểu Quách Tĩnh rõ ràng là có sức hấp dẫn nhất. Hiệp khách người Hán trước hết là người Hán, hiệp khách Trung Quốc trước hết là người Trung Quốc.

Đối với các tộc du mục phương Bắc thì dân tộc Hán là chính thống. Đối với bọn người Tây mắt xanh mũi lõ thì Trung Quốc là chính thống - quan điểm này luôn thấm đượm trong tiểu thuyết võ hiệp.

Kiều Phong trong “Thiên Long bát bộ” vốn mang dòng máu người Liêu, chỉ vì lớn lên trong xã hội Hán tộc, không có cách gì giống được với người Liêu dù cho ở bên đất Hán chàng bị thân bại danh liệt vẫn không sao cắt đứt được thâm tình với Trung Nguyên, cuối cùng chàng đã đem bầu máu nóng của mình ngăn vó ngựa Nam chinh của quân Liêu. Trong “Ý thiên Đồ long ký”, quận chúa Mông Cổ là Triệu Mẫn từ khi yêu chàng trai người Hán là Trương Vô Kỵ rồi thì không còn quan tâm đến vận mệnh của dân tộc mình nữa. Trương Vô Kỵ chỉ huy giáo đồ Minh giáo đối phó với quân Nguyên, nàng chỉ cần Trương Vô Kỵ không hỏi ý kiến mình (nghĩa là không đặt nàng vào tình thế khó xử) thì nàng cảm thấy yên tâm, còn đối với việc hiệp khách người Hán đuổi đánh đồng bào của mình thì nàng làm như không thấy, không nghe, không biết gì hết. Đứng trên lập trường của người Khiết Đan, người Mông Cổ thì Kiều Phong, Triệu Mẫn đều là những kẻ phản bội dân tộc mình. Họ là đại anh hùng của người Hán hoặc là vợ yêu của người Hán, đối với loại quan niệm “Hán tộc độc tôn” ấy, độc giả người Hán chắc là rất vui vẻ tiếp nhận, chỉ không rõ những người mê tiểu thuyết võ hiệp ở các dân tộc thiểu số sẽ thấy thế nào?

Quan niệm “Hán tộc chính thống” còn thỉnh thoảng lộ ra trong miêu tả võ công. Võ công Trung Nguyên tất nhiên là chí thuần chí cương, võ công Tây vực thường là quý bí quái dị. Trong “Ý thiên Đồ long ký”, võ công cổ Ba Tư phát huy đến cực điểm thì sẽ đi vào ma đạo, múa may quay cuồng không nghỉ, cuối cùng không cần đối phương ra tay cũng tự mình đi đến chỗ chết. Thực ra ngay cả đến võ công Thiếu Lâm vốn đã được người Hán tôn làm chính tông thì cũng vốn có nguồn gốc từ Đạt Ma Tổ Sư người Tây vực, trong “Thiên Long bát bộ”, Kiều Phong đã chế giễu Cao tăng chùa Thiếu Lâm là Huyền Tịch rằng: “Ngài dùng võ công của người Hồ ở

Thiên Trúc (Ấn Độ) để đánh lại quyền pháp của Thái tổ bản triều ta. Nếu ngài đánh thắng tôi thì há chẳng phải là thông đồng với giặc, bán nước, làm nhục Trung Quốc sao?”. Võ học thiên hạ tuy khác nẻo nhưng đều quy về một mối, cứ cố phân chia “quốc tịch” thì kể cũng buồn cười. Khuếch đại đấu tranh dân tộc, trong mọi lãnh vực đều cố “phân biệt Hạ Di”, cái “ý thức dân tộc” thái quá ấy kể cũng buồn cười.

Tiểu thuyết thời kỳ sau của Kim Dung đã cao hơn một bậc. Ở hiệp khách, nhà văn đã gói gắm ý thức bình đẳng và hòa hợp dân tộc. “Thiên Long bát bộ” thông qua số phận bi kịch của hai thế hệ cha con Tiêu Viễn Sơn và Tiêu Phong mà chỉ rõ rằng sự cừ hận dân tộc đã hại người một cách sâu sắc, hóa giải cừ hận oan nghiệt mới là con đường đúng đắn. Tiêu Phong người Khiết Đan, Đoàn Dự người Đại Lý, Hư Trúc người Hán đã kết nghĩa anh em cùng chung sống chết, mà Hư Trúc lại kết duyên với công chúa Tây Hạ, sự sắp xếp ấy rõ ràng là nơi gửi gắm tấm lòng của Kim Dung. Trong “Lộc Đỉnh ký”, Vi Tiểu Bảo không sao xác định rõ được mình rốt cuộc là thuộc dòng máu Hán, hay là Mãn, Mông, Hồi, Tạng. Vi Tiểu Bảo là một đứa con “tạp chủng” điển hình, nhưng lại hoàn toàn “thuần chủng” Trung Quốc, bởi vì mẹ của y tuy là kỹ nữ nhưng tuyệt đối không “tiếp” bọn quý ngoại quốc. “Lộc Đỉnh ký” cũng đã vượt ra khỏi cái khung “Sử thi anh hùng dân tộc” kiểu “Xạ điêu anh hùng truyện”. Khang Hy đã nói rất đúng rằng:

“Ta làm Hoàng đế Trung Quốc, tuy có lẽ chưa bằng Nghiêu Thuấn Vũ Thang, nhưng yêu thương trăm họ, cố gắng cai trị sáng suốt, trong các hoàng đế nhà Minh có ai tốt hơn ta không? Nay tam phiên đã được bình định, Đài Loan đã được thu hồi, nước La Sát cũng không dám xâm phạm biên giới nữa, từ nay thiên hạ thái bình, trăm họ an cư lạc nghiệp. Bọn phản tặc Thiên Địa hội muốn khôi phục nhà Minh, lẽ nào dưới sự cai trị của nhà Minh họ Chu trăm họ sống tốt hơn ngày nay sao?”

Trước lời nói ấy của Khang Hy, những sự nghiệp “chống Thanh phục Minh” trong nhiều tiểu thuyết võ hiệp trở thành chuyện đáng cười.

Điều càng có ý nghĩa sâu sắc là trong bộ sách này, Kim Dung đã khắc họa một cách sinh động “dân tộc tính” của chúng ta. Ưu điểm của Vi Tiểu Bảo là ưu điểm của người Trung Quốc bình thường, khiến chúng ta cảm thấy thân thiết; khuyết điểm của Vi Tiểu Bảo cũng là khuyết điểm của người Trung Quốc bình thường, không hề xa lạ đối với chúng ta. Vi Tiểu Bảo được sinh ra trong nhà thổ, trà trộn vào hoàng cung, như cá gặp nước, tung tăng thỏa thích; bởi vì nhà thổ tiện nhất và hoàng cung cao sang nhất đều là hình ảnh thu nhỏ của xã hội Trung Quốc, trong đó những kẻ nịnh hót bịp bợm, đục nước béo cò, hại người ngã ngựa... đều là giống người Trung Quốc truyền từ đời này sang đời khác. Ở Mạc Tư Khoa, Vi Tiểu Bảo bày mưu cho công chúa Xôphia phát động binh biến để nhân lúc hỗn loạn mà lên ngôi, quả nhiên mưu kế ấy giúp Xôphia thành công. Xôphia vỗ tay khen:

“Tiểu Bảo, chàng thật thông minh, kế của chàng thật diệu”.

Vi Tiểu Bảo nghĩ thầm:

“Gì chứ bản lĩnh giết người đốt nhà, gây rối làm phản của người Trung Quốc nhà ta thì hơn gấp trăm lần bọn quý La Sát các người. Cái mẹo vặt ấy có gì là lạ. Bọn ta xưa nay đều thế tất.”

Thằng lỏi vui tính Vi Tiểu Bảo này đôi khi cũng tình cờ nói ra được những lời khiến người ta

xót xa đến rơi nước mắt. “Lộc Đỉnh ký” không then là đã bước tới đỉnh cao của tiểu thuyết võ hiệp - từ các câu chuyện khó lòng tưởng tượng nổi, suy ngẫm và phê phán những thói xấu của quốc dân mà đạt đến tác dụng cảnh báo đối với người Trung Quốc.

Cùng khiến cho người ta phải suy nghĩ sâu xa như vậy là những câu chuyện kể về thầy thuốc người Đức và lưu học sinh người Nhật trong tác phẩm “Hiệp nghĩa anh hùng truyện”. Trong cuốn sách này phần nhiều tác giả chê các võ sĩ ngoại quốc, nhưng lại ca ngợi tính cách anh hùng kỳ vĩ của các thầy thuốc và lưu học sinh ngoại quốc.

Có một học sinh Nhật Bản lưu học ở Đức, anh ta một lòng muốn biết được phương pháp chế tạo một loại thuốc nổ mới của nước Đức. Nhưng ở trường, người Đức giữ bí mật rất nghiêm, anh ta quyết tâm mạo hiểm. Trước hết, anh ta hẹn với một người bạn đồng hương cũng lưu học ở Đức và rất giỏi về hóa học, dặn người bạn ấy đợi ở nhà mình; sau đó anh ta mạo hiểm lên vào khu vực cấm ném trộm bột thuốc nổ rồi chạy ngay về nhà đọc tên và công thức chất ấy ra, để cho người bạn ấy theo cửa sau chạy thoát về nước, còn mình thì bị người Đức theo dấu rượt đuổi và bắn chết.

Viện trưởng người Đức ở một y viện tại Thượng Hải tha thiết khẩn cầu thần y Trung Quốc là Hoàng Thạch Bình biểu diễn công phu điểm huyệt trên thân thể của mình, vì việc đó, ông ta cam chịu mạo hiểm sinh mệnh, còn mời cả luật sư đến làm chứng, và chuẩn bị sẵn cả hậu sự (nếu không may bị chết). Kết quả, ngón tay thần của Hoàng Thạch Bình điểm huyệt, viện trưởng bị bệnh hôn mê bảy ngày bảy đêm, sau bảy ngày bảy đêm không chữa mà bệnh tự lành.

Một vị bác sĩ y học người Đức lấy danh nghĩa của tất cả các bệnh nhân bị bệnh lao trên toàn thế giới để mượn lá phổi của một bệnh nhân lao đã được y học Trung Quốc chữa lành. Người bệnh không đồng ý. Bác sĩ nọ bèn bắn anh ta một phát chết tươi, rồi lấy phổi của anh ta chế thành tiêu bản, viết một bản báo cáo rất tỉ mỉ, gửi ngay về học viện y học hoàng gia Berlin, sau đó lại bắn một phát súng tự sát.

“Ta không xuống địa ngục thì ai xuống địa ngục” - tinh thần hiến thân ấy, sự hy sinh bi tráng như vậy trong hiệp khách Trung Quốc không thiếu. Thế nhưng, ngẫm kỹ, Bình Giang Bất Tiểu Sinh gợi gẫm phong độ hiệp khách ở những thầy thuốc, lưu học sinh nước ngoài không liên quan gì đến võ thuật, không phải là điều ngẫu nhiên. Hiệp khách Trung Quốc mười năm mài gươm, tám phương tìm bạn, muôn dặm bốn ba chỉ để gieo rắc và kết nên vô số ân ân oán oán, làm nên hàng loạt những câu chuyện võ hiệp khiến người ta phải kinh tâm động phách, nhưng như thế có cống hiến được bao nhiêu cho sự tiến bộ của xã hội và văn minh? Phương Tây cận đại đã đưa khí phách anh hùng vào việc khám phá những bí ẩn của trời đất, của giới tự nhiên, mở ra một thời đại huy hoàng của khoa học kỹ thuật, đưa văn minh hiện đại tiến lên. Hoàng Thạch Bình đã cảm động nói với vị viện trưởng người Đức rằng:

“Thảo nào khoa học của phương Tây các ngài trong mấy mươi năm nay tiến bộ đến kinh người, nguyên nhân chính là vì những người như ngài thật là nhiều”.

Người có khí phách, có tinh thần xả thân như vị viện trưởng người Đức ấy trong hiệp khách Trung Quốc cũng không ít, nhưng tinh hoa trí tuệ và phẩm chất ưu tú của dân tộc đều đặt vào những cuộc tranh đoạt và quan hệ nhân sự, không hướng vào thế giới tự nhiên, khám phá và cải tạo tự nhiên. Điều ấy khiến cho độc giả đương đại mỗi khi gấp sách không khỏi ngậm ngùi

thở than, mặc dù Bình Giang Bất Tiểu Sinh chỉ mới mơ hồ cảm nhận được một chút mà thôi.

6. Quan niệm về luân lý

Không gian của cấu trúc tiểu thuyết võ hiệp là một xã hội giang hồ cách xa trần thế. Ánh đao bóng kiếm, sa mạc thảo nguyên, hang sâu rừng rậm... được ảo hóa thành thế giới võ hiệp phức tạp và kỳ dị. Ở trung tâm của thế giới ấy là hiệp khách mang gươm hành hiệp, thể thiên hành đạo. Một mặt, hành vi của hiệp khách như ngựa trời bay giữa tầng không, tự do tự tại, không buộc không ràng; một mặt khác, sự mặc ý tung hoành của hiệp khách lại hoàn toàn không phải là làm xằng làm bậy. Hành vi của họ kỳ thực cũng tuân thủ một loại “pháp luật” tiềm tàng - tức quy phạm đạo đức luân lý. Hiệp khách cũng có quan niệm giá trị của mình về thiện - ác, thị - phi, trung - nịnh, chính - tà... Những quan niệm giá trị đạo đức ấy cấu thành cơ sở của hành vi và căn cứ hành hiệp của họ.

Đạo đức là khế ước của toàn bộ xã hội, là chuẩn tắc được xác định trên cơ sở văn hóa. Quy phạm đạo đức và quan niệm giá trị trong văn hóa giang hồ với tư cách là một hình thái đặc thù của ý thức luân lý Trung Quốc vừa vượt ra ngoài hiện thực vừa có mối liên hệ chằng chịt với hiện thực xã hội.

Một mặt, văn học là một biểu hiện phù hiệu của văn hóa xã hội, mặc dù có vẻ hoàn toàn thoát ly mảnh đất hiện thực xã hội, nhưng ngay trong sự miêu tả “thần thoại” về võ công hoàn toàn hư cấu vẫn mang nội hàm văn hóa xã hội hiện thực. Nhìn tổng thể, trong tiểu thuyết võ hiệp, hầu như trong sự sáng tạo tính cách các nhân vật anh hùng hiệp nghĩa đều thấm đậm những nhân tố văn hóa luân lý Nho gia. Trong tiểu thuyết võ hiệp, các tác giả thường xuyên biểu hiện những triết lý “ở hiền gặp lành” “ác giả ác báo”, kẻ tà nhất định phải gặp tai ương, người chính tốt cuộc sẽ được cát tường, những quan niệm luân lý “trung hiếu tiết nghĩa”, “tôn sư trọng đạo” của Nho gia. Chẳng hạn như nữ hiệp Thập Tam Muội nổi tiếng trong tác phẩm “Nhi nữ anh hùng truyện”, tuy từng ngang dọc chốn giang hồ nhưng từ khi lấy An Công tử rồi thì ngả cờ im trống, cúi đầu cam chịu làm tì thiếp lại còn luôn miệng tán dương trung thần hiếu tử, xứng đáng là một phu nhân “tiết hạnh khả phong”. Lại như bang chủ Cái bang Kiều Phong trong “Thiên Long bát bộ” vì không thể vẹn lòng trung nghĩa với cả Tống và Liêu nên cuối cùng đã phải “sát thân thành nhân”. Lại còn Lệnh Hồ Xung trong “Tiểu ngạo giang hồ”, dù siêu thoát tự tại nhưng vẫn một lòng canh cánh nguyên tắc “tôn sư trọng đạo”. Đối với sư phụ ngục quân tử Nhạc Bất Quần chàng vẹn lòng trung hiếu một cách chân thành, vô luận Nhạc Bất Quần nghi ngờ, tuyệt tình hay đả kích Lệnh Hồ Xung đến mức nào chàng vẫn không hề thay lòng đổi dạ, chỉ biết hối hận vì hành vi sai lầm của mình. Chẳng những không dám nghi ngờ mà nghe người khác nói xấu sư phụ chàng cũng lập tức nổi giận. Cuối cùng, nếu không có lưỡi kiếm của Nghi Lâm đâm chết Nhạc Bất Quần thì e rằng Lệnh Hồ Xung đã mất mạng dưới tay sư phụ. “Tôn sư trọng đạo” như thế có thể nói là đạt đến cực điểm. Vô luận là Thập Tam Muội, Kiều Phong hay Lệnh Hồ Xung, họ cũng đều không thoát khỏi quan niệm luân lý trung quân báo quốc, cầu nhân, trọng nghĩa của Nho gia. Về phương diện nhân cách, họ trở thành những điển hình của nhân cách đạo đức truyền thống.

Nhưng, mặt khác, thế giới võ hiệp tốt cuộc vẫn không phải là thế giới hiện thực, bản thân sự xuất hiện của hiệp khách đã có tính chất là một sự chống đối xã hội. Trong quan niệm và hành vi của hiệp khách tất nhiên còn có chỗ không nhất trí với luân lý đạo đức thế tục. Sự không

nhất trí này chủ yếu biểu hiện ở hai phương diện. Trước hết, cùng là “Trung, hiếu, nhân, nghĩa, tín” nhưng ý thức luân lý Nho gia chính thống trong đời sống hiện thực thì “hiếu” là đứng đầu, còn trong quan niệm luân lý của hiệp khách thì “nghĩa” là trung tâm. Trong xã hội tông tộc lấy quan hệ huyết thống làm chủ như Trung quốc, “hiếu” là yếu tố thứ nhất trở thành tông pháp gia tộc. Sách “Lễ ký” nói rằng: “Hiếu đứng đầu mọi đức”. Sách “Hiếu kinh” thì nói: “Hiếu là thiên kinh địa nghĩa”. Mạnh tử tiến thêm một bước, cụ thể hóa: “Thờ ai là lớn nhất, thờ song thân là lớn nhất”, “Không hiếu với song thân không phải là người, không thuận với song thân không phải là con”. Nói tóm lại, hiếu là đứng đầu mọi điều thiện, là gốc của đạo đức, là nguồn của giáo hóa. Hiếu, trong một gia đình được biểu hiện ở sự sùng bái và phục tùng của con cái đối với cha mẹ, suy rộng ra từ nhà đến nước thì biểu hiện ở sự tôn kính và phục tùng của bề tôi đối với đấng quân vương. Vậy là, “hiếu” được diễn hóa thành “trung”. Hiển nhiên, quan niệm luân lý truyền thống đã gắn kết sự hiếu thuận đối với cha mẹ và sự trung thành đối với quân vương lại làm một, từ đó mà kiến lập nên sự thống nhất của trung với hiếu. Nước và nhà tương thông, vua với cha cùng thể, hiếu là cơ sở của trung, trung là sự vươn dài của hiếu. Cái mà Nho gia gọi là “nhân là yêu người” (nhân giả, ái nhân dã) chẳng qua là nói về lòng “yêu người” trên cơ sở thừa nhận quân quyền và phụ quyền.

Khác với quan niệm luân lý Nho gia đặt chữ “hiếu” ở vị trí hàng đầu, trong con mắt của hiệp khách, “nghĩa” là tiêu chuẩn đạo đức cao nhất của họ. Mặc dù tiểu thuyết võ hiệp cũng biểu hiện trung hiếu, nhất là trong tiểu thuyết hiệp nghĩa thời Minh - Thanh, hầu như không có hiệp khách không quy thuận triều đình; hảo hán Lương Sơn rốt cuộc đã nhận chiêu an, “Ngự miếu” Triển Chiêu trong “Tam hiệp ngũ nghĩa” cũng vậy. Nhưng trong lịch sử, hiệp khách ở thời kỳ đầu không hề có tư tưởng “trung với vua” “hiếu với cha” gì hết. Những người như Chu Gia, Quách Giải trong “Sử ký”, để bảo vệ chính nghĩa đã không ngại xúc phạm vương pháp, họ há cần quan niệm trung quân kính chúa. Nhiếp Ân Nương trong truyền kỳ đời Đường tự chọn chồng, căn bản đã không quan tâm đến “lệnh cha mẹ”. Trong tiểu thuyết võ hiệp tân phái thời hiện đại, đối tượng của lòng “trung” phần lớn đã không phải là quân vương mà là quốc gia và dân tộc. Có thể thấy quan niệm trung hiếu trong tư tưởng của hiệp khách không hề có vị trí nổi bật. Thế nhưng, vô luận là trong “Sử ký”, trong truyền kỳ thời Đường Tống hay trong tiểu thuyết hiệp nghĩa thời Minh Thanh, trong tiểu thuyết võ hiệp tân phái chúng ta lại phát hiện thấy quan niệm về “nghĩa” như một sợi chỉ đỏ quán xuyên từ đầu đến cuối. Từ những lời bình luận về hiệp khách của nhân cho đến những lời đối thoại của hiệp khách trong tiểu thuyết võ hiệp chúng ta đều tìm thấy không ít những lời bàn luận về phương này (tức về “nghĩa”). Tư Mã Thiên là người đầu tiên viết truyện hiệp khách. Trong định nghĩa của ông về “hiệp”, ông đã đặc biệt nhấn mạnh “nhân” và “nghĩa” của hiệp khách. Ông nói: “Cứu người trong hoạn nạn, người nhân là vậy; đã nói là giữ lời, nghĩa là như vậy”. Lý Đức Dự đời Đường cho rằng hiệp và nghĩa tuy hai mà một. Trong “Hào hiệp luận” ông nói: “Nghĩa không hiệp thì không lập, hiệp không nghĩa thì không thành”. Không những người bình luận về hiệp có quan niệm như vậy, mà các hiệp khách cũng tự nói rằng: “Người học võ chúng ta, lấy hiệp nghĩa làm trọng, tiêu dao tự tại chốn giang hồ, làm quan làm quái gì? (“Tiểu ngạo giang hồ”). “Chúng ta luyện công tập võ để làm gì? Để hành hiệp trượng nghĩa, cứu người hoạn nạn, cố nhiên đó là bổn phận của chúng ta” (“Thần điêu hiệp lữ”); có thể thấy trong tư tưởng của hiệp khách “nghĩa” chiếm vị trí hàng đầu. “Nghĩa” là “đạo trời”, là “lẽ trời”, mục đích của nó là cứu người trong nguy nan, trừ kẻ ác trong thiên hạ, nói tắt giữ lời, làm tắt có kết quả, nắm vững chính nghĩa, thay trời hành đạo. Trong

“Tiểu ngạo giang hồ” Lệnh Hồ Xung biết rõ võ công của mình không bằng Điền Bá Quang, khó giữ được tính mạng của mình nhưng vẫn liều chết cứu thiếu nữ Nghi Lâm mà mình không hề quen biết. Người mà chàng bảo vệ không chỉ là cá nhân Nghi Lâm mà trong lòng chàng việc trừ bạo an lương, trừ kẻ cường bạo giúp người yếu đuối là “lẽ trời”, là “nghĩa”. Đoàn Dự trong “Thiên Long bát bộ” yêu Vương Ngũ Yên như say như si nhưng khi chàng thấy Ô Lão Đại muốn giết đứa bé tám tuổi mà Mộ Dung công tử lại chẳng hề quan tâm, trong lúc này lòng chàng đã kêu lên “Vương cô nương, cô có thể mạng tôi, tôi cũng phải cứu đứa trẻ này đã...” rồi chàng phần nộ ra tay. Thử nghĩ, đối với Đoàn Dự có điều gì quan trọng bằng tình yêu Vương Ngũ Yên? Có việc gì khó hơn làm trái ý Vương Ngũ Yên? Đáp án là: “Nghĩa”. Lệnh Hồ Xung khinh sinh trọng nghĩa, Đoàn Dự bỏ tình giữ nghĩa, tấm lòng trọng nghĩa, tinh thần xả thân vì nghĩa ấy trở thành hạt nhân trong quan niệm giá trị đạo đức của hiệp khách. Những quan niệm giá trị khác của hiệp khách như sự phân biệt thiện ác, chính tà đều xoay quanh hạt nhân này. Thông thường, chỉ cần là hành động hợp nghĩa thì những việc như cướp của người giàu để giúp người nghèo, trừ kẻ cường bạo giúp người yếu đuối, cứu người trong lúc nguy nan, trọng lời hứa, chuộng khí tiết, giữ tình cảm... đều được coi là thiện, là đúng đắn, là đạo đức. Còn những hành vi bất nghĩa như ỷ mạnh chà đạp yếu, thất tín bội nghĩa, giáo trá nham hiểm thì đều là ác, là tà, là phi đạo đức.

Trong tiểu thuyết võ hiệp, sự lựa chọn vũ khí để hành hiệp, cách nhìn nhận bạo lực, sự đánh giá võ công cao thấp cho đến ý thức về sinh mệnh của hiệp khách đều thấm đẫm quan niệm thiện ác thị phi như vậy. Trước hết, về phương diện lựa chọn vũ khí hành hiệp, độc dược ám khí thông thường đều là vũ khí mà bọn tà ma độc ác thích dùng, còn đại hiệp chân chính thì không thèm dùng đến những thứ vũ khí hạ lưu như thế; bởi vì độc dược ám khí thường được lén dùng khi người ta không đề phòng, không phải là hành vi quang minh lỗi lạc của người quân tử. Thứ hai, hiệp khách cũng phân biệt tính chất thiện ác của bạo lực. Cùng là bạo lực đâm máu nhưng các hiệp khách ghét hành vi giết hại người vô tội của Dư Thương Hải, Tả Lãnh Thiền mà lại tán đồng việc Lệnh Hồ Xung đâm mù mắt mười lăm tên khiêu khích phái Hoa Sơn. Nguyên nhân là vì hành vi của Dư Thương Hải, Tả Lãnh Thiền là bất nghĩa, còn hành vi của Lệnh Hồ Xung là phù hợp với tinh thần hiệp nghĩa. Thứ nữa, sự đánh giá võ công cao thấp cũng gắn với quan niệm thiện ác, chính như lời của vị sư già trong “Thiên Long bát bộ” đã nói: “Tắm lòng từ bi càng thịnh thì tuyệt kỹ võ công luyện được càng cao”. Ngược lại, nếu người học võ chỉ rắp tâm hại người, không có lòng từ thiện nhân nghĩa thì võ công không bao giờ đạt tới mức thượng thừa, như bọn Đông Phương Bất Bại, Nhậm Ngã Hành, Cưu Ma Trí, Nhạc Bất Quần... cuối cùng đều bị tẩu hỏa nhập ma, kéo kén tự trói mình, không thể có kết quả tốt đẹp. Cuối cùng, trong ý thức về sinh mệnh của hiệp khách cũng thường hiện ra quan niệm thiện ác của họ. Hiệp khách thông thường đều không sợ chết. Đối với hiệp khách, “xả sinh thủ nghĩa”, “sát thân thành nhân”, tuy chết vẫn vinh; còn làm xằng làm bậy, chết một cách bất nghĩa thì chết cũng chưa hết tội.

Nếu như nói rằng điểm khu biệt chủ yếu giữa quan niệm luân lý của hiệp khách với ý thức luân lý Nho gia chính thống là ở sự khác nhau về trọng điểm mà họ nhấn mạnh (“nghĩa” và “hiếu”) nên cũng chưa tạo nên sự khác biệt quá lớn; thì sự chống đối triệt để của hiệp khách đối với đạo đức thế tục đã tạo nên xung đột lớn giữa văn hóa võ hiệp với ý thức luân lý của văn hóa thế tục. Sự thực, một khi hiệp khách để cho “nghĩa” lấn át nguyên tắc trung hiếu thì đã

tiềm phục xung đột này rồi. Như thế cũng có nghĩa là: lấy “nghĩa” làm trung tâm thì trong sự đánh giá thị phi thiện ác phải lấy lương tri làm chuẩn mực chứ không phải lấy tôn ty thứ bậc làm thước đo. Thái độ chỉ quan tâm đến thiện ác, không để ý đến thân sơ, chỉ nói đến chuyện đúng sai không bàn đến đạo quân thần này khó lòng phù hợp với quan niệm tôn ti đẳng cấp của quân thần phụ tử. Không chỉ có vậy, xung đột này còn thể hiện ở chỗ hiệp khách coi các nguyên tắc đạo đức kia như không hề có, như Lệnh Hồ Xung kết bạn với Điền Bá Quang, tình bạn tri âm vượt qua cả ranh giới chính tà thiện ác giữa Lưu Chính Phong và Khúc Dương... theo cái nhìn của thế tục đều là không hợp nguyên tắc đạo đức. Trong thơ Đường miêu tả hiệp khách:

*“Bách lý báo cừu dạ xuất thành,
Bình minh hoàn túc xương tủy lâu”*

(Trăm dặm báo thù đêm xuất thành,
Bình minh về nghỉ chốn lâu xanh)

Trong một truyện truyền kỳ đời Đường, kể một hiệp khách là Chu Hạo “thường kéo bạn đến chơi xóm hoa liễu”; tranh giành, ghen tuông với con trai của một vị tướng quân, choảng nhau dữ dội, sau đó dẫn thân vào chốn giang hồ. Những hành vi “nghỉ ở chốn lâu xanh”, “chơi ở xóm hoa liễu”, trong cái nhìn đạo đức của người quân tử rõ ràng không thể coi là hành vi lương thiện. Những hành vi đi ngược lại luân lý ấy của hiệp khách đã phản ánh sự miệt thị đối với bản thân nguyên tắc trong quan niệm tư tưởng của hiệp khách. Do vậy, chúng ta nhận thấy quan niệm giá trị đạo đức của hiệp khách có tính song trùng. Một mặt họ lấy trung hiếu tiết nghĩa làm chuẩn tắc hành vi của mình, trên phương diện nào đó của nhân cách đã trở thành lý tưởng và mẫu mực của đạo đức thế tục (như Quách Tĩnh, Trương Đan Phong...); một mặt khác, sự phóng đảng của hiệp khách khiến họ không chịu tuân theo những quy củ của thế tục, thế là họ thay đổi hoặc vượt qua chuẩn tắc đạo đức thế tục. Như thế, hiệp khách đã rơi vào tình trạng tự mâu thuẫn. Thế nhưng, sự thực là, chính vì mâu thuẫn ấy mới khiến hình tượng hiệp khách tỏa sáng, khiến độc giả vì thế mà say mê. Điểm này cũng dễ hiểu, bởi vì độc giả là người sống trong thế giới hiện thực, tâm lý và hành vi thường ngày đều phải tuân theo nguyên tắc của thế tục, nhân cách đạo đức của hiệp khách vừa khéo thỏa mãn cảm hứng đạo đức của độc giả. Nhưng mặt khác, tư tưởng của con người rất cuộc không cam chịu sự trống rỗng, độc giả vốn bị sự ràng buộc của quy phạm đạo đức nên trong cõi tâm linh vẫn khát vọng có một sự đột phá, vẫn khát vọng vượt qua hiện thực. Sự chống đối và miệt thị đạo đức thế tục của hiệp khách chính hợp với tâm lý ấy, thỏa mãn được nguyện vọng “phi phạm” của những người phạm tục trong cõi trần thế.

7. Quan niệm về giai cấp

Xã hội thế tục là một xã hội đẳng cấp theo kiểu kim tự tháp, từ hoàng đế đến tam công cửu khanh, lãnh chúa đại thần, hào lý thân sĩ, đến lê dân bách tính, mỗi bậc đều có danh phận, yên với địa vị của mình, không ai vượt qua được. Xã hội giang hồ kỳ thực cũng là một xã hội đẳng cấp. Môn phái võ học có chưởng môn, bang hội có bang chủ, đà chủ, trang viên có trang chủ, có sự phân biệt thứ bậc trên dưới giữa thầy trò, chủ khách, chủ tớ... Theo “Thiên Long bát bộ” kể, trong Cái bang - từ bang chủ trở xuống có mấy vị trưởng lão truyền công, chấp pháp, có các

phân đà đại nhân, đại nghĩa, đại lễ, đại trí, đại tín, đại dũng, đệ tử cũng có sự phân biệt theo số túi. Trong Hạnh Tử lâm, bang chủ Kiều Phong bảo bang chúng ngồi xuống, có người quay về hướng Đông, có người quay về hướng Tây mỗi người đều theo chức phận, tuổi tác hoặc đều ngồi đúng vào vị trí của mình. Khi Đoàn Dự nhìn vào, tưởng rằng bọn ăn mày ngồi lung tung loạn xạ, thực ra ai trước ai sau đều có trật tự rõ ràng. Từ đó có thể thấy dù xã hội giang hồ xuất hiện với tư cách đối lập với xã hội thể tục nhưng hình thức tổ chức nội bộ cũng chỉ là hình thức đẳng cấp.

Hiệp khách thừa nhận đẳng cấp, nhưng lại không chịu sự khống chế của đẳng cấp. Họ thấy rằng trên đời còn có cái quan trọng hơn đẳng cấp. Bản sắc của hiệp khách là làm theo ý mình, người khác biệt về chức vị, tuổi tác chỉ cần tính tình hợp nhau là có thể cùng nâng ly vui vẻ, coi nhau là “cánh ta”. Trong “Thiên Long bát bộ”, vương tử nước Đại Lý là Đoàn Dự và anh hùng thảo dã là Kiều Phong, địa vị cách biệt biết bao nhưng vì cùng uống rượu mà hợp nhau, kết làm anh em. Điều quan trọng hơn là hiệp khách đều coi hành hiệp trượng nghĩa là tiêu chuẩn giá trị cao nhất, coi nghĩa khí sâu nặng là tiêu chuẩn quan trọng nhất của hiệp khách. So ra, tuổi tác chức vị chỉ là vật ngoại thân. Nghĩa khí hợp nhau thì có thể vượt qua và phá vỡ ranh giới đẳng cấp. Trong “Xạ điêu anh hùng truyện”, Quách Tĩnh và Đà Lô ngày thường vẫn chơi đùa với nhau, lúc nguy cấp thì giúp đỡ nhau. Là đứa trẻ bần cùng, Quách Tĩnh không biết tự ti, là con trai của Đại Hãn Mông Cổ, Đà Lô cũng không hề tự cao tự đại. Hai người bắt chước người lớn, kết thành “an đáp” (anh em). Nếu như nói rằng tình bạn thuở ấu thơ này chưa đủ sức thuyết phục thì quan hệ giữa Hồ Nhất Dao và Bình A Tứ trong “Tuyệt sơn phi hồ” lại có thể thể hiện quan niệm giai cấp của hiệp khách. Bình A Tứ chẳng qua chỉ là một đứa nhỏ phụ bếp, bị người đời khinh rẻ nhưng đại hiệp Hồ Nhất Dao lại thân thiết gọi cậu ta là “người anh em” và nói với cậu rằng: trong con mắt của ông trời thì mọi người đều như nhau. Kể từ ngày ấy, Bình A Tứ đã tìm lại giá trị tôn nghiêm của con người mình, bắt đầu sống một cách tự tin, về sau đã làm những hành vi nghĩa hiệp. Trong “Thư Kiếm Ân Cừ Lục”, thư đồng của Trần Gia Lạc là Tâm Nghiễn cùng vào sinh ra tử với các anh hùng của Hồng Hoa hội, “gần đèn thì sáng” dần dần tính tình nhân cách cũng gần gũi với những người anh hùng ấy, nên cuối cùng đã thay đổi thân phận của mình, trở thành “em mười lăm” của mười bốn hiệp khách “Hồng Hoa hội”.

Quan hệ đẳng cấp trong xã hội thể tục thường là quy phạm có tính cưỡng chế. Vua bảo bề tôi chết, bề tôi không thể không chết; quan bắt dân theo, dân không thể không theo. Quan hệ đẳng cấp trong giang hồ thì vì có sự tồn tại của nghĩa khí mà trở thành một tình cảm đạo đức có tính thẩm mỹ và tự giác. Trong “Đa tình kiếm khách vô tình kiếm”, Thiết Truyền Giáp là một hảo hán lỗ mãng và hào sảng, sở dĩ vui lòng làm nô bộc cho Lý Tầm Hoan không phải chỉ vì cảm kích ơn cứu mạng mà chủ yếu là vì cảm phục tấm lòng quảng đại của chàng. Thế là Thiết Truyền Giáp tình nguyện làm một nô bộc trung thành cho một “nhân cách vĩ đại”. Bốn vị Ngự, Tiều, Canh, Độc trong “Xạ điêu anh hùng truyện” vốn là trọng thần của Đoàn Hoàng gia, Đoàn Hoàng gia xuống tóc xuất gia, họ cũng quy ẩn theo, làm nô bộc của ông ta. Nếu bảo rằng họ là bề tôi thì phải theo sự chế ước của quyền lực chính trị, vậy thì sự quy ẩn lại chủ yếu xuất phát từ đạo nghĩa và tình cảm. Giữa họ và Đoàn Hoàng gia tồn tại một tình cảm sâu nặng vượt khỏi phạm vi quan hệ quyền lực, lợi hại.

Đây là cái tình của nghĩa bộc mà tiểu thuyết võ hiệp nhiều lần miêu tả. Ở đây quan hệ đẳng cấp đã được mỹ hóa, trở thành sự hiến thân tự nguyện. Trong “Lộc Đỉnh ký” sau khi nhà Minh

bị diệt vong, Cửu Nạn không còn là “trưởng công chúa” cao quý nữa nhưng cùng nữ Đào Hồng Anh vẫn coi việc hầu hạ là sứ mệnh và hạnh phúc của mình. Tình cảm của họ được xây dựng trên cơ sở quan hệ chủ-tớ; trong con mắt của người hiện đại, quan hệ này đi ngược lại sự bình đẳng nhân cách nhưng đối với Đào Hồng Anh thì lại hết sức tự nhiên và đẹp đẽ. Mỗi thời đại đều có quy phạm luân lý của mình. Tâm lý thẩm mỹ này của nghĩa bộc có lẽ chúng ta không thể không đánh giá đúng sai mà chỉ cố gắng lí giải và tôn trọng.

Quan hệ chủ tớ tôn ti trên giang hồ xây dựng trên cơ sở đạo nghĩa, khi chủ hay bậc tôn trưởng làm điều bất nghĩa thì tính hợp pháp của chế độ đẳng cấp không tồn tại nữa. Trong “Thiên Long bát bộ”, Bao Bất Đồng, Đặng Bách Chung, Công Dã Càn, Phong Ba Ác nhiều năm là gia bộc của Cô Tô Mộ Dung. Mộ Dung Phục nhận kẻ đại ác Đoàn Diên Khánh làm cha, họ phần nộ chê trách chủ nhân là “đồ bất trung bất hiếu bất nhân bất nghĩa” và cương quyết đoạn tuyệt, ra đi.

Thế giới giang hồ được miêu tả trong tiểu thuyết võ hiệp mang đậm màu sắc lý tưởng, quan hệ đẳng cấp trên chốn giang hồ thường được mỹ hóa thành “nơi yên vui của họ Khổng họ Nhan” (Nhan Hồi là học trò của Khổng tử), không mất sự tôn nghiêm và tự do của nhân cách. Thực ra, hiện thực xã hội khác xa sự miêu tả lãng mạn của nhà tiểu thuyết. Sự khác biệt về địa vị xã hội giữa người với người trong hoàn cảnh đặc biệt có thể khiến người ta xây dựng nên tình cảm vượt qua ranh giới đẳng cấp, nhưng trong hoàn cảnh bình thường thì khó lòng phá vỡ được quy phạm của xã hội. Trên thảo nguyên, Kiều Phong đã cứu mạng Gia Luật Hồng Cơ. Gia Luật Hồng Cơ vô cùng cảm động, kết nghĩa anh em với Kiều Phong, thề nguyện “chết cùng ngày cùng tháng cùng năm”. Nhưng một khi đã về đến triều đình thì địa vị tôn ti lập tức trở nên rõ ràng, một người là Hoàng đế Đại Liêu, một người là thần dân của nước Liêu. Gia Luật Hồng Cơ ban thưởng cho Kiều Phong rất nhiều thứ nhưng kỳ thực là để ra ân ra uy, trong đó đã bao hàm nhân tố bất bình đẳng. Về sau, vì Kiều Phong không chịu dẫn binh Nam Chinh, Hồng Cơ liền hạ lệnh bắt giam chàng, thế là cái đuôi cáo đã lộ ra rồi. Quan hệ đẳng cấp là một thứ công xiềng đầy sức mạnh, dù người trong cuộc có cho rằng nó đã bị phá vỡ thì nó vẫn cứ tồn tại một cách vững chắc và dai dẳng. Truyện “Côn Luân nô”, nô bộc người Côn Luân là Ma Lặc đã giúp Thôi Sinh nên sự nghiệp, nhưng trong lúc nguy cấp, Thôi Sinh đã bán đứng Ma Lặc. Khi quân lính đến bao vây nhà Thôi Sinh để bắt Ma Lặc, Ma Lặc chỉ còn cách cầm chủ thủ nhảy qua tường cao, chạy trốn đi nơi khác. Ma Lặc là đầy tớ mà nghĩa khí ngất trời, Thôi Sinh là chủ nhân mà quá chừng bạc bẽo. Khi Ma Lặc đi bán thuốc mưu sinh chốn khác không hiểu lòng chàng có đau buồn vì nhận ra bộ mặt thật của nhân sinh?

8. Quan niệm về danh dự

Hiệp khách đặc biệt coi trọng danh dự. Võ công và thanh danh là “giấy thông hành” trong thế giới giang hồ. Danh dự của hiệp khách có thể do võ nghệ hơn người đưa lại, nhưng đặc biệt là do những hành vi nghĩa hiệp của họ. Tuy nói rằng sự tranh chấp trong võ lâm thường thông qua đấu võ để quyết định thắng phụ nhưng dựa vào thanh danh của hiệp khách cũng có khi không đánh mà thắng. Sở Lưu Hương dưới ngòi bút của Cổ Long không hề giết người, anh ta chủ yếu chỉ dựa vào uy danh đại biểu cho chính nghĩa, trí tuệ và lòng can đảm của mình mà chinh phục đối phương. Trong “Tiểu ngạo giang hồ” của Kim Dung, thanh danh “Quân tử kiếm” đã giúp cho Nhạc Bất Quần rất nhiều. Dưới cái chiêu bài rất kêu ấy, Nhạc Bất Quần cứ ung dung

thực hiện dã tâm của mình. Trong cuộc săn đuổi ngôi vị bá chủ Ngũ Nhạc phái, cuối cùng y đã đánh bại kẻ ỷ vào võ lực áp đảo người là Tả Lãnh Thiền. Do đó có thể thấy công hiệu của thanh danh thật không thể coi thường.

Hiệp khách coi trọng thanh danh không phải đều nhằm mục đích vụ lợi, ăn cắp thanh danh để bịp đời như Nhạc Bất Quần. Đối với các hiệp khách chân chính mà nói, thanh danh là sự khẳng định sinh mệnh đạo đức của họ trong xã hội, chính vì họ coi trọng thanh danh hơn cả tính mệnh cho nên họ thà chết cũng phải lưu lại tiếng tốt. “Thiên Long bát bộ” viết rằng “Cái bang có một quy củ: thành viên của Cái bang phạm tội đáng chết nhưng nếu có thể tự thú nhận và tự xử thì bạn đồng môn vẫn coi anh ta là huynh đệ, và che giấu tội lỗi cho anh ta trên chốn giang hồ; nếu bị đệ tử chấp pháp xử tử thì sẽ thân bại danh liệt, bị thiên hạ phỉ nhổ. Cho nên thành viên của Cái bang thường thà tự sát để bảo toàn danh dự”.

Trong tiểu thuyết võ hiệp, rất nhiều cao nhân lánh đời, dám làm dám chịu, dù bị mọi người phỉ báng cũng không kể, phải trái trắng đen lâu ngày tự rõ, thậm chí không sợ suốt đời không biện minh được những lời vu cáo, chỉ cần mình tự tin ở mình ngẩng lên không thẹn với trời, cúi xuống không thẹn với đất, thì vẫn yên tâm. Để thực hiện lý tưởng đạo đức của mình, có lúc họ không sợ ô danh. Trong “Tuyết sơn phi hồ” của Kim Dung, vệ sĩ của Lý Tự Thành là “Phi Thiên Hồ Ly”, để cứu Sấm vương Lý Tự Thành thoát vòng nguy hiểm đã công thi thể của Sấm vương giả đến đầu hàng quân Thanh. Cần phải biết rằng - trên giang hồ điều đáng căm ghét nhất là sự bất trung với chủ, sự thay đổi tiết tháo lúc lâm nguy, huống nữa mâu thuẫn giữa người Hán với người Mãn Thanh là thuộc về đại nghĩa dân tộc, “Phi Thiên Hồ Ly” làm như vậy chắc chắn sẽ phải để tiếng xấu ngàn năm và khiến cho con cháu của mình mãi mãi không thể ngẩng đầu trong cõi đời. Thế nhưng anh ta đã hành động không hề do dự. Trong “Bạch ngọc lão hổ” của Cổ Long, khi kẻ cường địch của Đại phong đường là Đường gia bảo và Tịch lịch đường bao vây Đại phong đường, trước tình thế hiểm nghèo ấy, ba vị lãnh đạo chủ yếu của Đại phong đường bàn nhau thực hiện “khổ nhục kế”: kẻ thù của Đường gia bảo là Triệu Giản tự sát, Thượng Quan Nhẫn ôm thủ cấp của Triệu Giản giả đầu hàng Đường gia bảo, còn Tư Không Hiểu Phong một mình cố gắng duy trì Đại phong đường. Sự lựa chọn của ba người thật không dễ dàng, nhưng trong đó Thượng Quan Nhẫn là người phải trả giá đắt nhất. Anh ta phải mang tiếng kẻ phản bội, chịu đựng sự phỉ nhổ của ngàn vạn đồng đạo trên giang hồ và làm như đã đánh mất lòng tự trọng, ở ngay trong lòng kẻ địch mà chu toàn mọi việc. Trong “Ỗ thiên Đồ long ký” của Kim Dung, Đinh Mẫn Quân đã dọa Kỷ Hiểu Phù về việc sẽ rêu rao việc nàng bị cưỡng hiếp mang thai để ép nàng phải đâm mù đôi mắt của hòa thượng họ Bành của Minh Giáo. Trong xã hội Trung Quốc xưa, thanh danh trong sạch của người con gái một khi bị tổn thất thì làm sao có thể làm người được? Nhưng Kỷ Hiểu Phù vẫn giữ vững nguyên tắc không ngược đãi tù binh, cương quyết không theo ý Đinh Mẫn Quân. Sau khi Bành hòa thượng thoát nạn, nàng lại không để cho sư tử giết Đinh Mẫn Quân để diệt khẩu. Kỷ nữ hiệp hiểu rõ rằng mình sẽ bị thân bại danh liệt, nhưng vẫn không hề hối hận.

“Đại nhân vật” của Cổ Long là một bộ tiểu thuyết chuyên khám phá và bình luận về thanh danh của hiệp khách. “Đại nhân vật” Tần Ca danh tiếng lẫy lừng trong tác phẩm đã làm bao thiếu nữ trong thiên hạ phải thất điên bát đảo nhưng cuối cùng đã hiện rõ thực chất “tốt mã dẻ cùi” của mình; còn Dương Phàm tướng mạo bình thường, có vẻ ngốc nghếch mới là người anh hùng chân chính. Cô gái Điền Tứ Tứ bỏ nhà ra đi một lòng muốn lấy một danh nhân như Tần Ca

cuối cùng lại phát hiện ra rằng anh chàng Dương Phàm lặng lẽ kia mới là người đáng yêu nhất. Trong cái nhìn của Cổ Long, cái danh thường dễ lờ đời. Tất cả những thứ tiếng tăm địa vị chẳng qua chỉ là một thứ ảo tưởng, khư khư giữ lấy nó chẳng qua chỉ là kẻ ngu muội tội nghiệp.

9. Quan niệm về tiến thoái

Trong “Anh hùng xạ điêu”, năm cao thủ “Hoa sơn luận kiếm” mỗi người có một cuộc sống khác nhau. “Trung Thần Thông” mất sớm nhưng tấm lòng cứu người giúp đời của ông đã được 7 đệ tử “Toàn Chân thất tử” kế thừa; “Bắc Cối” đầy nhiệt tình, “Tây Độc” thì đam mê danh lợi nhưng y cũng là kẻ “tích cực nhập thế”; “Nam Đế” vì ân oán riêng mà ẩn cư lánh đời, trở thành “thế ngoại cao nhân”; “Đông Tà” giận đời ghét tục, tự thực hiện ý mình, vừa chính vừa tà, thuộc loại người “du thế” (đùa giỡn với đời). Giang hồ phong ba hiểm ác, thiên hạ biến động không ngừng, hiệp khách hoặc tiến ra mà “kiêm tế thiên hạ”, theo đuổi công danh sự nghiệp, hoặc lui về mà “độc thiện kỳ thân”, an hưởng tự do cá tính. Đằng sau những sự lựa chọn khác nhau ấy, mỗi người đều có những kinh lịch khác thường đồng thời cũng làm ánh lên những phong thái kỳ dị của nhân cách.

Người học võ có kẻ mưu cầu giàu sang, địa vị, tiếng tăm, đó là chí tiến thủ bị chi phối bởi “ba món độc nhân tính” tham, sân, si, bon chen suốt một đời, không biết rằng tất cả những vật ngoại thân ấy rồi sẽ cùng cái bị thịt là bản thân mình tiêu tan thành đất bụi; có kẻ vũ phu hồ đồ, tuy cũng có khi vung đao múa kiếm nhưng cũng chẳng có ân cừ gì đáng kể, chẳng có mục đích lý tưởng gì cho hết một cuộc đời tầm thường, đã không biết tiến thủ đương nhiên cũng không biết thoái nhượng. Hai loại người này chẳng có gì đáng nói.

Quan niệm tiến thoái mà chúng ta nói đây chỉ một loại mục đích tinh thần: phương thức vô luận là tiến hay thoái, đương sự đều là người hết sức tự giác theo đuổi những giá trị bất hủ. Sự khác biệt về tinh thần giữa hai loại người nhập thế và xuất thế là ở hai mệnh đề khác nhau: trách nhiệm và tự do.

Hiệp khách mà thiên tính đam bạc như Tiểu Long Nữ trong “Thần điêu hiệp lữ” là rất hiếm. Đa số hiệp khách khi mới dẫn thân vào chốn giang hồ đều coi việc thiên hạ là trách nhiệm của mình, lập chí dựng nên đại nghiệp trừ bạo an lương, làm trong sạch thiên hạ. Nhưng trải qua những kinh lịch trong đời mới phát hiện ra rằng thật khó mà thay đổi được hiện thực, mà chính mình lại mệt mỏi về tinh thần, tâm hồn đầy những vết thương. Muốn tích cực nhập thế thì khó tránh khỏi phải học cách nắm lấy thời cơ và thủ đoạn, mà như thế thì lại phải trả giá bằng đạo đức. Cứ tìm trăm phương ngàn kế như vậy thì rốt cuộc vẫn là trắng tay. Trong tình cảnh “bạt kiếm tứ cố tâm mang nhiên” (tuốt gươm nhìn bốn phía lòng băng khuâng - câu thơ của Lý Bạch) như thế, có hiệp khách “biết không thể làm được mà vẫn cứ làm”, tiếp tục phấn đấu vì lý tưởng xã hội mà mình đã xác định thuở ban đầu, đến nỗi thân hình gầy vơ mà không hối hận, cố công gắng sức đến chết mới thôi, có người lại chán những cuộc giành giật trên cõi đời, “Đạo không thành thì cười bè nổi nênh trên biển” (lời Khổng tử), lui về giữ lấy tự do tâm hồn và tu thiện đạo đức bản thân.

Quách Tĩnh, Kiều Phong, Khang Hy... thuộc loại thứ nhất. Trong “Xạ điêu anh hùng truyện”, Quách Tĩnh từ thuở nhỏ đã được sự dạy dỗ của mẹ là Lý Bình, lấy việc tận trung báo quốc làm mục đích cuộc đời. Đại quân Mông Cổ tiến đánh thành Tương Dương, thế không sao cự nổi.

Quách Tĩnh biết rõ lành ít dữ nhiều vẫn quyết một phen tử chiến, cuối cùng đã hy sinh trên chiến trường, khẳng định nhân cách cao quý của đại hiệp sĩ vì dân vì nước. Trong “Thiên Long bát bộ”, Kiều Phong cuối cùng đã không nghe lời khuyên của A Châu, không an lòng chần chừ sẵn thả ở ngoài ải Nhạn Môn quan mà vẫn một lòng quan tâm đến an nguy vinh nhục của võ lâm Trung Nguyên; cuối cùng để cứu tính mạng của hiệp khách trung nguyên và nhân dân Hán, chàng đã hy sinh thân mình trên ải Nhạn Môn quan. Nhân vật chính Khang Hy trong “Lộc Đỉnh ký” là một kẻ thống trị anh minh hiếm có trong tiểu thuyết võ hiệp. Ông ta không giống như vua cha của mình là Hoàng đế Thuận Trị, vì ân oán riêng tư mà ẩn cư lánh đời, trái lại đã hết sức cố gắng hành động, cuối cùng đã bình định được nội loạn, đuổi được giặc ngoài, lập nên sự nghiệp huy hoàng. Nhiệt huyết nam nhi của những con người đại nhân đại dũng ấy đã thể hiện phẩm chất tích cực nhập thể của Nho gia. Chính nghĩa trên đời được tập trung ở họ, sự sống còn của dân tộc được thể hiện ở những hiệp khách này.

“Xạ điêu anh hùng truyện” lấy hai lần luận kiếm ở Hoa Sơn làm bối cảnh, ý nghĩa của nó không phải là tầm thường. Truyền thuyết nói rằng Trần Đoàn lão tổ ẩn cư ở Hoa Sơn, nhận thấy cuối Đường và Ngũ Đại chiến loạn liên miên, trong lòng buồn bã, thường ngủ một giấc ngủ suốt một năm. Mãi đến khi Tống Thái tổ lên ngôi, ông mới ha ha cười lớn, nói rằng thiên hạ từ nay thái bình, vui mừng đến nỗi rớt từ trên lưng lừa xuống. Trần Đoàn lão tổ là điển hình của danh sĩ Trung Quốc mấy ngàn năm nay, lòng lo thiên hạ nhưng lại khoanh tay nhìn vào vách. Lương Khải Siêu xếp loại người này vào “phái ô hô” - họ chỉ có một sự nghiệp duy nhất là thở than rơi lệ, khẩu quyết của họ là bốn chữ “biết làm sao được”. Hiệp khách không cho thái độ xử thế kiểu “khuyến nho” của họ là đúng. Khâu Xử Cơ thì nói rằng: “Người Mông Cổ hưng khởi lên ở phương Bắc, nuôi chí Nam xâm, vua tôi nhà Tống thì hèn dung như thế, việc thiên hạ bây giờ thật là khó. Nhưng chúng ta là thân nam tử, biết rằng không thể làm được mà vẫn gắng sức làm. Hy Di (tức Trần Đoàn) tiên sinh tuy là cao nhân, nhưng lo đời mà vẫn khoanh tay nằm khểnh, thật chẳng phải là hành vi của hiệp sĩ nhân nhân”. Võ lâm lấy Hoa Sơn làm nơi độ kiếm luận anh hùng, bản thân việc ấy đã mang khí phách hào mại cuồng phóng, vượt xa cảnh giới nhân sinh của Trần Đoàn lão tổ.

Những người như Viên Thừa Chí, Trương Vô Kỵ, Dương Quá, Lệnh Hồ Xung thuộc loại hình thứ hai. Trong “Bích huyết kiếm” Viên Thừa Chí phò tá “Sấm vương” Lý Tự Thành, đến lúc thấy giang sơn đổi chủ mà tệ hại vẫn còn, người trung lương vẫn bị bức hại, trăm họ vẫn lầm than, đáng thương cho chàng “Đàn phục chí an bang, Nghê ngao rời đất nước”, chỉ có thể tị nạn ngoài hải đảo, chết già ở quê người. Đối với việc cải lương chính trị ở Trung nguyên, chàng đã không còn hy vọng gì, lánh đi để khỏi phải a dua theo chủ mới, cũng không để cho những luận điệu giả dối của các mưu đồ chính trị làm bẩn tai mình, chí ít chàng cũng còn ảo tưởng về một “lạc thổ” nơi hải đảo. Như vậy, hành vi rút lui của chàng có nội hàm đạo đức khá đậm và ít nhiều có ý nghĩa tích cực. Trong “Tiểu ngạo giang hồ”, Lệnh Hồ Xung e rằng là một người không có ý đồ sự nghiệp và coi trọng tự do cá tính nhất trong những người hiệp khách. Chàng không coi trọng quy phạm xã hội, cũng không coi trọng trách nhiệm cá nhân, chỉ muốn làm theo sở thích của mình, không chịu sự ràng buộc, tự do siêu thoát. Kim Dung gọi Lệnh Hồ Xung là ẩn sĩ bẩm sinh.

Nếu nói rằng người tích cực nhập thể như Kiều Phong không có kết cục tốt đẹp, thì người quyết ý lánh đời cũng chưa chắc đã được toàn thân mà rút lui. Trong “Tiểu ngạo giang hồ” Lưu

Chính Phong muốn rửa tay gác kiếm, không muốn bị cuốn vào cuộc tranh chấp giữa chính phái và ma giáo, lánh xa sang Tây Vực, nhưng đã bị cản trở, vì thế mà gia phá nhân vong. Chính trị Trung Quốc vốn không cho phép người ta “kính nhi viễn chi”. Điều này thật đáng để cho người ta phải suy nghĩ sâu sắc.

Lương Vũ Sinh thích miêu tả loại hiệp sĩ tích cực tiến thủ. Điều này là do Lương Vũ Sinh mang đậm dấu ấn của tư tưởng Nho gia truyền thống. Kim Dung tiếp nhận văn hóa truyền thống càng toàn diện và phong phú, ảnh hưởng của Phật, Lão rất sâu sắc. Dưới ngòi bút Kim Dung không thiếu những hiệp sĩ thuộc loại hình tích cực nhập thế như Quách Tĩnh, nhưng ông thích xây dựng những hiệp sĩ từ nhập thế mà thành xuất thế, từ coi trọng trách nhiệm sang truy cầu tự do.

Những kẻ du thế (đùa giỡn với đời, rong chơi giữa đời), ở giữa khoảng nhập thế và xuất thế, rất đáng quan tâm nghiên cứu. Đông Tà Hoàng Dược Sư vừa không phải là người giúp thiện trừ ác như Bắc Cái Hồng Thất Công vừa không muốn ẩn cư lánh đời như Nam Đế. Ông ta vốn tự cho mình là đúng, làm điều mình nghĩ, không quan tâm đến người khác, nhưng cũng không đến mức ác. Ông hiểu sâu sắc thói đời ấm lạnh tráo trở nhưng cũng không có ý quyết tuyệt với trần thế - cái gọi là kẻ thấy rõ bộ mặt thật của đời kỳ thực cũng quá đổi quan tâm đến đời như kẻ tích cực nhập thế. Hoàng Dược Sư căn bản không thừa nhận tính hợp lý của trật tự hiện tồn nhưng cũng không thay đổi được nó, cũng không muốn đầu hàng, chỉ đùa giỡn với đời mà thôi. Trong hiệp khách còn có một vị hoàn toàn “du thế”, đó là Vi Tiểu Bảo. Hoàng Dược Sư quanh năm cư ngụ ở đảo Đào Hoa, rốt cuộc vẫn có ý vị ẩn cư; còn Vi Tiểu Bảo thì trà trộn vào trung tâm chính trị - chốn cung đình. Vi Tiểu Bảo đùa cợt cuộc đời một cách “hồn nhiên”. Cái công phu “thần thông quảng đại” của y là “tập đại thành” của nền chính trị lưu manh suốt hai ngàn năm ở Trung Quốc. “Công phu” ấy đã giúp y như cá gặp nước dù là ở cung đình “Đại Thanh”, ở “Thiên Địa hội”, hay ở “Thần Long giáo”, ở nước La Sát. Thế nhưng cuộc đời cũng đùa bỡn y ra trò. Nói trắng ra, y chỉ là lòng thần của hoàng đế, con bài của “Thiên Địa hội”, cảm giác của y chỉ là một chút u - mua kiểu “khuyến nho” mà thôi.

10. Quan niệm về nam giới

Đi lại chốn giang hồ đều là những người con trai con gái chẳng tầm thường, không thể lấy lý lẽ bình thường để đánh giá lời nói và việc làm của họ, nhưng cảm giác của họ đối với người khác giới thì cũng không khác người thường bao nhiêu. Người con gái lý tưởng trong mắt hiệp khách nam nhi tất nhiên phải vừa xinh đẹp vừa dịu dàng, theo mình đi tận chân trời góc biển, lúc thất thế nàng có thể vì ta mà lau giọt lệ anh hùng. Nữ hiệp cũng chỉ coi trọng tình yêu thiết tha của chàng trai, chàng phải thấu hiểu nội tâm tế nhị và phức tạp của mình, biết chiều chuộng và làm chỗ dựa tình cảm cho mình. Còn như tính cách cứng cỏi của hiệp khách thì vô luận là nữ giới bình thường hay là nữ hiệp đều không mấy ưa thích. Tiểu thư Nam Lan trong “Phi Hồ ngoại truyện” lấy cao thủ đệ nhất là Miêu Nhân Phượng nhưng luôn oán trách chồng. Miêu Nhân Phượng suốt ngày lặng lẽ ít nói mà nàng thì cần sự chiều chuộng dịu dàng, muốn chồng thấu hiểu những nhu cầu vụn vặt của mình. Miêu Nhân Phượng rất yêu vợ nhưng không hiểu được những nhu cầu của nàng, dù có hiểu cũng không biết làm cách nào để chiều chuộng. Đến khi phách anh hùng đội trời đạp đất của Miêu Nhân Phượng, Nam Lan cũng không hiểu, dù có hiểu cũng không biết trân trọng. Rốt cuộc Nam Lan đã bỏ chồng bỏ con, đi theo Điền Quy

Nông. Tính cách nữ nhi kiểu Nam Lan không phải là hiếm. Trong “Đa tình kiếm khách vô tình kiếm”, Lâm Thi Âm chẳng phải cũng giấu bí kíp võ công “liên hoa bảo giám”, chỉ mong người yêu là Lý Tầm Hoan ít học võ công để “làm con người bình thường, sống cuộc sống bình thường” đó sao?

Cái khác nhau trong quan niệm về nam tính giữa hiệp khách và người bình thường chủ yếu là ở chỗ hiệp khách tự yêu cầu, tự biểu hiện. Những mục đích cao siêu của hiệp khách thường không được phụ nữ hâm mộ; nữ giới mà có được con mắt biết anh hùng (tuệ nhãn thức anh hùng) như Hồng Phất trong “Cầu nhiệm khách” hay phu nhân của Hồ Nhất Dao trong “Phi Hồ ngoại truyện” là rất hiếm. Đó là nỗi bi ai muôn thuở của những trang hiệp khách hào hùng như Miêu Nhân Phụng.

Cuộc sống của nam nhi trong chốn giang hồ rất phong phú đa dạng, mà đặc trưng đầu tiên là họ coi trọng việc giữ gìn đạo đức của mình. Trong lời tựa cuốn “Nam nhi trong tiểu thuyết Kim Dung” của Ngô Ái Nghi, Kim Dung đã chỉ ra rằng:

“Trong thế giới võ hiệp, trách nhiệm và tình cảm của nam nhi là “nhân nghĩa làm đầu”. Nhân là quan tâm đối với những nỗi đau khổ oan khuất của đại chúng, nghĩa là gắng tận lực làm những việc nên làm, suy rộng ra là “vì nước vì dân là việc lớn của trang hiệp khách”. Tư tưởng truyền thống của Trung Quốc là Nho gia và Mặc gia, cả hai đều khuyên người ta hết sức vì người khác, theo đuổi sự công bằng hợp lý ở đời, lên đến tuyệt đỉnh là “sát thân thành nhân”, “xả sinh thủ nghĩa”.

Quách Tĩnh trong “Xạ điêu anh hùng truyện” là một loại hình tượng điển hình của “lấy nhân nghĩa làm đầu”. Quách Tĩnh xuất thân nhà nông, tướng mạo, võ công, trí lực đều tầm thường, điều duy nhất đáng ca ngợi là đạo đức và nhân cách của chàng. Trước mọi cám dỗ, trước mọi nguy hiểm chàng đều trung thành với niềm tin đạo đức đã được hình thành từ thuở nhỏ. Chàng đã từng có lời hứa hôn nhân với công chúa Hoa Tranh, đến thời đã định, chàng dứt khoát rời Hoàng Dung để thành thân với Hoa Tranh. Chàng nói với Hoàng Dung:

“Ta là một người ngu xuẩn, việc gì cũng không hiểu. Ta chỉ biết giữ lời đã hứa, quyết không hối hận. Nhưng ta cũng không biết nói dối, trong tim ta chỉ có một mình nàng”.

Khi quân Mông Cổ tiến vào đất nước. Hoàng Dung muốn giết vài tên Mông Cổ, cướp ngựa bỏ chạy. Quách Tĩnh nghiêm nghị nói:

“Dung nhi, không thể như thế được. Chúng ta đã học binh pháp của Vũ Mục di thư, há lại không nhớ đến bốn lời dạy của Nhạc Vũ Mục (tức Nhạc Phi) “Tận trung báo quốc”? Hai ta tuy thể cô lực mỏng thì cũng phải gắng công hết sức vì nước. Dù có phải bỏ xác sa trường cũng không uổng công cha mẹ đã nuôi dạy”.

Nếu nói Quách Tĩnh là người đàn ông chính thống nhất, thì Kiều Phong trong “Thiên Long bát bộ” lại là người đàn ông hào sảng nhất. Trên ngực Kiều Phong thích một cái đầu chó sói xanh thẫm chính là tượng trưng cho tính cách phóng khoáng của chàng. Chàng cùng Đoàn Dự uống ngàn chén rượu ở tửu lâu; trong rừng Hạnh Tử lại ra sức dẹp yên nội loạn trong Cái bang, ở Tụ Hiền trang một mình đối địch với quần hùng, hào khí vạn trượng. Võ công của Kiều Phong cũng hợp với con người chàng, hầu như không có tên gọi chính thức, nhưng một cái ra tay, một cái nhắc chân thì tràn đầy khí thế, uy mãnh vô cùng, đó thuần túy là hóa thân của khí phách.

Hơn nữa, là người lãnh đạo của bang hội đệ nhất võ lâm, chàng có sức hấp dẫn hơn người và quyền uy chính trị của một lãnh tụ. Chàng có nguyên tắc hành động rõ ràng, nhưng không câu nệ tiểu tiết; chàng hào sảng nhưng không kém phần tế nhị, chàng nhân ái nhưng không mềm yếu như đàn bà, biết rõ đường khinh trọng. Nữ sĩ Ngô Á Nghi nói rất đúng rằng:

“Những nhược điểm của các nhân vật nam trước đây, Kim Dung đã sửa đổi hết trên con người Kiều Phong, những ưu điểm của các nhân vật nam trước đây, Kim Dung đều tô đậm thêm ở nhân vật Kiều Phong”.

Ở đây, Kim Dung đã đẩy nhân cách của “đại hiệp sĩ” kiểu Quách Tĩnh lên đỉnh điểm, đồng thời lại sắp xếp một kết cục bi kịch, càng khiến cho hình tượng người anh hùng thêm hấp dẫn.

Một loại hình nữa của hiệp khách nam nhi là Lệnh Hồ Xung, không theo lễ giáo thế tục, không câu nệ hình thức, hoàn toàn làm theo ý mình. Trong “Tiểu ngạo giang hồ”, chàng đại đệ tử của phái Hoa Sơn này không có giấc mộng sự nghiệp, không màng danh lợi, không có cảm giác về trách nhiệm. Chàng thích kết giao với người trong “tam giáo cử lưu”, thích uống rượu đánh bạc, thích nghiên cứu võ công và âm nhạc, hầu như không có sự nghiệp huy hoàng “vì dân vì nước”.

Trong “Tiểu ngạo giang hồ” hầu như đều là nhân vật chính trị, chỉ có Lệnh Hồ Xung và Doanh Doanh là không hứng thú gì với quyền lực, nói và làm cũng không để ý đến hậu quả, không sợ miệng lưỡi người đời. Điều thú vị là, kẻ không thích chàng đều là đàn ông, mà nữ giới thì đều thích chàng, dù những người lúc đầu có hiểu nhầm chàng như Định Nhân sư thái, Nhạc Linh San, về sau cũng rất tín nhiệm chàng. Định Nhân sư thái lúc lâm chung thậm chí còn khẩn khoản mời chàng làm chủ môn phái Hằng Sơn. Bởi vì đàn ông thường coi trọng việc làm người, cũng như tập luyện võ công phải chú ý chiêu thức, cảm thấy chướng mắt khi thấy người khác phóng khoáng tùy ý mà không tự biết rằng thực tế là những việc làm của mình rất hủ lậu cứng nhắc, thật đáng thương hại. Còn Lệnh Hồ Xung tự do tự tại như hành vân lưu thủy, đó là dòng chảy tự nhiên của sự sống, chỉ có nữ giới bằng bản năng tự nhiên của họ mới nhận ra điểm này, rốt cuộc bẩm tính của phụ nữ là gần với tự nhiên nhất.

Khiến nữ giới say mê nhất còn có tinh thần lãng mạn kiểu Dương Quá. Trong “Thần điêu hiệp lữ”, vì tình yêu với Tiểu Long Nữ, Dương Quá sẵn lòng vi phạm nguyên tắc thế tục, không kể đến cả tính mạng của mình, cuối cùng hai người đã cùng nhau quy ẩn trong “mộ người sống” ở Chung Nam Sơn. Không ít những chàng trai cô gái si mê coi họ là đôi tình nhân lý tưởng. Nhưng học giả Đài Loan là Tăng Chiêu Húc thì viết văn chỉ ra “bản chất khiếm khuyết trong sự kết hợp Dương-Long” Ông cho rằng: Tiểu Long Nữ là cao nhân vong tình diệt dục, còn Dương Quá lại là con người rất hăng hái nhiệt tình, là một người anh hùng phong lưu luôn thay đổi. Dương Quá đã từng nói: “Đúng vậy, muôn vàn cay đắng ngọt bùi còn hơn xa không có cay đắng ngọt bùi gì cả. Tôi chỉ có thể phát si phát điên, nhưng không thể sống những ngày bình yên phẳng lặng”.

Tăng tiên sinh ở đây đã suy luận từ sự khác biệt về bản sắc văn hóa của hai giới. Còn như Dương Quá về “mộ người sống”, sống những ngày “bình yên phẳng lặng” rồi, lòng chàng có tình cờ trở nên buồn bã hay không, Kim Dung không hề nói rõ trong bộ sách tiếp theo là “Ỗ thiên Đồ long ký”.

Cổ Long trong “Đa tình kiếm khách vô tình kiếm” lại đưa ra một tuyến mới: A Phi cùng người mà chàng yêu say đắm là Lâm Tiên Nhi ẩn cư, tuy không gần gũi về thể xác nhưng chỉ riêng sự sùng bái cái đẹp là đã cảm thấy đầy đủ. Lúc ấy chàng cảm thấy vô cùng hạnh phúc, đồng thời lại bất giác cảm thấy hiu quạnh, hiu quạnh đến mức ngồi đếm được trên cành mai có 17 bông hoa.

E rằng chúng ta chỉ có thể đồng ý với sự tự hào đối với nữ giới của người phụ nữ hiện đại là Ngô Ái Nghi:

“Đàn bà thường cho rằng, đàn ông có được mình là vừa lòng rồi, nhưng đó chỉ là ảo tưởng si mê. Đồng thời nàng cũng quên rằng sở dĩ nàng ái mộ chàng chính là do bị hấp dẫn bởi lòng say mê sự nghiệp của chàng. Sự nghiệp là mạng sống của đàn ông, bởi vì thông qua sự nghiệp chàng mới có mối liên hệ với xã hội, không có sự nghiệp thì chàng sẽ trở nên con người buồn bã hiu quạnh”.

Đối với nữ giới mà nói, đây quả thực là sự lựa chọn khó khăn giữa cá và tay gấu [3], được mặt này thì phải mất mặt kia chứ không thể được cả hai. Miêu Nhân Phượng khí phách hiệp sĩ hào hùng nhưng lại không quen âu yếm chiều chuộng; Điền Quy Nông thì rất đổi phong lưu nhưng lại tầm thường đê tiện. Bạn muốn yêu một người đàn ông thì phải tiếp nhận toàn bộ con người anh ta, hoàn toàn yêu cả ưu điểm và khiếm khuyết của anh ta.

11. Quan niệm về võ công.

Tư Mã Thiên không sành miêu tả võ công. “Thích khách liệt truyện” và “Du hiệp liệt truyện” trong sách “Sử ký” của ông thiếu sự kết hợp hữu cơ giữa “võ” và “hiệp”. Truyền kỳ đời Đường bắt đầu ra sức miêu tả kiếm thuật thần kỳ và các loại thần thông. Như trong “Nhiếp Ẩn Nương” viết: “Thần thuật vô biên, người không thể thấy nó được sử dụng như thế nào, quỷ không thể theo dấu vết của nó, chỉ có thể thấy từ khoảng hư không xuất hiện, vô ảnh vô hình”. Nhiếp Ẩn Nương cũng rất thần thông, nàng có thể hóa thành côn trùng chui vào bụng người ta. “Thục Sơn kiếm hiệp truyện” thời cận đại là tập đại thành của pháp thuật, có thể nấu sôi nước biển, có thể lật đất, có thể bắt núi phải chạy, người có thể hóa thành thú, có thể gói trời giấu đi... có thể thu hút tinh anh của gió sương băng tuyết, sấm sét điện từ, mặt trăng mặt trời và các vì tinh tú... để luyện thành vũ khí lợi hại. Những thứ võ công ấy cao thì có cao nhưng chẳng liên quan gì với tính cách của hiệp khách, khiến độc giả mở rộng tầm mắt nhưng lại cảm thấy quá xa với cuộc sống của con người. Nói một cách tương đối thì võ công trong tiểu thuyết võ hiệp tân phái có căn cứ ở võ thuật và khí công Trung Quốc. Đó là sự khoa trương trên cơ sở âm dương ngũ hành, bát quái kinh lạc, thái cực vô cực trong triết học Trung Hoa, sự hư cấu không đến mức quá viễn vông. Điều quan trọng hơn là tiểu thuyết võ hiệp tân phái đã nêu lên được tinh thần võ thuật rộng lớn sâu xa, vượt lên trên bản thân kỹ thuật đánh võ.

Những chiêu thức cụ thể tuy có hư cấu kỳ lạ nhưng trạng thái tâm lý khi luyện võ, đấu võ đã đạt đến chỗ vi diệu của văn hóa Trung Quốc mấy ngàn năm. Do đó, bất kỳ là võ công của hiệp khách kỳ ảo đến đâu độc giả cũng cảm thấy không phải là thần lực mà là sức mạnh của con người. Chính như Kim Dung đã nói trong “Hậu ký” sách “Thần điêu hiệp lữ”: “Võ công có thể là chưa đạt được như vậy”. Điều đó giúp ta lý giải vì sao nhiều nhà khoa học bậc cao tuy biết võ công ấy là hoàn toàn hư cấu nhưng vẫn thích đọc tiểu thuyết võ hiệp.

Luyện tập võ công chia làm hai loại cảnh giới. Giai đoạn đầu thì chú trọng chiêu thức, gặp

chiêu thì tiếp và hóa giải chiêu không mấy may mắn. Giai đoạn cao hơn thì bỏ hết chiêu thức, trở lại với sự hồn nhiên chất phác, đề cao tính sáng tạo và phát huy tự do, như mây trôi nước chảy, tùy ý vận dụng. Sự lựa chọn binh khí cũng tương ứng, giai đoạn đầu thì coi trọng bảo đao bảo kiếm, ở giai đoạn cao cấp thì cành hoa, ngọn lá đều có thể thành vũ khí.

Trong “Tiểu ngạo giang hồ”, khi Phong Thanh Dương truyền thụ “Độc cô cửu kiếm”, ông đã nhấn mạnh cảnh giới cao siêu này.

“Phong Thanh Dương nói: “Học nhanh, sử dụng nhanh chỉ mới là bước thứ nhất. Cần phải đạt đến mức ra tay không cần chiêu thức thì mới bước vào cảnh giới cao thủ. Còn bảo “các chiêu hợp thành, kẻ địch không có cách gì phá giải”. Câu nói ấy chỉ mới chưa được một nửa. Không phải là “hợp thành” mà căn bản là “vô chiêu”. Kiếm chiêu của con “hợp thành”, kẻ địch vẫn có thể nhìn ra kẽ hở. Nhưng nếu như con căn bản vô chiêu vô thức thì kẻ địch chẳng thể nào phá giải được chiêu thức của con”.

"Lệnh Hồ Xung tim đập thành thịch, lòng bàn tay nóng hổi, chàng lẩm bẩm nói:

- Căn bản là vô chiêu thì làm sao có thể phá giải được? Căn bản là vô chiêu thì làm sao có thể phá giải được?

Đột nhiên chàng nhận thấy điều mà bấy lâu chưa hề thấy, đến trong mơ cũng không mơ thấy trời đất mới này".

Trong “Đa tình kiếm khách vô tình kiếm”, đoạn văn miêu tả cuộc quyết đấu giữa Thượng Quan Kim Hồng và Lý Tầm Hoan tuy khác giọng nhưng cùng chung điệu xúr:

- “Cái vòng của Thượng Quan Kim Hồng không thể thấy được. Chính vì nhìn không thấy cho nên không ở đâu là không có, không đâu không đến.

- Trong tay không có vòng, trong lòng lại có vòng!

- Đây chính là đỉnh điểm của võ học”.

Nhưng Lý Tầm Hoan lại hơn ông ta một bậc. Khi Thượng Quan Kim Hồng mời chàng ra chiêu, thân hình chàng không hề lay động, chỉ nói “Chiêu đã ra”.

Thượng Quan Kim Hồng bất giác hỏi: “Chiêu ở đâu?”

Lý Tầm Hoan nói: “Ở trong tâm”.

Đao tuy không chiêu nhưng trong tâm có chiêu.

Thế nhưng, vô luận “trong tâm có vòng” hay “trong tâm có chiêu”, trong con mắt của Thiên Cơ Lão Nhân đều còn “kém một chút”. Ông ta nói:

“Đỉnh điểm của võ học chân chính là cần phải tham dự vào chỗ diệu của tạo hóa, đến mức không vòng không ta, quên cả vòng và ta thì mới không đâu là không đến, không thành lũy vững chắc nào là không bị xô đổ”.

Mượn thuật ngữ của triết học cổ đại Trung Quốc mà nói thì chiêu số võ công là “vật” mà cảnh giới tối cao của võ công là “đạo”. “Đạo” là gì? Có thể khái quát một lời, đó là khứ “chấp”. Người ta ở đời, cái sự chấp trước của họ thật nhiều. Từ luân lý cương thường, thanh quy giới luật, cho

đến công danh lợi lộc, sống chết được thua, đều là những thứ mà kẻ phàm phu tục tử trong đại thiên thể giới coi là thiêng liêng, suốt đời theo đuổi! Thái độ cố chấp ấy đi ngược lại truyền thống văn hóa Trung Quốc. Lão tử nói:

“Thần khí trong thiên hạ không thể làm ra, kẻ làm sẽ bại, càng giữ càng mất” (chương 29)

- Vô vi thì vô chấp.

Trang Tử càng triệt để hơn. Ông nói:

- “Mới đầu thì có vật, đi đến tận cùng thì mất, không thể thêm được nữa”. (Tề vật luận)

- Mới đầu có vật tức thiên nhân hợp nhất, là cảnh giới chí cao vô thượng.

“Hệ từ” trong “Chu dịch” nói rằng:

- “Đạo thường thay đổi, biến động không ngừng xoay quanh lục hư”.

Không cố định thì cũng không cố chấp. Kinh Kim Cương nói rằng:

- “Phàm vật có hình tướng đều là hư vọng”.

- Phật pháp nhấn mạnh sự “vô trước”, “vô trú”, “vô tác”, “vô nguyện”, “vô tâm” như thế càng là đại giác ngộ!

Kim Dung tiên sinh cũng đã từng nói:

- “Các thứ tri thức, kiến giải, đều chỉ khiến cho kẻ tu hành nảy sinh những ý nghĩ hư vọng, trở ngại cho sự thấy đạo”.

- Có thể thấy khử chấp, thấy đạo là ý nghĩa quan trọng nhất của võ học.

Không chỉ khi luyện tập một môn công phu nào đó cần phải khử chấp kiến đạo mà mục tiêu cuối cùng của luyện tập võ công cũng cần quan niệm như thế. Hiệp khách đều khát vọng luyện tập võ nghệ hạng nhất, thế là ra sức tìm bí kíp, truy đuổi tranh giành, tinh tảo tu thiền... những việc ấy khiến bao anh hùng hiệp khách tóc xanh thành đầu bạc. Mục đích của luyện võ là gì? Các hiệp khách tất nhiên không bằng lòng với việc điều hòa khí huyết lưu thông kinh lạc để thân thể khỏe mạnh, kéo dài tuổi thọ... Mục đích lớn nhất của họ có thể chia thành hai tầng bậc:

Tầng thứ nhất là công lực, đem công phu tu tập được làm vốn liếng để bước chân vào chốn giang hồ, rút lui thì có thể phòng thân ngự địch, tiến lên thì có thể thắng người. Đoàn Dự trong “Thiên Long bát bộ” vốn là chàng thư sinh lâu thông sách vở, không muốn học võ luyện công, nhưng cuối cùng cũng hiểu ra rằng võ công có thể giết người mà cũng có thể cứu người, đã sẵn sàng đảm nhận ngôi vua nước Đại Lý. Trật tự chính trị trong xã hội truyền thống cần dựa vào sức mạnh. Kim Dung tiên sinh cho rằng để quyền sinh sát rơi vào tay kẻ ác thì chi bằng hãy để quyền lực ấy cho người có lương tâm lương tri nắm giữ.

Mục đích của tầng thứ hai là tự do. Lúc ấy, hiệp khách đã thoát khỏi mọi thứ thiên chấp về hơn thua, thành bại, lợi hại, được mất, khi qua chiêu với người khác không phải là để lấy tính mạng mà chỉ ấn chứng võ công. Hải Vô Nhai trong “Vô Ưu công chúa” đã dành mấy năm tâm huyết luyện công, cuối cùng đã phá được tuyệt kỹ “túy kim ô” của Bất Lạc bang nhưng lại lập tức dừng tay không muốn truy đuổi đến cùng. Mục tiêu quyết đấu của anh ta là tuyệt kỹ của Bất

Lạc bang chứ không phải là Bất Lạc bang. Công lực tập võ của anh ta là tỉ thí, ẩn chứng võ công chứ không phải là trùng ác phục thù. Anh ta không muốn thành hóa thân của chính nghĩa mà biểu hiện một thứ quan niệm “võ thuật vị võ thuật”, anh ta là võ hồn mãi mãi không dứt. Lão Ngoan Đồng Chu Bá Thông trong “Xạ điêu anh hùng truyện” nội công tinh thâm là để ở vị trí chí tôn trong võ lâm, đưa trẻ tóc bạc ấy suốt ngày vui đùa, không có phong thái nghiêm nghị, không chịu bước vào cuộc tranh đấu của võ lâm. Cao thủ đệ nhất võ lâm coi võ công như trò chơi “song thủ hổ bác” (hai tay đánh nhau), nói là tu luyện, thực ra là tự đùa giỡn. Võ công ở đây đã bị Kim Dung tiên sinh giáng xuống thành một thứ trò chơi. Do Chu Bá Thông không quan tâm đến nghiệp chính, trong lúc loạn kiếm ở Hoa Sơn, Âu Dương Phong với chiêu chiêu ác độc đã chiếm thượng phong. Khi mọi người còn chưa kịp than thở, cô bé Hoàng Dung thông minh tuyệt đỉnh đã hướng cái nhìn của Âu Dương Phong vào cái bóng của y in trên vách đá. Âu Dương Phong vừa giành được vòng nguyệt quế võ công lại không nhận ra đó chỉ là cái bóng. Y đã phát điên. Âu Dương Phong đánh khắp thiên hạ không địch thủ lại mãi mãi không chiến thắng được một tự ngã khác của chính mình. Võ học vô biên, ngoài trời lại có trời, một mục truy cầu “kỹ nghệ” mà coi thường “cảnh giới”, vì công lực mà hy sinh tự do sẽ sinh ra bi kịch nhân cách bị phân liệt như Âu Dương Phong. Mặt trời chiều in cái bóng cuồng loạn của Tây Độc, đối với chúng sinh chìm đắm trong gông cùm danh lợi, khư khư giữ lấy tự ngã của mình mà nói đâu chỉ là một cú gậy choang vào đầu. Phật pháp nói rằng: “Hồi đầu thị ngạn” (quay đầu là bờ), chính là ý ấy.

Ngôi sao võ công Lý Tiểu Long từng có kiến giải rất tinh tế rằng: “Cũng như các nghệ thuật khác, trên căn bản mà nói, võ thuật là một loại nhận thức tự ngã, một quyền một cước không chỉ là đánh ngã đối thủ trước mặt mà đồng thời cũng đánh ngã tâm lý tự tư của anh, đánh ngã cảm giác hoảng sợ của anh, đánh ngã mọi chướng ngại tâm lý vốn có trong anh”.

Nói như vậy cũng có nghĩa là nhà võ thuật trước hết phải chiến thắng cái tự ngã lo được lo mất trong lòng mình. Vượt lên trên sự thắng bại mới đánh đâu thắng đó. Cuộc cờ “trân lung” trong “Thiên Long bát bộ” bị chú tiểu Hư Trúc đi quàng một quân mà phá giải, là vì Hư Trúc không để ý đến sinh tử, càng không để ý đến thắng bại. Đoàn Dự, Mộ Dung Phục, Đoàn Diên Khánh đều có sự ràng buộc của mỗi người, trên bàn cờ đã không chịu mất quân thất thế cho nên không khỏi thất bại. Tập võ đánh cờ đều cùng một lý, dám vượt qua sinh tử thắng bại, vượt lên trên ngoại vật mới hiểu được nó.

Tuy nói võ công chú trọng sự khử chấp, vô tâm, tùy ý phát huy, nhưng như thế không có nghĩa là tập võ không cần gian khổ chỉ dựa vào tuệ căn bẩm sinh mà được. Trương Vô Kỵ trong “Ý thiên Đồ long ký” thời niên thiếu theo nghĩa phụ Tạ Tốn học võ công, các loại khẩu quyết đao pháp kiếm pháp phải thuộc lòng, chỉ cần đọc sai một chữ thì bị một cái tát tóa đóm, thân mình bầm tím. Chính vì trải trăm cay ngàn đắng, được chuẩn bị bởi trăm tôi ngàn luyện như vậy, võ công của Trương Vô Kỵ sau này mới đạt đến chí cảnh. Lịch trình gian khổ luyện tập võ công của hiệp khách đã thể hiện khả năng đột phá hạn chế bản thân của con người, phát huy khát vọng và nghị lực tiềm tàng trong mỗi con người. Lịch sử luyện công của một vị đại hiệp thường thường là hình ảnh thu nhỏ một bộ lịch sử tìm tòi và phát triển của Trung Quốc và nhân loại trong hoàn cảnh khó khăn hiểm nghèo.

Trong quan niệm về võ công của hiệp khách còn mang một phần sắc thái văn hóa truyền

thống của Trung Quốc.

** Võ công cao thấp không thể chỉ nhìn bên ngoài mà suy đoán.*

Công phu bên ngoài tuy võ cao, sức mạnh, khí thế hào hùng nhưng nội công thâm tàng không lộ thường lại cao hơn một bậc. Kẻ ra tay trước khắc chế được người thì đắc thế, kẻ ra tay sau mà khắc chế được người thì đắc thắng. Người cầm, mù, si, điên, cụt tay, què chân, bán thân bất toại lại có thể là cao thủ tuyệt đỉnh. Những điều ấy đều phản ánh tâm lý văn hóa chính trị độc đáo của người Trung Quốc: Trong lịch sử lâu dài của Trung Quốc, giành được thắng lợi thường không phải là kẻ hô to gọi lớn mà là người có sức chịu đựng và có sự kiên trì bền bỉ, là người đấu tâm chứ không phải là kẻ ỷ sức. Tôn Tử nói: “Ngũ hành không có hành nào là thắng mãi, bốn mùa không có mùa nào là ở mãi”, “Sự mềm yếu sinh ra từ cái mạnh”. Lão tử nói: “Cái mềm nhất trong thiên hạ rong ruổi vào cái cứng nhất trong thiên hạ”. Huống chi sự cảm thông với người yếu đuối, đánh kẻ cường bạo vốn là lý tưởng chính trị được truyền từ đời này sang đời khác ở người Trung Quốc theo đạo trung dung.

** Phương thức truyền thụ võ công theo kiểu sản xuất nhỏ.*

Học nghệ cần bái sư, dựa vào sự truyền thụ cá nhân, hơn nữa lại chú trọng việc lắng nghe, truyền bằng lời, dạy trực tiếp, đem tâm mà tiếp nhận. Võ thuật Trung Hoa là một thứ kỹ thuật kinh nghiệm và thực dụng được xây dựng trên cơ sở xã hội nông nghiệp và thủ công nghiệp, chỉ có thể sử dụng phương thức giáo dục như thế. Cái dở của nó là ở chỗ: quá nhấn mạnh sự tôn nghiêm của người thầy, coi trọng kế thừa mà coi nhẹ sáng tạo; võ nghệ chỉ đơn truyền theo một tuyến, không cho người ngoài biết, rất dễ bị thất truyền; thiên kiến về môn phái không lợi cho việc dung hợp và phổ biến võ học trong thiên hạ, sự tranh chấp giữa các môn phái càng khiến cho võ lâm bị tổn thất nghiêm trọng. Chương môn phái Thiếu Lâm là Không Văn (trong “Ỗ thiên Đồ long ký”) luôn canh cánh bên lòng nỗi sợ danh vọng của phái Vũ Đương vượt trội hơn nên không chịu ra tay cứu giúp Trương Vô Kỵ, đưa con duy nhất của Trương Thúy Sơn thuộc phái Vũ Đương. Người có tấm lòng quảng đại như Trương Tam Phong quả thật là rất hiếm. Trương Tam Phong đã nói rất đúng rằng: “Sen hồng ngó trắng, người học võ trong thiên hạ vốn là một nhà, ngàn năm nay vẫn bổ sung sở trường sở đoản cho nhau, cội nguồn chân chính vốn không phân biệt”.

** Sắc thái đạo lý trong võ công.*

Võ công chỉ là phương tiện. Bản thân nó không tồn tại vấn đề phán đoán giá trị, chỉ có khi sử dụng võ công mới có thể phân ra thiện ác chính tà. Thế nhưng tiểu thuyết võ hiệp tân phái cũng chịu ảnh hưởng truyền thống luân lý chia võ công ra hai trận tuyến chính tà. Thiếu Lâm, Vũ Đương phần nhiều là cao nhân đắc đạo, vì thế võ công của họ cũng thuần hòa trung chính, có thể thắng được kẻ địch mà cũng có thể hữu ích cho sức mạnh thân tâm. Chốn biên thùy man di phần nhiều là kẻ tiểu nhân âm hiểm tất nhiên võ công của họ độc ác, bá đạo, lại dễ tẩu hỏa nhập ma. Cùng là thu hút nội lực của đối phương về cho bản thân mình mà “hấp tinh đại pháp” thuộc công phu tà phái còn “Bắc minh thần công” lại thuộc công phu chính phái, sự khu biệt này đến bản thân Kim Dung cũng không thể giải thích cho người ta tin phục được (“Tiểu ngạo giang hồ” và “Thiên Long bát bộ”). Thậm chí ngay đến một người cấp tiến chống truyền thống như Cổ Long cũng tin rằng: phẩm chất đạo đức quyết định võ công cao thấp, “hồng” mới có thể

“chuyên”. Trong “Phong vân đệ nhất đao” Cổ Long đã viết một cách rất “kinh điển” rằng: “Võ công vĩ đại chân chính không thể chỉ nhờ thông minh và khổ công mà luyện được”. “Anh dứt khoát phải có được một trái tim vĩ đại thì mới có thể luyện được võ công vĩ đại chân chính”.

Trong tiểu thuyết võ hiệp tân phái, sự miêu tả võ công của Kim Dung và Cổ Long rất đặc sắc. Võ công của Kim Dung chú trọng tính trí tuệ và thú vị, các tri thức về cầm kỳ thi họa, thư pháp, y đạo, thực vật học v.v... đều có thể đưa vào võ công, khiến cho việc tỉ võ, qua chiêu vừa căng thẳng mãnh liệt vừa đầy thi vị. Hơn nữa Kim Dung còn thường lấy võ công để thể hiện tính cách con người. Con người chân chính, chất phác như Quách Tĩnh, thích hợp nhất với “Hàng long thập bát chưởng” rắn rỏi và mạnh mẽ. “Độc cô cửu kiếm” trọng “kiếm ý” không trọng “kiếm chiêu”, nếu không phải là người tự do phóng khoáng như Lệnh Hồ Xung thì không lĩnh hội được. Đến như loại “Tử hà công” khiến mặt mày biến sắc thì lại hợp với tính cách nguy hiểm của Nhạc Bất Quần.

Võ công của Cổ Long tự thành một lối riêng. Độc giả chỉ cảm thấy trước mắt một ánh chớp xẹt qua nhưng không thấy rõ ngón đòn, tức cái gọi là “linh dương móc sừng chẳng biết đầu mà tìm”. Thường có người cho rằng Cổ Long không sành miêu tả cuộc đấu cụ thể, lấy cái khéo để giấu cái vụng, kỳ thực không phải thế. Cổ Long thông minh như vậy, ông đem không khí lúc tỉ võ, đến phục sức, màu sắc, bối cảnh, tâm lý đều đưa vào võ công. Võ nghệ bậc nhất mà ông khắc họa dĩ nhiên là hóa thân nhân cách của đại hiệp. Song chỉ thần kỳ của Lục Tiểu Phượng bất kỳ lúc nào cũng có thể kẹp cứng binh khí hoặc ám khí của đối thủ, nếu như không có lòng tự tin tuyệt đối, bình tĩnh tuyệt đối, vô tư tuyệt đối, thì sao có thể làm được như vậy?

So với Kim Dung và Cổ Long, Lương Vũ Sinh còn kém một bậc. Cuộc quyết chiến cuối cùng trong “Băng sơn thiên nữ truyện” biến thành cuộc thi leo núi Chômôlungma. Tưởng tượng cổ nhiên là độc đáo nhưng khó tránh khỏi lối mòn máy móc.

Độc giả nếu chỉ muốn xem chiêu thức mà quên lĩnh hội tinh thần văn hóa truyền thống Trung Quốc được Kim Dung Cổ Long gửi gắm bên trong thì khác nào mua hộp mà trả lại viên ngọc, chỉ chú ý cái vỏ bên ngoài, thực là đáng tiếc.

12. Quan niệm về võ đức

Đạo học võ, phẩm hạnh tâm thuật đứng đầu, võ nghệ còn phải đứng sau. Trong “Đa tình kiếm khách vô tình kiếm”, kiếm thuật của Kinh Vô Mệnh có thể nói là lợi hại, Quách Tung Dương đã chết dưới lưỡi kiếm của y. Đến Tiểu Lý Phi Đao “ném không trật đích” cũng không thắng nổi y. Nhưng Thiên Cơ Lão Nhân lại nói Kinh Vô Mệnh “chẳng những không hiểu võ công mà còn không đáng để bàn về võ”. Bởi vì y “chỉ biết giết người, chỉ hiểu việc giết người”. Trong “Xạ điêu anh hùng truyện”, Khâu Xử Cơ và Giang Nam Thất Quái đã có một sự đánh cuộc kỳ dị chưa từng có: Họ chia nhau dạy võ cho con của Dương Thiết Tâm và Quách Khiếu Thiên, 18 năm sau để cho hai đứa con ấy tỉ võ ở Gia Hưng. Nhưng, đến khi Dương Khang và Quách Tĩnh trưởng thành, hai người còn chưa chính thức so tài, Khâu Xử Cơ đã chấp tay chịu thua. Chẳng phải vì Quách Tĩnh võ công cao hơn Dương Khang mà vì Dương Khang nhận giặc làm cha, lừa gạt dân nữ, nhân phẩm của y so với Quách Tĩnh trung hậu thật cách nhau trời vực. Điều đáng than tiếc là vị đạo trưởng họ Khâu khổ công truyền thụ võ công cho Dương Khang mà không thể giáo dục võ đức, rèn luyện tính tình cho y, đành đồ 18 năm tâm huyết xuống sông xuống biển. Từ

hai ví dụ trên có thể thấy, nếu võ đức không tốt thì dù võ công có cao cường rồi cuộc vẫn không phải là chính đạo.

Nhìn bề ngoài, giang hồ giống như “thiên đường” của kẻ mạo hiểm, mạnh được yếu thua, thích nghi tồn tại. Tính chất cạnh tranh cao độ ấy khiến võ lâm đầy sức sống. Thế nhưng, nếu để cho sự cạnh tranh ấy phát triển một cách thái quá thì giang hồ không thể nào duy trì được sự ổn định và liên tục, rồi cuộc sẽ suy bại và tan rã. Người học võ nếu chỉ một mực tranh cường hiếu thắng, say máu giết người, tất nhiên máu sẽ chảy thành sông, tương tàn xâu xé bất tận, chẳng những nhân tài tàn lụi, võ công tuyệt nghệ cũng có thể thất truyền. Vì thế cần phải biết tiết chế sự cạnh tranh ấy, tránh đẩy nó đến trình độ tự hủy diệt mình. Một biện pháp là chế định các qui tắc dụng võ, cần phải biết lúc nào cần tuốt kiếm nhưng cũng phải biết lúc nào nên tra kiếm vào vỏ, phải biết chỗ dừng. Trong “Phi hồ ngoại truyện”, Triệu Bán Sơn báo thù cho người khác, bôn ba ngàn dặm, cuối cùng đã bắt sống được hung thủ Trần Vũ. Tay Trần Vũ này mấy lần suýt hại tính mạng Triệu Bán Sơn, nhưng Triệu Bán Sơn đã tự kiềm chế không giết y.

“Bấy giờ kinh mạch Trần Vũ đã tán loạn, toàn thân mất hết võ công, chẳng khác gì phế nhân, dù không muốn sửa chữa lỗi lầm thuở trước thì cũng đã không còn sức để làm việc ác. Thấy y thần sắc thật đáng thương hại, một chưởng đã vung lên nhưng lại không đánh xuống...”

Trên chốn giang hồ, Triệu Bán Sơn được xưng tụng là “Thiên tí Như Lai” (Như Lai ngàn tay), “ngàn tay” là chỉ ám khí xuất thần nhập hóa, “Như Lai” là ca ngợi tấm lòng nhân hậu của con người này.

Võ đức có nhiều tầng bậc, dù là bạch đạo (chính phái) hay hắc đạo (tà phái) thì ít nhiều cũng chịu sự chi phối của nguyên tắc về võ đức. Những người ở tầng bậc cao thì bị thiên miễn nhân (lo trời, thương người) như Triệu Bán Sơn, trình độ thấp của võ đức chí ít cũng phải tuân thủ những quy củ của võ lâm như: cướp hàng hóa không được giết phu xe, phu kiệu, người gánh hàng v.v... Trong “Tiểu ngạo giang hồ” đến đầu bếp của Phước Oai tiêu cục cũng bị giết, Lâm Chấn Nam hết sức ngạc nhiên bởi vì điều này đã vi phạm quy củ giang hồ. Chỉ một chi tiết nhỏ này cũng cho thấy vì ham muốn giành được “Tịch tà kiếm phổ” mà Dư Thương Hải đã tán tận lương tâm.

Quy phạm mà hiệp khách tôn sùng là: dùng võ để thắng thiên hạ, dùng đức để thu phục nhân tâm, lấy đức chế ngự kiếm. Võ đức chính là sự chế ước của công lý đối với cường quyền, khiến thế giới giang hồ cho đến toàn xã hội có sức sống mà không bị rối loạn.

Hiệp khách không phải là kẻ theo “chủ nghĩa phi bạo lực”. Quách Tĩnh mới đầu rất ghét tính chất tàn khốc của võ công, lập chí suốt đời không tranh đấu với ai cả, chỉ hận là không quên hết võ công đã học được. Khâu Xử Cơ đã giảng giải cho chàng biết rằng:

“Nước có thể chở thuyền cũng có thể lật thuyền, là họa hay là phúc đều do con người sử dụng như thế nào. Những văn tài võ lược, tinh binh lợi khí trong thiên hạ không có thứ gì không tạo phúc cho con người, cũng không có thứ gì không đem tai họa đến cho đời. Chỉ cần cháu một lòng làm việc thiện thì võ công càng cao càng tốt, hà tất phải quên hết võ công đi”.

Quách Tĩnh nghe xong mới hiểu ra.

Mục đích học võ của hiệp khách là muốn dùng sức mạnh để mưu cầu hòa bình, đồng thời

trong quá trình lấy bạo lực để chống bạo lực luôn cố gắng ít gây đổ máu. Cho nên họ không truy cầu “võ công đệ nhất” một cách vô điều kiện, rất ghét kẻ mưu cầu danh hiệu đệ nhất võ công mà không từ thủ đoạn nào như “Tây Độc” Âu Dương Phong. Đối với những cuộc chiến tranh quy mô lớn họ thường có thái độ rất thận trọng. “Nhất đại thiên kiêu” Thành Cát Tư Hãn tung hoành thiên hạ, cướp nước nhiều không kể xiết, sự cường thịnh về võ công của ông ta xưa nay không ai địch nổi. Thế nhưng Quách Tĩnh lại dội lên đầu ông ta một gáo nước lạnh:

“Chỉ vì uy phong hiên hách của một mình đại hãn mà thiên hạ không biết bao nhiêu đồng xương trắng, đổ bao nhiêu máu và nước mắt của vợ góa con cô”.

Quách Tĩnh cho rằng chỉ biết dùng võ lực không đáng gọi là anh hùng.

Thế nào mới xứng đáng là đại anh hùng, đại hiệp khách? “Xạ điều anh hùng truyện” đã nêu một tấm gương, đó là Vương Trùng Dương người chiếm vị trí hàng đầu trong cuộc “Hoa Sơn luận kiếm” lần thứ nhất. Vương Trùng Dương chẳng những võ công đệ nhất trong thiên hạ mà còn có một tấm lòng lo cứu đời không ai sánh nổi. Thời tuổi trẻ ông đã từng dựng cờ khởi nghĩa chống quân Kim; sau khi được “Cửu âm chân kinh” ở Hoa Sơn ông lại không luyện tập, có thể thấy ông đoạt kinh là để dẹp yên sự tranh chấp trên chốn giang hồ, đề phòng kẻ xấu lợi dụng. Trước khi lâm bệnh qua đời ông đã truyền “Tiên thiên công” cho “Nam Đế” Đoàn Trí Hưng để khắc chế “Tây Độc” Âu Dương Phong. Trong hàng cao thủ đương thời, “Tây Độc” tất nhiên không thể sánh với ông; còn “Đông Tà” Hoàng Dược Sư “tự làm việc mình cho là phải, xưa nay không nghĩ đến người khác” không đáng nêu gương; “Nam Đế” Đoàn Trí Hưng “chỉ vì một chút ân oán cá nhân mà ẩn cư lánh đời, cũng không thể coi là một bậc đại nhân đại dũng”. Chỉ có “Bắc Cái” Hồng Thất Công hành hiệp trượng nghĩa là có thể theo kịp Vương Trùng Dương, nhưng ông ta sau khi nhận được tin cấp báo của thành Tương Dương lại không cùng Quách Tĩnh xả thân cứu nước, có thể thấy sự tu dưỡng đạo đức của ông ta còn kém Vương Trùng Dương một bậc. Đến như Cầu Thiên Nhẫn “Võ công ngày càng cao cường, thì càng đi ngược lại tông chỉ trung nghĩa báo quốc, diệt trừ cường địch của bản bang, đã trở thành kẻ bán nước”. Như thế Vương Trùng Dương danh trùm võ lâm không chỉ vì võ công mà còn do võ đức.

Hiệp khách rất trọng võ đức, cũng là một nhu cầu nội tại của việc tu dưỡng nhân cách. Người ta thường nói “đao kiếm vô tình”, huống chi trong tay cao thủ võ lâm thì cành hoa ngọn lá cũng có thể thành vũ khí giết người. Trong võ lâm không có ai mà bàn tay không vấy máu. Nếu chìm đắm trong các kiểu giết người ghê gớm thì sẽ làm méo mó nhân tính, “khí độc thâm nhập vào tạng phủ”, dù không đến nỗi như lời nhà Phật “đại nạn chỉ ở trong khoảnh khắc sớm tối” thì cũng chẳng khác gì cái máy giết người. Trong bóng đao ánh kiếm cần phải giữ gìn nhân tính, cần phải rèn luyện võ đức. Sự tinh tiến về võ đức khiến hiệp khách giữ được chủ nghĩa nhân văn lành mạnh. Trong “Phi hồ ngoại truyện”, “Độc thủ dược vương”, vốn là kẻ tính khí nóng nảy, tự đặt tên hiệu là “Đại Sân”, người giang hồ nghe tên đều sợ mất mật. Về sau, ông ta ra sức dựa vào Phật pháp để rèn luyện tính tình, tự kiềm chế mình lần lượt thay đổi tên hiệu thành “Nhất Sân”, “Vi Sân” rồi “Vô Sân” và cuối cùng đã thành bậc hào kiệt. Còn kẻ không rèn luyện võ đức như Âu Dương Phong, luyện ngược “cửu âm chân kinh” đi đầu xuống đất, làm nhiều điều bất nghĩa, ruốt cuộc y bị tẩu hỏa nhập ma, tự chuốc lấy sự diệt vong. Võ học Trung Quốc không hạn chế trong phạm trù thi đấu thể dục, mà nó cũng là một loại học tổng hợp cả “thân tâm tính mệnh”; cảnh giới tối cao của nó là tu thân, dưỡng tính, ngộ đạo... Võ đức kỳ thực

không chỉ là khoác thêm quy phạm cưỡng chế cho người võ sĩ. Đối với những đại hiệp mà nói, võ đức chẳng qua là một loại biểu hiện tự nhiên của nhân tính.

13. Quan niệm về tình dục

Hiệp khách trong tiểu thuyết võ hiệp cổ đại phần lớn không gần nữ sắc, thậm chí có thái độ thù ghét đối với tình dục. Trong “Thủy hử truyện” đã nhấn mạnh: “Nếu tham nữ sắc thì không xứng đáng là hảo hán”. Xưa nay anh hùng không hiểu sắc, quan niệm ấy được duy trì mãi đến tác phẩm của đại gia tiểu thuyết võ hiệp cận đại là Hoàn Châu Lâu Chủ. Trong “Thục Sơn kiếm hiệp” của ông, kẻ phóng túng tình dục chỉ là người trong ma giáo. Những tình ma nghiệt chứng cho đến những cảnh dâm đảng trần trụi chỉ là thủ đoạn của chúng đưa nhận vật chính phái vào cạm bẫy. Còn cao nhân chính phái thì không hề bị lung lạc, dù có kết thân thì mỗi người vẫn giữ tấm thân trinh bạch của mình, có tình mà không có dục, chỉ là vợ chồng trên danh nghĩa. Trong quan niệm về tình dục họ có một sự đối ứng rõ rệt so với anh hùng trong thần thoại Hy Lạp. Truyền thuyết kể rằng Hêraclet đã từng trong một đêm phá trinh của 50 thiếu nữ; một dũng sĩ khác thì số thiếu nữ mà chàng ta quyến rũ cũng nhiều như số ác ma mà chàng đã giết chết. Những chuyện “phong lưu” như thế theo nhà thơ Homer mới “xứng danh hảo hán”, phù hợp với những hành vi hiệp nghĩa của họ.

Tiểu thuyết võ hiệp cổ đại Trung Quốc tuyên dương khuynh hướng cấm dục là do hai nguyên nhân chủ yếu. Một là, do ảnh hưởng của quan niệm bảo thủ trong truyền thống văn hóa. Hiệp khách rong ruổi giang hồ, đôi khi cũng phải tòng quyền, quan hệ giữa những người khác giới có thể là bình thường, thậm chí như Cầu Nhiệm Khán có thể “Kéo gối nằm nghiêng nhìn Hồng Phất chải đầu” cũng không bị coi là quá đáng (“Cầu Nhiệm Khách truyện” trong truyền kỳ đời Đường). Nhưng sự “phân biệt nam nữ” vẫn tồn tại. Trong “Uông Thập Tứ truyện” đời Minh, chàng vệ sĩ của khách thương là Uông Thập Tứ cứu một mỹ nhân ra khỏi sào huyệt của bọn thổ phỉ, rồi một mình đưa người đẹp ấy về quê “trên bộ thì đi xe, trên sông thì đi thuyền, bốn tẩu mấy ngàn dặm, cùng sống chung không phải một ngày mà hoàn toàn không có ý niệm gì về sắc dục”. Dù hiệp khách có thô lỗ đi nữa cũng không thể phá vỡ phòng tuyến ấy. “Trong vạn sự ác thì dâm đứng đầu” (*vạn ác dâm vi thu*). Sự tự do phong túng trong quan hệ tình dục rất cuộc sẽ đánh mất quy phạm đạo đức.

Hai là, hiệp khách tin rằng: Để tu luyện võ công, giữ gìn thể lực thì cần phải cấm dục, chí ít thì cũng phải tiết chế tình dục. Người xưa cho rằng tinh thần là nguồn gốc của sinh mệnh, hết sức đáng quý. Thiên “Hệ từ - Hạ” trong “Kinh dịch” viết: “Nam nữ giao hoan, vạn vật hóa sinh”. Các lý thuyết vu thuật thì cho rằng: “Đạo lấy tinh làm quý, gieo ra thì sinh người, giữ lại thì sinh thân, sinh thân thì có thể tu luyện thành tiên, sinh người thì công toại mà thân thoái, do đó mà mệt mỏi và tổn hại đến sinh mạng”. Họ cho rằng có hai biện pháp để giữ gìn tinh khí. Một là rèn luyện cách quan hệ nam nữ sao không cho mất tinh khí; hai là tuyệt dục. Các loại đồng tử công (võ công của trẻ còn nguyên trinh) như “kim chung tráo”, “thiết bổ sam” của võ thuật Trung Quốc đều lấy đồng thân (thân thể còn trinh) làm tiền đề, nếu phạm vào sắc giới, để mất nguyên khí thì hoàn toàn mất hết công phu. “Bắc hiệp” Âu Dương Xuân trong “Tam hiệp ngũ nghĩa” sở dĩ võ công đệ nhất thiên hạ là vì ông ta suốt đồng thân. Con gái học võ, tu đạo cũng cần làm đứt kinh nguyệt, ngực như con trai. Tôn Bất Nhị ở đời Kim luyện được “trăm xích long”, rất tâm đắc. Dưới ngòi bút của Kim Dung, Tôn Bất Nhị xuất hiện trong “Toàn chân thất

tử” với vẻ tiên phong đạo cốt, nhưng rốt cuộc lại là kẻ bất nam bất nữ, độc giả hiện đại có lẽ cảm thấy không thoải mái khi đọc thấy điều này (“Xạ điêu anh hùng truyện”). Nho gia tuy chủ trương “nam nữ thụ thụ bất thân” nhưng không phủ định những nhu cầu “ăn uống, nam nữ”, ngược lại còn xếp quan hệ vợ chồng đứng vị trí hàng đầu trong nhân luân. Còn hiệp khách theo đuổi võ công hạng nhất, quan niệm về tình dục còn bảo thủ hơn cả Nho gia.

Quan niệm về tình dục trong tiểu thuyết võ hiệp tân phái có một sự thay đổi lớn. Rất nhiều người đều có ấn tượng rằng: tình yêu của hiệp khách trong tác phẩm của Cổ Long chủ yếu là tình dục. Trừ con người thâm trầm như Lý Tầm Hoan, tình yêu của A Phi đối với Lâm Tiên Nhi xuất phát từ tình dục, nhưng vì Lâm Tiên Nhi cố ý cự tuyệt chuyện chăn gối mà A Phi được “thăng hoa”, cam lòng làm trâu ngựa cho ả (“Đa tình kiếm khách vô tình kiếm”). Sở Lưu Hương, Lục Tiểu Phượng, Tiêu Thập Nhất Lang đều là những công tử phong lưu, gieo rắc tình khắp nơi. Đến một số hiệp khách không mấy nổi tiếng như “Phần nộ tiểu mã” trong “Thất chủng vũ khí” cũng rất coi trọng việc hưởng thụ tình dục, để báo đáp người đẹp Lam Lan trao thân cho mình, đã tình nguyện mạo hiểm lên Lang Sơn. Dưới ngòi bút của Cổ Long, rất nhiều những đoạn miêu tả như thế này: “Hai người họ đều còn trẻ lại rất khỏe mạnh. Trai gái trẻ trung khỏe mạnh ở chung với nhau thì sẽ sinh chuyện”. Thế nhưng Cổ Long cũng không hoàn toàn khẳng định mọi loại tình dục. Điển hình nhất là việc miêu tả nhân vật Lâm Tiên Nhi trong “Đa tình kiếm khách vô tình kiếm”. “Võ lâm đệ nhất mỹ nhân” này tình dục rất dồi dào, bất kỳ đàn ông như thế nào, dù là xấu xí như Y Khố, dữ tợn như Thượng Quan Kim Hồng, ả đều thích thú. ả coi đàn ông là công cụ thỏa mãn tình dục của mình, hơn nữa còn có khuynh hướng ngược đãi tình dục, thích thú đàn ông vì mình mà tàn sát lẫn nhau, vì mình mà đi đến sự hủy diệt. Thèm khát tình dục ở Lâm Tiên Nhi đã không còn là một bộ phận hữu cơ của nhân tính mà là một sự phát triển thú tính, hơn nữa không phải là thú tính bình thường mà là loại thú cấp thấp sau khi giao phối thì ăn thịt “bạn tình”. Một điều rõ ràng dễ thấy là sự miêu tả quan hệ tình dục trong tác phẩm của Cổ Long là sự tán dương bản năng sinh mệnh lành mạnh, tự nhiên, phù hợp với tính người. Những người như Sở Lưu Hương tuy thích gieo rắc tình yêu nhưng rất tôn trọng nhân cách của người bạn tình, hơn nữa thường vì họ mà sẵn sàng nhảy vào nước sôi lửa bỏng, tuy biết rõ hồng nhan là cạm bẫy nhưng vẫn hăng hái lao vào thà người ta phụ mình chứ mình không phụ người.

Sự miêu tả tình dục trong tác phẩm của Kim Dung là có mức độ, nhưng đối với những quan điểm cấm dục tuyệt tình ông đều không tán thành. Điều này cho thấy ông cũng có điểm nhất trí với Cổ Long. Chú tiểu Hư Trúc của Thiếu Lâm tự trong “Thiên Long bát bộ” là một tông đồ thoát tục, thà chết đói chứ không chịu ăn thịt. Nửa đêm Thiên Sơn Đồng Lão chơi ác, đưa công chúa Ngân Xuyên đang say ngủ đến. Hư Trúc dù đạo hạnh có sâu dày rốt cuộc vẫn là một chàng trai chưa từng trải, trước sự cám dỗ bậc nhất trong khoảng trời đất ấy không hề may mắn kiềm chế, trong khoảnh khắc thần hồn phiêu lãng, thẩm thiết thương yêu không hề biết chán. Giới luật nghiêm khắc của nhà chùa khi đụng phải sự thức tỉnh của bản năng sinh mệnh, đã vỡ vụn. Công chúa Ngân Xuyên cũng như thế. Ngày thường nàng vẫn giữ uy thể tôn nghiêm của mình, “mới nghe thấy tiếng đàn ông lạ đã e thẹn”, một khi bị Đồng Lão “bồng” đến hoan hội với Hư Trúc thì tâm thần phiêu diêu, không giữ nổi mình, cuối cùng vì muốn nối lại mối kỳ duyên đã xin phép phụ hoàng treo bảng kén phò mã để tìm “Mộng Lang”, người đã mấy phen cùng mình đắm say ân ái. Hiển nhiên, tình dục ở đây, có thể nói như một nhà tâm lý học phương Tây: hàm

nghĩa một cuộc “cách mạng bản năng” lấy khoái lạc làm nguyên tắc để phá vỡ sự trói buộc nhân tính của xã hội và văn hóa. So sánh với Dương Tiêu và Diệt Tuyệt sư thái trong “Ỗ thiên Đồ long ký” cũng rất có ý nghĩa. Quang minh tả sứ của ma giáo là Dương Tiêu đã cướp nữ đệ tử của phái Nga My là Kỷ Hiểu Phù rồi cưỡng hiếp nàng, đó tất nhiên là một tội lỗi. Nhưng Dương Tiêu từ đó lại tha thiết yêu nàng, đến mức đang lúc quyết đấu nghe tin Kỷ Hiểu Phù đã chết đột nhiên Dương Tiêu ngã vật ra, không còn nghĩ gì đến mạng sống của mình nữa. Như thế không thể nói Dương Tiêu là kẻ vô tình vô nghĩa. Việc chưởng môn phái Nga Mi là Diệt Tuyệt sư thái một mực muốn hủy diệt mối “nghiệt duyên” giữa Kỷ Hiểu Phù và Dương Tiêu là điều có thể lý giải, nhưng vì Kỷ Hiểu Phù không chịu giết Dương Tiêu mà bà ta ra tay tàn độc giết chết nàng là bất cận nhân tình. Càng ghê gớm hơn, là việc bà ta lại ra lệnh cho Chu Chỉ Nhược dùng sắc đẹp quyến rũ Trương Vô Kỵ để thừa cơ giết hại chàng. Một ni cô bằng thanh ngọc khiết lại dùng tình dục làm thủ đoạn chính trị, so sánh với Dương Tiêu từ tình dục thăng hoa thành tình yêu thực sự, ở đây ai xa cách nhân tính hơn? Nữ sĩ Ngô Ái Nghi, một tác gia phụ trách chuyên mục của báo Hồng Kông, trong cuốn “Đàn bà trong tiểu thuyết Kim Dung” đã nói về vị sư thái dung mạo đẹp đẽ này rằng:

“Trong thâm tâm của bà ta, kỳ thực bà ta rất ghét đàn ông, nhất là bọn đàn ông có sức hấp dẫn đàn bà. Và phải chăng trong thâm tâm, bà ta không muốn trai gái yêu nhau, nhất định thế nào cũng tìm cách phá hoại? Nếu như bà ta có tâm địa như vậy thì cái tâm lý đáng sợ ấy được hình thành như thế nào? Hình như đằng sau Diệt Tuyệt sư thái có quá nhiều điều bí ẩn không nói ra được”.

Người xưa cho rằng học võ phải cấm dục, còn các đại hiệp hiện đại hình như lại tin rằng sự quan hệ tình dục có mức độ sẽ có lợi cho việc phát huy võ công. Trong tác phẩm của Cổ Long đã có ví dụ như thế: một hiệp khách nào đó ngày mai bước vào cuộc quyết chiến sinh tử, đêm ấy có một người mắt sáng chỉ cho anh ta hai nơi có thể đến: một gian phòng bày một cỗ quan tài, một gian phòng khác có một cô gái tuyệt sắc đang nằm. Ngụ ý ở đây rất rõ ràng: Nếu anh không thể thoải mái tinh thần trong vòng tay của người đẹp thì trong cuộc quyết chiến hôm sau anh nhất định thất bại. Anh ta do dự giây lát, rồi bước vào gian phòng có cô gái đẹp, một đêm cá nước sum vầy, hôm sau thức dậy tinh thần sảng khoái, quả nhiên giành được thắng lợi trong cuộc quyết chiến. Sau đó anh ta mới biết rằng cô gái xinh đẹp kia là bà chủ ở đó. Câu chuyện này có căn cứ khoa học nhất định. Các huấn luyện viên ngày nay tin rằng: cầu thủ bóng đá có đem theo vợ trong thời kỳ tham gia thi đấu thì hiệu quả sẽ cao hơn. Đương nhiên chuyện “cốc nước lạnh” trong tình dục là chống lại đạo đức truyền thống của Trung Quốc, còn câu chuyện võ hiệp chỉ là trong thế giới hư cấu, độc giả bất tất phải cho là thật.

Dưới ngòi bút Cổ Long thường có các kiểu tình dục rất kỳ quái, như sự tự “yêu” mình của Thạch Quan Âm (“Hiệp đạo Sở Lưu Hương - Đại sa mạc”), đồng tính luyến ái giữa Thủy Mẫu Âm Cơ và Nam Cung Yến, giữa Đường Ngọc và Tiểu Bảo (“Hiệp đạo Sở Lưu Hương” - “Họa mi diêu” và “Bạch ngọc lão hổ”). Những sự miêu tả ấy của Cổ Long, không phải là chiều theo thị hiếu tầm thường của độc giả. Trước hết, sự biến thái của tình dục là một hiện thực vẫn được che giấu trong xã hội Trung Quốc. Phan Quang Đán tiên sinh trong sách “Tâm lý học tình dục” đã từng nghiên cứu và phân tích vấn đề này. Tác giả tiểu thuyết đem cái nhìn phê phán mà phản ánh hiện thực này thì cũng không phải là sai lầm. “Cái nhìn phê phán” ở đây rất quan trọng. Cổ Long đã miêu tả những nhân vật như Thủy Mẫu Âm Cơ, Thạch Quan Âm thành những

nhân vật khiến người ta chán ghét mặc dù có phần cảm thông với cảnh ngộ của họ.

Thứ hai, là - biến thái của tình dục kỳ thực là điều bình thường của nhân tính, nó khái quát cao độ sự hẹp hòi, ích kỷ tham lam trong nhân tính. Thạch Quan Âm coi chúng sinh trong thiên hạ như không có, kể cả chồng con mụ cũng chẳng quan tâm, vì thế sự tự yêu “cái bóng” của mình, chỉ là kết quả tất nhiên của sự ích kỷ, tự tư mà thôi, không có gì lạ. Quan hệ đồng tính luyến ái của Đường Ngọc cũng có thể lý giải được. Y vốn là kẻ luôn tìm cách lừa bịp người khác, lại lo bị người khác lừa bịp, đối với đàn bà y vốn chẳng có tình yêu thực sự lại lo bị đàn bà lừa dối, vì thế mới chọn người cùng giới tính làm đối tượng tình dục. Cũng cần phải thấy rằng tâm thái ban đầu của những kẻ như Thạch Quan Âm, Đường Ngọc ở trong xã hội hiện thực của chúng ta cũng không phải là xa lạ; tuy nhiên, mặt xấu trong nhân tính không nhất thiết phải dẫn đến biến thái về tình dục.

14. Quan niệm về của cải vật chất

Không phải là tất cả các hiệp khách đều có thể “tịch cốc”, không cần ăn uống gì cả. Vậy thì, hiệp khách sống bằng cách nào?

Thời cổ, các “môn khách” được các nhà quý tộc nuôi dưỡng, không phải lo cái ăn cái mặc, thế nên mới có chuyện Phùng Huyền võ kiếm ca rằng: “Kiếm dài ơi, hãy trở về, cơm không có cá thịt” “không có xe đi”, “không có gì nuôi gia đình”, vậy mà Phùng Huyền được Mạnh Thường Quân đáp ứng tất cả (“Chiến Quốc sách” - “Tề sách”). Nhà sư và đạo sĩ thì có tài sản ổn định của chùa, đạo quán và sự cúng dường của tín đồ, hơn nữa họ lại quen sống thanh bần, bất tất phải lo chuyện mưu sinh. Tiêu cực là một tập đoàn kinh tế có cờ biển rõ ràng, tiêu khách (tức khách buôn) phải dựa vào sự bảo vệ của các tay võ sĩ, tất nhiên phải thù lao xứng đáng. Còn các môn phái võ lâm khác thì nguồn thu nhập kinh tế của họ là từ đâu? Trong “Hoan lạc anh hùng. Hoàng kim thế giới” của Cổ Long, Quách Đại Lô lo buồn: “Ta tuy không ở trong chốn giang hồ nhưng chuyện hảo hán giang hồ thì được nghe nhiều. Không hiểu vì sao xưa nay chưa từng nói có người phải lo lắng vì tiền? Những kẻ ấy hình như lúc nào cũng có sẵn tiền. Tiền của ấy có vẻ như từ trên trời rơi xuống”.

Xem ra tiểu thuyết võ hiệp thường cố ý né tránh vấn đề sinh kế của hiệp khách, bởi vì “nói đến tiền thì sẽ trở nên phàm tục”. Để cho hiệp khách phải lo đến chuyện muối dầu gạo củi hàng ngày thì còn đâu anh phong hiệp cốt? Còn để cho hiệp khách vì sinh kế mà đi cướp của thì lại khó tránh khỏi biến họ thành đạo tặc, giặc cỏ. Tiểu thuyết võ hiệp hư cấu nên một “thế giới giang hồ” mang tính luân lý hóa và lý tưởng hóa; trong thế giới ấy căn bản không tồn tại rương vàng hoặc vấn đề đói rét, hiệp khách có thể đặt hết tâm ý vào việc dẹp bất bình, thể thiên hành đạo.

Trong thế giới giang hồ hư cấu ấy, quan niệm về của cải vật chất của hiệp khách rõ ràng mang dấu ấn quan niệm về kinh tế của Nho gia trong lịch sử. Mấy ngàn năm nay, Nho gia nổi tiếng vì không coi trọng vấn đề kinh tế, “quý nghĩa khinh lợi” cho đến “tồn thiên lý, diệt nhân dục”. Kỳ thực đó chỉ là một mặt của tư tưởng Nho gia. Khổng Tử cố nhiên là đã từng đề xướng: “Quân tử lo đạo, không lo ăn” nhưng cũng từng nói rằng: “Việc học, lộc là ở trong đó” (*học dã, lộc tại kỳ trung hĩ*). Trong “Hiếu kinh” còn khẳng định rằng: “Dùng đạo trời, phân chia cái lợi của đất, cẩn thận tiết kiệm để nuôi cha mẹ, đó là cái hiếu của thứ nhân”. Do đó có thể thấy Nho

gia không hề phản đối việc tranh thủ lợi ích vật chất, mà chỉ chủ trương dùng đạo đức để hạn chế lòng háms lợi thái quá của con người, đặt chữ “nghĩa” trên chữ “lợi”, khi cần có thể bỏ lợi để giữ nghĩa. Đó cũng là điều mà Tuân Tử đã nói: “Tuy cùng khốn đói rét, vẫn không đem tà đạo để mưu lợi; dù không một tấc đất cắm dùi nhưng phải giữ đại nghĩa của xã tắc”. Nhân cách hiệp nghĩa chính là như thế.

Đại hiệp chân chính không xấu hổ khi nói về lợi nhưng nhất định biết vượt qua hạn chế của lợi ích kinh tế tầm thường, để thực hiện chính nghĩa ở đời, phấn đấu vì sự thăng hoa của nhân tính. Nhân vật Ngô Bảo An trong “Thái Bình quảng ký” là một ví dụ. Ngô Bảo An vốn ngưỡng mộ cháu của Tướng quốc là Quách Trọng Tường, viết thư nhờ Tường tiến cử mình. Nào ngờ biến cố xảy ra, toàn quân của họ Quách bị tiêu diệt, Trọng Tường bị bắt làm tù binh ở một nước xa xôi hẻo lánh. Trọng Tường lại viết thư nhờ Ngô Bảo An tìm cách chuộc mình về. Bảo An cảm ân tình tri ngộ, không tiếc dốc toàn gia sản, tạm biệt vợ con, trải qua 10 năm gian khổ, đem ngàn cuốn lụa chuộc Trọng Tường về. Trong câu chuyện hiệp nghĩa nổi tiếng này, không thể coi thường chi tiết: Ngô Bảo An nghĩa khí ngất trời kia cũng đã từng vì mong danh lợi mà muốn làm quan. Mới đầu anh ta không muốn “chết già ở nơi ruộng rẫy” mà muốn “cầu chút lộc mọn”, đó là sự biểu hiện tâm lý chân thực. Sau đó lại vì tình nghĩa sâu nặng mà dốc gia sản để cứu bạn, đó là hành vi rất đáng quý. Đó chính là chỗ vĩ đại trong đạo đức kinh tế của Nho gia. Nó không phải như người ta tưởng là dứt tuyệt nhu cầu của cái, mà là đề xướng tinh thần “Vô hăng sản nhi hữu hăng tâm” (không có tài sản phong phú nhưng có cái tâm giàu chính nghĩa cảm) không vì nghèo mà thay đổi khí tiết, không vì hèn mà thay đổi ý chí. Trong cõi nhân gian chân thực truy cầu sự hoàn mỹ của nhân tính, siêu phàm nhập thánh. Người có thể thực hành đạo ấy là “Kỳ nam tử” “Vĩ trượng phu”, xứng đáng với chữ “hiệp”.

Còn như những kẻ chìm đắm trong đam mê lợi ích vật chất thì chỉ là kẻ phạm phu tục tử không phân biệt được nghĩa và lợi, đó là những kẻ bị Nho gia và hiệp khách coi thường. Trong “Ỗ thiên Đồ long ký”, đệ tử phái Vũ Dương là Du Đại Nham không sao hiểu nổi khi thấy bao kẻ vì tranh đoạt thanh đao Đồ long mà bỏ mạng, thịt đổ máu rơi.

“Lão già kia lão đảo đứng lên, nghiêm giọng nói: “Ai muốn lấy thanh đao Đồ long của ta, điều ấy muôn vạn lần không được”. Du Đại Nham nói: “Tính mạng của lão cũng không còn, giành lấy đao Đồ long làm gì?”. Lão già nói: “Ta thà bỏ mạng nhưng đao Đồ long phải là của ta”.

Trong “Liên thành quyết”. Địch Vân có tấm lòng trong sáng, không động tâm trước vàng bạc châu báu lại khiến cho sư phụ của chàng là Thích Trường Phát nghi ngờ. Trong sách viết rằng:

“Thích Trường Phát không tin ở tai mình. Lão nghĩ bụng: “Trên đời sao lại có người thấy bao nhiêu vàng bạc châu báu thế kia mà không nảy lòng tham? Thằng nhỏ Địch Vân này chắc là có quỷ kế gì đây”. Lão không nén được, lớn tiếng hỏi: “Người định làm trò quỷ gì vậy? Đây là một bức tượng Đại Phật bằng vàng ròng, trong lòng tượng chứa đầy châu báu, sao ngươi lại không cần? Người định dùng quỷ kế gì vậy?”

Vô luận là tham vàng bạc châu báu, hay là tham bí tịch võ công, vũ khí quý giá, đều khiến người ta mê tâm loạn tính, tẩu hỏa nhập ma, táng tận lương tâm. Sư phụ và sư bá của Địch Vân đều vì muốn chiếm bức tượng Phật bằng vàng ròng ấy mà liên kết với nhau mưu giết hại sư tổ, phạm vào đại tội “khi sư diệt tổ” trong chốn võ lâm.

Trong phần kết thúc “Liên thành quyết”, một bọn võ sĩ cuối cùng đã tìm được nơi đặt pho tượng Đại Phật chứa đầy châu báu, thế là nổ ra một trường quyết chiến để độc chiếm kho báu ấy.

“Bọn người này càng đánh càng hăng máu ghê gớm, có người đột nhiên nhảy vọt đến bên pho tượng Phật, ôm chặt lấy tượng Phật mà cắn, có người thì húc đầu vào pho tượng.

Quả là họ đều đã phát điên, đỏ mặt lên đánh lẫn loạn xạ... Họ đều biến thành dã thú cả rồi”.

Hóa ra vị hoàng đế giấu bạc vàng châu báu vào đây sợ quân nước Ngụy cướp đoạt nên đã tẩm thuốc kịch độc lên bảo vật. Kỳ thực, dù không tẩm thuốc độc thì bọn Thích Trường Phát cũng đã sớm tự biến thành dã thú. Bởi vì, từ một ý nghĩ nào đó mà nói - sự khác biệt giữa người và thú là ở chỗ biết phân biệt giữa người và lợi. Mà một chữ “tham” thì vốn cùng đường với “sân” và “si”, bị nhà Phật coi là ba món độc của nhân tính. Bọn người như Thích Trường Phát trước khi bị trúng độc tẩm trên châu báu đã bị trúng độc “tham” rồi, hơn nữa chất độc đã vào đến cao hoang, vô phương cứu chữa.

Hiệp nghĩa vốn không bài xích lợi ích vật chất nhưng quá chạy theo lợi ích vật chất thì nhất định sẽ dẫn đến hủy diệt tinh thần hiệp nghĩa.

15. Quan niệm về chính trị

Hiệp khách không biết chính trị là gì, thông thường cũng không muốn bị cuốn vào dòng xoáy chính trị, nhưng như vậy không có nghĩa là họ đoạn tuyệt với chính trị. Họ cũng có lý tưởng chính trị chất phác nào đó, lúc cần cũng có thể dũng cảm hành động vì lý tưởng chính trị đó.

Hiệp khách thông thường không mấy hứng thú với việc cải triều hoán đại, họ vốn là hóa thân của chính nghĩa vĩnh hằng siêu việt chính trị hiện thực. Trong “Giang hồ tam nữ hiệp” của Lương Vũ Sinh, hoàng đế Ung Chính bức hại tàn khốc những người trung lương khiến cho Lữ Oánh, Phùng Lâm và Phùng Anh phẫn nộ. Ba vị nữ hiệp đã mạo hiểm giả làm cung nga, trà trộn vào hoàng cung, để thừa cơ hành thích Ung Chính, sau khi trả thù, họ nhẹ nhàng ra đi. Còn như việc ai nối ngôi vua họ chẳng hề quan tâm. Mục đích của họ chỉ là trừng ác dương thiện, không phò chính nghĩa. Nếu như có hiệp khách nào đó ôm dã tâm chính trị “có thể giành lấy mà thay thế ngôi vị của nó” kiểu Hạng Vũ thì chắc chắn sẽ bị sự khinh miệt của võ lâm đồng đạo. Trong “Long phượng bảo thoa duyên” của Lương Vũ Sinh, vua Đường nghe lời gièm pha, rắp tâm mượn việc mở “hội quần anh” để tóm gọn hào kiệt giang hồ, minh chủ lục lâm còn trẻ tuổi là Mâu Thế Kiệt định tương kế tựu kế, lật đổ hoàng đế để thực hiện bá nghiệp. Nhưng những đại hiệp như Thiết Ma Lặc cho rằng như vậy là “đi ngược lại tôn chỉ của chúng ta”, nên đã bỏ đi. Cuối cùng Mâu Thế Kiệt vì ôm dã tâm chính trị mà thân bại danh liệt trên chốn giang hồ.

Về thái độ đối với chính trị hiện thực, tiểu thuyết hiệp nghĩa cuối Thanh có một sự xuống dốc rõ rệt, tâm lý hiệp khách ở đó phần lớn là hẹp hòi, cam tâm làm nô tài cho triều đình Mãn Thanh. Nam hiệp Triển Chiêu chỉ vì hoàng đế khen anh ta một tiếng là “ngự miêu”, liền khấu đầu tạ ơn. Đến Bạch Ngọc Đường là người có tinh thần phản kháng nhất trong “tam hiệp ngũ nghĩa” cuối cùng cũng làm thị vệ của nhà vua. Hiệp khách thì nhau “cải tà qui chính”, dẫn quan binh đi đàn áp “phỉ khấu”, “tà giáo”, thật là gần với cái “đạo của bọn nô tì”. Lỗ Tấn tiên sinh đã chê tiểu thuyết hiệp nghĩa cuối Thanh là: “những cuốn ác thư ngàn thiên một giọng, ngôn ngữ

bất thông”. Lời chỉ trích ấy cũng là có lý. Chủ nghĩa chuyên chế cuối Thanh đã lên đến cực điểm, không gian sinh tồn của hiệp khách bị dồn ép, quyền cước và tâm linh của họ đều bị cuốn hút vào trong mạng lưới chính trị của triều đình.

Tiểu thuyết tân phái thì không thể. Các tác gia đã tiếp thu ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ đương đại. Sở Lưu Hương, Lục Tiểu Phượng, Tiểu Ngư Nhi v.v... đều là những người xuất thân bình dân, không thuộc dòng dõi thế gia vọng tộc, cũng không hề có một chút ảo tưởng nào trước những thủ đoạn mua chuộc của giai cấp thống trị. Trong “Lộc Đỉnh ký” của Kim Dung, Vi Tiểu Bảo được hoàng đế Khang Hy sủng ái, địa vị cực cao nhưng về mặt nhân cách y cũng không chịu đầu hàng hoàng đế, “con chuột hai đầu”, “hai chân giẫm trên hai con thuyền”, cuối cùng bỏ chức quan mà ra đi.

Về thủ đoạn đấu tranh chính trị, các hiệp khách vẫn theo tinh thần thượng võ chốn giang hồ, không hiểu và càng không rành lợi dụng những thủ đoạn chính trị tinh vi. Muốn báo thù nhà, nợ nước thông thường chỉ có một con đường là dùng võ công cao siêu để chiến thắng kẻ địch. Báo thù theo kiểu đánh tráo ly rượu như một vị bá tước trong tiểu thuyết phương Tây rất hiếm thấy trong tiểu thuyết Trung Quốc. Lấy bạo lực để thay thế bạo lực là niềm tin kiên định của hiệp khách, nhưng nó cũng bị chế ước bởi tư tưởng trọng dân, trọng sinh của Nho gia, chủ trương chính trị vô vi của Đạo gia và tấm lòng từ bi của Phật giáo. Cho nên trước những cục diện chính trị liên quan đến sự an nguy của muôn vạn sinh linh, các hiệp khách lại không phải là những kẻ duy bạo lực. Trong “Thiên Long bát bộ” của Kim Dung, Tiêu Phong hết sức khuyên vua Liêu bỏ ý định phạt Tống và kiên quyết từ chối tước Tống vương và chức Bình Nam đại nguyên soái. Chàng đã bày tỏ: “Thần bình sinh đã giết rất nhiều người, thật là không muốn hai bàn tay lại vấy máu nữa”.

Do hiệp khách hiểu về chính trị quá ư đơn giản, thiếu lý tưởng chính trị rõ ràng và phương lược trị nước nên thường không thể tìm được một con đường cho dân tộc cũng như cho chính mình, kết quả là họ ẩn dật (như Viên Thừa Chí, Trương Vô Kỵ, Dương Quá) hay sát thân thành nhân (như Tiêu Phong) - rõ ràng là họ chẳng biết làm sao trong mạng lưới chính trị rối ren. Trần Gia Lạc trong “Thư kiếm ân cừ lục” là Tổng đà chủ của Hồng Hoa hội nhưng lại hoàn toàn thiếu tài năng của một lãnh tụ chính trị. Chàng đặt toàn bộ niềm hy vọng khôi phục giang sơn của người Hán vào tình anh em ruột thịt với vua Càn Long, lẫn lộn đấu tranh chính trị tàn khốc với tình nghĩa anh em, kết quả là thất bại bi thảm, thắng thoát dẫn tàn binh lánh vào xứ Hồi Cương. Giáo chủ Minh giáo là Trương Vô Kỵ trong “Ỗ thiên Đồ long ký” có cái dũng của kẻ thất phu mà không có tài tướng soái. Toàn bộ tư tưởng chính trị của chàng chẳng qua là dùng “Ỗ thiên kiếm” (anh hùng) để chế ước “Đồ long đao” (chính trị gia), rốt cuộc bị kẻ lưu manh chính trị là Chu Nguyên Chương thi hành một chút mẹo vặt mà phải ôm hận rút khỏi vũ đài chính trị, về vẽ lông mày cho Triệu Mẫn. Trong “Hiệp nghĩa anh hùng truyện” của Bình Giang Bất Tiểu Sinh, Mậu tuất biến pháp thất bại, tính mạng của Đàm Tự Đồng lâm nguy trong sớm tối, Đại Dao Vương Ngũ tình nguyện hộ tống ông rời Bắc Kinh tị nạn. Nhưng Đàm Tự Đồng đã từ chối, ông thà tưới máu trước cửa chợ. Người dốc lòng dương thiện trùng ác như Vương Ngũ không thể nào hiểu nổi sự tuyệt vọng đối với chính trị Trung Quốc ở Đàm Tự Đồng. Vương Ngũ chỉ có thể một mình chạy đến Thiên Tân. Đại Dao Vương Ngũ không thể hiểu nổi, không thể tiếp nhận nổi cái hiện thực chính trị rắc rối và hắc ám phức tạp, anh ta chỉ có thể chạy trốn khỏi chính trị.

Thế nhưng, cũng không thể chỉ quy thái độ thoát ly chính trị của hiệp khách về nguyên nhân là họ thất vọng đối với chính trị hiện thực. “Giang hồ” vốn là xã hội thứ hai, người trong chốn giang hồ coi trọng tự do thân tâm của cá thể, mà không chịu làm một cái “đinh ốc” trong trật tự xã hội hiện tồn. Họ thông dong phóng túng, mặc ý hành sự, thích thú với việc xung phá mạng lưới thế tục. Hoàn toàn không phải là “nước vô đạo thì ta ở ẩn”, bất luận nước hữu đạo hay vô đạo họ đều không mấy hứng thú với chính trị, chỉ ở những thời điểm cấp bách mới bắt buộc phải can dự vào việc chính trị, việc xong rồi lập tức rửa tay, trở về tiêu dao tự tại chốn giang hồ. Từ đó mà nhìn, mâu thuẫn giữa hiệp khách và chính trị không chỉ là xung đột giữa “đạo” (chính nghĩa xã hội) và “thế” (hoàng quyền) mà còn là mâu thuẫn giữa “tình” (tự do cá thể) và “lẽ”. Trong “Thiên Long bát bộ”, Tiêu Phong được giao chức vị cao ở triều đình nước Liêu nhưng vẫn luôn buồn bã không vui, bởi vì rốt cuộc chàng vẫn là một hiệp khách, “hàng ngày cùng ở trong đội ngũ bách quan của nước Liêu, lúc nào lời nói cử chỉ cũng không hợp”. Chính như vị danh sĩ có cốt cách hiệp khách là Kê Khang tự nói về mình: “cũng như loại hươu nai không thích thuần dưỡng, thấy bị trói buộc thì muốn dứt tung, nhảy vào nước sôi lửa bỏng. Tuy phải được sống trong nhung lụa, ăn trân hào mỹ vị nhưng vẫn muốn quay về rừng xanh với thảm cỏ xanh rờn”.

“Cái hứng thú không chịu hứng thú” đối với chính trị của hiệp khách bị dao động giữa tham gia và thoát ly chính trị vốn có nguồn gốc từ sự ảnh hưởng của Phật giáo và Đạo gia đối với Nho học. Nho gia chủ trương kinh bang tế thế, khuyến khích lòng ham công danh lợi lộc của người ta, khiến con người lao vào vòng chính trị, còn phong cách của Đạo gia và Phật giáo vốn tự nhiên và chân thành, khuyến khích người ta tiêu dao và tự đặt mình ra ngoài vòng chính trị. Nếu hiệp khách tiếp nhận nguồn dinh dưỡng cân bằng của văn hóa Trung Quốc thì tự nhiên sẽ hình thành nên tâm lý chính trị đặc thù.

16. Quan niệm về ân cừ

Tiểu thuyết võ hiệp viết về anh hùng hiệp nghĩa cũng viết về những mối ân cừ triền miên. Những mối ân oán oán đan xen phức tạp và những biến ảo của các cuộc báo ân phục thù được dùng làm chủ tuyến để triển khai câu chuyện. Tác dụng của nó là làm nên cái khung để tác giả ca ngợi tinh thần hiệp nghĩa làm hấp dẫn người đọc. Hiệp nghĩa là bộ khung câu chuyện, ân cừ là máu thịt. Một tác gia tiểu thuyết võ hiệp xuất sắc trước hết phải là một tay sành viết về câu chuyện ân cừ.

Trong sự miêu tả của tiểu thuyết võ hiệp hầu như bao gồm tất cả các loại ân cừ có thể có trong đời, khúc chiết lâm ly, bi hoan ai lạc, điều này phản ánh khuynh hướng chú trọng ân cừ của người Trung Quốc. Bởi vì người Trung Quốc là một dân tộc rất trọng “tình” mà các mối ân cừ thường có mối quan hệ sâu xa với tình cảm.

Phạm vi của chữ ân rất rộng, không đơn thuần chỉ sự giúp đỡ về mặt vật chất mà còn chỉ sự đáp ứng những nhu cầu tinh thần, cái gọi là “ân tình tri ngộ” là cảm kích trước sự hiểu biết, thông cảm và trân trọng đối với mình, khiến mình có cơ hội thi triển tài năng và thực hiện nguyện vọng. Trong “tình chủ khách”, phía “khách” luôn cảm kích ân tình tri ngộ. Báo ân có sự khác biệt rất lớn so với sự vụ lợi, so với chủ nghĩa thực dụng. Mặc nợ người 100 đồng, trả người 100 đồng, thế là không còn nợ nần gì nhau nữa. Nhưng cảm ân tình của người thì chỉ muốn suốt đời báo đáp, không thể tính toán “sòng phẳng” được. Bởi vì cái gọi là báo đáp

không phải là báo đáp bình thường mà là đem mọi hành động cụ thể để biểu hiện niềm cảm kích đối với ân nhân. Chú phụ bếp Bình A Tứ trong “Tuyết sơn phi hồ” để trả ơn Hồ Nhất Dao không những đã liều chết cứu sống và nuôi dưỡng đứa con cô của Hồ Nhất Dao mà còn dám dùng cả phương thuốc “đồng quy ư tận” [\[4\]](#) để báo thù cho Hồ Nhất Dao. Bình A Tứ báo đáp Hồ Nhất Dao không phải vì Hồ Nhất Dao đã tặng anh ta 5 đỉnh bạc và gọi anh ta là “người anh em” mà là vì cảm động bởi Hồ Nhất Dao đã khiến anh ta lấy lại được sự tôn nghiêm của con người, trong lòng Bình A Tứ coi Hồ Nhất Dao là người thân. Làm ơn, cảm ơn, trả ơn đều do một chữ “tình” quán xuyên tất cả.

Lòng cừ hận từ đâu mà ra?

Thử phân tích nhân vật mang thâm cừ đại hận trong “Thiên Long bát bộ” có thể tìm được lời giải đáp: cừ hận do yêu mà ra, là do nghĩ đến người mình yêu hay người yêu mình bị người ta làm hại. Kiều Phong rất yêu cha mẹ, tình cảm ấy khiến chàng thù hận kẻ đã giết mẹ chàng, bức cha chàng tự sát, khiến chàng một lòng một dạ tìm cách báo thù cho cha mẹ. Diệp Nhị Nương là kẻ “không có việc ác nào là không làm”, mẹ ta thường bắt trộm con nhỏ của người ta về chơi, chơi mấy ngày rồi giết chết một cách tàn khốc cũng là do xuất phát từ lòng thù hận. Nguyên lai, đứa con thân yêu của Diệp Nhị Nương bị người ta bắt trộm khiến mẫu tử phân ly, từ đó Diệp Nhị Nương căm hận tất cả những ai có con trên thế gian này.

“Yêu” đương nhiên còn bao gồm cả tình yêu đối với bản thân mình. Bản thân mình bị tổn hại nặng nề, cũng như người mình yêu bị giết hại, có thể khiến người ta muốn đòi nợ máu. Lòng tự yêu mình của Mã phu nhân điên cuồng đến mức không thể tưởng tượng được. Kiều Phong không chú ý đến mẹ, mẹ cũng coi Kiều Phong là kẻ thù vì đã xúc phạm đến mình, không báo thù không được. Hành vi báo thù với tư cách là quy phạm xã hội và trách nhiệm làm người không khỏi dẫn đến mâu thuẫn tình cảm giữa người với người.

Người Trung Quốc rất coi trọng quan niệm ân cừ, còn có nguyên nhân từ bối cảnh xã hội. Xã hội Trung Quốc xưa nay lấy kinh tế tiểu nông và kinh tế tự nhiên làm chính. Một đặc điểm của xã hội kinh tế tiểu nông là mọi người sống trong cộng đồng, giúp đỡ lẫn nhau, một nhà gặp nạn, mọi người đều giúp đỡ, rất dễ nảy sinh ân tình. Biết ơn và trả ơn, có tình có nghĩa rõ ràng là rất cần cho việc tăng cường tình đoàn kết hòa mục để đối phó với khó khăn tai họa. Một đặc điểm nữa của xã hội kinh tế tiểu nông là pháp luật không ngoài tình người, gây thù chuốc oán thường tìm cách báo thù một cách tự nhiên. Hình luật nghiêm khắc của kẻ thống trị chỉ là để trừng trị những kẻ xúc phạm đến triều đình. Cổng nha môn mở ra, không có tiền không thể bước vào. Những ân oán chông chất của dân chúng có báo lên thì cũng chỉ giải quyết một cách hình thức. Người Trung Quốc thường quan niệm “mạng đền mạng”; giết người phải đền mạng, mắc nợ phải trả tiền, trong dân gian việc lấy võ lực để trừng trị kẻ ác rất thịnh hành. Trước pháp luật mọi người đều bình đẳng, người yếu bị ngược đãi bất công cũng có thể giải quyết nhưng đó chỉ là lý thuyết. Mọi oan khúc của dân lành có kêu đến cửa quan thì cũng như viên đá ném xuống biển. Nhờ hiệp khách trừ bạo an lương, giữ vững chính nghĩa đã trở thành nguyện vọng bức thiết của trăm họ. Nhưng ai dám chắc “trừng phạt” và “đòi nợ” là công bằng, hợp lý? Phục thù báo oán bao giờ thôi, lòng cừ hận truyền từ đời này sang đời khác, quả là một bi kịch nhân sinh.

Cách nhìn về ân cừ trong tiểu thuyết võ hiệp ngoài việc phản ánh quan niệm truyền thống

của người Trung Quốc còn có ba mặt khác vượt ra ngoài quan niệm ấy.

** Mặc sức báo ân báo oán.*

Hiệp khách cần tạo lập sự nghiệp oanh oanh liệt liệt. Hành hiệp trượng nghĩa, vì nước vì dân, là một loại sự nghiệp; báo ân báo oán, ân oán phân minh cũng là một loại sự nghiệp. Báo ân báo oán được coi là mục tiêu của cuộc đời, đến chết mới thôi. Tinh thần bất khuất kiên cường, hăng hái tiến lên ấy chính là điều mà phần lớn tiểu thuyết võ hiệp ra sức tuyên truyền. Tác giả tiểu thuyết võ hiệp nói chung đều thường tạo ra rất nhiều trở lực cho sự phục thù báo oán; trong hoàn cảnh gian nan khốn khổ ấy, họ chờ đợi, kiên trì, nhẫn nhục, đau khổ... trăm tôi ngàn luyện, cuối cùng mới đạt được mục đích. Trong quá trình lâu dài và quanh co ấy, cần phải có ý chí, nghị lực và lòng kiên nhẫn hơn người. Độc giả phần lớn không có thiện cảm với nhân vật Lâm Bình Chi trong “Tiểu ngạo giang hồ”. Anh ta vì muốn báo mối thù sâu, đã theo bí tịch mà luyện kiếm, chấp nhận cả việc vung đao tự thiến mình và cự tuyệt cả người vợ một lòng yêu mình. Nhưng phải thừa nhận rằng ở Lâm Bình Chi tiềm ẩn một nghị lực người thường không thể có. Toàn thân là một khối hận thù, nỗ lực vươn lên, báo thù bằng bất kỳ giá nào, không ai có thể báo thù một cách khốc liệt như anh ta.

Trang chủ Tự hiền trang là Du Thản Chi trong “Thiên Long bát bộ” cũng mang một mối hận thù như vậy. Nhưng vì tính cách hèn nhát, tuy muốn báo thù nhưng không sao thực hiện được, thế là lại đeo đẳng cô bé A Tử tâm địa tàn độc, cam tâm chịu bao sự dày xéo chà đạp của cô ta. Không có gì có thể chi phối con người một cách khắc nghiệt như lòng thù hận. Nó khiến người ta dốc lòng tu luyện, trăm cay ngàn đắng không sờn. Du Thản Chi căn bản không có chí phục thù, chỉ có thể coi là một nhân vật bi thảm đáng ghét và đáng thương hại.

** Bị trói buộc bởi ân cừ.*

Đối với ân và cừ, có hai loại tình hình. Một là xuất phát từ tình cảm, yêu một người hoặc thù hận một người nào đó thì cam lòng chấp nhận trăm ngàn cay đắng gian khổ trong quá trình báo ân hay phục thù đó. Một loại nữa là xuất phát từ trách nhiệm, theo quy phạm xã hội, nếu không như sở nguyện thì lòng thù hận sẽ trở thành một sự trói buộc ghê gớm, không những phải hy sinh hạnh phúc cá nhân mà còn có thể đi đến sự hủy diệt. Đôi bạn tình tuyệt vời là Trương Đan Phong và Vân Lỗi trong “Bình tung hiệp ảnh” sau khi đã để lộ thân thế, mới phát hiện ra họ là cừ địch của nhau. Trương Đan Phong là con trai của Trương Tông Chu đang làm thừa tướng ở nước Ngõa Thích, còn cha của Vân Lỗi là Vân Tĩnh năm xưa đi sứ Ngõa Thích, vì bị Trương Tông Chu gièm pha mà bị đày đi chăn ngựa ở vùng băng tuyết 20 năm, chịu đựng mọi sự áp bức tủi nhục, vì vậy mà giữa hai họ (Trương và Vân) có một mối thâm thù, Vân Tĩnh đã viết bức huyết thư dặn con cháu trả thù. Mối thù của đời trước đời sau phải hy sinh hạnh phúc để thanh toán. May mà Trương Đan Phong và Vân Lỗi hiểu rõ đại nghĩa, không nghĩ đến oán thù xưa nên mới tránh được bi kịch kiểu Rô-mê-ô và Juliet. Ân tình cũng là một thứ xiềng xích. Trong “Lưu tinh - Hồ điệp - Kiếm”, người đàn ông trung niên 17 năm ròng lặng lẽ ở trong hang để trả ơn cứu mạng của Cao lão, ăn gió nằm sương, hai mắt bị mù, làm sao chịu đựng được qua bao nhiêu năm tháng dài lâu như vậy? Thật không thể tưởng tượng được. Sau khi trả ơn rồi, liệu anh ta còn tìm được hạnh phúc cá nhân không? Bình A Tứ thì khác, anh ta nuôi đứa con trai của Hồ Nhất Dao, bỏ cả tính mạng để báo thù cho Hồ Nhất Dao, không phải là để báo đáp ân tình của họ Hồ mà là tự giác vui lòng thực hiện một mục tiêu của cuộc đời, tìm

thấy niềm vui trong đó. Trong xã hội phong kiến coi trọng lễ pháp và đạo đức, muốn phá vỡ những ràng buộc của quy phạm xã hội là điều không dễ. Dưới ngòi bút của các tác gia tiểu thuyết võ hiệp, có sự xung đột và giao chiến giữa tình-nghĩa, ân-cừ cũng thật là thảm khốc, nó khiến người ta phải thở than đồng thời cũng phải suy nghĩ sâu xa...

** Hóa giải ân cừ.*

Phá vỡ xiềng xích của lễ pháp, không nghĩ đến ân cừ, đối với hiệp khách mà nói thì chưa phải là việc khó nhất. Bởi vì hiệp khách vốn không câu nệ lễ pháp, họ là những anh hùng hảo hán dám làm dám chịu. Khó nhất là sự hóa giải mối cừ hận ở trong lòng. Trí Quang đại sư dùng cái chết để khuyên răn cũng không thể hóa giải được cừ hận trong lòng Kiều Phong, có thể thấy ngọn lửa cừ hận thiêu đốt linh hồn con người đến mức nào. Tất cả mọi sự cừ hận đều xuất phát từ sự chấp trước đối với người hay sự vật mà mình yêu. Báo thù không phải là phương pháp duy nhất, tìm được một tình yêu mới cũng có thể bù đắp phần nào tình yêu đã mất. Diệp Nhị Nương trong “Thiên Long bát bộ” bị người tình bỏ rơi, ôm hận hơn 20 năm, một câu của Huyền Từ:

“Bao nhiêu năm nay nàng thật là đau khổ” thế là bao nhiêu uất hận của Diệp Nhị Nương tiêu tan trong khoảnh khắc, tình yêu đã chiến thắng hận thù, báo thù là chuyện nhỏ, Diệp Nhị Nương vì thế mà tuần tình.

Kiều Phong sau khi đã trải qua vô vàn khổ nạn, ở tàng kinh các chùa Thiếu Lâm chàng hiểu ra rằng: so với bao nhiêu khổ nạn của trăm họ trong thiên hạ thì cừ hận cá nhân là bé nhỏ không đáng kể. Từ Diệp Nhị Nương đến Kiều Phong, sự hóa giải cừ hận là lấy tình yêu để bù đắp cho tình yêu, lấy lòng nhiệt thành tạo phúc cho trăm họ thay thế cho khát vọng báo thù, tức là lấy một sự chấp trước này thay thế cho một sự chấp trước khác.

Sự hóa giải ở trình độ cao hơn là đã phá chấp trước, giác ngộ ra rằng mọi sự chấp trước đều là hư ảo. Lý Thu Thủy và Thiên Sơn Đồng Lão mấy mươi năm thù oán triền miên, cuối cùng mới phát giác ra rằng người tình trong tim Tiêu Dao Tử là tiểu sư muội của họ, cuộc tranh chấp quá nửa đời người của hai kẻ tình địch này hóa ra chỉ là một sự nhầm lẫn. Tình yêu là ảo, thù hận tất nhiên cũng là ảo, từ lòng thù hận mà sinh ra ý nghĩ báo thù, kỳ thực chả có ý nghĩa gì, ngược lại chỉ đem đến cho họ những nỗi khổ não vô biên. Được sự điểm hóa của vị sư già không tên trong tàng kinh các, phụ thân của Tiêu Phong là Tiêu Viễn Sơn cuối cùng mới giác ngộ ra rằng “người ta chết rồi, tất cả đều là không”, rồi từ đó xuất gia làm nhà sư.

Những nỗi khổ của đời người không chỉ là sự trói buộc của ân cừ. Nếu đều được Phật pháp hóa giải, không còn chấp trước thì sẽ bước vào một cảnh giới mới.

17. Quan niệm về tình yêu

Tiểu thuyết võ hiệp cổ đại phần nhiều đều bài xích tình yêu. Đại hiệp Kinh Kha thời Tiên Tần có đời sống ái tình của mình chăng? Vô luận là “Thích khách liệt truyện” trong “Sử ký” của Tư Mã Thiên hay tiểu thuyết “Yên Đan Tử” cuối thời Đông Hán đều không nói gì về điều này. Thái tử Đan hậu đãi Kinh Kha, “tặng cho Kinh Kha ngựa, xe, gái đẹp”, đó là coi người khác giới chỉ là công cụ phát tiết tình dục, hiếu sắc mà không có tình yêu. Thảo nào mà trong một trường hợp khác, “Thái tử Đan sai người đẹp đánh đàn, Kinh Kha khen “đôi tay đẹp quá”, Đan bèn chặt tay người đẹp đặt trên cái khay ngọc tặng Kinh Kha”. Kinh Kha vô cùng cảm kích tấm lòng của

Thái tử, không hề có một chút tình thương hoa tiếc ngọc. Ở đời Đường, tiểu thuyết võ hiệp thịnh hành, phần lớn đều ít đề cập đến chuyện tình. Cổ Áp Nha trong “Vô Song truyện”, Ma Lạc trong “Côn Luân nô” đều dùng hành vi nghĩa hiệp để tác thành cho người khác, còn bản thân mình thì lại vô duyên với ái tình. Hiệp khách Quách Nguyên Chấn trong truyện “Quách Nguyên Chấn” dũng cảm ra tay, dẫn dân chúng diệt quái trư “Ô tướng quân”, trừ hại cho dân. Cô gái được chàng cứu rất cảm kích, tình nguyện gửi thân cho chàng. Nhưng Quách Nguyên Chấn lại tìm mọi lý do để từ chối, cuối cùng khước từ không được mới miễn cưỡng đồng ý cưới nàng làm vợ lẽ. Cứu người trong lúc hoạn nạn không cần báo đáp cố nhiên là mỹ đức truyền thống của hiệp khách. Thế nhưng thái độ khước từ tình yêu là kế thừa tinh thần hiệp khách cổ đại.

“Cầu Nhiệm Khách truyện” là tiểu thuyết đầu tiên có đề cập đến tình yêu nam nữ. Thị nữ Hồng Phát trong phủ Dương Tố đã “duyet qua nhiều người trong thiên hạ” nhưng chỉ mới nhìn đã chung tình với chàng trai Lý Tĩnh đang long đong lận đận, đêm khuya một mình lẻn trốn theo chàng, quyết gắn bó suốt đời với chàng. Đoạn này miêu tả hoàn toàn không để ý gì đến sự rụt rè dè dặt của nhi nữ thường tình, mà đầy tinh thần phóng túng của hiệp khách. Nhưng trong tác phẩm này miêu tả tình yêu cũng không nhiều lắm.

Trong “Thủy hử truyện”, tập đại thành của tiểu thuyết võ hiệp cuối Nguyên đầu Minh, phần lớn hảo hán Lương Sơn đều chủ trương cấm dục. Tống Giang đã từng nói rằng: “Nếu tham nữ sắc thì chẳng xứng đáng là hảo hán”. Ở đây, quan niệm về tình yêu của hiệp khách là một bước lùi so với “Cầu Nhiệm Khách”.

Trong loại tiểu thuyết như “Nhi nữ anh hùng truyện” đời Thanh, hiệp khách hăng hái đột phá “vùng cấm” này, hiệp khách đồng thời cũng là người tình. Quyển đầu trong bộ “Nhi nữ anh hùng truyện” của Văn Khang có thơ rằng:

“Hiệp liệt anh hùng bản sắc,

Ôn nhu nhi nữ gia phong.

Lưỡng ban nhược thuyết bất tương đồng,

Trừ thị si nhân thuyết mộng.

Nhi nữ vô phi thiên tính,

Anh hùng bất ngoại nhân tình.

Tối lân nhi nữ hựu anh hùng,

Tài thị nhân trung long phượng”.

(Nghĩa hiệp là bản sắc anh hùng

Dịu dàng là phong tư nhi nữ

Nếu bảo hai bên chẳng tương đồng

E chỉ người si nói mộng

Nhi nữ đều do thiên tính

Anh hùng vẫn lụy nhân tình

Đáng yêu nhi nữ lại anh hùng

Mới là long phượng giữa nhân gian)

Đến đây, “hiệp” và “tình” đã hợp lưu. Nhưng, chân tình của nhi nữ ở đây còn kết hợp mật thiết với lễ giáo phong kiến. Khi có sự xung đột giữa “tình” và “lễ”, thì dùng “lễ” để chế ngự “tình”. Điều này đã trở thành chủ tuyến trong đời sống ái tình của không ít hiệp khách. Trong “Hiệp nghĩa phong nguyệt truyện”, chàng hiệp sĩ Thiết Trung Ngọc phải dưỡng bệnh trong nhà của Thủy Băng Tâm, hai người tuy yêu nhau sâu sắc nhưng vẫn tuân thủ lời cổ huấn “nam nữ thụ thụ bất thân”, ngồi cách rèm đối ẩm, “không hề nói đến tư tình”. Sau khi nghe lệnh của cha mẹ mà kết hôn rồi vẫn “ở khác phòng” để thể hiện sự trong sạch. Thủy Băng Tâm nói một cách trịnh trọng rằng:

“Mới đầu không buông thả, đến cuối cũng không có hôn nhân, mới minh bạch; nếu cuối cùng lại thành thân thì sự giữ gìn ở buổi đầu ai mà tin được! Đó là điều quan trọng của danh tiết một đời, không thể dứt bỏ được”. Chi phối đôi tình nhân “Thiết” “Băng” này là một tín điều thủ cựu, lạnh lùng: “Thà mất duyên tình đôi lứa, không làm kẻ có tội với danh giáo”. Trong “Tam môn nhai”, Sở Vân nữ đóng giả nam cùng vị hôn phu rong ruổi giang hồ, hành hiệp trượng nghĩa, nhưng từ đầu đến cuối lòng như giếng lạnh, giữ gìn trinh bạch. Để chứng minh sự trong sạch của mình nàng để lộ dấu “thủ cung sa”, chứng minh rằng mình vẫn là trinh nữ. Vì vậy tác phẩm này còn có tên là “Thủ cung sa”.

Các tác giả như Lý Định Di, Cổ Minh Đạo, Vương Độ Lư, Chu Trinh Mộc... Ở thời kỳ đầu Dân Quốc miêu tả những mối tình bi hoan ly hợp quần quýt triền miên của anh hùng hiệp khách với giai nhân, đầy trang là chuyện hoa tình, hấp dẫn người đọc. Những hiệp khách này phần nhiều đều phá vỡ sự ràng buộc của lễ giáo, làm theo tiếng gọi của tình cảm, dám yêu dám hận. Ví dụ như trong “Hạc Kinh Côn Luân” của Vương Độ Lư, Giang Tiểu Hạc và Bảo A Loan là một đôi thanh mai trúc mã, thật lòng yêu nhau. Nhưng vì hai nhà có mối thâm thù giết cha nên khó lòng thành gia thất, cuối cùng Bảo A Loan đã phải chết vì tình, Giang Tiểu Hạc khôn nguôi tình cũ đã dứt khoát xóa bỏ thù xưa. Ở đây tình yêu đã trở thành vấn đề trung tâm của cuộc sống hiệp khách, cũng là xung đột giữa “tình” và “lễ” như trước, nhưng ở đây “tình” đã thắng “lễ”, tình yêu đã áp đảo hiểu đạo, hóa giải oan cừ.

Đương nhiên hấp dẫn, thú vị nhất vẫn là quan niệm về tình yêu trong tiểu thuyết võ hiệp tân phái. Tình yêu trong tiểu thuyết võ hiệp tân phái thật là muôn màu muôn vẻ. Từ “chàng chàng thiếp thiếp” trong cuộc sống hàng ngày cho đến sống chết có nhau, từ những xung đột bản năng đến vì tình mà cuồng si, không phải là một kiểu, nhưng tất cả đều thể hiện rõ đặc trưng cơ bản của quan niệm về ái tình của các đại hiệp hiện đại.

Trước hết, tình yêu là bản năng sinh mệnh chân thực, lành mạnh và đầy sức sống, không cần phải kiềm chế, không cần phải che giấu. Trong những mối xung đột giữa tình yêu với rất nhiều nhân tố, tình yêu thường chiếm ưu thế.

** Xung đột giữa tình và lễ*

Chủ đề xưa cũ này được biểu hiện rất sâu sắc dưới ngòi bút của các tác gia võ hiệp tân phái. Trong “Thần điêu hiệp lữ”, Dương Quá muốn lấy sự phụ của mình là Tiểu Long Nữ làm vợ, lại còn ngang nhiên công bố điều này giữa “anh hùng đại yến”, công nhiên thách thức với thành

kiến thế tục. Đáng kinh ngạc nhất là Kỷ Hiếu Phù trong “Ỗ thiên Đồ long ký”. Cô gái đệ tử của phái Nga My này, từ trước đã được cha hứa gả làm vợ cho hiệp sĩ thứ sáu của phái Vũ Dương là Ân Lê Đình, nhưng chưa kịp cưới thì bị Quang minh tả sứ của Minh giáo là Dương Tiêu bắt đi, vì bị cưỡng gian mà hoài thai, sinh hạ một đứa con gái. Tuy bị Dương Tiêu cưỡng bức thất thân, tuy nàng không chê Ân Lê Đình nhưng nàng lại sinh lòng yêu Dương Tiêu, không hề hối hận vì mối nghiệt duyên này, thà bị sư phụ đánh chết cũng không chịu hại Dương Tiêu, lại còn đặt tên cho con gái là Dương Bất Hối. Tình là gì mà khiến người ta một khi đã vướng vào là không gỡ ra được? Có thể tin chắc rằng trong tiểu thuyết võ hiệp tân phái, những người được ca ngợi là chí tình đều có một đặc điểm là tôn trọng trái tim mình, trân trọng chân tình xuất phát từ trái tim, chẳng để ý đến sự đánh giá của người khác, không ngại vì tình mà đi ngược lại lễ giáo.

** Xung đột giữa tình và thù*

Cổ Long có nói rằng: “Cừu hận chỉ đem đến cho người ta đau khổ và hủy diệt, tình yêu mới là vĩnh hằng”.

Các đại hiệp trong tiểu thuyết võ hiệp tân phái đều có tấm lòng rộng rãi, lấy đức báo oán, hóa giải oan cừu, mà thường gặp nhất là “lấy tình giải oán”. Trương Đan Phong trong “Bình tung hiệp ảnh lục” của Lương Vũ Sinh đã yêu con gái của kẻ thù là Vân Lỗi, khi hai bên biết rõ thân thế mình, bế tình bỗng nổi sóng, nhưng cuối cùng lại “mỉm cười xóa hết oan cừu”. Càng đáng chú ý hơn là dấu hỏi treo lơ lửng ở phần kết thúc tác phẩm “Tuyệt sơn phi hồ”: Lưỡi đao của Hồ Phỉ có chém xuống Miêu Nhân Phượng không? Có lẽ là không. Tuy giữa Hồ Phỉ và Miêu Nhân Phượng có mối thù giết cha, nhưng ở đời có việc còn quan trọng hơn phục thù báo oán. Chưa nói việc Kim Diện Phật Miêu Nhân Phượng và Hồ Phỉ đều là những đại hiệp hào khí ngất trời có thể tự hóa giải, Hồ Phỉ cũng không thể nào ra tay giết thân phụ của Miêu Nhược Lan, người trong tim mình, dù chàng có vì nhân nhượng mà bị Miêu Nhân Phượng giết chết cũng không hối tiếc.

** Xung đột giữa tình yêu với của cải, quyền lực, danh vọng*

Điều này đối với các vị đại hiệp vốn không đáng nói. Hồ Nhất Dao trong “Tuyệt sơn phi hồ” đã nói rất đúng rằng: “Đáng quý nhất trên thế gian này là tình yêu chân chính của hai tấm lòng chứ không phải là kho báu đáng giá liên thành”. Lệnh Hồ Xung và Nhậm Doanh Doanh trong “Tiếu ngạo giang hồ” không mấy hứng thú với quyền lực, sau khi thành hôn xong thì cùng từ chức, quy ẩn lâm tuyền. Lệnh Hồ Xung vì “yêu nữ ma giáo” Nhậm Doanh Doanh mà không tiếc thanh danh đại đệ tử của chính phái, dẫn một bọn ô hợp đến hỏi tội phái Thiếu Lâm. Ái tình nảy sinh một cách tự nhiên là một sự khẳng định đối với sinh mệnh, khiến nó càng phong phú, tốt đẹp, cảm nhận được cái vĩnh hằng trong từng khoảnh khắc, còn của cải, quyền lực, danh vọng đều là vật ngoại thân, thoáng qua như mây khói, vì chúng mà hy sinh tình yêu thì quả là bỏ gốc tìm ngọn, làm méo mó nhân tính. Trong “Tiếu ngạo giang hồ”, những kẻ như Nhạc Bất Quần, Lâm Bình Chi vì tham vọng xưng bá giang hồ đã không thềm đếm xỉa gì đến đạo nhân luân tình chồng vợ, lao vào tập luyện loại tà công “Tịch tà kiếm pháp”, biến hình thành người không ra người, quỷ không ra quỷ, loại người ấy tất nhiên không có việc xấu xa nào mà không dám làm. Trong tiểu thuyết võ hiệp tân phái, quan niệm về tình yêu thường là một hòn đá thử vàng để đánh giá nhân phẩm của hiệp khách. Vì một cái nhìn dịu dàng của người khác giới thì có thể dám liều mình, người như thế thường là hiệp khách chân chính. Ngược lại, kẻ coi tình

yêu như cỏ rác thì phần lớn cũng sẵn sàng từ bỏ nguyên tắc của hiệp khách, chỉ làm nhơ danh hiệu hiệp khách.

** Xung đột giữa tình và lý*

Lương Vũ Sinh là tác gia rất sành xử lý chủ đề này. Trong tác phẩm của ông, người ta thường gặp những mối tình tam giác hoặc đa giác, nhưng người trong cuộc thường nhường nhịn lẫn nhau, rất có lễ nghĩa, cuối cùng tất nhiên người cao thượng tự rút lui, kẻ có tình sẽ thành gia thất. Trong “Nữ đế kỳ anh truyện”, Vũ Huyền Sương, Thượng Quan Uyển Nhi, Trương Tôn Bích cùng yêu Lý Dật. Con người có tình yêu nồng nhiệt như Trương Tôn Bích không thể để cho người khác cướp Lý Dật, thế là Lương Vũ Sinh cũng không nhẫn nại để nàng sống, chỉ giữ lại hai vị hồng nhan, đúng là phong độ của “Đạo học gia”. Vũ Huyền Sương đã tình nguyện tác thành cho người khác. Cuối cùng Thượng Quan Uyển Nhi lấy thái tử (tức Lý Dật), vì đại nghiệp quốc gia mà phụ tá triều chính. Lý Dật vốn yêu Vũ Huyền Sương nhất, nhưng vì Vũ Huyền Sương là cháu của Vũ Tắc Thiên, một kẻ luôn nuôi chí khôi phục cơ nghiệp nhà Đường của họ Lý như Lý Dật đành phải cắt đứt tơ tình. Đối với những người hiệp khách như thế mà nói, “Quốc sự là trọng, tình riêng là nhẹ”, sự tự chế của lý tính đã áp đảo rung động tình cảm. Trong tác phẩm này nơi nơi biểu hiện cái đẹp của tình yêu một cách hàm súc, bi thiết, thậm chí tàn khốc. Điều này tất nhiên phù hợp với tâm lý văn hóa truyền thống của Trung Quốc.

Ở vấn đề này, hiệp khách dưới ngòi bút Kim Dung biểu hiện ý thức phản truyền thống mạnh mẽ. Quách Tĩnh không nghe sự phản đối của sư phụ, vẫn yêu “tiểu yêu nữ” Hoàng Dung (“Xạ điêu anh hùng truyện”). Vũ Dương Ngũ hiệp Trương Thúy Sơn chung tình với con gái của Thiên Ưng giáo là Ân Tố Tố, thề với trời rằng: “Nếu nàng phải chết bất đắc kỳ tử, ta cũng chết bất đắc kỳ tử với nàng”. Khiến người ta cảm thấy kỳ tuyệt nhất là Trương Vô Kỵ yêu quận chúa Mông Cổ, cừu địch của Hán tộc là Triệu Mẫn, hoàn toàn không để ý gì đến sự phân biệt Di - Hạ, đại nghĩa dân tộc. Hình tượng này đối lập rõ rệt với hình tượng Lý Dật dưới ngòi bút của Lương Vũ Sinh.

Xung đột giữa tình và lễ là thuộc phạm trù đạo đức, dẫu sao cũng tương đối dễ giải quyết; xung đột giữa tình và lý là thuộc phạm trù tâm lý, một thứ tâm lý thẩm mỹ đã lắng đọng lý tính đạo đức suốt mấy ngàn năm - dùng lý khắc chế tình là đẹp, nhường nhịn là đẹp, hy sinh là đẹp. Chính vì như thế nên hành vi đi theo tiếng gọi của trái tim, vì tình mà hiến thân, dám làm dám chịu mới càng khiến cho độc giả say mê.

** Xung đột giữa “tình” và “nghĩa”*

Trong đời sống tình cảm của hiệp khách, đây là mâu thuẫn sâu sắc nhất. Giữa những người khác giới có tình yêu, giữa những người cùng giới có nghĩa khí, tình và nghĩa đều quan trọng hơn tính mạng của chính mình. Thế nhưng khi tình yêu và tình bạn không thể lưỡng toàn thì phải làm sao? Lý Tầm Hoan trong “Đa tình kiếm khách vô tình kiếm” đã gặp phải vấn đề khó xử này. Lý Tầm Hoan và Lâm Thi Âm yêu nhau chân thành nhưng bạn của Lý Tầm Hoan là Long Khiếu Vân vì không biết rõ điều ấy nên cũng yêu Lâm Thi Âm. Lý Tầm Hoan vì tình bằng hữu, đã tự làm xấu mình đi, tìm đi xứ khác, để tác thành cho Long Khiếu Vân với Lâm Thi Âm. Sự ức chế mình để đáp ứng yêu cầu của người khác như thế, có thể nói là nghĩa khí ngất trời. Nhưng sự hy sinh cao thượng đó đem đến cho cả ba người nỗi đau khổ có tính hủy diệt. Lý

Tầm Hoan chỉ biết uống rượu giải sầu, nếu không có Tôn Tiểu Hồng đến sau lại chinh phục trái tim chàng, chắc chắn chàng sẽ tiêu trầm đi trong tình yêu tuyệt vọng, tự hủy diệt mình. Long Khiếu Vân một khi phát hiện ra rằng người vợ của mình là do người khác nhường lại, và nàng chưa bao giờ yêu mình, lòng tự ái của đàn ông bị tổn thương, những việc làm xấu xa của y sau này đều có thể cắt nghĩa được. Y vu khống Lý Tầm Hoan là “Mai Hoa đạo” (kẻ cướp Mai Hoa), với dã tâm mượn bàn tay của Thượng Quan Kim Hồng trừ khử Lý Tầm Hoan, hành vi đó chỉ có thể coi là “vong ân phụ nghĩa”, bởi vì hành vi nhường vợ thực chất là một sự sỉ nhục. Lý Tầm Hoan trước hết đã đặt Long Khiếu Vân vào vị trí bất nghĩa, cướp người yêu của người khác mặc dù Lý Tầm Hoan làm như vậy là xuất phát từ thiện chí, từ động cơ cao thượng. Kết quả của việc “bỏ tình giữ nghĩa” lại là vì tình mà tổn hại nghĩa, đó là điều mà Lý Tầm Hoan không hề ý thức được. Còn người đàn bà yếu đuối Lâm Thi Âm bị làm một thứ quà tặng nhường đi ấy, dù là Lý Tầm Hoan hay Long Khiếu Vân đều không thể hiểu nổi, không thể nào lường được nổi thống khổ mà nàng phải chịu đựng. Tình yêu là “khế ước” giữa hai trái tim, không thể tồn tại sự chiếm hữu đơn phương, vì thế mà cũng không ai có quyền “nhường lại”. Nói vậy, lẽ nào ban đầu Lý Tầm Hoan nên bảo vệ tình yêu với Lâm Thi Âm mà để cho Long Khiếu Vân vô vọng? Có lẽ đến cả Cổ Long tiên sinh cũng không biết Lý Tầm Hoan phải làm sao cho hợp lý, cho toàn mỹ. Có lẽ tình và nghĩa đều chí cao vô thượng, không nên để bên nào áp đảo bên nào, không bên nào có thể thôn tính bên nào.

Trương Thúy Sơn dưới ngòi bút của Kim Dung hình như đã nhận thức được điều này. Sau 10 năm lưu lạc trên Băng hỏa đảo trở về, chàng mới phát hiện ra kẻ đã hại sư huynh Du Đại Nham thành tàn phế lại chính là người vợ yêu quý của mình. Nếu chàng muốn toàn vẹn nghĩa anh em thì phải giết vợ để báo thù cho sư huynh; nhưng Ân Tố Tố bao năm qua đã là người vợ thân yêu của chàng, lại là mẹ của đứa con trai Trương Vô Kỵ, chàng không thể ra tay, chàng không thể dứt tình, cũng không thể bỏ nghĩa, chỉ có một con đường tự sát, lấy cái chết để hóa giải ân cừ. (“Ỗ thiên Đồ long ký”).

Nói tóm lại, quan niệm về ái tình của hiệp khách dưới ngòi bút của các tác gia như Kim Dung, Cổ Long... phần lớn là rất tiên tiến. Sự nảy sinh của tình yêu là lành mạnh và tự nhiên, không kể đến địa vị, công danh, tiền tài, sự nghiệp... Lời nói sau đây của Trương Vô Kỵ là rất tiêu biểu cho quan niệm ấy:

“Chỉ Nhược, ta đối với nàng luôn luôn kính trọng, đối với biểu muội Ân Ly ta rất cảm kích, đối với Tiểu Chiêu thì vẫn thương tiếc, còn đối với Triệu cô nương thì yêu đến ghi tâm khắc cốt”.

Kính trọng không phải là tình yêu, cảm kích không phải là tình yêu, thương tiếc cũng không phải là tình yêu. Tình yêu thực sự chỉ có thể xây dựng trên cơ sở sự rung cảm cả thể xác và tâm hồn. Trong cuốn “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước”, Ăngghen đã dự báo:

“Ở thời đại ấy (tương lai) đàn ông sẽ không còn dùng kim tiền hoặc các thủ đoạn quyền lực xã hội khác để buộc phụ nữ phải hiến thân, mà phụ nữ, ngoài tình yêu chân chính ra, cũng sẽ không bao giờ vì tính toán lợi ích mà để hiến thân cho đàn ông hoặc vì lo lắng đến hậu quả kinh tế mà từ chối việc gửi gắm cuộc đời cho người đàn ông mình yêu”.

Quan niệm về ái tình của các hiệp khách trong tiểu thuyết võ hiệp tân phái rất gần với dự

ngôn của Ăng-ghe-n.

Nếu nói rằng đặc trưng nói trên của quan niệm về tình yêu của các nhân vật đại hiệp hiện đại có thể coi là “tự nhiên chủ nghĩa”, thì một đặc trưng khác là mang sắc thái lý tưởng chủ nghĩa nồng đậm. Bao nhiêu là chuyện phức tạp - yêu mà không được yêu, yêu mà không có kết quả, trời tình bao la, bể hận khôn vơi... bi kịch tình yêu trong tiểu thuyết võ hiệp tân phái loại nào cũng có. Vậy mà các hiệp nam hiệp nữ vẫn ít khi vì thế mà không yêu. Kant có câu danh ngôn:

“Lý tưởng về cái thiện là pháp luật tối cao của trái tim, không kể đến lợi ích cũng không hỏi đến được mất”. Tình yêu cũng như vậy.

Tình yêu chân thật, đến mức cuồng si, không nề sinh tử, hà tất phải nghĩ đến thành bại được mất.

Lý Văn Tú trong “Bạch mã khiêu Tây phong” cuối cùng đã không nỡ để cho người mình yêu là Tô Phổ phải đau lòng, không thể biến kẻ tình địch của mình là A Mạn thành nô lệ, đành phải lặng lẽ ra đi để khỏi nhìn thấy cảnh họ sum vầy chàng chàng thiếp thiếp. Trình Linh Tố trong “Phi Hồ ngoại truyện”, chung tình với Hồ Phỉ, nhưng Hồ Phỉ lại đã yêu người khác, dù như thế nàng vẫn dùng miệng hút chất độc trên vết thương của Hồ Phỉ để cứu chàng, đổi sinh mạng mình để cứu sinh mạng của Hồ Phỉ, trước khi chết còn sắp xếp một loạt những việc tốt để chàng khỏi phải lấy cái chết để báo đáp tình nàng. Có người nói rằng:

“Học đạt tới cái tối cao của tình cảm là học ở cái chết, cũng như học triết học vậy”.

Lời ấy quả đã tâm đắc được cái bí quyết tình yêu của hiệp khách.

Người đời thường cho rằng hạnh phúc tối cao của tình yêu là kẻ hữu tình thành gia thất. Thực ra đó chỉ là một cảnh giới hữu hạn của tình yêu và hạnh phúc; còn có một Xích luyện tiên tử Lý Mạc Sầu vì tình yêu mà thành ma quái, đó cũng là một cảnh giới rất sâu xa. Nàng luôn ca bài từ của thi nhân Nguyên Hiếu Vãn đời Kim:

“Hỏi thế gian tình là chi vậy,

Mà gắn bó chẳng nề sinh tử...”

Tình yêu dưới ngòi bút của ba bậc đại gia của tiểu thuyết võ hiệp tân phái [\[5\]](#) mỗi người đều có đặc điểm riêng. Hiệp khách trong tác phẩm của Lương Vũ Sinh thì thân ở trong vòng tình ái nhưng vẫn vẹn toàn lý tính, sẵn sàng vì bằng hữu hay đại nghĩa dân tộc mà hy sinh tình yêu, rất ít khi vì bản năng sinh mệnh mà quên tất cả. Tình yêu trong tác phẩm của Kim Dung thì phần lớn nữ tùy thuộc nam. Rõ ràng nhất là các nhân vật Vương Ngữ Yên, A Châu, A Bích trong “Thiên Long bát bộ”. Trong trang viên của họ, Mộ Dung ở Cô Tô, toàn bộ sinh mệnh của họ chỉ có một tiêu điểm đó là chàng công tử phong lưu Mộ Dung Phục. Triệu Mẫn (trong “Ỗ thiên Đồ long ký”) ban đầu đầy dã tâm vì Mông Cổ mà lập đại nghiệp, hào khí chẳng kém đám mây râu, nhưng một khi đã yêu Trương Vô Kỵ là rồi, niềm lạc thú cuộc đời của nàng càng ngày càng thu hẹp, chỉ mong muốn cùng Trương Vô Kỵ “sống cuộc đời vợ chồng hạnh phúc trên thế gian này cho đến bạc đầu”, không còn cầu mong gì hơn nữa.

Tình yêu trong tác phẩm của Cổ Long thường biểu hiện tình dục đơn thuần, có khi tình ái trở thành cạm bẫy, mỹ nhân kế xuất hiện liên tục. Cái gọi “dị dạng là một lưỡi đao”, yêu càng sâu

thì tổn thất càng nặng nề. Trong “Đa tình kiếm khách vô tình kiếm”, A Phi dốc lòng yêu Lâm Tiên Nhi lại bị ả ta biến thành một thứ đồ chơi, gần như là một cái xác biết đi lại. Có người đoán rằng sở dĩ như vậy là vì Cổ Long tiên sinh quá nhiều phen bị đàn bà lừa gạt, phải chịu nhiều nỗi đau. Nhưng vô luận sự thực thế nào, trong việc miêu tả ái tình, Cổ Long tiên sinh đã không khỏi tình cờ mắc phải cái bệnh mà mình đã phê phán:

“Nhân tính không phải chỉ là phần nộ, cừu hận, bi ai, sợ hãi... Vì sao cứ phải đặc biệt chú ý viết về cái xấu xa độc ác trong cuộc đời...?”.

[1] Trương Lương nhờ một dũng sĩ phục ở Bắc Lãng Sa, đập một chùy vào xe Tần Thủy Hoàng nhưng lại đập vào xe phụ, Tần Thủy Hoàng thoát chết.

[2] "Con cháu Viêm Hoàng" (nguyên văn: Viêm Hoàng tử tôn): Viêm đế và Hoàng đế được coi là tổ tiên của dân tộc Trung Hoa. Người Trung Hoa tự xưng là "con cháu Viêm Hoàng".

[3] Lời Mạnh Tử: Cá là thứ ta thích, tay gấu cũng là thứ ta thích. Hai thứ không thể được cùng một lúc. Sinh mạng là thứ ta cần, nghĩa cũng là thứ ta cần. Không thể được cả hai thì sẽ bỏ sinh mạng để giữ lấy nghĩa ("xả sinh thủ nghĩa").

[4] "Đồng quy ư tận": đánh nhau mà cả hai bên đều chết.

[5] Tức: Lương Vũ Sinh, Kim Dung, Cổ Long (ghi theo trật tự thời gian).

CHƯƠNG VI: NHỮNG MỐI QUAN HỆ LỚN CỦA VÕ HIỆP

1. Võ hiệp với Mặc gia

Mặc gia với tư cách là một học phái rất đặc sắc trong các học phái của Chư tử thời Tiên Tần, chiếm một vị trí quan trọng trong tư tưởng truyền thống ở Trung Quốc, cũng có ảnh hưởng rất lớn đối với sự xuất hiện của “hiệp” trong lịch sử và sáng tác tiểu thuyết võ hiệp.

Trong các học phái Chư tử Tiên Tần, chỉ có Mặc gia là có tổ chức vững chắc và chặt chẽ. Khác với các học phái đương thời, Mặc gia không chỉ đề xuất một hệ thống tư tưởng rộng lớn rồi sau đó đi du thuyết liệt quốc. Xuất thân là một người lao động sản xuất nhỏ, Mặc tử rất chú trọng những mục tiêu cụ thể thuộc hình nhi hạ (tức thuộc đời sống thực tế xã hội); hơn nữa còn tự mình ra sức thực hiện những mục tiêu đó. Thiên “Thái tộc” sách “Hoài Nam tử” (của Hoài Nam Vương thời Tây Hán) nói rằng: “Theo Mặc tử có đến 180 người, đều có thể khiến nhảy vào hồ lửa rừng đao, chết không lùi bước”. Tổ chức của người theo Mặc gia về cơ bản có thể coi là môn phái giang hồ sớm nhất.

Thủ lĩnh của tổ chức những người theo Mặc gia gọi là “Cự tử”, môn đồ của Mặc gia phục tùng sự chỉ huy của cự tử. Nhưng, đối với quy củ của Mặc gia, cự tử tất phải tuân thủ một cách nghiêm túc. Thiên “Chí thu” trong sách “Lã thị Xuân Thu” còn ghi lại câu chuyện rằng:

“Có một cự tử Mặc gia tên là Phúc Hưởng ở Tần, con của ông ta giết người. Tần Huệ Vương nói: “Tiên sinh tuổi đã cao, không thể có con nữa, quả nhân đã ra lệnh không giết con khanh nữa. Tiên sinh hãy nghe lời quả nhân”. Phúc Hưởng trả lời rằng: “Phép tắc của người theo Mặc gia nói rằng: kẻ giết người phải chết, kẻ làm tổn thương người phải chịu hình phạt. Như thế là để cấm việc giết hại người ta. Cấm giết hại người ta là đại nghĩa trong thiên hạ. Tuy nhà vua tha tội chết cho nó, nhưng Phúc Hưởng này không thể không thực hiện phép tắc của Mặc gia”. Bèn không nghe lời Huệ Vương, mà vẫn giết đứa con”.

Câu chuyện này dễ khiến người ta liên tưởng đến các bang phái hiệp nghĩa như Cái bang trong tiểu thuyết võ hiệp. Phúc Hưởng không nghe theo ý của vua Tần mà thực hiện “phép tắc của Mặc gia” cũng có thể coi là bước khởi đầu của quy củ võ lâm trong thế giới giang hồ, độc lập với vương triều.

Mặc gia tôn sùng chữ “nghĩa”, nói rằng: “Vạn sự không gì quý bằng nghĩa”.

“Nghĩa” là gì?

Sách “Trung dung” dẫn lời Khổng tử, rằng: “Nghĩa, là thích hợp” (“nghĩa giả, nghi dã”). Thiên “Ly lâu” trong sách Mạnh tử cũng nói: “Nghĩa là con đường đúng đắn của người ta” (“Nghĩa, nhân chi chính lộ dã”).

Nhưng mỗi người có cách lý giải về “nghĩa” khác nhau. Như đã nói, những người theo Mặc gia cho rằng “Cấm giết hại người là đại nghĩa trong thiên hạ”, đề xướng “thương yêu tất cả, giao du thì cùng có lợi”, “trời thích nghĩa mà ghét bất nghĩa”. Nhưng Mặc gia cũng không phản đối bạo lực một cách vô điều kiện, để bảo vệ chính nghĩa có lúc cũng phải ra tay lấy bạo trừ

bạo. Sách “Mặc tử” còn ghi lại câu chuyện sau đây:

“Có một lần, vua Sở với sự giúp sức của nhà khoa học Công Thâu Ban đã chế tạo thang mây, chuẩn bị đánh nước Tống. Mặc tử nghe tin, Từ Khúc Phụ vội vàng đi mười ngày mười đêm, đến kinh đô nước Sở là Sính Đô (nay là Giang Lăng, Hồ Bắc) ra sức can ngăn Sở vương và đấu trí, đấu kỹ thuật với Công Thâu Ban, diễn tập 9 lần tấn công và phòng thủ, Công Thâu Ban đều thất bại. Cuối cùng Công Thâu Ban thẹn quá hóa giận, có ý đồ giết Mặc Tử để trừ chướng ngại trong việc tấn công nước Tống. Mặc Tử biết rõ ý đồ này, cảnh cáo rằng: “Đệ tử của ta như bọn Cầm Hoạt Ly có đến ba trăm người, sẽ thay ta cầm vũ khí bảo vệ thành nước Tống, đợi giặc Sở đến”. Sở vương đành bỏ kế hoạch đánh Tống. Sau đó, Mặc tử đi qua nước Tống gặp mưa muốn vào tạm tránh mưa ở một trạm canh lại bị kẻ canh gác không cho vào”.

Tinh thần vì chính nghĩa mà nhảy vào nước sôi lửa bỏng, không hề kể công ấy trở thành tấm gương của các hiệp khách đời sau.

Cho nên, trong lịch sử người ta thường gọi những người theo Mặc gia là “Mặc hiệp”, cho rằng họ là những hiệp khách đầu tiên.

Mặc gia coi trọng nhậm hiệp (tức việc hành hiệp trượng nghĩa); điều này cũng được ghi lại trong “Mặc kinh” (Sách “Mặc tử”): “Kinh thượng” viết rằng: “Nhậm, nghĩa là kẻ sĩ chịu thiệt mình để giúp đỡ cho người” và giải thích rằng: “Nhậm, là làm việc mình không thích để giúp người trong lúc nguy cấp”. Không kể đến công tội được mất của cá nhân, khẳng khái giúp người, đó là nghĩa khí của nhậm hiệp.

Mặc gia “coi trọng hiền tài” (“thượng hiền”), Mặc tử đề xuất: kẻ hiền sĩ cần phải phù hợp với ba tiêu chuẩn: 1) Kẻ có sức mạnh hãy mau giúp người, 2) Kẻ có của cải hãy gắng chia cho người, 3) Kẻ có đạo hãy dạy người. Ba tiêu chuẩn này và tiêu chuẩn hiệp nghĩa về sau không khác nhau lắm, đều thể hiện một loại ý thức đạo đức cao quý, trở thành tiêu chí rõ nhất của nhân cách hiệp khách.

Do Mặc gia là một tổ chức chặt chẽ có thực lực và lại có một hệ thống “Mặc pháp” khác với vương pháp trong hành hiệp trượng nghĩa, tất nhiên sẽ dẫn đến sự căm ghét của kẻ thống trị. Cho nên, mặc dù ở thời Chiến quốc họ hoạt động rất sôi nổi nhưng từ Tần, Hán về sau đã bị cấm chỉ và đàn áp trầm trọng, dần dần đi vào ẩn náu trong dân gian. Có thể nói điều này cũng mở ra con đường bất tương dung giữa hiệp và quan phủ.

Sau khi khảo sát mối quan hệ sâu xa giữa hiệp và Mặc gia, cũng cần thấy rằng Mặc gia không hoàn toàn phù hợp với “hiệp” theo ý nghĩa truyền thống. Hiệp khách hành hiệp trượng nghĩa là do chính nghĩa cảm, “lộ kiến bất bình bạt đao tương trợ” chứ không hề có khái niệm quy phạm xã hội rõ ràng. Trên chính thể họ cũng như hạc nội mây ngàn, hoàn toàn không nghĩ đến trật tự và cục diện xã hội như chính trị gia. Đây cũng là chỗ khác nhau lớn nhất giữa hiệp và Mặc gia. Mặc gia có lý tưởng chính trị rõ ràng, họ muốn xây dựng một lạc viên không có bóc lột, không có áp bức, ai cũng sống bằng lao động của mình, người lao động giúp đỡ lẫn nhau, thân thiết như bạn bè và cùng có lợi. Đối với chính quyền, Mặc gia không chủ trương vô chính phủ. Trên thực tế, ở lĩnh vực chính trị, Mặc gia chủ trương “thượng đồng” (chuộng sự đại đồng, bình đẳng). Họ cho rằng muốn thực hiện lý tưởng chính trị của Mặc gia thì phải thống nhất quan niệm, thống nhất hành động, tất cả đều phải thống nhất với hệ thống “khanh trưởng” “quốc

quân”, “Thiên tử” và “Thiên”. Sở dĩ Mặc gia trong đời sống hiện thực không theo vương pháp mà theo “Mặc pháp” là vì họ cho rằng một vị thiên tử “có nghĩa với toàn thiên hạ” chưa xuất hiện. Quan điểm “thượng đồng” này cho đến khuynh hướng tổ chức hóa là chỗ khác với tính cá nhân cá thể của hiệp khách đời sau.

Thế nhưng, nhân cách của hiệp khách cũng không phải là nhất thành bất biến. Càng đến thời cận đại, hiện tượng cá nhân hành hiệp càng ngày càng ít, việc tổ chức thành các hội đảng giáo môn càng ngày càng nhiều. Chẳng hạn như “Bách liên giáo”, “Thiên địa hội” đều có xu thế dựa vào đặc trưng tổ chức hóa của Mặc gia cổ đại, hơn nữa đều có mục tiêu chính trị và lý tưởng xã hội rõ ràng. Chẳng hạn như Minh giáo trong “Ý thiên Đồ long ký”, giữa các giáo hữu luôn trọng nghĩa khí, trọng lời hứa, thương yêu lẫn nhau, gọi nhau là anh em đồng thời lại phân biệt tôn ti có trật tự rõ ràng. Họ nổi dậy khắp nơi, chống lại nền chính trị bạo ngược, cũng là để xây dựng một lạc viên lý tưởng. Lại chẳng hạn như các tay cao thủ trong “Tứ đại danh bổ” của Ôn Thụy An càng là những tín đồ của trật tự tối cao tự giác gắng sức để bảo vệ và cải thiện trật tự xã hội.

Hiện tượng ấy cũng thuyết minh rằng: theo sự biến thiên của thời đại, cách lý giải của người ta về “hiệp” cũng không ngừng thay đổi và ngày càng phong phú. Kim Dung tiên sinh là một ví dụ điển hình. Bắt đầu từ việc sáng tạo nên một vị tổng đà chủ của “Hồng hoa hội” là Trần Gia Lạc đến việc chú ý khắc họa một hình tượng hoàng đế anh minh như Khang Hy, đã phản ánh quá trình dần dần thay đổi quan niệm của ông. Nói vậy cũng có nghĩa là trong xã hội hiện thực, du hiệp chỉ dựa vào việc rong ruổi giang hồ thì không thể giải quyết được những vấn đề lớn, mà cần phải có một chính phủ vững mạnh và kẻ thống trị sáng suốt, cần phải hành động có tổ chức và có trật tự hợp lý duy trì pháp luật.

2. Võ hiệp với Nho gia

Nho gia là một học phái xuất hiện sớm nhất, ảnh hưởng lớn nhất, thời gian kéo dài nhất, chi phái nhiều nhất, sự đánh giá có nhiều tranh luận nhất trong lịch sử Trung Quốc. Sau Khổng tử, Nho gia chia làm tám phái. Sau khi kết thúc thời đại bách gia chư tử Tiên Tần, nho học trải qua hai cao trào phát triển. Lần thứ nhất là ở đời Hán, qua sự đề xướng của Đổng Trọng Thư, từ một học phái trong những học phái của chư tử, Nho gia đã trở thành nền học thuật quan phương, chiếm địa vị độc tôn. Lần thứ hai là ở đời Tống, trải qua sự phát triển của Trình Di, Trình Hạo và Chu Hy, trong Nho gia xuất hiện phái lý học.

Đối diện với tình huống phức tạp như vậy, rất khó nói một cách rõ ràng về mối quan hệ giữa Nho gia với võ hiệp. Nhất là từ sau khi Nho gia được nâng lên thành nền học thuật quan phương, thì về cơ bản đã trở thành công cụ duy trì trật tự xã hội hiện thực, càng khó có điểm chung với võ hiệp. Cho nên chữ “Nho” được đề cập ở đây cơ bản xuất phát từ Nho gia nguyên thủy thời Khổng Mạnh.

Trong thiên “Luận lục gia yếu chỉ”, Tư Mã Đàm [\[1\]](#) nói:

“Người theo Nho gia học rộng mà ít thực tế, vất vả mà ít công, cho nên khó theo hết ý họ. Nhưng họ đặt ra lễ quân thần, phân biệt chồng vợ, già trẻ là không thể thay đổi”.

Thiên “Thất lược” của Lưu Hướn (học giả thời Tây Hán) nói rằng:

“Những người theo Nho gia, phần lớn xuất thân từ quan Tư đồ, giúp vua thuận âm dương,

làm cho giáo hóa được rõ ràng. Văn ở trong khoảng “lục kinh”, giữ ý ở trong nhân nghĩa, tổ thuật Nghiêu Thuấn, theo phép của Văn vương, Vũ vương, tôn thầy Trọng Ni (tức Khổng tử), trọng lời của họ, đạo Nho là tối cao”.

Hai đoạn văn này về cơ bản là khái quát đặc điểm của Nho gia. Nói một cách cụ thể, Nho gia muốn xây dựng một thế giới đại đồng lý tưởng ngay trong thời Xuân Thu Chiến Quốc loạn lạc. Họ chú trọng ở việc thông qua “nhân” và “lễ”, nhấn mạnh sự điều tiết hợp lý giữa tình cảm và lý trí để đạt được sự ổn định cân bằng giữa tồn tại xã hội và thân tâm cá thể, thực hiện sự cứu đời và hoàn thiện tự ngã ngay trong cuộc sống này. Điều này có liên hệ mật thiết với đạo nghĩa của hiệp khách.

Mạnh Tử đã quy cơ sở của tất cả sự hành động để thực hiện mục tiêu ấy về “tấm lòng không nở thấy người đau khổ” (tức lòng nhân). Ông giải thích rằng:

“... Người ta ai cũng có tấm lòng không nở nhìn người khác đau khổ, (chẳng hạn như) bỗng dưng thấy một đứa trẻ sắp rơi xuống giếng, người ta đều nảy sinh lòng lo lắng thương xót. Đó không phải vì thân với cha mẹ đứa trẻ, không phải để được làng xóm bạn bè khen ngợi, cũng không phải vì ghét tiếng kêu của đứa trẻ”.

Đó cũng là cơ sở tình cảm tâm lý nhậm hiệp. Không do tư lợi mà do tấm lòng giục giã hành động, đó chính là “hiệp”.

Mạnh Tử đề cao tính chủ thể của nhân cách đạo đức và truy cầu nhân cách lý tưởng, điều ấy cũng trở thành một cột trụ của “hiệp”. Ông nói: “Sống, đó là điều ta muốn; nghĩa, cũng là điều ta muốn. Nếu không thể được cả hai thì bỏ sự sống mà giữ lấy nghĩa [\[2\]](#)”. “Sống là điều ta muốn, nhưng điều ta muốn có thứ còn hơn cả sự sống, cho nên không thể giữ sự sống một cách cẩu thả. Chết là điều ta ghét, nhưng có điều còn đáng ghét hơn cả cái chết cho nên có điều còn đáng tránh hơn cả cái chết nữa...” (“Mạnh Tử” - “Cáo Tử Thượng”)

Ông lại nói:

“Ở nơi thiên hạ đều ở, đứng ở chỗ chính đáng trong thiên hạ, đi con đường lớn của thiên hạ. Đắc chí thì cùng dân theo đạo, bất đắc chí thì một mình thực hành đạo của mình. Giàu sang không làm sa đọa, nghèo hèn không thể làm đổi thay, uy vũ không khuất phục, như thế gọi là đại trượng phu”. (“Mạnh Tử” - “Đăng Văn Công, hạ”)

Cái khí phách theo đạo chẳng nề sinh tử, cuồng phóng lỗi lạc, “biết không làm được mà vẫn cứ làm”, cái tinh thần ấy của bậc đại trượng phu rất xứng với chữ “hiệp”.

Nho gia hết sức coi trọng sự tu dưỡng đạo đức cá nhân, “tự xét mình không có lỗi thì còn lo gì, sợ gì?”. Muốn đạt đến cảnh giới ấy, thì “trước hết phải làm cho tâm chí của nó khổ sở, gân cốt mệt mỏi, đói khát yếu đuối, khiến con người ta có lòng kiên trì nhẫn nại để làm những việc khó làm”. Loại thử thách như vậy, đối với hiệp khách mà nói cũng là tất nhiên. Rong ruổi chốn giang hồ, đầy sóng gió hiểm ác, muốn hành hiệp trượng nghĩa trong thiên hạ trước hết phải có nghị lực kiên cường và phẩm cách cao quý.

Những việc làm của hiệp khách về cơ bản đều bắt nguồn từ cảm hứng trách nhiệm mạnh mẽ, nhất là khi đứng trước nguy cơ tồn vong của quốc gia, dân tộc, đây cũng là điểm cao quý nhất của trí thức Trung Quốc. Ngọn nguồn huy hoàng của nó (tức cảm hứng, ý thức trách nhiệm) có

thể tìm nguồn gốc ở Nho gia. Những quan niệm “Lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau niềm vui của thiên hạ”, “Thiên hạ hưng vong, kẻ thất phu cũng có trách nhiệm”... mãi đến hậu kỳ phát triển của Nho gia vẫn còn chói sáng. Một bậc được gọi là “chân Nho” như Vương Dương Minh cũng có tấm lòng ưu ái mãnh liệt. Ông là người “phóng túng và quyền biến, lắm cơ mưu để xử lý khi nguy cấp, đầy khí phách nhậm hiệp”. “Khí phách nhậm hiệp” đã trở thành khí chất của “Thiên môn học giả” Vương Dương Minh, khác với tính chất ôn hòa của các nhà lý học.

Nho gia đã từng bị người ta cho là những kẻ nói suông, chỉ giỏi lý thuyết mà không trọng thực tiễn. Sự thực, Khổng tử ở thời Xuân Thu đã nhấn mạnh rằng: Người quân tử “chậm chạp vụng về trong nói năng nhưng thông minh nhanh nhẹn trong hành động”, “nghe lời anh ta nói và quan sát việc anh ta làm”, “người quân tử cảm thấy xấu hổ khi lời nói hay hơn việc làm”... Chỉ có những nhà nho ranh mãnh và những tay “ngụy đạo học” đời sau mới khoe khoang và đề cao đàm luận của họ, làm mất uy tín của Nho gia. Trong tiểu thuyết võ hiệp, chúng ta có thể thấy các hiệp khách đều là những trượng phu trọng lời hứa, trọng tín nghĩa. Hiệp khách không lấy lời lẽ hoa mỹ trang trọng để trang sức mà bằng hành vi hiện thực của mình đem lại ấn tượng sâu sắc cho độc giả. Đại hiệp Quách Tĩnh do Kim Dung tiên sinh sáng tạo nên là một con người bẩm sinh đần độn chất phác, không sành ăn nói. Chàng chẳng nhiều lời về đạo lý cứu nước cứu dân nhưng đã bằng nghị lực kiên cường và tấm lòng nhân thiện của mình làm nên vô số hành vi hiệp nghĩa.

Một đặc điểm nổi bật của Nho gia so với các học phái thời Tiên Tần là coi trọng giáo dục và phương pháp giáo dục. Họ đã đề xướng các quan điểm: “Suy từ mình đến người” (suy kỷ cập nhân), “có thể lấy ví dụ gần gũi” (năng cận thủ thí), “đem lòng sánh với lòng” (tương tâm tỉ tâm) v.v... đó không chỉ là một loại phương pháp mà còn là cơ sở, là chỗ đứng để an thân lập mệnh của các bậc hiền giả đời sau, bao gồm cả hiệp khách. Cái gọi là “suy kỷ cập nhân” tức là xuất phát từ những nhu cầu, nguyện vọng và mục đích của bản thân mình mà nghĩ đến những yêu cầu, nguyện vọng và mục đích của người khác, từ đó mà hiểu và cảm thông cho người khác, cũng tức là “điều mình không muốn chớ gây cho người” (kỷ sở bất dục vật thi ư nhân). Từ xuất phát điểm ấy mà đối đãi với người thì sẽ sinh ra lòng thông cảm và những hành vi nghĩa hiệp như “trong tuyết cho than” (tuyết trung tống than), “tế khốn phò nguy”, “trọng nghĩa giữ lời”, “thấy việc nghĩa thì dừng cảm hành động” v.v... Đồng thời chúng ta có thể thấy, chữ “nghĩa” mà Nho gia chủ trương không phân biệt lớn nhỏ, lưu ý bắt đầu làm từ những việc nhỏ gần gũi. Đối với hiệp khách mà nói thì hành vi hiệp nghĩa không nhất thiết phải là những việc kinh thiên động địa, chỉ cần có một tấm lòng hiệp nghĩa, hành hiệp cũng là “hành” cả những việc cụ thể bình thường.

Tư tưởng Nho gia với tư cách là bộ phận then chốt trong tư tưởng truyền thống Trung Quốc, đã có ảnh hưởng lớn đối với hiệp khách đó là một điều hiển nhiên không còn nghi ngờ gì nữa. Cho nên không ít người cho rằng “hiệp” được sản sinh từ Nho, thậm chí gọi người theo Nho gia là “Nho hiệp”. Nhưng, chúng ta cần phải thấy rằng: ở điểm bắt đầu, Nho và hiệp rất khác nhau. Chẳng hạn như hiệp trong bản tính tự nhiên khác với nhà nho luôn bị câu thúc theo lễ pháp thế tục. Lệnh Hồ Xung là một đại hiệp không giữ những tập tục hủ lậu, ngang tàng phóng túng, để thực hiện lời ủy thác của Định Nhân sư thái, chàng đã làm chường môn phái Hằng Sơn, ở với đám ni cô, trong kết giao bằng hữu chàng không phân biệt chính tà, ngay cả Hương Vấn Thiên của ma giáo hay tay “thái hoa tặc” (giặc hái hoa) Điền Bá Quang đều kết thành bạn sống chết

có nhau.

Ngoài ra, hiệp thường là lực lượng phá hoại trật tự hiện hành mà Nho gia thì xây dựng và bảo vệ một trật tự ổn định. Nhất là Nho gia phát triển đến thời kỳ sau thì dần dần trở nên một thứ thuyết giáo hư ngụy, tạo nên một bọn ngụy quân tử lừa đời trộm danh, càng khiến cho hiệp khách không thèm đếm xỉa đến.

3. Võ hiệp với Đạo gia

Trong cuộc đời có biết bao điều chẳng biết làm sao được, có rất nhiều khốn cảnh mà ta không thể không đối diện, có bao lý tưởng ta không thể thực hiện, có bao điều tốt đẹp ta không sao đạt tới. Không những thế, chúng ta còn phải đứng trước vấn đề sống chết. Làm sao có thể thoát được bao nhiêu khổ nạn trên thế giới này, vượt qua được cửa ải sinh sinh tử tử?

Đạo gia đã chỉ cho chúng ta một và không phải duy nhất một con đường: đã ở trong thế giới vật chất, chúng ta không thể thực hiện được tất cả, vậy thì tại sao chúng ta không tìm đến với thế giới tinh thần? Sự tàn khuyết về vật chất không ngăn trở sự hoàn mỹ về tinh thần. Vậy là, vấn đề hình thần của tồn tại cá thể cuối cùng được quy kết thành sự độc lập của nhân cách và sự tự do của tinh thần. Trên ý nghĩa này mà nói, tiểu thuyết võ hiệp cũng đem lại cho chúng ta một thế giới tinh thần có thể ký thác tâm tình. Trong thế giới tinh thần được sáng tạo nên ấy, mỗi độc giả đều có thể là nhân vật, đều có thể trải qua và thực hiện những mộng tưởng mà mình không sao thực hiện được trong thế giới hiện thực, đạt được một thứ tự do tinh thần và hoàn chỉnh cá tính.

Trong thế giới võ hiệp, điều hấp dẫn người ta nhất là cảnh giới nhân sinh tự do siêu thoát, phóng túng khoáng đạt của các hiệp khách. Đây cũng là biểu hiện rõ nhất của tư tưởng Đạo gia trong tiểu thuyết võ hiệp. Họ coi thường công danh, coi rẻ sự phạm tục, miệt thị quyền quý. “Không theo bè cánh nào, đó là phúc trời cho”, “Thà đùa nghịch thoải mái trong ngòi nước đục chứ không để cho quốc gia trói buộc”, mặc lòng theo tính tình của mình. Lệnh Hồ Xung trong “Tiếu ngạo giang hồ” là một điển hình như thế. Chàng không ham danh lợi, không có cảm hứng trách nhiệm, thích kết giao bằng hữu, uống rượu, đánh bạc, thích luyện tập võ công, âm nhạc. Chàng thà ở trong ngõ Lục trúc học đàn cầm chứ không ưa tranh hùng võ lâm, thà bị dày vò đau đớn chứ không chịu bị ép gia nhập Nhật nguyệt thần giáo. Nhưng để cứu cô gái chưa hề quen biết là Nghi Lâm, chàng dám quyết đấu với Điền Bá Quang võ nghệ cao cường hơn mình. Chàng dựa vào lương tri mà phân biệt thiện ác, thà bị đuổi khỏi môn phái cũng không chịu tiếp nhận sự phân biệt chính tà của thế tục. Chàng bám sinh tâm đắc quan điểm “tề sinh tử” (sống chết như nhau), “vượt lên trên lợi hại”, “trở về với chân tính” của Đạo gia.

Đạo gia cho rằng “vận động của đạo là trở về” (phản giả, đạo chi động). Vạn vật trên thế gian biến hóa vô cùng và không hề có tiêu chuẩn tuyệt đối. Người tốt hay là người xấu chỉ là do cách nhìn của ta mà thôi; tuy có tiêu chuẩn xã hội nhất định nhưng thật khó phân cho rõ đúng sai đen trắng. Trong thế giới võ hiệp, giang hồ âm độc, rất nhiều kẻ ngoài mặt tựa như thuộc chính phái nhưng tâm địa lại hết sức âm hiểm độc ác, kẻ bị coi là xấu nhưng lại không nhất định là xấu đến mức phải bỏ đi. Chẳng hạn như Nhạc Bất Quần trong “Tiếu ngạo giang hồ” có mỹ hiệu là “Quân tử kiếm”, biểu hiện bên ngoài của y luôn phong độ trác tuyệt, nghị luận rất hay. Ai ngờ con người lúc nào cũng ra dáng quân tử ấy lại là một kẻ ngụy quân tử thực thụ, gian ác tham

lam. Loại người như thế so với kẻ có vẻ mặt bên ngoài cùng hung cực ác còn đáng sợ hơn nhiều. Ngược lại, một tay “thái hoa tặc” như Điền Bá Quang lại không phải là không có chỗ để thương, đến mức Lệnh Hồ Xung đã kết thành bạn sống chết với y.

“Phản giả, đạo chi động” còn hàm một tầng ý nghĩa khác: vạn vật đều đang biến hóa, không nên chấp trước ở hình thức bên ngoài. Lúc này là thiện không nhất thiết lúc khác không phải là ác. Nhân vật Viên Thừa Chí trong “Bích huyết kiếm” một lòng phò tá đại nghiệp của Sấm vương Lý Tự Thành, ai ngờ Sấm vương sau khi lên ngôi lại trở nên tàn nhẫn vô đạo, giết hại người trung lương, cuối cùng Viên Thừa Chí không thể không trốn ra nước ngoài.

Trong tiểu thuyết võ hiệp, đáng đề cập đến nhất là ảnh hưởng của Đạo gia đối với cảnh giới võ công. Trong một số chương của sách “Trang tử” có miêu tả một số cao sĩ đắc đạo, về cơ bản có thể coi họ là những mẫu mực của cao thủ võ công trong tiểu thuyết võ hiệp. Ở thiên “Đại tông sư” có viết: “Lên cao không run, vào nước không ướt, vào lửa không nóng”. Ở thiên “Đạt sinh” lại viết: “Kẻ chí nhân, lặn dưới nước không ngạt, nhảy vào lửa không nóng, đi trên vạn vật mà không run”. Ở thiên “Điền Tử Phương” miêu tả Bá Hôn Thiên Nhân lên núi cao, đứng trên mỏm đá bên vực thăm trăm trượng, đi giật lùi, chỉ một phần ba bàn chân giẫm lên mỏm đá, hai phần ba bàn chân lơ lửng giữa không trung, đứng ở tư thế nguy hiểm ấy mà giương cung bắn.

Hầu như trong bộ tiểu thuyết võ hiệp tân phái nào cũng có võ công của Đạo gia như phái Vũ Dương trong “Ý thiên Đồ long ký”, phái Tiêu Dao trong “Thiên Long bát bộ”, phái Toàn Chân trong “Xạ điêu anh hùng truyện”, v.v... Đương nhiên, không chỉ dừng ở sự phân biệt môn phái võ lâm trên danh nghĩa, ảnh hưởng của tư tưởng Đạo gia đối với võ công trong tiểu thuyết võ hiệp chủ yếu biểu hiện ở cảnh giới võ công.

Đạo gia chủ trương “Đạo thông là một, nó phân chia ra mà thành, khi đã thành cũng là khi hủy diệt. Phàm sự thành và hủy của vạn vật lại trở về thống nhất làm một”. Trong “Ý thiên Đồ long ký”, Trương Vô Kỵ tập “Cửu dương chân kinh”, đã thông một thì thông cả một trăm, tùy theo ý muốn, vạn lý đều như vậy. Võ công tuy chiêu thức nhiều vô số, môn phái cũng phần tạp nhưng “võ đạo” là tương đồng. Cho nên then chốt không phải ở bản thân chiêu thức mà là ở chỗ quy về cái “đạo” duy nhất. Nếu chỉ chìm đắm trong chiêu thức, tuy cũng phân được mạnh yếu thắng bại nhưng khó lòng lên đến được đỉnh cao.

Nắm vững “đạo” là điều chủ yếu, chiêu thức là ở vị trí thứ yếu. Trong “Thiên Long bát bộ”, Đoàn Dự là vương tử, luôn luôn lạc quan khoáng đạt, lấy lòng nhân nghĩa đối xử với người. Chàng nhiều phen nhếch nhác thảm hại, bị người ta trói lại, rồi lại bị người ta chế giễu, rất là bê bối, nhưng bất kỳ ở đâu chàng cũng khiến cho người ta cảm thấy sự cao quý và tôn nghiêm. Như vậy là vì ở chàng sự cao quý và tôn nghiêm thuộc về bản chất, xuất phát từ nội tâm, cảnh ngộ bên ngoài không làm tổn hại và che lấp được bản chất ấy. Trên lĩnh vực võ công cũng vậy. Trong “Tiểu ngạo giang hồ” Lệnh Hồ Xung dẫn quần hùng đến chùa Thiếu Lâm cứu “thánh cô”, khi đi qua dưới chân núi Vũ Dương gặp người cản đường, trong đó có hai người nông phu sử dụng kiếm pháp một cách vụng về, trong con mắt của quần hùng thì kiếm pháp của họ chẳng ra chiêu thức gì cả, không đáng gọi là sử kiếm, khiến mọi người đều cười ồ lên. Lệnh Hồ Xung thì sắc mặt ngày càng trang nghiêm, thái độ rất cung kính. Bởi vì từ những đường kiếm vụng về chẳng thành chiêu thức ấy của họ chàng nhận thấy sự cao minh vô cùng, đó là kiếm pháp trở về cái chân phác. Về sau, trong cuộc đấu kiếm với Xung Hư Đạo Trưởng, kiếm chiêu của Xung Hư

tinh diệu tuyệt luân, Lệnh Hồ Xung không tìm ra chỗ sơ hở, trong khoảnh khắc nguy cấp, chàng mao hiểm phóng một mũi kiếm vào trung tâm vòng kiếm quang của Xung Hư. Cái chỗ có vẻ như là vững chắc nhất ấy lại là chỗ sơ hở duy nhất, Lệnh Hồ Xung đã giành được thắng lợi cuối cùng.

Không nói đến hình thức, nhìn thẳng vào thiên cơ, đó là một cảnh giới siêu phàm. Nhưng trong tiểu thuyết võ hiệp thường có những người vô học, thô lỗ cũng đạt đến cảnh giới như thế, luyện thành võ công thần kỳ tuyệt đỉnh. Ở đây, bản thân sự thực không phải là trọng yếu, điều trọng yếu là ý nghĩa hàm ẩn bên trong. Nhân vật “Cẩu tạp chủng” trong “Hiệp khách hành” là một chú bé thuần phác, lương thiện, hoàn toàn không có cơ mưu, chẳng biết gì về sự đời, một chữ nhất bẽ đôi cũng không biết. Nhưng lại chính sự lương thiện và chất phác ấy lại khiến chú tình cờ luyện được thần công mà không hề phí sức, đạt đến cảnh giới tối cao của võ công. Bức vẽ bài thơ “Hiệp khách hành” trên vách đá đảo hiệp khách hàm chứa thần công tuyệt thế nhưng tất cả các cao thủ đều không sao hiểu được bởi vì họ đều bị lôi cuốn vào việc giải thích các câu thơ. “Cẩu tạp chủng” không hề biết chữ, không thể đọc được bèn chỉ ngắm tranh tiêu khiển không ngờ lại phát hiện ra điều áo bí ở bên trong. Đó là điều thú vị rất đáng cho người đọc suy nghĩ sâu xa.

4. Võ hiệp với Phật giáo

Tiểu thuyết võ hiệp với tư cách là một hình thái biểu hiện văn hóa Trung Quốc, đương nhiên có mối quan hệ mật thiết với Phật giáo. Điều này không phải chỉ vì sự miêu tả võ công chịu ảnh hưởng sâu sắc của nhà Phật mà quan trọng hơn là vì Phật giáo với tư cách là một tôn giáo và triết học nhân sinh đã từ lâu gắn bó chặt chẽ, trở thành một bộ phận hữu cơ của văn hóa Trung Quốc, đã thấm vào tư tưởng và sinh hoạt hàng ngày của chúng ta.

Cuộc sống giang hồ phong phú đa dạng dưới ngòi bút của các tác gia tiểu thuyết võ hiệp khiến cho chúng ta tựa như được trải qua một cuộc đời khác của chính mình. Sinh sinh tử tử, ân oán triền miên, tình cừu đan xen, sau những kết thúc chẳng phải là kết thúc, gấp sách đứng dậy chúng ta lại trở về cuộc sống hiện thực của mình. Khi chúng ta đi suốt cuộc đời mình, ngoảnh đầu nhìn lại, há chẳng từng có cảm giác như vậy sao? Sinh tử huyễn diệt, đời người như mộng, chúng ta hà tất phải khổ sở ngụp lặn trong vòng lợi hại được mất mà đánh mất đi tâm hồn bình yên tự tại và cuộc sống tự do? “Mượn tứ đại [\[3\]](#) làm thân thể, tâm vốn vô mà sinh ra có, cảnh giới trước mặt như không, tâm cũng không, họa phúc như ảo mộng, có rồi lại không”. Đó là nhân sinh quan Phật giáo, cũng là một cột trụ chủ yếu của tinh thần võ hiệp. Trong “Thần điêu hiệp lữ”, Hồng Thất Công và Âu Dương Phong là hai nhân vật đại biểu cho hai phái chính tà, trong cuộc tỉ thí cuối cùng trên đỉnh Hoa Sơn, ôm nhau mà cười, rồi cầm tay nhau đi về Tây thiên cực lạc, đại khái là một cảnh giới như vậy.

“Ba cõi đều hư ảo, chỉ có tâm là duy nhất, sinh tử niết bàn đều không ra ngoài tâm”. Cảnh giới ấy đối với những người hiệp khách tìm sự sống ở đầu ngọn đao mà nói không chỉ là một loại ma túy tinh thần. Họ đã hiến thân cho võ đạo, ngoài những cảnh ngộ mà tạo hóa đã an bài ra còn hàm chứa một thứ lý tưởng tinh thần, mà thứ tinh thần này phải trải qua rất nhiều khổ nạn mới thực chứng được sự hư vô của nó.

Cho nên, đối với hiệp khách mà nói, sống và chết chỉ là một loại hình thức mà thôi, họ có thể

coi sinh mệnh của mình như cỏ rác, lại cần bảo vệ cái “đạo” của mình: hiệp nghĩa đạo, võ đạo.

Trong tiểu thuyết võ hiệp, sự miêu tả đỉnh cao võ học thường có mối liên hệ với cảnh giới “vô” của Phật giáo. “Vô chiêu chính là chiêu”, “lấy vô chiêu thắng hữu chiêu”, những mệnh đề ấy thường xuất hiện trong tiểu thuyết võ hiệp. “Vô chiêu”, đó là một sự siêu việt cái hữu hạn, đó là sự giản dị sau khi đã trải qua phức tạp và tinh luyện, là một sự trở về với cái chân phác, chỉ sau khi thuần thục và liễu ngộ mọi loại chiêu thức mới có thể đạt tới cảnh giới “vô chiêu” ấy. Trong chương 21 “Thái cực sơ truyền nhu khắc cương” sách “Ỗ thiên Đồ long ký”, Trương Vô Kỵ mới học thái cực kiếm, Trương Tam Phong múa kiếm cho Vô Kỵ xem, rồi hỏi: “Con đã xem rõ chưa?” Vô Kỵ đáp: “Con thấy rõ rồi”. Lại hỏi: “Đã nhớ hết chưa?”. Đáp rằng: “Đã quên gần một nửa”. Trương Tam Phong để cho chàng suy nghĩ chốc lát, chàng lại đáp: “Đã quên hơn một nửa rồi”. Kết quả trong cuộc chiến đấu thực, Trương Vô Kỵ đã thắng cường địch. Trương Tam Phong truyền thái cực kiếm, chỉ truyền kiếm ý, không truyền chiêu, có thể nói đã đi ngược lại thường quy của võ lâm. Bởi vì võ công của Trương Tam Phong và Trương Vô Kỵ đã vượt xa mọi người, siêu việt cả chiêu thức.

“Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu”, đó là quan niệm nhân quả của Phật gia, cũng là nguyên lý của sự phát triển tình tiết và số phận nhân vật trong tiểu thuyết võ hiệp. Phật gia coi trọng nhân quả báo ứng. Cái “quả” ở đời này là do cái “nhân” từ đời trước, ân cừ triền miên của các hiệp khách là biểu hiện đột xuất của quan niệm nhân quả báo ứng ấy. Rất nhiều người dành cả một đời cho việc báo ân hoặc phục thù, ân oán của đời trước hoặc từ mấy đời trước đặt trên vai anh ta, không sao tránh được. Trong “Bình tung hiệp ảnh lục”, con cháu của Trương Sĩ Thành và con cháu của Chu Nguyên Chương oan oan tương báo. Trương Tông Chu mượn nước Ngõa Thích để chống nhà Minh. Đứng trước nguy cơ sinh tử tồn vong của quốc gia dân tộc, Trương Đan Phong đã dẹp bỏ mối thù nhà, nhưng lại không cách gì thoát khỏi mối tình cừu rắc rối với Vân Lỗi. Trong “Phi Hồ ngoại truyện” Hồ Nhất Dao và Miêu Nhân Phượng kính phục nhau nhưng họ suốt đời phải đối đầu với nhau, chỉ lăm lăm lấy mạng nhau đều chỉ vì mối thù từ đời trước. Những mối ân cừ triền miên ấy đã mở ra không gian phát triển tình tiết của tiểu thuyết võ hiệp, càng làm tăng thêm mỹ bi kịch cho số phận nhân vật.

Nhưng, quan niệm nhân quả của Phật gia càng chủ yếu là khuyên con người hướng thiện. “Làm việc thiện thì được trăm điều lành, làm điều bất thiện thì gặp trăm tai ương”, đó gọi là “Làm thiện thì được thiện báo, làm ác thì có ác báo, chẳng phải là không báo mà là chưa đến lúc” (Thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo, bất thị bất báo, thời hậu vị đáo). Người tốt có kết quả tốt, kẻ ác tất bị trời quở trách, đó là nguyện vọng của người ta, cũng được thể hiện ở kết cục số phận nhân vật trong tiểu thuyết võ hiệp. Càng chủ yếu hơn là, tiểu thuyết võ hiệp đã miêu tả nhiều vị cao tăng “không hề làm việc ác, thực hiện rất nhiều việc thiện”. Họ là những người có lòng từ bi, lo trời thương người, đem nhân cách cao thượng mà gánh vác khổ nạn của nhân gian, giúp đời cứu người làm tăng thêm ánh hào quang trang nghiêm cho tinh thần võ hiệp. Thần tăng Không Văn trong “Ỗ thiên Đồ long ký”, để hóa giải oán thù giữa Tạ Tốn và Thành Côn, chấm dứt kiếp nạn cho võ lâm, tuy trong mình có thần công “Kim cương bất hoại” nhưng đã tình nguyện để Tạ Tốn đánh 13 cú “Thất thương quyền”, lấy cái chết để đánh thức lương tri Tạ Tốn. Nhất Đăng đại sư trong “Xạ điêu anh hùng truyện” để giải mối oan cừu của Anh Cô, để điểm hóa Cừu Thiên Nhận cũng cam lòng chịu đựng vô vàn ma nạn, trở thành tấm gương cho các vị hiệp khách kính ngưỡng.

Trong tiểu thuyết võ hiệp còn quán xuyên một tư tưởng quan trọng của Phật giáo, đó là tùy thuận pháp tính, phá trừ chấp trước, cũng có nghĩa là “tùy duyên”. Đây là một thái độ sống rất trí tuệ và lạc quan, không cố cầu lấy được một cái gì, tùy thời, ở đâu cũng tìm thấy mặt tốt, không câu chấp quá khứ và lợi danh ở ngoài thân. “Nguyệt dụ phẩm” trong kinh Phật nói: “Lúc này thì thấy trăng khuyết, lúc khác lại thấy trăng tròn, mà thực tính của trăng là chẳng vơi đầy, tùy duyên mà thấy”. Chúng ta bắt tất phải lưu luyến sự viên mãn tạm thời, nếu không thì cứ mãi mãi phiền não. “Hỏi thế gian tình là chi vậy, mà gắn bó chẳng nề sinh tử”, trong tiểu thuyết võ hiệp đa số là những nhân vật chí tình, một chữ “tình” được miêu tả trong vô số câu chuyện, làm nên vô số bi kịch. Lý Mạc Sầu trong “Thần Điêu hiệp lữ” vì mất tình yêu mà từ một cô gái đẹp như hoa như ngọc biến thành một nữ ma đầu ai cũng khiếp sợ. Mô Dung Phục trong “Thiên Long bát bộ” cứ chấp trước vào giấc mộng phục quốc, bỏ rơi cả mối tình chân thật của biểu muội Vương Ngữ Yên, đến nỗi cuối cùng nhà tan người mất chỉ còn biết ngồi trên nấm mộ tìm sự tôn vinh trong sự quý lạy của đám trẻ thơ để tự cảm thấy mình là bậc đế vương. Độc giả trong khi thở than nên cảm nhận được thâm ý của Phật giáo trong yêu cầu con người “khử chấp”.

5. Võ hiệp với sĩ phong thời Ngụy Tấn

“Sĩ” là một giai tầng đặc thù trong lịch sử Trung Quốc. Cũng có người khái quát “sĩ” là trí thức Trung Quốc. “Sĩ” xuất hiện từ thời “Tiên Tần”. Kế thừa Khổng tử, Tăng Sâm đã khái quát về “Sĩ”:

“Sĩ không thể không hoằng nghị, gánh nặng mà đường xa. Nhân, ấy là trách nhiệm của mình, chẳng phải là nặng sao? (Phấn đấu) đến chết mới thôi, chẳng phải là đường xa sao?”

Mạnh tử cũng nói rằng:

“Người không có hằng sản (tài sản dồi dào và ổn định) mà vẫn có hằng tâm, chỉ kẻ sĩ mới có thể như vậy”.

Có thể nói, nguồn gốc của “hiệp” và “sĩ” là gắn bó với nhau.

Trong lịch sử, truyền thống của sĩ cũng không phải nhất thành bất biến. Nói một cách tương đối, sĩ thời Ngụy - Tấn càng thể hiện tập trung tinh thần sĩ, và trên một số phương diện nào đó càng “hạp” với hiệp cho nên đã hình thành nên “phong cách kẻ sĩ thời Ngụy-Tấn” (Ngụy-Tấn sĩ phong) rất đặc sắc. Điều này có ảnh hưởng rõ rệt đối với tiểu thuyết võ hiệp về sau.

Cái gọi là “sĩ phong” - nói chung là chỉ tính chất độc đáo trong tư tưởng và hành vi của sĩ. Biểu hiện của tính độc đáo này là đả phá sự trói buộc của lễ giáo truyền thống, mà hình thành một phong khí “phóng túng lập dị”.

Từ giữa thời Đông Hán về sau, bọn ngoại thích và hoạn quan chuyên quyền, thiên hạ rối loạn bất an. Thiên “Đảng Cổ liệt truyện” sách “Hậu Hán thư” có ghi:

“Vào thời Hoàn đế và Linh đế, vua hoang đàng, chính quyền hủ bại, vận nước đặt vào bọn hoạn quan. Sĩ tử xấu hổ vì chung hàng ngũ với bọn ấy, cho nên nhiều người đã phần nộ chống lại, ẩn sĩ thì nghị luận ngang tàng vì vậy mà tiếng tăm lừng lẫy, bác bỏ lẫn nhau, bài xích công khanh, đánh giá kẻ cầm quyền... những hành vi lời nói ấy lưu hành rộng rãi”.

Kẻ sĩ bấy giờ đều có bối cảnh kinh tế xã hội, hàm dưỡng văn hóa, lý tưởng chính trị nên tất nhiên là hình thành một loại thể lực ở ngoài vòng kiểm soát của triều đình. Hoàn cảnh của hiệp khách rất giống với kẻ sĩ thời Ngụy-Tấn. Họ cũng rất thất vọng với hiện thực xã hội dưới sự thống trị của triều đình, cũng biểu hiện khuynh hướng lánh đời; kẻ sĩ thì ẩn ở núi rừng, võ hiệp thì ẩn ở chốn giang hồ. Giang hồ có quy củ, tiếng lóng, ám hiệu của mình, cũng nghiêm nhiên trở thành một giai tầng xã hội lớn mạnh, thậm chí thành một “xã hội thứ hai” ngoài vòng cương tỏa của triều đình. Khác với hiệp là kẻ sĩ không chính diện chống lại triều đình mà thông qua nghị luận, thông qua sự phóng túng ngang tàng để thể hiện bản tính của mình.

Hiệp không phải là một cá thể đơn độc mà do hoạt động trong thế giới giang hồ, cho nên có các môn phái giang hồ, võ lâm thế gia, vì vậy hiệp rất coi trọng thanh danh. Sự thu nạp học trò để dạy học của sĩ cũng hình thành nên các quần thể môn hộ, môn sinh đệ tử ai cũng tôn thầy của mình, tiến thân cầu danh. Tào Tử Kiến (tức Tào Thực, con Tào Tháo) đã nói:

“Cao nhất là lập đức, thứ đến là lập công. Cho nên kẻ có công đức thì lưu danh muôn thuở. Danh bất diệt, đó là cái lợi của kẻ sĩ”.

Có sự khác biệt về môn hộ, nên hình thành tiêu chuẩn phán xét của công chúng, gắn liền đức hạnh với gia thế, vậy là lại có sự phân biệt giữa thế tộc và hàn môn “lấy dòng họ để cử đức, lấy ngôi vị để gọi là hiền”.

Không nên nói một cách giản đơn rằng sự xuất hiện của môn hộ, môn phái của thế giới giang hồ trong tiểu thuyết võ hiệp là do ảnh hưởng của sĩ phong, nhưng về mặt hình thức thì hai loại này là nhất trí.

Sự thành danh của kẻ sĩ nói chung là có hai con đường. Một là dựa vào danh gia vọng tộc. “Thế thuyết tân ngữ” có ghi: “Lý Nguyên Lễ chức vị cao sang, kẻ sĩ đến có người được vào nhà đều coi là được lên Long môn”.

Nhưng sĩ đương thời phần nhiều là cây tài, kiêu ngạo, nếu không phải là danh nhân hay thông gia, bạn cũ đều không tiếp. Do đó kẻ sĩ cầu danh thường đi theo một con đường khác tức sống lập dị để tỏ ra mình chẳng giống ai. Rất nhiều câu chuyện về hành vi quái đản của các danh sĩ được ghi lại trong “Thế thuyết tân ngữ” đã phản ánh được điều này.

Trong thế giới giang hồ cũng có những hiệp khách không màng danh lợi, tự do như hạc nội mây ngàn, nhưng đa số hiệp khách coi việc làm nên sự nghiệp danh tiếng lẫy lừng là mục tiêu của cuộc đời. Có được danh tiếng lẫy lừng bằng cách ra sức hành hiệp trượng nghĩa là một con đường rất khó khăn (mà người hành hiệp trượng nghĩa vốn không cầu danh). Thế là đa số hiệp khách, nhất là những người trẻ tuổi, phần lớn muốn “nhất cử thành danh” như kẻ sĩ. Họ đi khắp nơi tranh cường đấu thắng với người, làm những việc kỳ dị... Kiểu sống lập dị cũng thành một tập tục trong thế giới giang hồ.

Cái mà kẻ sĩ đại phu coi trọng là người kỳ việc lạ, còn cái mà xã hội cần lại là tình cảm và đức hạnh bình thường. Điều ấy khiến cho hứng thú của sĩ đại phu cách biệt với đại chúng trong xã hội. Theo quan niệm đương thời “danh” (tiếng tăm) và “dị” (khác thường) gắn bó chặt chẽ không thể chia tách. Kẻ sĩ có tiếng tăm tất phải có việc làm khác thường. Điều này dẫn đến một tệ nạn khó tránh, đó là lòe đời để trộm danh. Dưới tiếng tăm lừng lẫy kỳ thực là trống rỗng, thiên hạ đầy những kẻ hư ngụy. Hạn chế lớn nhất của sĩ phong thời Ngụy-Tấn là ở điểm này.

Tệ nạn như thế cũng xuất hiện trong thế giới giang hồ. Để được gọi là “đại hiệp”, không ít người đã quên mất thế nào là “hiệp”. Như những “đại hiệp” kiểu Nhạc Bất Quần, Tả Lãnh Thiền thì khó nói là “giống xấu bẩm sinh” mà do họ không thoát khỏi hai chữ “danh lợi”.

Từ sau niên hiệu Chính Thủy thời Tào Ngụy, sĩ phong vì thế mà có sự thay đổi lớn. “Coi thường thế tục, tự mình phóng túng” trở thành đặc trưng của sĩ phong thời này. Sĩ đại phu chủ trương tùy ý phóng túng, không chịu sự ràng buộc nào, chỉ làm theo sở thích của mình. Trong thiên “Nan tự nhiên hiếu học luận”, Kê Khang nói rằng: “Lục kinh chủ việc dẫn dắt người, nhân tính lấy ý thích của mình làm vui; dẫn dắt thì làm ngược lại ý thích của người ta, làm theo ý muốn thì được tự nhiên. Vậy thì được tự nhiên, không theo sự dẫn dắt của lục kinh, nên giữ lấy cái gốc của sự vẹn toàn nhân tính, chớ nên phạm cái luật của tình cảm”. Xung đột giữa tình và lý trở thành nội dung chủ yếu trong biểu hiện sĩ phong thời này.

Phong khí hiếu danh thịnh hành, không ít người chăm chăm dựa vào danh tiếng để làm bậc thang tiến thân trên quan trường, thế là nảy sinh xung đột với hứng thú của các phần tử tiên tiến. Họ cho rằng “lễ” cũng là phạm tục, tình mới vượt ra ngoài mọi lễ thói, vì muốn được danh mà thực hành cái “lễ” hư ngụy thì càng đáng ghét. Đương thời rất nhiều người muốn được tiếng “hiếu”, sẵn sàng làm những việc phô trương bất cận nhân tình, đến mức đưa lễ pháp Nho gia đến chỗ tương phản với ý nghĩa ban đầu của nó. Những kẻ sĩ ở ngoài vòng thế tục rất ghét những tay ngụy quân tử như thế. Sách “Hậu Hán thư” có ghi lại một câu chuyện: Khi Trần Phồn nhậm chức thái thú Lạc An ở Thanh Châu, có một người tên là Triệu Tuyên, sau khi phụ thân qua đời, anh ta ở bên phần mộ của cha hai mươi năm, người trong thôn xóm đều cho rằng anh ta là một người con đại hiếu, cho nên có người tiến cử anh ta với Trần Phồn. Trần Phồn gặp anh ta và hỏi về gia đình, vợ con, mới biết Triệu Tuyên sinh 5 đứa con (trong 20 năm giữ mộ cha). Thế là Trần Phồn cả giận, trị tội anh chàng Triệu Tuyên ấy. Khi Khổng Dung làm tướng ở Bắc Hải cũng giết một kẻ ngụy hiếu lăn khóc bên phần mộ mà nét mặt vẫn thản nhiên.

Sĩ phong thời này cũng dần dần bỏ lễ theo tình. Tình hình ấy dễ khiến chúng ta liên tưởng đến con người chí tình trong tiểu thuyết võ hiệp. Trong tiểu thuyết của Kim Dung, các vị “đại hiệp” thuộc danh môn chính phái khiến người ta ngao ngán khó chịu, ngược lại, người trong tà phái thì lại chí tình. Đương nhiên không phải tất cả đều như thế.

Sĩ đại phu từ thời Chính Thủy về sau, kể từ khi Nguyễn Tịch kêu lên: “Lễ há phải đặt ra cho bọn ta?”, càng phóng túng, không chịu ràng buộc.

“Lễ há phải đặt ra cho bọn ta?” cũng là tiếng lòng của người trong võ lâm. Trong tiểu thuyết của những tác gia như Kim Dung, Cổ Long, hiệp khách đều phản đối việc dùng lễ giáo để ức chế tình cảm, chủ trương theo tiếng gọi của tình cảm. Trong tác phẩm “Kiếm khí mãn thiên Hoa Mãn Lâu”, mấy cô gái tuyệt sắc như Mạc Tiểu Duyệt từng khỏa thân đứng trước Hoa Mãn Lâu mời anh ta bình phẩm xem ai đẹp nhất. Họ đều say sưa trong thế giới thẩm mỹ của kiểu nghệ thuật khỏa thân Hy Lạp, ca ngợi cái đẹp của tạo hóa mà lòng không bận chút bụi trần. Những việc như thế khiến người đời kinh hãi, chỉ những con người chí tình chân thật mới làm được như thế. Trong “Thần điêu hiệp lữ”, Dương Quá không quan tâm đến danh phận thầy trò, dũng cảm yêu Tiểu Long Nữ và không hề để ý đến việc Tiểu Long Nữ phải thất thân. Dương Quá xứng đáng là một vị “tình hiệp” trung thực chân thành.

“Thánh nhân quên tình, kẻ thấp kém không đến được với tình, thật lòng với tình chính là bọn ta” - câu nói ấy đã tìm được sự cộng hưởng của biết bao kẻ chí tình trong thiên hạ. Trong tiểu thuyết võ hiệp, chỗ rung động lòng người sâu xa nhất cũng ở sự chân tình này. Cho nên, có thể gọi tiểu thuyết võ hiệp tân phái thời hiện đại là tiểu thuyết “tình”.

6. Võ hiệp với lý học thời Tống - Minh

Lý học Tống-Minh luôn bị những lực lượng chống phong kiến đời sau phê phán. Lý học, với Trình, Chu làm trung tâm, trong mấy trăm năm thống trị của mình đã làm hại quảng đại nhân dân, tội ác của nó đáng bị trừng phạt. Lớn thì “tồn thiên lý, diệt nhân dục”, nhỏ thì “chết đói là việc nhỏ, thất tiết mới là việc lớn”, không có quan niệm nào của lý học mà không nhằm hủy diệt và khống chế nhân tính. Thế nhưng lý học cũng có chỗ khả thủ. Nó đã lập nên sự vĩ đại trang nghiêm của con người với tư cách là chủ thể của luân lý. Chẳng hạn như lý học chú trọng khí tiết, coi trọng phẩm đức, dùng lý để thống ngự tình, tự mình kiềm chế, lập chí kiên cường v.v... Hiệp khách trong tiểu thuyết võ hiệp tân phái ít nhiều đều phản ánh hai mặt sáng tối này của lý học.

Chẳng hạn như trong ba tác phẩm quan trọng của Kim Dung là “Xạ điêu anh hùng truyện”, “Thần điêu hiệp lữ”, “Tiểu ngạo giang hồ”, từ đầu chí cuối đều thể hiện xung đột khốc liệt giữa tình và lý. Điểm hơn người của Kim Dung là ở chỗ cả hai phương diện này ông đều viết rất thành công: vừa ngợi ca sự vĩ đại của nhân tính vừa ca tụng sự cao quý của lý tính mà vẫn không phải là sự điều hòa - trung dung của tình và lý. Điều này e rằng có liên quan với chủ nghĩa tương đối của thế kỷ XX, thời đại mà Kim Dung và hàng trăm triệu độc giả của ông đang sống. Chỉ cần là sự lựa chọn tự giác của cá nhân thì chí tình cũng được, hy sinh quên mình cũng được, đều làm rung động sợi tơ lòng của độc giả. Hy sinh vì nước vì dân như Quách Tĩnh hay một lòng một dạ với tình như Dương Quá đều được độc giả mến yêu.

Quách Tĩnh trong “Xạ điêu anh hùng truyện” từ việc làm, phẩm đức, khí tiết đều là hóa thân của lý học. Ngay cả trong tình ái cũng thấy được điều này. Quách Tĩnh luôn coi công chúa Hoa Tranh là em gái, không hề có một chút tư tình nam nữ. Về sau Quách Tĩnh và Hoàng Dung yêu nhau, cùng vào sinh ra tử, tình cảm sâu nặng đến mức một bước không rời, thế nhưng vẫn không cách gì quên được hôn ước với công chúa Hoa Tranh. Cuối cùng đến một ngày Hoàng Dung với công chúa Hoa Tranh gặp nhau, trước mặt mọi người, Quách Tĩnh chọn Hoa Tranh làm vợ. Tạm không nói đến chuyện sau này vì sự cố mà hôn ước không thành, trong cuộc giao chiến giữa tình và lý này, Quách Tĩnh đã chọn lý, đó là một sự lựa chọn tự giác. Chàng nói: “Ta là một người ngu độn, việc gì cũng không rõ. Ta chỉ biết giữ lời đã hứa, quyết không hề hối hận”. Dùng lý chế tình, phẩm đức là trọng. Đến cuộc quyết chiến ở Tương Dương trong “Thần điêu hiệp lữ”, phẩm đức ấy đã phát triển đến đỉnh cao, vì nước vì dân, tận trung tận hiếu - thật là một vị đại anh hùng đội trời đạp đất, muôn dân kính trọng.

Khác hẳn với Quách Tĩnh, Dương Quá trong “Thần điêu hiệp lữ” miệt thị lễ giáo, tình cảm chân thật, trở thành một hình tượng phản kháng “Lý học” trong tiểu thuyết Kim Dung. Tình yêu thầy trò giữa Tiểu Long Nữ và Dương Quá là vi phạm lễ giáo, đại nghịch bất đạo. Cũng trước mặt mọi người, đôi rồng phượng trong cõi người này đã thành thân trước bài vị thờ Vương Trùng Dương, vị tổ sư của phái Chung Nam. Kết làm vợ chồng, không sợ sự tức giận của các anh hùng hảo hán đại biểu cho lễ giáo, quyết tâm và dũng khí ấy khiến cho các anh hùng

hảo hán cũng phải chấn động. Kim Dung còn cố ý thêm một tình tiết Tiểu Long Nữ bị thất thân, tình tiết tế nhị này cũng đả kích vào lễ giáo cổ hủ. Dương Quá suốt đời trải qua bao khổ nạn mà người ta khó lòng tưởng tượng, điều này cũng biểu hiện tinh thần chống lễ giáo quyết liệt. Không bị ràng buộc bởi lễ giáo thế tục, cuồng phóng, ngang tàng, thật là một vị anh hùng dám thách thức mọi thành kiến xã hội.

Lý học Tống-Minh nhấn mạnh sự phân biệt nghĩa và lợi. “Chỗ khác biệt giữa con người với cầm thú, giữa quân tử với tiểu nhân là: quân tử vì nghĩa, tiểu nhân vì lợi”. Ở nhân vật Nhạc Bất Quần trong “Tiểu ngạo giang hồ”, Kim Dung đã trực tiếp đánh vào sự giả dối hư ngụy của lý học. Là sư phụ của Lệnh Hồ Xung, Nhạc Bất Quần khiêm cung nho nhã, là con người mẫu mực được gọi là “quân tử kiếm”. Nhưng đó chỉ là cái vỏ giả tạo. Vì muốn đoạt “tịch tà kiếm phổ”, tranh ngôi minh chủ võ lâm, Nhạc Bất Quần không ngần ngại vu oan giá họa cho đồ đệ, dứt tuyệt nhân luân, thật là một kẻ ngụy quân tử đeo mặt nạ “quân tử kiếm”.

Dù là trang nghiêm cao quý hay trống rỗng giả dối, ba bộ tiểu thuyết nói trên cũng không chỉ ra cái nhân hợp lý của lý học Tống Minh với tư cách là bản thể luận của luân lý học. Bản thể luận ấy yêu cầu thấy cái vĩ đại trong cái bình thường. Trong bộ tiểu thuyết cuối cùng của mình là “Lộc Đỉnh ký”, Kim Dung tiên sinh đã đi ngược lại thường quy, dùng quy mô trường thiên để khắc họa tinh thần “niềm vui Khổng, Nhan” mà các nhà lý học Tống Minh thích nói đến. Đại hiệp Trần Cận Nam luôn phục tùng chủ cũ là Trịnh Khắc Sảng; những cô gái quật cường như A Kha, Tô Thuyên chỉ vì có mang với Vi Tiểu Bảo mà ngã vào vòng tay của y; Song Nhi với thân phận a hoàn thì ở đâu, lúc nào cũng xả thân bảo vệ Vi Tiểu Bảo. Quan hệ luân thường giữa vua tôi, chồng vợ, chủ tớ là một luật lệnh đạo đức tất nhiên và phổ biến, dù là nam hay nữ, sang hay hèn đều không hề cảm thấy nó (luân thường) là không thỏa đáng, ngược lại - lại sẵn sàng tuân thủ nó.

Có người nói lý học Tống Minh là tập đại thành của văn hóa Trung Quốc. Dù bạn có đồng ý hay không, trong mười mấy bộ tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung, những người đọc tinh tế dễ dàng phát hiện ra xu hướng phát triển của văn hóa từ Nho Phật Lão đến lý học Tống Minh.

7. Võ hiệp với tính cách dân tộc

Xưa nay người Trung Quốc có tình cảm sùng bái đối với võ nghệ thần kỳ và tinh thần hiệp nghĩa cao quý. Chỉ một bài ca Kinh Kha hành thịch Tần vương đã khiến cho bao nhiêu nam nhi rơi lệ, đến mức bạn bè tạm biệt cũng thường hò hẹn “Gió hiu hiu chừ sông Dịch lạnh lòng ghê, tráng sĩ ra đi chừ, mong trở về” [\[4\]](#). Có thể nói, vô luận là những nhân vật có thật trong lịch sử như Kinh Kha, Nhiếp Chính hay là hình tượng hư cấu trong văn học như Cầu Nhiệm Khách, Nhiếp Ẩn Nương... đều để lại dấu ấn sâu sắc trong tính cách dân tộc ta (Trung Quốc). Ở hiệp khách nổi bật lên tố chất văn hóa ưu tú nhất của dân tộc Trung Hoa. Hiệp khách đều có chính nghĩa cảm và trách nhiệm cảm mãnh liệt, lớn thì đến sự an nguy của quốc gia xã tắc, nhỏ thì đến nỗi oan khuất của người dân nơi thôn xóm họ đều coi là trách nhiệm của mình, sẵn sàng xả thân cứu nạn. Hiệp khách trong tiểu thuyết của Lương Vũ Sinh luôn tâm niệm: “Người thiên hạ lo việc thiên hạ”. Thái độ xử thế ấy so với tâm thái khuyến nhô “độc thiện kỳ thân” của không ít văn nhân rõ ràng là có một sự cách biệt trời vực. Nguồn mạch bất tuyệt của dân tộc đặt ở họ, chính khí hào nhiên của nhân gian đặt ở họ.

Hiệp khách lại phần lớn là người có tình, hết lòng coi trọng tình bằng hữu, tình thân thuộc, càng “gắn bó chẳng nề sinh tử” với tình yêu.

Hiệp khách Trung Quốc không “máu lạnh” như những tay sát thủ chuyên nghiệp phương Tây đương đại.

Sự dốc lòng vì tình yêu nhi nữ như Quách Tĩnh, Dương Quá, Đoàn Dự... là ánh phản quang của tính cách dân tộc - trung dung, hiền hòa, dịu dàng, theo đuổi cảnh giới thẩm mỹ nhân sinh chứ không phải là cuộc cạnh tranh sinh tồn.

Văn học võ hiệp hưng thịnh mãi chẳng hề suy giảm đã phản ánh một nét tâm lý quốc dân độc đáo. Một học giả trẻ cho rằng văn học võ hiệp và văn học thanh quan (quan thanh liêm) đều là đặc sản của Trung Quốc, là do bản chất văn hóa chính trị truyền thống quyết định. Chính trị truyền thống tham ô hủ bại, kém hiệu lực, nhân dân có điều oan khuất chẳng biết kêu vào đâu chỉ còn biết gửi gắm ước vọng vào một số ít vị quan thanh liêm còn giữ được lương tâm giờ cao Thượng phương bảo kiếm để trừ diệt hệ thống tham ô kia, thực hiện chính nghĩa. Sự say mê của dân chúng đối với văn học thanh quan phản ánh nguyện vọng có một “người cha” tốt, còn họ thì cam lòng làm “thảo dân”. Khi mà ngay cả đến một số ít các vị thanh quan cũng không đủ sức chống lại cả một hệ thống quan liêu hủ bại thì họ chỉ còn gửi gắm hi vọng vào các hảo hán lực lâm võ công kỳ tuyệt ra tay xé rách mạng lưới tội ác, trừ diệt bọn gian tà thực hiện chính nghĩa. Sự say mê của dân chúng đối với văn học võ hiệp gửi gắm khát vọng của họ vào những bậc “trượng phu” mạnh mẽ, còn mình thì cam lòng làm “cô gái” yếu đuối cần được che chở. Sự dũng cảm hơn người, nghị lực hơn người, hào khí hơn người của hiệp khách cho thấy tâm lý khiếm nhược, sự kém cỏi bất lực của độc giả - dân chúng. Cái mà người bình thường thiếu lại chính là cái mà hiệp khách rất dồi dào phong phú; hiệp khách có thể đem đến cho người ta sự bù đắp tinh thần to lớn - sự bù đắp này mang tính chất một “liều thuốc an thần”, chỉ làm tăng thêm sự khiếm nhược và kém cỏi của con người, làm mê muội thần kinh của người ta, khiến người ta vứt bỏ tinh thần cải biến hiện thực và chống lại cái tà ác. Chính đó là cái gọi:

“Giúp kẻ nghèo đã có phi tiên kiếm,

Người cứ yên tâm làm kẻ nô tài”.

Sự phồn vinh của tiểu thuyết võ hiệp, phản ánh tâm lý đàn bà đã được xã hội hóa, đó thật là một điều đáng buồn.

Trong bài “Bàn về tiểu thuyết võ hiệp” viết năm 1932, Trịnh Chấn Đạ đã chỉ ra một cách gay:

“Dân chúng nói chung chỉ mong có hiệp khách “siêu nhân” đến để rửa bất bình, trừ cường bạo giúp mình, đó hoàn toàn là một thứ căn tính ảo tưởng thấp kém, bởi vì chỉ ỷ lại vào một lực lượng siêu tự nhiên không thể có, mà quên mất con đường chính đáng cần phải đi”.

Ông cho rằng:

“Tiểu thuyết võ hiệp khiến kẻ mạnh cứ làm xằng, kẻ yếu thì ngồi yên chờ biến đổi, khiến cho một dân tộc đã lạc ngũ thoái hóa càng thoái hóa hơn, càng ngu muội hơn, cứ yên tâm chờ đợi những thu hoạch trời cho.

Chúng ta phải đả đảo thứ dân tộc tính thấp kém đó.”

Trịnh tiên sinh thậm chí còn lên án: tiểu thuyết võ hiệp là “một lực lượng phản động đáng sợ”.

Lời phê bình của Trịnh tiên sinh là rất sâu sắc nhưng cũng có chỗ phiến diện. Chuộng tình thần nghĩa hiệp không phải là một tâm lý hoàn toàn tiêu cực. Vấn đề then chốt ở đây là: chúng ta không nên ảo tưởng vào những vị hiệp khách toàn trí toàn năng đến giải cứu mình. Đàm Tự Đồng cũng rất hâm mộ tinh thần nghĩa hiệp và sự hành hiệp nhưng ông hoàn toàn không có tâm lý nhu nhược kiểu đàn bà. Vị mãnh tướng của Mậu tuất biến pháp này “thân thể nhanh nhẹn, thích bắn cung, đặc biệt thích cưỡi ngựa ruổi rong”, từng xung anh em với người trong chốn giang hồ, từng tặng cho “Đại Dao Vương Ngũ” thanh bảo kiếm “Phượng Cừ”. Điều đáng quý nhất là ông đã đem hành vi hiệp nghĩa vào trong hoạt động chính trị, đấu tranh với bọn đại thần thủ cựu, vô cùng kiên nhẫn, trong lúc nguy cấp đã đi du thuyết, ép Viên Thế Khải phát động binh biến, sau khi thất bại Đàm Tự Đồng không chịu bỏ trốn, lấy máu mình để thức tỉnh nhân dân. Trước ngày về kinh đô tham chính, Đàm Tự Đồng làm thơ tặng bạn, trong đó có câu: “Ta không lo thì ai là người lo?”. Câu thơ ấy với câu cách ngôn “Ta không xuống địa ngục thì ai xuống địa ngục” quả là không hẹn mà gặp. Đó là tinh thần hiệp nghĩa của Trung Quốc. Tư tưởng nhậm hiệp đã đem lại cho Đàm Tự Đồng tinh thần rèn luyện nhân cách, làm tăng thêm nghị lực đưa tinh thần vị liệt sĩ ấy thăng hoa.

8. Võ hiệp với chính trị truyền thống Trung Quốc

Quân chủ chuyên chế là đặc trưng cơ bản của chính trị truyền thống Trung Quốc, còn hiệp khách thì tồn tại ở kẽ hở của nền chuyên chế ấy.

Ở thời Xuân thu Chiến quốc, xã hội quý tộc lãnh chúa tan rã, xuất hiện giai tầng du sĩ thoát khỏi sự ràng buộc của công xã, trong đó có hai loại chính là “du nho” sở trường về thi thư lễ nhạc, và “du hiệp” sở trường về võ thuật. Do chế độ quân chủ chuyên chế còn chưa hoàn bị, quan hệ giữa hiệp khách và quyền lực chính trị còn khá lỏng lẻo, tự do, cho nên đối với chính trị đương thời họ vẫn giữ được cái nhìn phê phán có tính độc lập. Họ có thể nhập thế cũng có thể xuất thế, tức thực hiện cái mà Khổng tử gọi là “thiên hạ có đạo thì hiện, vô đạo thì ẩn”. Khi họ tích cực tham chính với tư cách nhập thế họ cố gắng giữ một quan hệ bình đẳng về tinh thần với ông chủ mà họ phò tá, tức là “vua khiến bề tôi thì phải theo lễ, bề tôi thờ vua thì giữ lòng trung”, thái độ “lễ hiền”, “dưỡng sĩ” của các ông chủ là các tiền đề cho sự tận trung của hiệp khách. Phùng Huyền chỉ đeo một thanh kiếm đến cửa Mạnh Thường Quân, vậy mà vẫn oán trách “cơm không cá thịt”, “đi không có xe”, “không có gì nuôi nhà”, không vừa ý là võ kiếm ca “kiếm dài ơi hãy về thôi” để đòi hỏi, thật là ngạo. Một lời không hợp ý, hiệp khách có thể rũ áo ra đi, đến nước khác làm “khách khanh” (bề tôi - khách). Đây là thời đại tự do nhất của hiệp khách, khi mà trật tự chế độ cũ đã tan rã, trật tự chính trị mới chưa được kiến lập, văn sĩ và võ sĩ tùy ý chu du bốn phương, “loạn pháp” và “phạm cấm”.

Tần Thủy hoàng diệt sáu nước thống nhất Trung Quốc, xây dựng quốc gia phong kiến trung ương tập quyền chuyên chế. Chính phủ đại nhất thống không thể dung túng cho sự hoạt động của du sĩ du hiệp. Bởi vì những phần tử tự do vượt ra ngoài trật tự xã hội dù sao cũng là một lực lượng có tính ly tâm, có khi còn đứng ở vị trí đối kháng với quyền uy chính trị hiện tồn. Năm 1970, người ta đã đào được bộ sách “Vân Mộng Tần giản” [\[5\]](#) trong bộ sách đó có một điều “du sĩ luật”. Điều luật này cho thấy nước Tần không những nghiêm cấm du sĩ từ ngoài đến mà

còn nghiêm cấm kẻ sĩ ở bản quốc đi ra nước khác.

Từ Tần về sau, ở Trung Quốc trải bao phen thay triều đổi đại, bản chất phong kiến chuyên chế vẫn không hề thay đổi, hiệp khách nói chung là khó sống. Họ chỉ có thể tồn tại ở những nơi mà triều đình chuyên chế không ngó tới được. Do lãnh thổ rộng lớn, kinh tế phát triển không đều, trời cao hoàng đế xa, ở chốn núi sâu rừng già xóm vắng vương pháp không quản nổi lại có hiệp khách ẩn hiện sống một cách thoải mái tự do, mặc sức hành hiệp trượng nghĩa. Ở những giai đoạn thay triều đổi đại, thời loạn anh hùng nổi tứ phương, được làm vua thua làm giặc, bóng đao ánh kiếm tung hoành oanh liệt. Nhưng trong lịch sử người ta ít thấy tư thế anh hùng của họ, những lời nói và hành động đáng ca đáng khóc của họ không được ghi vào chính sử của triều đình. Thế nhưng trong thâm sâu lịch sử họ vẫn sống, vẫn yêu, vẫn chiến đấu một cách ngoan cường.

* Hiệp khách với tư cách hóa thân của cá tính, đã mở ra một thế giới đào nguyên độc lập với chính trị truyền thống. Phong kiến chuyên chế là một chế độ đè nén cá tính. Quốc gia được tổ chức theo hình kim tự tháp, hoàng đế ngồi ở trên chóp, kế đến là tam công cửu khanh, cửu phẩm thập bát cấp, rồi đến quan lại lớn nhỏ cứ thế mà xuống, dân chúng tất nhiên ở dưới đáy, bị đè ép đến mức ngạt thở. Dân chúng và đám quan lại cấp thấp trước thượng cấp thì cứ cúi đầu khom lưng vâng vâng dạ dạ run run rẩy rẩy. Chỉ có một mình hoàng đế là có thể chỉ trỏ giang sơn, thể hiện cá tính, chỉ đáng tiếc là cái cá tính ấy lại chẳng phải là nhân tính mà là “thần tính” cách biệt với nhân gian. Trong “Lộc Đỉnh ký” của Kim Dung, Khang Hy luôn cảm thấy ở ngôi cửu ngũ tôn nghiêm thật là mất tự do. Mỗi lần Vi Tiểu Bảo trải qua nguy hiểm trở về, Khang Hy lại thích nghe y huênh hoang để đã cơn nghiện hiệp khách trong chốc lát.

Còn ở trong thế giới của hiệp khách thì không có quyền uy tuyệt đối. Chỉ cần anh có võ công cao cường, bất luận xuất thân thấp hèn thế nào, nếu đánh bại được cao thủ giang hồ thì có thể làm võ lâm minh chủ. Chốn giang hồ không thừa nhận thiên mệnh, không thừa nhận trật tự đẳng cấp nhất thành bất biến, và thông thường cũng chẳng cần lời lẽ văn hoa, nghi lễ rườm rà. Ở Lương Sơn Bạc trong “Thủy hử truyện”, chỗ khiến người ta thích thú nhất là: vô luận phú hào quan lại, hay là người đi săn người đánh cá, đồ tể hay nông phu, đã ở nơi này thì “đều gọi nhau bằng anh em không phân biệt sang hèn”. Người trong võ lâm muốn yêu là yêu, muốn hận là hận, muốn khóc thì khóc, muốn chửi thì chửi, một lời không hợp có thể tuốt kiếm, lấy võ để kết bạn, lấy võ định hôn, lấy võ liên kết đồng minh, càng khỏi phải nói đến chuyện tùy ý báo ân báo oán, có như thế mới là “người của bọn ta”. Trong “Đa tình kiếm khách vô tình kiếm” của Cổ Long, Lý Tầm Hoan từng đỡ Thám hoa, và dẫn thân chốn quan trường, vì có người đàn hặc (chỉ trích, phê phán) mới bỏ quan quy ẩn, bắt đầu cuộc sống hiệp khách. Nhiều năm sau chàng vẫn thầm biết ơn người đã đàn hặc mình năm ấy, nói rằng người ấy đã cứu mạng mình. Trong “Phi hoa trực nguyệt” của Ngọa Long Sinh, con trai của Lý nguyên soái trấn thủ biên cương là “Nhị tiên sinh” không cam sống cuộc đời nhung lụa, tự dựng nên một tổ chức hắc đạo to lớn, ngầm khống chế cả thành phố Kim Lăng. Y xuất thân giàu sang mà lại ưa mạo hiểm chính là vì cảm thấy sống ở chốn quan trường thật mệt, thật là gò bó nhân tính, nên mới nghĩ đến chuyện tự ý lập nên “đại sự nghiệp” để phát huy tài hoa cái thế của mình. Chỉ đáng tiếc là hùng tâm của y lại hướng vào xã hội đen khiến người ta phải thở dài ngao ngán cho y.

* Với tư cách là hóa thân của chính nghĩa, hiệp khách đã dùng những cách thức trái với quy

phạm để điều tiết một phần mâu thuẫn xã hội mà chính trị truyền thống không thể khắc phục được. Dưới chế độ phong kiến chuyên chế, tin tức không được thông suốt, những mâu thuẫn xã hội mới nảy sinh không được phản ánh đến cơ quan chính quyền một cách nhanh chóng và chính xác, lại do hệ thống quan lại bất lực, những mâu thuẫn ấy không được giải quyết mà ứ đọng lại càng ngày càng nhiều và càng phức tạp, quyết liệt. Những thủ đoạn chính trị bình thường đã không đủ sức giải quyết bế tắc, người ta phải giải quyết bằng những phương pháp ngoài qui phạm. Các án oan tích đọng không được giải quyết, một lưới kiếm vung lên có hiệu lực hơn cả ngàn trang cáo trạng, những vụ kiện tụng dằng dai được giải quyết sạch sành sanh. Trong “Hồ Hán quần anh” của Vân Trung Nhạc, bọn tham quan Diêm Trung khốc lại Nghiêm Bình Liêm bị muôn dân nguyên rửa, chết không hết tội nhưng nhà vua chỉ cách chức bọn chúng. Vương pháp giải quyết không được thì đao kiếm giải quyết. Trên đường chúng rời kinh đô về quê, anh hùng các xứ ra tay, bắt hai tên tròng trị, làm cho dân chúng hả mối căm thù. Lại như trong “Minh đích phong vân lục” của Lương Vũ Sinh, đại quân Mông Cổ và nước Kim tiến sát biên giới, giang sơn Nam Tống lung lay sắp đổ. Bởi gian thần Hàn Sát Trụ ngăn cản, người ta không thể dựa vào triều đình để bảo vệ nước nhà. Thế là, minh chủ lực lâm là Bồng Lai Ma Nữ ở Kim Kê lĩnh đứng lên kêu gọi, nghĩa quân trong dân gian trở nên chủ lực chống ngoại xâm. Bao nhiêu điều có thể chứng minh rằng những hành vi tráng liệt của các hiệp khách đã thực hiện chính nghĩa giữa cõi đời, đem lại hy vọng cho dân chúng bị áp bức. Đó chính là sự cứu trợ và bổ sung cho chính trị truyền thống.

Có khi triều đình và hoàng đế cũng lợi dụng những phương pháp quyết liệt của hiệp khách để đạt được mục đích chính trị nào đó của mình. Trong “Lộc Đình ký” của Kim Dung, Ngao Bái cậy công kiêu ngạo, uy cao lấn chủ, nhưng theo thường quy chính trị của cung đình thì chẳng làm gì được hắn. Khang Hy đã không câu nệ lễ pháp, mượn bàn tay giúp đỡ của Vi Tiểu Bảo và các vệ sĩ để bắt giết Ngao Bái, từ đó mà nhanh chóng xác lập được quyền uy của mình. Những vấn đề mà thứ chính trị áo mũ đàn hoàng không giải quyết được lại nhờ vào mấy ngón võ mèo què của Vi Tiểu Bảo để giải quyết. Khi nghiên cứu hệ thống chính trị đế quốc cổ đại, các nhà xã hội học phương Tây đã đưa ra khái niệm “vốn lưu động tự do”. Cái “vốn” đó bao gồm cả nhân lực và vật lực. Nó nằm ngoài hệ thống chính trị hiện tồn, khi hệ thống chính trị kém hiệu lực, nó có thể ra tay bổ khuyết, thậm chí có thể khống chế thế lực quý tộc truyền thống. Hiển nhiên, hiệp khách thuộc loại “vốn lưu động tự do” đó. Một ông vua cao minh sành lợi dụng “vốn lưu động tự do” vừa không để cho thế lực của nó mở rộng đến mức đe dọa trật tự của nền thống trị hiện tồn vừa không để cho nó quá ư yếu ớt, thậm chí có lúc cố ý dung túng để tiện cho việc ứng phó với những biến động trong đời sống chính trị xã hội. Hoàng đế Khang Hy là một ông vua trí lự sâu xa cơ biến quyền mưu như thế. Khang Hy sớm đã biết rõ Vi Tiểu Bảo là người của Thiên Địa hội nhưng cứ thản nhiên sai y làm những nhiệm vụ khó khăn mà các mệnh quan tầm thường của triều đình không thể làm nổi, thế mà cuối cùng lại thành công trong việc làm cho Thiên Địa hội tan rã. Có thể nói Khang Hy từ đầu chí cuối đã “chơi” Thiên Địa hội và Vi Tiểu Bảo trong bàn tay, “chơi” rất chi ngoạn mục.

* Trong tổ chức và quan niệm của hiệp khách cũng thường mang dấu ấn của chính trị truyền thống. Giang hồ có “pháp luật” của giang hồ nhưng lại không thực hành một cách quyết liệt, triệt để với chính giáo thế tục. Người trong võ lâm cố nhiên là có kẻ ngông nghênh “vua gọi lên thuyền không thềm nhúc nhích” nhưng sau đầu vẫn còn vương vít cái “đuôi sam” lễ phép. Võ

lâm vốn là hợp thể của những con người tự do liên kết với nhau vì nghĩa khí. Nhưng một số môn phái võ lâm lại có môn qui nghiêm ngặt, sự tàn khốc của nó chẳng khác gì chế độ tông pháp. Trong “Tiểu ngạo giang hồ” của Kim Dung, ma giáo dùng “tam thi não thần đan”, để khống chế không cho giáo đồ ăn ở hai lòng, duy trì quyền uy của giáo chủ, như vậy thì còn nói gì đến tinh thần hiệp nghĩa, tự do? Trong “Thiên Long bát bộ” của Kim Dung, môn đồ của phái Tinh Tú nịnh trên lừa dưới, gió chiều nào theo chiều ấy, bộ mặt của chúng cũng giống như bọn lưu manh chính trị, vì thế mà có độc giả cho rằng một số sự miêu tả của Kim Dung trong “Thiên Long bát bộ” và “Lộc Đỉnh ký” hình như có ý trào phúng chính trị trong 10 năm “cách mạng văn hóa” ở đại lục.

[1] Tư Mã Đàm là thân phụ của Tư Mã Thiên, ông làm "Thái sử lệnh" thời Hán Cảnh đế. Thiên "Luận lục gia yếu chỉ" của ông có ảnh hưởng sâu sắc đối với tư tưởng của Tư Mã Thiên.

[2] Nguyên văn: "Xả sinh nhi thủ nghĩa".

[3] Phật giáo cho rằng thế giới được cấu tạo nên từ "tứ đại" là đất, nước, lửa, gió.

[4] Nguyên lời Kinh Kha là: "Tráng sĩ ra đi chừ không trở về", người ta thay đi vài chữ để hên ngày về.

[5] Đây là một bộ sách lớn của nước Tần, gồm rất nhiều lĩnh vực. "Vân Mộng Tần giản" có nghĩa là "bộ sách của nước Tần tìm được ở Vân Mộng" - đó là tên gọi do nhà khảo cổ đặt để gọi, chứ không phải là tên vốn có của bộ sách này.

CHƯƠNG VII: Ý NGHĨA HIỆN ĐẠI CỦA VÕ HIỆP

1. Ý thức chủ thể

Lỗ Tấn tiên sinh đã từng rất đau đớn vì thái độ thờ ơ lạnh nhạt của quốc dân. Ông cho rằng họ chỉ là những “khán giả” vô tình đứng xem người ta hành quyết tội nhân trước pháp trường. Điều này giống như hai câu cách ngôn của các nhà từ chương học Trung Quốc.

*“Tế nhân lợi vật phi ngô sự,
Tự hữu Chu Công Khổng thánh nhân”*

(Cứu người giúp vật chẳng phải việc của ta,
(Việc ấy) đã có Chu Công và Khổng thánh)

Lại như hai câu tục ngữ dân gian:

*“Các nhân tự tảo môn tiền tuyết,
Bất quản tha nhân ngõa thượng sương”*

(Mỗi người tự quét tuyết trước cửa nhà mình,
Chẳng để ý gì đến sương trên mái nhà người khác) [\[1\]](#)

Nguyên nhân của sự thiếu ý thức chủ thể có hai phương diện. Một là nền kinh tế tự nhiên tự cấp tự túc đã hạn chế cuộc sống của người ta trong không gian nhỏ hẹp của thôn xóm, gia tộc và gia đình, khó lòng giao tiếp và cảm thông với đời sống và quần thể xã hội rộng lớn hơn, hơn nữa kinh tế tiểu nông chủ yếu là “nhờ trời” khiến cho người ta có tâm lý ỷ lại và thỏa hiệp đối với hoàn cảnh và số phận. Hai là nền chuyên chế phong kiến khắc nghiệt khiến quốc dân im hơi lặng tiếng như ve mùa đông, quen cái đầu cam chịu. Lương Khải Siêu trong bài “Luận về kẻ bàng quan” đã từng cảm thán:

“Về thực chất mà nói, hai chữ “bàng quan” đại biểu cho tính chất của người Trung Quốc chúng ta, ba chữ “thiếu nhiệt tâm” là thuộc về toàn dân ta. Ôi, đáng sợ thay điều ấy!

Người trong một nhà, ai cũng có ý thức là chủ thì nhà mới nên. Nếu người trong một nhà ai cũng tự cho mình là khách, cha đùn đẩy trách nhiệm cho con, con đùn đẩy trách nhiệm cho cha, anh ỷ lại em, em ỷ lại anh, chồng phó mặc vợ, vợ để mặc chồng, thế gọi là nhà không chủ. Nhà mà không chủ thì bại vong là cái chắc. Nước cũng vậy thôi.

Các nước phương Tây cường thịnh là vì người trong một nước ai cũng làm tròn chức trách của mình. Người Trung Quốc thì không thể. Đến nước của họ (tức Trung Quốc), hỏi ai là chủ của nước, chẳng ai nhận cả. Nói nhân dân là chủ ư? Nhân dân nói: “Đó là việc của quan lại, tôi có dính gì vào đó”. Nói quan lại là chủ ư? Quan lại trả lời: “Tôi chỉ giữ cái chức vị suông này vì uy thế, vì lợi lộc, ngoài ra tôi có biết gì đâu”. Vậy là một nước tuy lớn mà chẳng có ai là chủ. Nước mà vô chủ thì bọn nô bộc lộng quyền, bọn đạo tặc cướp đoạt là chuyện đương nhiên vậy”.

Nhà lý học Bắc Tống là Trương Tải có một đoạn danh ngôn:

“Vì trời đất mà lập tâm, vì sinh dân mà lập mệnh, nối tiếp học thuật của thánh nhân, vì muôn đời mà mở nền thái bình”.

Lý tưởng ấy đã dựng nên sự trang nghiêm vĩ đại của chủ thể luân lý cho con người, trong lịch sử tư tưởng của nhân loại chỉ có luân lý học của Kant mới sánh được với lý tưởng ấy của Trương Tải.

Trong lịch sử triết học hiện đại phương Tây đã từng có một cuộc tranh luận giữa quyết định luận và phi quyết định luận. Những người chủ trương quyết định luận thế kỷ XIX đã cho động lực phát triển của lịch sử là điều kiện vật chất. Điều này đã dẫn đến sự đánh giá thấp tính năng động chủ quan của con người đối với sự phát triển của lịch sử. Chủ nghĩa hiện sinh thì coi sự tồn tại của cá nhân là bản thể của thế giới, nhấn mạnh sự tồn tại của con người là do con người tự do lựa chọn. Họ đề cao vai trò của cá nhân anh hùng trong lịch sử.

Thật khó nói được rằng các nhà văn như Kim Dung, Cổ Long khi sáng tác tiểu thuyết võ hiệp đã tiếp nhận ảnh hưởng của văn hóa truyền thống Trung Quốc hay triết học phương Tây hiện đại, nhưng chúng ta có cảm giác khá rõ rằng sự sáng tạo nên những hình tượng nam nhi đầy nhiệt huyết, dám làm dám chịu trong tác phẩm quả là có sự dung hợp văn hóa Đông Tây về ý thức chủ thể. Người ta sống ở trên đời không thể thoảng qua như cái bóng mà muốn lưu lại dấu ấn trên trái đất này, làm chủ chính mình. Rất nhiều hiệp khách đều xuất thân hàn vi lại trải qua biết bao khổ nạn nhưng chí khí chẳng đổi dời, tám phương tìm thầy, mười năm mài kiếm, khổ công học nghệ cuối cùng báo được đại thù, mở mày mở mặt. Ở họ tỏa ánh sáng của văn hóa Trung Quốc đồng thời khắc phục được sự kém cỏi, mê muội và khiếm nhược trong “liệt căn tính” của dân tộc. Trên một ý nghĩa nhất định mà nói, tiểu thuyết võ hiệp đã góp phần cải tạo tính cách quốc dân. Đương nhiên, trong đời sống hiện thực không phải ai cũng có thể sống oanh oanh liệt liệt như hiệp khách, nhưng chí ít chúng ta cũng có thể sống đường đường chính chính với tư cách một con người. Chính như trong “Ỗ thiên Đồ long ký”, cậu thiếu niên Trương Vô Kỵ nhận lời gửi gắm lúc lâm chung của nữ hiệp Kỷ Hiểu Phù phái Nga My, quyết tâm hộ tống đứa con gái nhỏ của Kỷ Hiểu Phù là Dương Bất Hối về với phụ thân là Dương Tiêu. Dương Tiêu đang ở tận núi Côn Luân, cách xa mười vạn tám ngàn dặm. Vô Kỵ nhận thức rõ việc chăm sóc cô bé mồ côi này là trách nhiệm của mình, vì nghĩa nên chẳng thể khước từ. Trải qua muôn cay đắng ngàn đắng, cuối cùng cậu thiếu niên ấy đã đưa được cô bé Dương Bất Hối về với cha. Tiểu thuyết võ hiệp là một tấm gương phản ánh đời sống hiện thực, có thể giúp chúng ta thấy được mặt khiếm khuyết của mình.

2. Cảm nhận về sinh mệnh

Lỗ Tấn từng nói rằng: “Đọc sách Trung Quốc thường khiến người ta trầm tĩnh lại”.

Từ “Thi tam bách” (tức Kinh thi) về sau, bốn chữ “ôn nhu đôn hậu” trở thành lý tưởng thẩm mỹ của văn nhân và độc giả Trung Quốc. “Vui mà không dâm, buồn mà không lụy” (lời Khổng tử đánh giá về “Kinh thi”) tình cảm cần được tiết chế, tâm trí không được vượt ra khỏi phạm vi bình thường. Tác phẩm phần lớn là hàm súc, trong trẻo giản dị khiến người ta trầm tĩnh lại, có lúc cũng khiến cho người ta buồn ngủ. Càng đọc nhiều sách càng thờ ơ với những vui buồn của nhân gian, tinh thần càng hướng nội và co rút lại.

Tiểu thuyết võ hiệp đã đi ngược lại con đường ấy, sáng tạo nên những cảnh giới nhân sinh

rộng rãi phóng túng hào hùng. Những cảnh giới ấy vượt ra khỏi phương thức sinh hoạt và trạng thái tình cảm của người thường, nổi bật lên những hoạn nạn và nỗi bi thiết của nhân sinh, bùng lên sức sống và tinh thần cao thượng. Các hiệp khách thường không phải phí sức suy nghĩ “ta là ai” như Âu Dương Phong (trong “Xạ điêu anh hùng truyện”) mà cái chính là họ “đã đến, đã sống, đã yêu” như Sở Lưu Hương (trong “Hiệp đạo Sở Lưu Hương”). Dưới bóng tử thần, họ hiểu rõ giá trị của sự sống. Trong những cảnh ngộ nhân sinh đầy những buồn vui, đầy những khổ đau hoan lạc họ mới tận hưởng được hương vị của tình yêu. Không cần phải ngần ngại mà nói rằng cuộc sống giang hồ có khả năng làm bùng lên ý thức về sinh mệnh, đưa con người vượt ra khỏi cuộc sống tầm thường luôn bị ức chế. Ý thức về sinh mệnh là mô típ của tiểu thuyết võ hiệp tân phái. Mô típ này có ý nghĩa triết học hiện đại.

Cảm nhận về sinh mệnh là một thứ nội lực tương phản với khoa học, logic và lý tính. Nó thuộc phạm trù phi lý tính. Trong thời kỳ văn nghệ Phục hưng ở phương Tây, trong cuộc đọ sức giữa lý tính khoa học và tôn giáo, người ta cũng giương cao ngọn cờ bản năng sinh mệnh, phê phán chủ nghĩa cấm dục thần học. “Truyện mười ngày” của Bôcaxiô, bằng ngòi bút tuyệt diệu, đã kể những câu chuyện tình yêu nam nữ, nói lên sự thức tỉnh của nhân tính chiến thắng “thần tính”, làm sáng tỏ chân lý giản dị: “Hạnh phúc ở ngay trong cuộc đời này”.

Nếu như đối thủ thời kỳ đầu của ý thức sinh mệnh là tôn giáo, thì đối thủ của nó ở thời hiện đại là xã hội công nghiệp với cơ sở là khoa học và lý tính. Chủ nghĩa phi lý tính cho rằng xã hội công nghiệp hiện đại đã biến mỗi cá nhân thành một cái đinh ốc. Mỗi cá nhân phải vằn xoay theo guồng máy xã hội hiện hành, biết thành một “chi tiết máy”. Kết quả là cá tính bị đánh mất, trực giác và xung động của bản năng sinh mệnh bị tê liệt, sức sáng tạo của nhân loại bị co rút lại. Con đường để thoát khỏi sự bế tắc đó là lay tỉnh bản năng sinh mệnh của con người, thoát khỏi sự ràng buộc đối với nhân tính. Đương nhiên, trên phương diện nhận thức luận, chủ nghĩa phi lý tính cũng tồn tại một khiếm khuyết là đã tuyệt đối hóa cái gọi là “phi lý tính”.

Trung Quốc, đất phát tường của tiểu thuyết võ hiệp, tuy có bối cảnh văn hóa khác với phương Tây, nhưng sự chuyên chế của chính quyền phong kiến mấy ngàn năm qua cũng đã kích động ý thức phản kháng của nhân dân. Trong cuộc đấu tranh chống phong kiến, tiếng gọi của ý thức sinh mệnh có ý nghĩa tương đối tích cực. Chẳng hạn như, khi nhà cải cách của Trung Quốc Đàm Tự Đồng cùng với Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu đề xướng biến pháp chính trị, ông cũng đã hy vọng ở sự thức tỉnh bản năng sinh mệnh của đồng bào. Khi giảng dạy tri thức về cơ thể người, ông đã nói:

“Người là một sản phẩm tinh xảo mà tạo hóa đã sáng tạo nên. Con người phải đội trời đạp đất, lập nên sự nghiệp. Các bạn nên biết rằng đường đường tằm thân bảy thước này không phải là để làm tôi tớ ngựa trâu cho người ta. Các bạn hỡi, các bạn! Nếu chúng ta không làm được những việc nên làm thì nhất định chúng ta sẽ biến thành ngựa trâu, tôi tớ!”.

Thế giới giang hồ trong tiểu thuyết võ hiệp tràn ngập những cảm giác dục vọng tình cảm, bản năng, đốn ngộ, xung động, phi lý tính, hợp thành một dòng sông lớn dội vào chính trị và văn hóa chính thống của xã hội phong kiến. Nhất là trong tiểu thuyết võ hiệp tân phái, chúng ta dễ dàng tìm thấy nhiều điểm chung giữa nó (ý thức sinh mệnh) với trào lưu triết học hiện đại:

- Trên phương diện nhân sinh quan

Trong “Đa tình kiếm khách vô tình kiếm” của Cổ Long có một đoạn đầy ý vị ngụ ngôn:

“Ngoài trường đình, có một chàng trai đang tạm biệt tình nhân, quyết tâm dốc thân vào chốn giang hồ.

Thiếu nữ nói:

- Chúng ta đang sống rất hạnh phúc, chàng đã đánh bại họ rồi, lẽ nào chúng ta không vui hơn?

Chàng trai đáp:

- Có lẽ không. Nhưng ta nhất định phải đi.

- Vì sao?

- Vì ta không thể sống một cuộc đời bình lặng thế này. Ta nhất định phải thành danh, phải nổi tiếng như Thượng Quan Kim Hồng và Lý Tầm Hoan, mà nhất định là ta có thể làm được!”.

Nếu con người đã trải qua bao kiếp nạn là Lý Tầm Hoan đổi vị trí cho chàng trai kia thì liệu Lý Tầm Hoan có quyết tâm như vậy không? Đáp án là có.

Lý Tầm Hoan nói rằng:

“Con người ta sống, cần phải có lý tưởng, có mục đích, phải phấn đấu bằng tất cả sức lực của mình, còn như kết quả của sự phấn đấu có phải là thành công hay không, khoái lạc hay không, họ chẳng cần quan tâm”.

Dương Quá trong “Thần điêu hiệp lữ” còn nói rõ hơn:

“Phải trải qua muôn vàn cay đắng ngọt lành còn hơn chẳng hề có ngọt lành cay đắng. Ta có thể phát si phát điên nhưng không thể sống tầm thường yên tĩnh”.

Tính chất cạnh tranh trong võ học và cái quy luật mạnh được yếu thua trên chốn giang hồ khiến cho triết học trung dung của Nho gia và tư tưởng vô vi của Lão Trang khó tồn tại trong võ lâm. Trong lữ hành cuộc sống, hiệp khách “chẳng màng chi hết”; cái mà họ truy cầu là “phát si phát điên”, niềm vui là ở đó. “Phát si phát điên” chính là sự phát tiết bản năng sinh mệnh. Nhà triết học Bâycơn cho rằng: sinh vật có một thứ “xung lực”, có xung lực ấy sinh vật mới có thể truyền giống, mới có thể tiến hóa. Sinh mệnh là do tích lũy và chuyển hóa năng lượng của thái dương, sứ mệnh của nó là “bộc phát” và “thành tựu”. Bâycơn thích dùng những hình ảnh như tên lửa, thác nước, kỵ binh để miêu tả đặc trưng của sinh mệnh. Cuộc sống đầu ngọn đao mũi kiếm của hiệp khách Trung Quốc sao mà giống những hình ảnh ấy đến vậy! Chốn giang hồ đầy sóng gió hiểm ác, hiệp khách rong ruổi trên chốn giang hồ chẳng phải là đầy “xung lực” đó sao? Từ đó chẳng phải là có thể thấy được sự “bộc phát” và “thành tựu” của bản năng sinh mệnh sao?

- Trên phương diện nhận thức luận

Trong “Hiệp khách hành” của Kim Dung quá trình khám phá tuyệt học võ công trên đảo Hiệp khách là một ngụ ngôn về sự truy cầu chân lý. Trong bản khắc bài thơ “Hiệp khách hành” của Lý Bạch ẩn giấu một bí tịch võ công, đến chương môn của các phái Thiếu Lâm, Vũ Đang học vấn uyên bác đều không khám phá được, vậy mà bí mật ấy lại bị một cậu bé ăn mày không hề biết chữ nhận ra. Nguyên lai, bút pháp của bản khắc thi phẩm ấy chính là kiếm phổ, còn nội

dung văn tự của bản khắc thì chẳng hề liên quan gì với võ học. Ở đây, Kim Dung đã nở một nụ cười hài hước: đem đồ hình võ nghệ giấu trong nét bút một bài thơ khiến cho vô số trí giả đã đọc thiên kinh vạn quyển không thể nào hiểu nổi. Câu chuyện này đã thể hiện một cách hình tượng tác dụng của linh cảm, trực giác trong quá trình nhận thức. Có nhà triết học đã cho rằng: khi đưa ra một lý thuyết mới, ngoài việc phải có kinh nghiệm, tri thức và truyền thống lịch sử ra còn cần phải có trực giác hoặc linh cảm phi lý tính. Anhtan cũng nói rằng: “Tìm tòi định luật có tính phổ biến cao... khám phá ra được định luật đó lại chẳng có một con đường logic, chỉ có thông qua trực giác dựa trên cơ sở kinh nghiệm về đối tượng mới có thể tìm được định luật ấy”.

Bây giờ nói một cách càng huyền diệu hơn: xung động sinh mệnh đã là bản nguyên của thế giới, vậy thì lý trí dùng cảm giác và khái niệm cố định bất biến sẽ không thể nào nắm được nó. Chỉ có dựa vào trực giác thần bí mới có thể “nắm” được thế giới này.

Hiệp khách tập võ cũng nhấn mạnh thứ trực giác không thể nói rõ ra này, như Phong Thanh Dương truyền thụ “Độc cô cửu kiếm” (“Tiểu ngạo giang hồ”), Trương Tam Phong truyền thụ “Thái cực kiếm” (“Ỗ thiên Đồ long ký”) đều nhấn mạnh việc quên hết chiêu thức để hoàn toàn thoát khỏi sự trói buộc của lý tính, đạt đến cái điều mà Thiên Cơ Lão Nhân đã nói: “Hợp vào với tạo hóa, chẳng có vòng mà cũng chẳng có ta” (“Đa tình kiếm khách vô tình kiếm”). Hiệp khách cho rằng đó là đỉnh cao của võ học cũng là đỉnh cao của nhân sinh.

- Trên phương diện quan niệm chính trị

Nếu chúng ta phân tích tỉ mỉ động cơ bước vào cuộc đấu tranh chính trị của hiệp khách trong nhiều tiểu thuyết thì có thể phát hiện ra rằng họ thường chẳng có lý tưởng chính trị cao xa mà phần nhiều coi chính trị là một phương tiện để họ thể hiện khí phách và tài năng võ nghệ, sống cuộc đời oanh oanh liệt liệt trong đấu tranh. Cho nên một khi phát hiện ra cuộc đấu tranh chính trị có hại đối với sự phát huy chân tính của mình thì họ sẽ lặng lẽ quy ẩn như Trương Vô Kỵ (“Ỗ thiên Đồ long ký”). Những người như Trương Vô Kỵ không tự giác dấn thân vào sóng gió chính trị mà bản tính của họ đã khiến họ tạm thời bị lôi cuốn vào. Tuy các tác gia tiểu thuyết võ hiệp đã đặt nhân vật hiệp khách vào lập trường chính trị đúng đắn nhưng về cơ bản họ không phải là những nhân vật chính trị mà chủ yếu là để biểu hiện sinh mệnh lực phong phú của họ.

3. Tiểu thuyết võ hiệp với người trí thức

Những năm gần đây, tiểu thuyết võ hiệp tân phái từ phố phường làng mạc đã dần dần đi vào các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu khoa học. Các bậc quân tử đạo mạo ở những nơi này ban đầu không thèm ngó đến tiểu thuyết võ hiệp nhưng một khi đã đọc thì lại rất say mê, không dứt ra được. Dăm ba người bạn tụ tập lại, vậy là:

“Khai đàm bất thuyết Kim, Lương, Cổ

Độc tận thi thư diệc uống nhiên”

(Chuyện trò chẳng luận Kim, Lương, Cổ

Độc hết thi thư cũng uống công) [\[2\]](#)

Nói chung, họ không say mê các chiêu thức võ công, cũng không chú ý tình tiết câu chuyện có hợp lý hay không. Vậy thì, cái gì đã hấp dẫn các vị trí thức vốn tự coi mình là học vấn cao siêu? Lẽ nào lại là những tình yêu vô vọng kiểu “Hỏi thế gian tình là chi vậy, mà gấn bó chẳng nề sinh tử”? Lẽ nào lại là cái cảm giác cô ngạo và quạnh hiu “rút kiếm nhìn bốn phía lòng chơi vơi”? Hay là cái hào khí ngất trời, đại nghĩa lẫm liệt của các trang hiệp khách... đã hấp dẫn họ? Phải chăng có thể nói rằng một số đặc điểm nào đó của tiểu thuyết võ hiệp đã ám hợp với tâm thái của một số trí thức đương đại, khiến cho họ có thể dùng một thứ phương thức thẩm mỹ đặc thù mà ngao du trong thế giới võ hiệp?

Sống trong không khí văn hóa truyền thống bao phủ mông lung, vừa kế thừa phong cách Khuất Nguyên lại ít nhiều trần trở với cái quyền biến của Hồng Thừa Trù..., những người trí thức thường cảm giác có một thứ “áp lực lương tri”, sứ mệnh cảm và ý thức trách nhiệm xã hội vốn có trong tâm hồn trí thức vẫn thường khắc khoải, cái “áp lực lương tri” kia luôn cựa quậy và chế giễu sự thoái hóa về tinh thần của họ. Thế là lòng họ cảm thấy bất an, họ muốn làm được một cái gì đó, họ vui mừng tìm thấy trong tiểu thuyết võ hiệp một cái kênh để phát tiết những ẩn ức trong tâm tư, họ cũng tìm được trong đó một thứ khoái cảm tinh thần từ những hình tượng phóng túng dám yêu, dám hận, dám sống hết mình. Chẳng hạn những con người như Dương Quá, Lệnh Hồ Xung phải chịu bao điều ô nhục, bị cả cõi đời chê trách nhưng vẫn không hề thay đổi bản sắc nghĩa hiệp, lại gặp được những cơ duyên luyện nên tuyệt thế võ công để trừ gian phù thiện... chính những hình tượng đó khiến họ (những người trí thức) giải tỏa được những uất muộn, giúp tinh thần sáng khoái. Những anh hùng nghĩa hiệp ấy coi thường việc phân biệt chính tà, không quan tâm đến lễ pháp thế tục, yêu người mà mình yêu, không hề oán hận, không hề ăn năn, dù trải qua kiếp nạn nhưng rốt cuộc đã thành chính quả. Những điều ấy rõ ràng là niềm an ủi tinh thần đối với những người trí thức không đủ sức thoát ra khỏi đạo trung dung, né tránh lương tri để “minh triết bảo thân”. Nghĩa là “giấc mộng hiệp khách” của văn nhân muôn thuở trong họ phần nào được đáp ứng; hiệp khách đã ít nhiều bù đắp cho cái phần mà họ thiếu.

Ngoài ra, những người trí thức thường mang đậm sắc thái lý tính. Ở một mức độ nào đó, lý tính đã ngăn chặn người trí thức cảm nhận hoạt lực dồi dào của sinh mệnh. Những người trí thức tung hoành rong ruổi trên sách vở, vào phòng thí nghiệm thì như cá gặp nước nhưng trong đời sống hiện thực thì họ lại lớ ngớ ngu ngơ, sợ bóng sợ gió, giỏi suy tư mà kém trong hành động. Thế là, đối với những hành vi độc lập, cảm ngộ kỳ lạ của hiệp khách võ lâm, đối với hoàn cảnh văn hóa siêu nhiên thế ngoại của những con người “độc lai độc vãng” được xây dựng trên cơ sở lãng mạn chủ nghĩa ấy, họ cảm thấy mới lạ và hân thưởng (vui vẻ thưởng thức), rồi từ hân thưởng mà say mê. Họ nấp sau lưng những hình tượng đại hiệp dám làm dám chịu, sức sống dạt dào kia mà thư giãn tâm hồn, như thế thì vừa thoải mái vừa khỏi nguy hiểm.

Có những người trí thức quá mệt mỏi - công tác bề bộn, việc nhà ngập mặt, học tập căng thẳng, quan hệ con người phức tạp, thường sống trong sự xung đột giữa sứ mệnh cảm, tinh thần trách nhiệm với tiếng gọi của sinh mệnh cá nhân... khiến thân tâm họ quá chùng mệt mỏi. Mà khí phách anh hùng của những trang hiệp khách khiến tinh thần họ tìm được nơi gửi gắm. Huống nữa những người trí thức thường mảnh khảnh như cái giá đậu, thân thể yếu ớt, sức trối gà không chặt, một quyển sách trong tay không khỏi hiu hiu cảm thấy mình cũng hóa thân vào nhân vật, có nội công thâm hậu, chưởng đến thì võ đá tan bia, say mê tự đắc, quên rằng mình

đang ở trong chăn êm đệm ấm.

Lại có một số trí thức không thích tiểu thuyết võ hiệp, thậm chí còn tỏ ra chán ghét. Nguyên nhân của điều này cũng nhiều. Có người do thị hiếu thẩm mỹ không hợp, có người thì giữ thiên kiến với cái gọi là “văn học thông tục”, cũng có người tự coi mình là cao nhưng hứng thú lại nghèo nàn... ở đây không nhất thiết phải đề cập một cách tỉ mỉ.

4. Cảm giác cô độc (Cô độc cảm)

Hiệp khách lưu lã nơi chân trời góc bể, bốn biển là nhà, giúp đỡ người nghèo, cứu người yếu đuối, trừ hung diệt ác, đơn thương độc mã tung hoành thiên hạ, khuông phù chính nghĩa. Họ là những người anh hùng cô độc.

Cô độc là một thứ số phận mà người hiệp khách phải chấp nhận. Tìm sự sống ở đầu mũi kiếm tất phải có ý chí và sức mạnh hơn người, phải có sức tự chế rất mạnh, có khi thậm chí phải dứt bỏ tình dục mới có thể trong một sát na (khoảnh khắc) chiến thắng được kẻ địch. Sinh mệnh của Tây Môn Xuy Tuyết là ở thanh kiếm trong tay anh ta. Thanh kiếm này trước hết phải chặt đứt mọi ham muốn và tạp niệm mới đạt đến cảnh giới “người và kiếm hợp nhất”, trở nên vô địch. Tây Môn Xuy Tuyết đã từng thử lập gia đình, cũng lấy vợ sinh con, hưởng thụ niềm hạnh phúc bình dị như người thường. Nhưng sự vướng víu của tình cảm khiến kiếm pháp của anh ta mất đi uy lực và ánh quang huy vốn có, suýt mất mạng dưới lưỡi kiếm của địch thủ. Điều này có nghĩa là sinh mệnh hiệp khách siêu phàm đã mất. Cuối cùng, Tây Môn Xuy Tuyết đành phải từ biệt vợ con, trở lại với sự cô độc. Để truy cầu kiếm đạo, siêu việt tự ngã, Tây Môn Xuy Tuyết buộc phải sống cô độc cách tuyệt với đời, vô duyên với hạnh phúc thế tục, áo trắng hơn tuyết, ngạo nghễ đứng sừng sững giữa cánh đồng hoang dã. (Cổ Long - “Lục Tiểu Phượng”).

Hiệp khách tất phải chấp nhận số phận cô độc còn vì họ là kẻ “ly kinh bạn đạo” (bỏ kinh phản đạo) của chính trị truyền thống. Đối diện với thời loạn, hoặc dựa vào sức mạnh cá nhân chống lại quan lại và các thế lực ác bá ở địa phương, dốc hết sức mình đến chết mới thôi; hoặc giữ thái độ bất hợp tác, thoái ẩn sơn lâm, tự hoàn thiện mình. Thế nhưng, sự tồn tại của hiệp khách tạo thành một mối đe dọa lớn đối với giai cấp thống trị, cho nên giai cấp thống trị phải trừ diệt mới yên tâm. Không gian hoạt động của hiệp khách (trong lịch sử) không rộng lớn có thể tự do rong ruổi như được miêu tả trong tiểu thuyết võ hiệp. Mặt khác, thế gian cũng chẳng hề có đào nguyên thực sự để có thể gửi tình nơi sơn thủy, tiêu dao tự tại. Điều ấy khiến hiệp khách rơi vào bi kịch không tìm được đường về, tiến thoái đều không được, cảnh ngộ cô độc là không thể tránh. “Tiêu Dương Dạ Vũ” Mạc Đại tiên sinh là đại biểu cho số phận phần lớn hiệp khách (đây nói hiệp khách có thật trong lịch sử chứ không phải hiệp khách lý tưởng hóa được miêu tả trong tiểu thuyết võ hiệp). Mạc Đại tiên sinh rất tỉnh táo, ông biết rõ rằng sức của một mình không cách gì đối địch được với thế lực cường quyền, nhưng lại không chịu cúi đầu khuất phục cường quyền. Công khai đối kháng với kẻ cường bạo thì không nổi, thế thì thừa lúc kẻ địch sơ hở mà đánh một đòn; trong tình cảnh chẳng biết làm sao được, làm chi đó được thì làm. Vì thế ông có thể giết Phí Bân ở nơi hoang dã trong đêm mịt mờ nhưng lại không thể giúp Lưu Chính Phong chống lại sự bạo ngược của Tả Lãnh Thiền trước đại đường Ngũ Nhạc kiếm phái. Ông là một hiệp khách độc hành thần xuất quỷ một, hành tung bí ẩn, chẳng ai hiểu trong lòng ông đang nghĩ gì. Người ngẫu nhiên gặp ông chỉ nghe được tiếng hồ cầm ngẹn ngào bi thiết (“Tiểu ngạo giang hồ”).

Chẳng ăn nhập gì với lễ pháp thế tục cũng khiến hiệp khách đi đến sự cô độc. Một trong những đặc trưng quan trọng của hiệp khách là có thân phận nhân cách độc lập, có thể vượt lên trên lễ giáo và pháp luật thế tục. Mà xã hội truyền thống Trung Quốc lại thực hành chế độ đẳng cấp nghiêm ngặt, ai ai cũng có thân phận và danh phận cố định, không thể tự ý vượt qua. Cái gọi là quân tôn thần ti, quan lớn dân nhỏ, chủ sang tớ hèn trong con mắt của hiệp khách chẳng có nghĩa lý gì. Hiệp khách là nam nhi đầy nhiệt huyết, không sợ trời, không sợ đất, dám xung phá sự trói buộc của lễ giáo chính thống. Cuộc đấu tranh này cũng quyết liệt như cuộc đấu tranh chống lại triều đình, từ nội tâm mà nói thì hiệp khách càng cô độc. Sự giận đời ghét tục của Dương Quá bắt nguồn từ những cảnh ngộ nhân sinh thuở thiếu thời. Lúc ấy Dương Quá chỉ là một thiếu niên phản nghịch - người đều phụ ta thì ta phải phản kháng đến cùng, thà chết không khuất phục. Về sau, Tiểu Long Nữ cùng chàng thầy trò yêu nhau, chàng không ngại coi Toàn chân giáo là kẻ thù, lúc này đã không còn giản đơn là tâm lý phản nghịch của trẻ con nữa. Chàng đã lớn lên, trở thành một đấng nam nhi chí tình chí tính.

Vì mối tình này, chàng không sợ sự chê trách của toàn thế giới, thậm chí coi khinh cả sinh mạng của mình, nguyện chết theo Tiểu Long Nữ. Biết rõ như vậy thì sẽ phải một đời cô độc nhưng vẫn ngang nhiên tiến về phía trước, chẳng hề hối hận. Điều đáng nói là, Tiểu Long Nữ hết lòng yêu chàng nhưng cũng không thể hiểu và cảm thông với nỗi cô độc của chàng. Tiểu Long Nữ lớn lên trong cổ mộ, chẳng hiểu biết sự đời, hoàn toàn không có quan niệm về thị phi thiện ác, chẳng biết lễ giáo là gì. Nàng và Dương Quá nương tựa lẫn nhau trong cô khổ, lâu ngày thành yêu nhau. Tình yêu của nàng là rất mù quáng. Nàng cho rằng làm gì thì đó là việc tốt, Dương Quá muốn giết người nàng cũng giúp Dương Quá giết người. Nàng ung dung như một người chị chứ không phải là sự tương thông về tinh thần. Người đời chẳng dung cho, họ đành kết thành đôi lứa thần tiên ở ngoài thế tục, đó là chung cuộc tất nhiên của vợ chồng Dương Quá (“Thần điêu hiệp lữ”).

Nhưng, điều khiến độc giả đồng cảm nhất là cô độc cảm của chung nhân loại ở hiệp khách. Một là loại cô độc của Độc Cô Cầu Bại. Độc Cô Cầu Bại thực chất là muốn tìm được đối thủ ngang tài ngang sức trong cuộc tỉ thí võ nghệ. Chỉ có sự tồn tại của đối thủ ông ta mới cảm thấy khát vọng, lo lắng, căng thẳng, bất an. Đánh bại đối thủ, như một mục tiêu cuộc đời, đánh bại đối thủ vô địch thiên hạ, dẫu sinh mệnh ở trên đầu mũi đao cũng chẳng hề nao núng. Một nữa là loại cô độc của “Côn Luân Tam Thánh” Hà Túc Đạo. Ông ta đa tài tự phụ, khúc cao họa quả, luôn than thở “tri kỷ khó tìm”. Hãy xem ông ta một mình võ đàn tự vui trong núi vắng gọi chim chóc đến bầu bạn. Ông có nghệ thuật đánh cò tuyệt cao, chỉ có thể vẽ bàn cò trên mặt đất, mình đánh cò với mình. Cô độc khác với quạnh hiu. Không có bạn người ta thấy quạnh hiu, trống trải, không có tri âm mới thực sự cô độc. Một người cảm thấy trống trải, quạnh hiu, anh ta có thể đi tìm bạn. Khi thực sự cô độc thì chỉ có thể đối diện với đất trời. Nhân loại cần cảm thông với nhau, hiểu nhau - người thường là như thế, hiệp khách càng là như thế. Đọc tiểu thuyết võ hiệp, xuyên qua ánh đao bóng kiếm có thể phát hiện được miêu tả và ca ngợi nhiều nhất là tình bạn sinh tử giữa nam nhi với nam nhi. Điều đáng sợ nhất trên đời không gì bằng cô độc. Các đại gia tiểu thuyết võ hiệp loại Kim Dung, Cổ Long, Lương Vũ Sinh đã cảm nhận và biểu hiện điều này thật là sâu sắc.

5. Cảm giác phi lý

Trong các tác gia tiểu thuyết võ hiệp, Kim Dung tài hoa nhất cũng là hài hước nhất. Đôi khi chỉ vẩy một nét bút cũng ý vị vô cùng. Trong bộ tiểu thuyết phong bút và gây nhiều tranh luận nhất là “Lộc Đỉnh ký”, Kim Dung đã xây dựng nên nhân vật Vi Tiểu Bảo, một nhân vật kiểu lưu manh được sinh ra và lớn lên trong lầu xanh, với bản ý nhấn mạnh nét tính cách dễ dàng thích ứng với hoàn cảnh của người Trung Quốc. Lầu xanh là nơi ô uế và hỗn tạp, Vi Tiểu Bảo từ nhỏ đã tập nhiễm không khí ô uế hỗn tạp đó, ranh mãnh tinh ma, rất thuận lợi cho cuộc hành tẩu giang hồ của y sau này. Ở đoạn kết của tiểu thuyết này có một tình tiết rất thú vị. Vi Tiểu Bảo áo gấm về quê, trở lại kỹ viện Dương Châu, hỏi mẹ của y là Vi Xuân Phương để tìm hiểu xem cha của mình là ai, tức là hỏi ai là người đàn ông cuối cùng ngủ với mẹ y. Tất nhiên đây là một câu chuyện rất hài hước. Bạn đọc chắc phải cười bể bụng, phải chăng là vì nghĩ đến ý thức tìm cha của Vi Tiểu Bảo thật có ý vị đối với người Trung Quốc?

Xã hội Trung Quốc cổ đại coi quyền uy của người cha là trên hết. Người cha tượng trưng cho tất cả sức mạnh chủ thể như quyền lực, sinh mệnh, trách nhiệm, v.v..., còn người mẹ thì đại biểu cho tình cảm con người. Có thể nói rằng, gia tộc với người cha làm trung tâm và các quan niệm như “con nối nghiệp cha”, “nối dõi tông đường”, “rạng rỡ tông môn” v.v... đã cấu thành những mục tiêu cuộc đời của người Trung Quốc. Một người không cha (Vi Tiểu Bảo thực sự không cha, khác với những trẻ mồ côi mất cha) thì sự tồn tại của người đó là một thứ phi lý, ý nghĩa của sự tồn tại của nó là ở đâu? Trước khi dẫn bảy mụ vợ đẹp về quy ẩn ở Đại Lý, Vi Tiểu Bảo mới nghĩ đến vấn đề tối quan trọng này. Quan trọng không phải ở chỗ Vi Tiểu Bảo hỏi mà là ở chỗ thái độ của mẹ con Vi Tiểu Bảo đối với vấn đề trọng đại này - Đó chỉ là một trò cười mà thôi! Thái độ kỳ quặc này thuần túy thuộc về kiểu văn nhân Trung Quốc xưa - tùy ý, vô chấp, trung dung. Dù thế giới có biến đổi thế nào thì vẫn cứ luôn sống tự tại. Nếu như đánh giá việc Vi Tiểu Bảo hỏi tìm cha trên bình diện triết học thì chúng ta có thể tìm thấy sự tương đồng với quá trình phát triển của tư tưởng phương Tây: từ khi Nietzsche kêu lên: “Thượng đế đã chết”, ý nghĩa của thế giới hiện thực, giá trị của tồn tại sinh mệnh là ở đâu? Nếu như thế giới hiện thực hoàn toàn chẳng có nghĩa lý gì, thì số phận của ta, số phận của đồng loại ta trên thế giới này nên như thế nào đây? Người ta có thể làm bất kỳ việc ác nào khi cho rằng bản thân hành động là giá trị. Dù nói thế nào đi nữa, cảm giác vô nghĩa lý đầu tiên là một thứ trạng thái thức tỉnh, biểu thị trạng thái hoài nghi đối với sự tồn tại.

Lý Tầm Hoan dưới ngòi bút của Cổ Long thể hiện rất sâu sắc cảm giác phi lý này. Sau mười năm sống ở ngoài quan ải, chàng quay trở lại quê nhà xưa, đứng trước hiện thực mà cảm thấy phi lý như trong cơn ác mộng. Người yêu của mình đã thành vợ của người bạn thân nhưng vẫn như ngày xưa, tư tình của hai người vẫn không dứt, mà niềm hạnh phúc vốn có thể đạt được lại tự tay mình dâng cho người khác. Mới đầu chàng vì thế mà đau khổ, say xỉn, coi mình không đáng giá một đồng xu nên mới có thể để cho Lâm Thi Âm và bản thân mình chịu đựng sự thực tàn khốc này. Mười năm sau trở lại cố hương, cái hiện thực phi lý kia vẫn y nhiên tồn tại. Lý Tầm Hoan hiểu rất rõ rằng cái mãi mãi thực sự tồn tại trên thế giới này chỉ là sự phi lý. Nó là chủ thể của nhân sinh, Long Khiếu Vân đã cứu tính mạng chàng, lại yêu biểu muội Lâm Thi Âm của chàng; trong lúc lâm trọng bệnh, Long Khiếu Vân mong muốn chàng tác thành cho y và Lâm Thi Âm, chàng có thể không đáp ứng sao? Mang ơn phải báo đáp, huống chi Long Khiếu Vân là ân nhân cứu mạng chàng, Lý Tầm Hoan chỉ có cách lựa chọn là hy sinh mình. Không thể chàng cũng sẽ đau khổ, chẳng qua chỉ là một niềm đau khổ khác mà thôi. Nghĩa cử của Lý Tầm

Hoan phải chăng cũng đồng thời hy sinh luôn cả hạnh phúc của Lâm Thi Âm? Đương nhiên là không. Lâm Thi Âm về sau lấy Long Khiếu Vân, không phải ai ép buộc nàng, hoàn toàn là do nàng tự nguyện. Một mặt là Lý Tầm Hoan tự vứt bỏ mình, mặt khác là Long Khiếu Vân rất yêu nàng; có lẽ người mà nàng yêu vẫn là Lý Tầm Hoan nhưng trong khoảng thời gian ấy nàng cũng có cảm tình với Long Khiếu Vân. Hôn nhân bất hạnh chỉ có thể nói là vì Long Khiếu Vân không đáng để nàng yêu chứ không thể trách được sự lựa chọn của nàng lúc ấy. Nếu như Long Khiếu Vân xứng đáng để cho nàng hiến thân như Lý Tầm Hoan thì nàng sẽ không đến nỗi bất hạnh ư? Cũng không thể. Sớm muộn gì Long Khiếu Vân cũng sẽ phát hiện ra vợ mình là do người khác nhường lại, đối với một người đàn ông mà nói, nỗi đau khổ và nhục nhã ấy sẽ khiến y rơi xuống vực sâu vạn kiếp. Cái phi lý của thế giới quả đúng như câu danh ngôn: “Nếu anh kết hôn, anh sẽ phải vì thế mà hối hận; nếu anh không kết hôn, anh cũng sẽ vì thế mà hối hận, bất luận anh kết hôn hay không kết hôn đều cảm thấy hối hận cả”. Đúng là chẳng biết chạy vào đâu cho thoát.

Đã không có đường trốn chạy thì hãy quay đầu lại đối diện với hiện thực phi lý. Sự quay đầu trở lại của Lý Tầm Hoan cố nhiên là vì chàng không nguôi nhớ Lâm Thi Âm, từ một ý nghĩa khác mà nói chủ yếu là vì sự giác tỉnh trong thống khổ và trầm luân. Bản thân cái tên “Lý Tầm Hoan” mang ý nghĩa: con người sống trên thế giới phi lý này cần phải biết tìm niềm vui của sự sống. Lý Tầm Hoan ho không dứt cơn, bệnh tật không ngừng giày vò chàng, tình yêu xưa đã trở thành vô vọng... tất cả đều không thể làm thay đổi nguyên tắc sống của chàng. Ham rượu như sinh mạng, dám yêu dám hận, trừng ác trừ bạo, có tình có nghĩa... Lý Tầm Hoan vẫn sống như chàng đã sống.

Đương nhiên, rốt cuộc Cổ Long đã không để cho Lý Tầm Hoan chịu sự trừng phạt của cái phi lý. Long Khiếu Vân tự đi đến sự hủy diệt, Lâm Thi Âm tránh tận trời xa, Lý Tầm Hoan gặp được tình yêu của Tôn Tiểu Hồng, A Phi đợi uống rượu mừng của họ, cái phi lý bị đả phá, thế giới lại đầy ánh sáng và niềm vui.

Những anh hùng hiệp nghĩa được sáng tạo nên trong tiểu thuyết võ hiệp dũng cảm đương đầu với số phận phi lý như Lý Tầm Hoan không nhiều. Tiêu Phong là đại anh hùng đệ nhất. Số phận của chàng cũng phi lý kỳ lạ. Bản thân chàng thuộc dòng dõi Khiết Đan, với chàng người Hán lại có ơn dưỡng dục, nhưng Khiết Đan và Hán lại hận thù truyền kiếp. Cuối cùng chàng đã tự sát trên Nhạn Môn quan, đem cái chết để hóa giải ân cừ. Trong lịch sử Trung Quốc, mỗi hận thù và tàn sát lẫn nhau giữa người Hán và các dân tộc khác không dễ dàng được hóa giải như trong tiểu thuyết. Nếu như Tiêu Phong hiểu rằng cái chết của chàng là vô ích thì chàng sẽ dũng cảm tiếp tục sống, tiếp nhận sự phi lý, chịu đựng bao khổ nạn chẳng? Trong tính cách của Tiêu Phong cũng có hạn chế rất lớn (“Thiên Long bát bộ”). Lệnh Hồ Xung bị đuổi ra khỏi môn phái, yêu tiểu sư muội mà không được nàng yêu nhưng chàng bẩm sinh là con người khoáng đạt, không câu nệ lễ pháp, tuy bị dè bủ cũng không lấy làm điều; thế giới giang hồ sóng gió hiểm ác trong mắt chàng không hề phi lý. Sự phóng khoáng là bản tính của chàng, chàng không giống Dương Quá, không cố ý đối kháng, thế giới dù phi lý, người đời dù không thân, chàng vẫn cứ ngao du sơn thủy, kết giao bằng hữu, uống rượu đánh bạc, nghe nhạc tập võ, có riêng một lạc viên tinh thần (“Tiểu ngạo giang hồ”).

Có quan điểm cho rằng cảnh giới nhân sinh tối cao trong tư tưởng truyền thống Trung Quốc thiếu sự xung đột cần thiết và bi kịch cao thượng, tất cả đều bị tiêu tan trong sự điềm tĩnh yên

bình. Tư tưởng “Thiên nhân hợp nhất” hình thành một cơ chế điều tiết tâm lý rất hữu hiệu. Xuất thế hay nhập thế, tiến hay thoái đều rất vô tư theo tinh thần “tùy ngộ nhi an”. Nhập thế làm quan thì cơ trí chu toàn, giữ đạo trung dung; lánh đời thoái ẩn thì có thể vui với thiên nhiên, thần du ngoài cõi thế. Dù là trong võ lâm ân cừ rắc rối, tình nghĩa xung đột đau đớn, kẻ giảo hoạt như Vi Tiểu Bảo và tiêu dao như Lệnh Hồ Xung cũng có thể hóa giải cái phi lý, biến khổ thành vui. Đó là lý tưởng nhân sinh tối cao của người Trung Quốc truyền thống. Lý tưởng ấy tồn tại trong thế giới của sự phi lý cũng là một sự phi lý. Tiểu thuyết võ hiệp tân phái vô tình hay cố ý đề cập đến chủ đề này và thông qua hình thức câu chuyện thông tục để biểu hiện chủ đề ấy thì biết đâu lại hữu ích đối với việc cải tạo quốc dân tính.

6. Ý thức bi kịch

Có người nói văn hóa Trung Quốc “văn hóa lạc quan” (lạc cảm văn hóa) mà tiểu thuyết võ hiệp lại mang màu sắc bi lương thâm thiết. Thiên “Thích khách liệt truyện” trong “Sử ký” của Tư Mã Thiên, hiệp khách Kinh Kha khảng khái bi ca:

*“Phong tiêu tiêu hề Dịch Thủy hàn,
Tráng sĩ nhất khứ hề bất phục hoàn”*

(Gió hiu hiu chừ sông Dịch lạnh tê,
Tráng sĩ ra đi chừ không trở về)

Ở hiệp khách đều tiềm tàng ý nghĩa thâm mỹ bi tráng như vậy. Tiểu thuyết võ hiệp thường nhiệt tình miêu tả những trường cảnh mang màu sắc bi kịch như

*“Túy ngọa sa trường quân mạc tiểu,
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi”.*

(Vương Hàn - Lương Châu từ)

(Say khướt sa trường anh chó mả,
Xưa nay chinh chiến mấy ai về)

hay cái đẹp tàn khuyết như đại hiệp cụt tay Dương Quá, bệnh tật triền miên như Lý Tầm Hoan. Trong chốn giang hồ, kiếp nạn vô cùng vô tận, đạo cao một thước thì ma cao một trượng, kết quả thường là ngọc đá đều tan, thậm chí cái ác lại thắng.

Cũng là bi kịch nhưng có nhiều loại hình khác nhau. Trong thần thoại Hy Lạp phần nhiều là bi kịch số phận, Sếchxpia thì sành miêu tả bi kịch tính cách, Íp-xen lại say sưa khắc họa bi kịch xã hội. Bi kịch trong tiểu thuyết võ hiệp đại khái có thể chia thành ba loại:

1. Bi kịch xã hội

Hiệp khách với tư cách là hóa thân của chính nghĩa xã hội, trừ bạo diệt ác, đã cấu thành một lực lượng thách thức với nền thống trị đương quyền, vì thế mà bị bức hại về chính trị và vây diệt về quân sự. Điển hình nhất là trong “Thủy hử truyện”. Nghĩa quân Lương Sơn Bạc “thề thiên hành đạo”, triều đình bèn thực hiện cả hai thủ đoạn, tiêu diệt không được thì giở ngón “chiêu an”, cuối cùng thì ban rượu độc để họ tự tận. Trước hoàng quyền chuyên chế mạnh mẽ,

hào kiệt lực lâm tuyệt không có đường sống, chỉ có thể đầu hàng thỏa hiệp, làm tiên phong cho nhà vua, cuối cùng thì thổ chết chó bị nấu, chết chẳng đất chôn. Kẻ cướp đối kháng với quan lại, kết quả là, trừ khi cướp lật đổ được quan mà thay thế, nếu không thì chỉ có thể bị quan bắt giết. Trong một số tiểu thuyết võ hiệp nào đó, quan và hiệp chung sống hòa bình ai làm việc nấy, nhưng sự miêu tả đó chẳng qua chỉ là câu chuyện đồng thoại mà thôi. Hiện thực là khắc nghiệt chứ không hề lãng mạn như vậy. Trong “Ngọa hổ tàng long” của Vương Độ Lư, thiên kim tiểu thư Ngọc Kiều Long và hiệp đạo La Tiểu Hổ yêu nhau, nhưng chẳng thành được gia thất, suốt đời ôm sầu nuốt hận, nguyên nhân là do quan hiệp chẳng thể dung nhau. Ngọc Kiều Long khuyên La Tiểu Hổ bỏ cuộc đời hiệp đạo để làm quan, La Tiểu Hổ không chịu; Ngọc Kiều Long bị áp lực của gia đình và xã hội lại không đủ dũng cảm để làm vợ một tay cường đạo.

Ý nghĩa của bi kịch xã hội là ở chỗ mũi nhọn trực chỉ vào chế độ chính trị và trật tự xã hội bất hợp lý, xung lực dồi dào, cảm hứng hiện thực rất mạnh. Thế nhưng, nó cũng dễ nông cạn, khiến cho tiểu thuyết võ hiệp lẫn với tiểu thuyết lịch sử và tiểu thuyết chính trị nói chung. Mà chúng ta biết rằng, nhìn chung tác gia tiểu thuyết võ hiệp hoàn toàn không muốn chỉ miêu tả hiệp khách thành một lực lượng đối lập về chính trị và hóa thân của lịch sử, mà nhấn mạnh sự phức tạp đa đoan của nhân tính, nhấn mạnh trầm tích văn hóa.

2. Bi kịch văn hóa

Nếu như nói hiệp khách trong bi kịch xã hội bị đặt vào vị trí quan phủ không thể dung, bị đẩy vào con đường hủy diệt, thì hiệp khách trong bi kịch văn hóa lại tự giác đi vào con đường hủy diệt. Trong “Tuyết sơn phi hồ” của Kim Dung, Hồ Nhất Dao và Miêu Nhân Phụng đều là những đại anh hùng đội trời đạp đất và lại rất kính trọng nhau, vốn có thể trở thành bạn tốt nhưng họ lại quyết lấy mạng nhau. Do nguyên nhân sâu xa từ lịch sử, bốn đại gia tộc Hồ, Miêu, Phạm, Điền mang mối thù không đội trời chung, báo oán liên miên. Trong văn hóa giang hồ, báo thù là sự nghiệp lớn của hiệp khách, có thù phải báo mới xứng đáng là nam tử hán chân chính, nhường nhịn hay lẩn tránh kẻ thù tất sẽ bị giang hồ chê cười. Hồ Nhất Dao và Miêu Nhân Phụng chỉ có cách tàn sát lẫn nhau mới giữ được nhân cách hiệp nghĩa của mình. Từ góc độ này mà nhìn, trong phần kết “Tuyết sơn phi hồ”, lưỡi đao của Hồ Phỉ cần phải chém xuống vì nếu không báo mối thù giết cha Hồ Phỉ còn mặt mũi nào mà đứng trên giang hồ? Tuy Hồ Phỉ yêu Miêu Nhược Lan, một đao giết chết cha nàng thì sẽ vĩnh viễn mất nàng và Hồ Phỉ sẽ phải hối hận suốt đời. Nhưng đạo lập thân của hiệp khách quan trọng hơn tình yêu nam nữ. Chúng ta chỉ cần so sánh với “Đa tình kiếm khách vô tình kiếm” của Cổ Long thì sẽ rõ điều này. Lý Tầm Hoan trước khi bỏ nhà ra đi có lẽ cũng đã ý thức được rằng hành động nhường vợ sẽ hủy diệt cả chàng và Lâm Thi Âm, nhưng chàng chỉ có thể làm như vậy, bởi vì đối với hiệp khách mà nói “nghĩa” bằng hữu trọng hơn “tình” nam nữ. Nếu nói rằng “tình” là nguồn gốc của sức sống thì “nghĩa” là cơ sở của sự an thân lập mệnh. Lý Tầm Hoan trải qua dẫn đo đau khổ đã tự giác bỏ “tình” để vịn “nghĩa”, thà một đời đau khổ còn hơn một đời hổ thẹn với lương tâm. Cũng xuất phát từ đạo lý như vậy, Bình Nguyên Quân cũng chỉ có thể giết mỹ nhân mà mình sủng ái để tạ lỗi với môn khách. Chỗ khác nhau giữa Bình Nguyên Quân và Lý Tầm Hoan là trong xã hội cổ đại trọng nam khinh nữ, trọng bạn khinh sắc, Tư Mã Thiên đã không viết về bi kịch trong tâm hồn Bình Nguyên sau khi giết sủng cơ, mà đến dưới ngòi bút Cổ Long tiên sinh, Lý Tầm Hoan mất người yêu lại thành một bi kịch trời sâu đất thẳm.

Bi kịch xã hội quá nửa là bi kịch do hoàn cảnh khách quan còn bi kịch văn hóa thì thuộc về bi kịch do sự lựa chọn chủ quan. Hiển nhiên bi kịch văn hóa sâu sắc hơn. Nhà mỹ học Nga Biêlinxki đã từng nói rằng: “Bản chất của tính bi kịch không phải ở kết thúc đẫm máu, điều ấy chỉ khiến người ta xót thương và sợ hãi và có cả cảm giác chán nản”. Trong bi kịch xã hội, bọn Tổng Giang bất luận về chủ quan là muốn tạo phản hay là muốn tận trung với triều đình kết quả cũng đều là tử vong, hoàn toàn không có con đường nào khác. Nhưng trong bi kịch văn hóa, không ai ép Hồ Nhất Dao và Miêu Nhân Phượng quyết tử với nhau, cũng không ai cưỡng bức Lý Tầm Hoan nhường vợ. Hai vị hiệp khách họ Hồ và họ Miêu có thể an hưởng tuổi trời, Lý Tầm Hoan có thể có được hạnh phúc gia đình, vì sao họ lại khinh sống trọng chết, bỏ phúc tìm họa? Đó là ma lực của văn hóa. Quan niệm giá trị, tập tục văn hóa, hình thái ý thức... những thứ ấy thường là ngọn dao mềm giết người không thấy máu, là thứ ám khí giết người không đầu không có, chạy trốn không thoát.

3. Bi kịch nhân tính

“Thiên Long bát bộ” của Kim Dung thuộc loại bi kịch này. Chủ đề của sách này chỉ có tám chữ “Vô nhân bất oan hữu tình giai nghiệt” (Ai cũng mắc oan khiên, hữu tình đều nghiệt chướng). Sự “lạm phát” ba món độc “tham”, “sân”, “si” của nhân tính đã tạo thành “bể khổ nhân sinh” và “tai họa nhân thế” vô cùng vô tận. Trong sách tuy cũng có nói đến bối cảnh thời đại, bối cảnh văn hóa nhưng những thứ đó không quan trọng, toàn sách hoàn toàn là một ngụ ngôn về nhân tính. Tiêu Viễn Sơn mất vợ mất con là bối cảnh lớn của sách này. Sự bi thảm mà ông ta gặp phải thật đáng cảm thông, nhưng ông ta vì báo thù mà giết vợ chồng Kiều Tam Hòe, Huyền Khổ, bắt cóc con trai của Diệp Nhị Nương lại khiến ông ta thành con nợ mới. Còn Diệp Nhị Nương từ đó mỗi ngày lại hại chết một đứa trẻ trở thành một trong “tứ đại ác nhân”. Kiều Phong vốn là một vật hy sinh vô tội, nhưng chàng vì mối thù của cha mẹ mà bức tử Triệu Tiền Tôn, Đàm Công, Đàm Bà, đại sai khát giới ở Tụ Hiền trang lại gián tiếp tạo ra một Du Thủ Chi biến thái tâm lý. Chính là: “Người nào cũng là kẻ bị hại, lại cơ hồ người nào cũng là kẻ tác ác. Người nào cũng bị bóp méo, mà một phần lại là do chính mình. Cái vòng luân hồi lẩn quẩn ấy, cứ xoắn xuýt lấy nhau không đầu không cuối”. Chúng ta đã không thể nói cái mà Kim Dung miêu tả là bi kịch xã hội và bi kịch văn hóa, điều thấy được trong đó là những thứ mê cuồng phi lý của nhân tính phức tạp. Vậy là chúng ta chỉ có thể gọi đó là “bi kịch nhân tính”.

Giang hồ nhiều bi kịch, đạo hóa giải có ba: đao kiếm, tự nhiên và rượu. Võ đạo tiến thủ, càng bại càng đánh, càng thua càng gắng sức.

“Thiên trượng đả khai nguy hiểm đạo,

Giới đao sát tận bất bình nhân”

(Thiên trượng mở thông đường nguy hiểm,

Giới đao giết hết kẻ bất bình)

Giang hồ đầy phong ba hiểm ác, không đủ sức xoay chuyển càn khôn, có muốn rửa tay gác kiếm say sưa với cảnh lâm tuyền cũng không được. Cách dùng rượu giải thoát ở giữa khoảng đao kiếm và thiên nhiên, say để quên buồn, say để lánh họa, có ý vị tiêu cực.

Bi quan không hẳn là tiêu cực cũng như lạc quan không nhất thiết là tích cực, ngược lại lạc

quan có thể mang ý vị trốn tránh mâu thuẫn, nông cạn và tầm thường. Lý Tầm Hoan có câu nói nổi tiếng: “Có những việc anh biết rõ là làm cũng chẳng ích gì vậy mà vẫn không làm không được”. Loại hiệp khách như Lý Tầm Hoan trước muôn vàn kiếp nạn đã dứt khoát vứt bỏ tất cả sự khiếm nhược tầm thường “biết là làm không được mà vẫn làm”, thủy chung giữ được tinh thần dũng cảm. Nhưng đó lại là một thứ bi quan chủ nghĩa.

Trong đoạn kết thúc “Đa tình kiếm khách vô tình kiếm” Lý Tầm Hoan giết chết Thượng Quan Kim Hồng, tạm thời thoát khỏi kiếp nạn. Tôn Tiểu Hồng hỏi chàng: Nếu như được làm lại từ đầu, chàng có như vậy không. Chàng đã trả lời bằng sự khẳng định và nói rằng: “Có thể có người cho rằng loại người như vậy là ngốc, nhưng nếu trên đời không có loại người như vậy thì thế giới này không biết sẽ biến thành cái giống gì”.

Bi kịch của Lý Tầm Hoan mang ý nghĩa nhân sinh sâu sắc.

7. Chủ nghĩa ý chí

Một trong những ý nghĩa của tiểu thuyết võ hiệp là ở làm nổi bật tác dụng của ý chí, đem lại cho dân tộc một nguồn chân lực mạnh mẽ, không y lại, dám làm dám chịu, đầy tinh thần trách nhiệm. Trước nhà Tần cường bạo, sáu nước nguy trong sớm tối, những người thái tử Yên Đan, Kinh Kha, Cao Tiêm Ly không “lấy việc than thở, khóc thương rơi lệ làm sự nghiệp” (lời Lương Khải Siêu) mà dũng cảm xả thân, đem sinh mạng trả giá cho việc hành thích bạo quân (trong “Yên Đan tử”). Trước nguy cơ nước Kim, Mông Cổ xâm lược Nam Tống, những đại hiệp như Vương Trùng Dương, Quách Tĩnh không giống như Trần Đoàn lão tổ tuy lòng lo cho nước mà khoanh tay ngồi nhìn. Họ “Thấy việc thiên hạ đã không thể làm gì được nữa, nhưng làm thân nam nhi như chúng ta biết không thể mà vẫn gắng làm” (lời Khưu Xử Cơ), quyết tâm vì đất nước mà đổ máu sa trường. Trong “Xạ điêu anh hùng truyện”, khi các đại môn phái giang hồ dưới lời kêu gọi của Thiếu Lâm, Vũ Đang tụ tập tại Quang Minh đỉnh, định trăm tặn sát tuyệt giáo chúng Minh giáo, chàng trai trẻ Trương Vô Kỵ chưa ráo máu đầu, chưa từng trải, cũng chưa có địa vị gì trên chốn giang hồ đã dũng cảm đứng ra hòa giải xung đột giữa các môn phái với Minh giáo để cùng nhau đánh đuổi quân Mông Cổ. Do đó có thể thấy, hiệp khách rong ruổi giang hồ kiến công lập nghiệp cố nhiên không thể xa rời võ công, trí tuệ nhưng điều quan trọng hơn phải dựa vào ý chí dũng cảm, dựa vào nhiệt tình của nam nhi.

Triết học phương Tây xưa nay tôn sùng lý tính, Sôpenhao [\[3\]](#) thời cận đại đề xướng học thuyết lập dị; đem đối lập ý chí và lý tính. Ông ta cho rằng tất cả mọi hiện tượng trên thế giới, bao gồm cả thân thể con người đều chỉ là biểu tượng, còn ý chí mới là vật tự tại, là bản nguyên của thế giới. “Về bản chất, tự thân ý chí là không có mục đích, không có giới hạn, nó là một cuộc truy cầu vô tận”. Trong cuộc chiến tranh Pháp-Phổ, Nietzsche đã nhìn thấy cảnh quân Đức xếp hàng tiến lên, đối diện với tử thần mà không hề mấy may run sợ. Nietzsche vô cùng xúc động, cho rằng đây chính là “ý chí” đã thôi thúc tinh thần người lính như lời Sôpenhao đã nói; nếu như không có “sức mạnh ý chí” thì không thể có cảnh bi tráng như vậy. Nietzsche muốn thông qua “sức mạnh ý chí” đem đến một đáp án tích cực cho ý nghĩa nhân sinh. Ông đã từng nói: “Thế giới không phải là một đồng sinh mạng tiêu cực chỉ biết tự bảo tồn, mà là một bể sinh lực đang dào dạt”. Lấy chủ nghĩa duy ý chí làm cơ sở, Nietzsche đã sáng tạo nên học thuyết con người “siêu nhân”, ném phăng đi sự khiếm nhược và tầm thường của tiểu thị dân, đề cao “sức mạnh ý chí”. “Bí mật của việc thu được thành quả lớn lao và sự hưởng thụ lớn lao từ sự sinh

tồn là: Sống trong hiểm cảnh! Hãy xây dựng thành phố của các người bên miệng núi lửa Vêduyơ! Hãy lao con thuyền của các người vào vùng biển chưa ai tới! Hãy đương đầu với đối thủ ngang tài ngang sức và sống trong cuộc đấu tranh của chính mình”. Nếu như ở bên kia thế giới, Nietzsche đọc được tiểu thuyết của Kim Dung, Cổ Long, nhất định ông sẽ coi những người như Lệnh Hồ Xung, Lý Tầm Hoan là “siêu nhân”.

Thế nhưng, “siêu nhân” phương Đông và “siêu nhân” phương Tây dưới ngòi bút Nietzsche có một sự khác biệt về nguyên tắc. Siêu nhân phương Tây thường có ý thức tự cho mình là “tinh anh”, coi mọi người chỉ là một đám đông mù quáng, cho rằng những kẻ nhu nhược chỉ đáng bị áp chế. Điều này đã tạo điều kiện cho chủ nghĩa phát xít sau này xuyên tạc học thuyết Nietzsche. Còn hiệp khách Trung Quốc thường không tự cho mình là loại người cao quý ưu đẳng, mà họ đầy cảm thông sâu xa đối với những người yếu đuối; trong quá trình giúp đỡ người yếu đuối mà không coi khinh người yếu đuối, hiệp khách Trung Quốc đã thể hiện phẩm cách siêu nhân kiểu Đông phương của mình.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

[1] Tương tự câu tục ngữ "Đèn nhà ai nhà ấy rạng".

[2] Ở đời Thanh sau khi "Hồng lâu mộng" xuất hiện, trong giới trí thức, quan lại có câu:

Khai đàn bất thuyết "Hồng lâu mộng",

Độc tân thi thư diệc uống nhiên.

Đây dùng lại câu này, chỉ thay ba chữ "Hồng lâu mộng" bằng ba tác gia Kim Dung, Lương Vũ Sinh, Cổ Long.

[3] Schopenhauer, Arthur (1788-1860): Triết gia người Đức. Ông cho rằng ý chí phi lý là hiện thực duy nhất. Tác phẩm nổi tiếng: “Thế giới nhủ là ý chí tư tưởng” (1818)